HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



Tranh Đinh Cường

SỐ 52, THÁNG 4 & 5 NĂM 2000

THẢO LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA PHẢN TRÍ THỨC TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://www.saigonline.com/hopluu/

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 52 tháng 4/ & 5/2000

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Thể lệ gửi bài: Kèm theo bài ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy, chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Số 52, tháng 4 & 5 năm 2000

Thảo luận về CHỦ NGHĨA PHẢN TRÍ THỨC TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM



MỤC LỤC

Tranh bìa: **Đinh Cường**
Minh họa các trang trong: **Lê Thánh Thư**





Thư tòa soạn



Số báo này thật ra không phải là số chủ đề. Tuy nhiên, tất cả mọi bài lý luận, nhận định của các tác giả trong và ngoài nước đều liên quan trực tiếp đến một bài viết khác, đã đăng trong Hợp Lưu Xuân Canh Thìn (số 50, tháng 1 & 2 năm 2000). Đó lá bài: *Chủ Nghĩa Phản Trí Thức Trong Văn Học Việt Nam* của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc.

Do đó, có thể xem trọng tâm của số báo này là phần thảo luận phát sinh từ bài viết trên.

Chúng ta đều đã rõ, trong hầu hết mọi cuộc thảo luận, hiển nhiên mọi quan điểm không phải lúc nào cũng đồng qui, mà lắm khi đối chọi hẳn với nhau, gay gắt, đưa đến những "đụng chạm" giữa tác giả này với tác giả nọ. Đó là điều khó tránh. Tuy nhiên, dẫu thế nào thì chúng tôi vẫn nghĩ các cuộc thảo luận liên quan đến văn học là rất cần thiết.

Cần thiết, bởi từ đó, chúng ta sẽ sẽ rút ra được mẫu số chung cho các vấn đề. Nhờ những mẫu số chung này, các tác giả, khi sáng tác, sẽ ý thức được tầm quan trọng của công việc họ đang làm hơn, và độc giả

cũng có cơ sở để thẩm định chính xác hơn mặt yếu và mạnh của các tác phẩm văn học.

Trên tinh thần đó, chúng tôi hy vọng cuộc thảo luận sẽ còn tiếp tục, với nhiều ý kiến khác nữa, của nhiều tác giả, trong tương lai.

Phần thơ truyện, đặc biệt trong số này, nhà văn Trần Vũ, sau thời gian dài tạm vắng bóng trong sinh hoạt văn học hải ngoại vì lý do riêng, đã vừa trở lại với chúng ta, qua một sáng tác mới. Mới, từ hình thức đến nội dung. Điều này chứng tỏ Trần Vũ là một nhà văn không chịu dễ dãi với bản thân, luôn tìm cách vượt qua chính mính.

Bên cạnh sáng tác của Trần Vũ, chúng ta sẽ còn được đọc các tác phẩm giá trị khác của Nguyễn Huy Thiệp, Nam Dao, Trần Thị NgH., Quí Thể, Phùng Thành Chủng, Hồ Minh Dũng, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Bình Phương, Hàn Vũ Hùng, Hồ Phổ Lại, Hoài Mỹ, Trương Huyền Khanh, Trân Sa, Quan Thành, Cao Xuân Tứ, Thường Quán, Thận Nhiên, Trần Mộng Tú, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Trọng Tạo, Phạm Việt Cường, Thiên Yên, Ngu Yên, Nguyễn Tôn Nhan, Đinh Trường Chinh...

Phần hội họa, chúng ta sẽ làm quen với Nguyễn Hưng, một tác giả đang sống trong nước, qua bài viết *Những Nẻo Đường Mỹ Thuật Việt Nam.*

Phần phỏng vấn, nhà văn Nguyễn Xuân Quang trả lời nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh những câu hỏi liên quan đến tác phẩm nghiên cứu mới nhất của ông: *Kho Tàng Cổ Sử Hừng Việt.*

HỢP LƯU

HỢP LƯU
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: 714-265-1394
Email: tchl@aol.com
http://saigonline.com/hopluu/



HOÀNG NGỌC HIẾN

Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là "phản trí thức"?



Ở cuối bài báo Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam (Hợp Lưu, số 50/ 2000), Nguyễn Hưng Quốc nói một cách dứt khoát: "Chỉ cần mở các công trình phê bình về các nhà phê bình trên thế giới ở thế kỷ 20, chúng ta sẽ thấy ngay là không có bất cứ một nhà phê bình lớn nào lại không phải là một nhà lý thuyết" (tr.58). Nghe lời N.H.Q., sẵn có trong tay C.D. 99 bộ Encyclopedia Encarta tôi mở bài mục Literary Criticism (Phê bình văn học) đọc đến tiểu mục XX Century: the Individuals and the Theories (Thế kỷ XX: những Cá nhân và những Lý thuyết) thì tôi thấy rằng N.H.Q... nói sai. Ở tiểu mục này, có đoạn viết: "Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm. Một là: có một số cá nhân mà cách tiếp cận riêng theo cảm nghĩ cá nhân đối với văn học được chứng tỏ là có ảnh hưởng lâu dài. Hai là: có một số lý thuyết phê bình đã dược triển khai, chúng cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm để tiếp cận nghiên cứu văn học". Tác giả bài mục phân biệt hai cách tiếp cận văn học trong phê bình văn học t.k.20: cách tiếp cận cá nhân (theo cảm nghĩ riêng) (personal approach) và

cách tiếp cận lý thuyết (theoretical approach). N.H.Q. có xu hướng tuyệt đối hoá cách tiếp cận lý thuyết. Thực ra cả hai cách tiếp cận đều có những đại biểu sáng giá. Tiêu biểu cho cách tiếp cận cá nhân là: T.S.Eliot (1888- 1865), I. A. Richards (1893- 1977), F.R.Leavis (1895-1978), Lionel Trilling (1905-1975)... Những tác gia này lúc này, lúc nọ có thể "láng cháng"(flirt) với những khái niệm "lý thuyết" thịnh hành nhưng về cơ bản họ là những nhà phê bình độc lập, có cách tiếp cận cá nhân với văn học, không tham gia một trường phái hoặc trào lưu phê bình nào, không theo đuổi một lý thuyết văn học nào. T.S.Eliot không phải là một nhà lý thuyết, ông vẫn được nhìn nhận là một trong những nhà phê bình hàng đầu của thế kỷ này. Mặc cho N.H.Q. cứ một mực khẳng định: "...trên thế giới ở thế kỷ 20,... không có bất cứ một nhà phê bình lớn nào lại không phải là một nhà lý thuyết."

Đọc bài báo này tôi thấy rõ hơn tài năng hư cấu của Nguyễn Hưng Quốc. Trong bài Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay (Hợp lưu ,số 49/1999) có đoạn tôi viết: "Ta thường gọi phê bình của Hoài Thanh là "ấn tượng"..., nhưng để có những "ấn tượng" này, nhà phê bình đã đọc rất nhiều sách, nghiên cứu sâu rộng, không ít lý thuyết đâu... Duy có một điều khi viết Hoài Thanh chỉ "nhả" ra những ý kiến riêng, còn bao nhiêu kiến thức và lý thuyết sách vở ông nuốt vào bụng." (tr.5) "Nuốt vào bụng"-tôi cho phép mình nói một cách hài hước việc Hoài Thanh không phô trương "kiến thức và lý thuyết sách vở". Với năng lực hư cấu của mình, N.H.Q. đã biến "nuốt vào bụng" thành "rút trong bụng ra" và quy cho tôi là: "hô hào trở lại lối viết ... **chỉ cần rút trong bụng ra" chứ "không cần tra cứu, trích dẫn"**(xem H.L.,số 50,tr.58). Điều sau ("không cần tra cứu, trích dẫn) cũng là do N.H.Q. hư cấu, trong bài báo của tôi, không có câu, chữ nào cho phép N.H.Q. suy diễn một điều như vậy. N.H.Q. đã **phải rút ra từ trong bụng mình để có điều gán ghép cho người mình muốn bài bác.** Không biết có bao nhiêu độc giả nhận ra được cái bụng của Nguyễn Hưng Quốc, nó tốt xấu như thế nào.

Nguyễn Hưng Quốc nhấn mạnh vào một luận điểm: "phản-trí thức thực chất là phản-lý thuyết"(H.L. số 50, tr. 50). Luận điểm này quá đơn giản, không tính đến những nghịch lý của lý thuyết và phản lý thuyết. Có những lý thuyết chứa đựng tiềm tàng những hậu quả phản trí thức. Chẳng hạn, giải kết cấu luận (deconstruction), một lý

thuyết có ảnh hưởng lớn đặc biệt là ở các trường đại học Mỹ trong những năm 70, 80 với chủ trương “phải làm sói mòn mọi hệ thống triết học, mọi văn bản triết học, với sự hỗ trợ của ngôn ngữ học cấu trúc” đã làm cho không biết bao nhiêu đệ tử mụ mẫm của nó dại dột ngoảnh lưng lại với những truyền thống triết học và văn hoá lớn của nhân loại (những chủ soái của trường phái lý thuyết này có thấy được nguy cơ này). Mặt khác, cũng phải thấy rằng: “Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một trong những thể loại (genre) đặc biệt của lời lẽ lý thuyết (theoretical discourse)... một moment biện chứng không tránh khỏi ở bên trong lời lẽ lý thuyết...” (1) W.J.T.Mitchell) Những đầu óc đơn giản thường lảng tránh nghịch lý. N.H.Q. có lời dạy tôi: “...Hoàng Ngọc Hiến phải hiểu rõ tầm quan trọng đặc biệt của “cơ sở lý luận”, bao gồm cả phương pháp luận...” (H.L., số 50, tr. 57) Lời dạy này hoàn toàn chính xác: lý luận nào cũng bao hàm tiềm lực phương pháp luận, có thể nói lý luận nào thì phương pháp luận ấy. Luận điểm lý thuyết quá đơn giản của N.H.Q. (phản trí thức thực chất là phản lý thuyết) đã dẫn đến thao tác phương pháp luận quá thô thiển: chụp mũ “phản lý thuyết” cho bất cứ ai mình muốn bài bác và vung chiếc gậy “phản trí thức” ra để vụt.

Một lời dạy khác của N.H.Q.: “...Hoàng Ngọc Hiến phải biết rõ cái điều sơ đẳng, chẳng hạn, không thể vì sự thất bại của một số, dù là số đông, bác sĩ mà phủ nhận sự cần thiết của cả nền y khoa” (như trên, tr.57). Tôi đặt vấn đề theo một chiều hướng hoàn toàn khác: trước sự thất bại của một số bác sĩ, cần, rất cần bàn xem cách họ đã học và nên học y khoa như thế nào? Trong bài báo, vấn đề tôi đặt ra là: trước sự thất bại của một số (cũng đông đông đấy) người viết phê bình trong việc vận dụng lý thuyết văn học vào phê bình (vận dụng sống sượng, máy móc, hời hợt ...), cần, rất cần bàn xem: học tập lý luận văn học như thế nào thì có ích cho phê bình văn học? Trả lời câu hỏi này luận điểm chính của tôi (cũng là một luận điểm trung tâm của bài báo) là: “Lý luận biến thành văn hóa mới thực sự có ích cho phê bình” (H.L. số 49, tr.6). Dù có giỏi quỷ biện đến đâu chắc là N.H.Q. cũng không thể diễn giải luận điểm này như là phản lý thuyết. Trong luận điểm này, tôi hiểu văn hoá với nghĩa của từ culture génerale (2) của người Pháp, nó là vốn/trình độ văn hoá ở mỗi người, nó là sự tích hợp mọi lĩnh vực tri thức và các loại tri thức: tri thức lý thuyết và tri thức thực chứng, tri thức lý luận (như lý luận văn học chẳng hạn) và tri thức

lịch sử (như lịch sử văn học chẳng hạn), tri thức sách vở và tri thức kinh nghiệm (3)..., cả những tín niệm, các loại gôut, các phép tắc ứng xử đều được tích hợp trong văn hoá. Chúng ta đều thấy tác hại của lý luận "chay", lý luận "sống sượng", lý luận "ăn sống nuốt tươi"... trong nghiên cứu văn học. Tôi đặt yêu cầu rất cao cho việc học tập lý luận của người nghiên cứu, phê bình văn học: lý luận phải biến thành văn hoá, với ý nghĩa là lý luận phải được tiêu hoá, được tích hợp vào "văn hoá", tức là vào culture générale. Lý luận được tích hợp vào " văn hoá" thì mới được sự bổ sung, sự hỗ trợ của những loại tri thức khác, thì mới vượt siêu để trở thành một năng lực trí tuệ mới linh hoạt và sáng tạo. Nhà phê bình viết phê bình bằng toàn bộ tiềm lực culture générale của mình. Ngay trong trường hợp có sự theo đuổi một lý thuyết văn học thì cảm hứng phê bình thực sự vẫn huy động toàn bộ tiềm lực văn hoá của người viết, có thể thấy rõ điều này khi đọc *Cấu Trúc Thơ* của Thuỵ Khê (Văn nghệ, 1995). Đối với nhà lý luận văn học, lý thuyết "chay" có khi cũng cần thiết. Nhưng đối với nhà phê bình điều đáng quan tâm ở lý thuyết văn học là tiềm lực phương pháp luận của nó. Và hiệu quả phương pháp luận của lý thuyết văn học phụ thuộc vào chỗ lý thuyết đã được tích hợp như thế nào vào vốn/trình độ văn hoá nào.

Trong bài báo, Nguyễn Hưng Quốc định nghĩa "phản -trí thức" là tâm lý xem "*...lý thuyết không bằng thực hành*" (đã dẫn, tr.50). Trong bất kỳ sách giáo khoa triết học nào cũng có những lời giảng giải cặn kẽ về quan hệ giữa lý thuyết và thực hành. Tôi không bàn về vấn đề này. Tôi quan tâm đến một vấn đề khác được đặt ra ở một bình diện hoàn toàn khác: đó là mối quan hệ giữa "cơ sở lý luận" và "trình độ văn hoá" (xem H.L., số 49, tr.6) trong năng lực nghiên cứu, phê bình, giữa việc " học tập lý luận văn học" và việc "nâng cao trình độ văn hoá" trong quá trình tự đào tạo của người viết phê bình. Về mối quan hệ này tôi dành ưu tiên cho "trình độ văn hoá" và "nâng cao trình độ văn hoá". Tôi coi trọng trình độ văn hoá hơn cơ sở lý luận vì mấy lẽ. Sự tiếp thu lý thuyết phụ thuộc vào trình độ văn hoá: học sinh tú tài có thể tiếp thu được lý thuyết văn học của Hyppolite Taine (t.k.19), nhưng phải có trình độ sau đại học thì mới hiểu được giải kết cấu của Derrida, đặc biệt những thập kỷ cuối của t.k.20 xuất hiện những lý thuyết văn học ngày càng khó. Sự vận dụng lý thuyết văn học vào phê bình cũng phụ thuộc vào trình độ văn hoá, học vấn càng

vững chắc, sâu rộng, cao thì sự vận dụng lý thuyết càng linh hoạt, sáng tạo... Lý thuyết (trường phái) thường dẫn đến sự cực đoan. Nhưng nếu như người đam mê lý thuyết (trường phái) có trình độ văn hoá cao, vững vàng thì ở anh ta ngay sự cực đoan cũng có "gu"(gôut), và trong học thuật, nghệ thuật cực đoan có "gu" có thể chấp nhận được. Cuối cùng, như đã nói ở trên, lý luận phải được tích hợp vào văn hoá thì mới vượt siêu thành phương pháp sáng tạo. Trở lại công thức của N.H.Q. định nghĩa "phản -trí thức" là tâm lý xem "*...lý thuyết không bằng thực hành*" tôi xin phép đặt ra một số câu hỏi. "Trình độ văn hoá" là lý thuyết hay thực hành? Coi trọng " trình độ văn hoá" có phải là phản trí thức không? Theo N.H.Q.," "học tập lý luận văn học" là coi trọng lý thuyết, vậy thì "nâng cao trình độ văn hoá" có phải là phản lý thuyết không? Nhân đây cũng xin đặt mấy câu hỏi về những nhận định của tôi về con người học thức ở Hoài Thanh. Nhấn mạnh việc Hoài Thanh "đã đọc rất nhiều sách" có phải là phản trí thức không? Và nhấn mạnh việc Hoài Thanh đã "nghiên cứu sâu rộng không ít lý thuyết đâu" có phải là phản lý thuyết không? (xem H.L. số 49, tr.6)

Công bằng mà nói, Nguyễn Hưng Quốc có năng lực tư biện giỏi. Trong bài báo, với chiếc gậy "phản trí thức" trong tay ông đi những đường múa ngoạn mục. Múa thì cứ múa, chỉ xin ông đừng có vụt lung tung. Tôi trân trọng đam mê lý thuyết của ông. Chỉ tiếc rằng sự cuồng nhiệt lý luận của ông thường dẫn đến những sự cực đoan mô-ve gu (tôi chấp nhận những sự cực đoan có gu của ông)

Trong bài báo tôi có nêu lên một luận điểm về nghịch lý của phong trào Thơ mới: Thơ mới là một trào lưu lãng mạn nhưng tinh hoa của nó lại do ảnh hưởng của thi pháp những nhà thơ hậu lãng mạn Pháp: Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Mallarmé... Trong bài báo tôi nhắc nhiều đến Baudelaire vì nhà thơ là một cái mốc và nhiều tác giả Thơ mới hay nhắc đến ông. Tôi đánh giá cao sự nhậy cảm của Hoài Thanh đối với nghịch lý này. Đáng lẽ phát biểu ý kiến về nghịch lý này, N.H.Q. lại đặt điều nói thiên thẹo sang một việc khác (hoàn toàn được rút ra từ trong "bụng" ông): Hoàng Ngọc Hiến "dành hơn nửa bài viết để chứng minh là Hoài Thanh có kiến thức sâu rộng đến độ biết cả... Baudelaire, một nhà thơ lớn của Pháp, mất năm 1867, tức là 70 năm trước khi Hoài Thanh viết cuốn Thi nhân Việt Nam"(đã dẫn, tr. 59). Luận điểm về nghịch lý của phong trào Thơ mới được trình bày -

đầy dủ hơn - trong một bài báo của tôi, nhan đề Baudelaire, chủ nghĩa tượng trưng và Thơ mới, có được đăng trên một số tạp chí Thơ phát hành ở California(1996). Hy vọng đọc số tạp chí này, độc giả sẽ hiểu rõ hơn luận điểm nói trên. Riêng đối với Nguyễn Hưng Quốc, tôi có đề nghị như sau. Tôi có một người bạn tri âm ở Úc cũng làm công việc giảng dạy và nghiên cứu văn học như ông. Bạn tôi sau khi đọc bài báo của tôi về Baudelaire, chủ nghĩa tượng trưng và Thơ mới đăng trên tạp chí Thơ thì viết thư cho tôi, có đoạn viết: *"Em có đọc bài anh viết về chủ nghĩa tượng trưng đăng trên tạp chí Thơ tại California. Bài viết rất sắc sảo, có nhiều ý mới, mới so với cả các tài liệu bằng tiếng Anh, tiếng Pháp về cùng một đề tài. Đọc, rất thích.Mong anh có hứng viết tiếp những bài " cực kỳ" như thế .(chữ " cực kỳ" em bắt chước anh đấy!"* Quan trọng hơn những lời khen ngợi này là người bạn tri âm rất hiểu luận điểm nói trên của tôi. Nếu ông dành được chút thời giờ, tôi sẽ nhờ bạn tôi đến gặp ông và sẽ trình bày cặn kẽ luận điểm của tôi, mong sao ông hiểu đúng hơn. Theo chỗ tôi biết, bạn tri âm của tôi ở rất gần nhà ông, chỉ cần ông nhận lời, bạn tôi sẽ đến gặp ông, dĩ nhiên là đến tay không, tôi sẽ bảo bạn tôi bỏ gậy ở nhà.

HOÀNG NGỌC HIẾN



NGUYỄN THANH SƠN

Bàn thêm với ông Nguyễn Hưng Quốc về bài " Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt nam "



Ngày xưa, không cứ phải quân thua người ta mới chém tướng, mà tựu trung cứ mỗi một cuộc ra quân người ta thường hay chém để tế cờ. Mà đã bị tế cờ thì anh có thể bị chém vì những lỗi nhỏ mọn nhất, hay thậm chí không vì bất cứ cớ gì. Đọc bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" của ông Nguyễn Hưng Quốc đăng trên tạp chí Hợp lưu số 50, tôi không khỏi ngạc nhiên thấy hoá ra ngay trong phê bình văn học của ta cũng có chuyện ấy. Bài viết của ông cứ ngun ngún một nỗi bực dọc, mà nỗi bực dọc càng vô lý bao nhiêu thì nó lại càng dai dẳng bấy nhiêu. Tôi không nghĩ ông Nguyễn Hưng Quốc lại bực tức với giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, tôi nghĩ ông chỉ khao khát tìm ra một vật tế thần cho bầu máu nóng sục sôi lý luận của ông. Và cũng giống như những nhà lý luận cần lập thuyết sau khi lập ngôn, ông lập tức thâu tóm những nhận định của ông để qui ra ngay một thứ chủ nghĩa-chủ nghĩa phản trí

thức-một trong những truyền thống lớn của Việt Nam, như ông cho ta biết.

Lý luận về phản trí thức trong văn học Việt Nam của ông chiếm tới tám mươi phần trăm bài viết, hai mươi phần trăm còn lại để ông phê phán bài viết "Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay" của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến như một ví dụ của việc đề cao kinh nghiệm hơn là lý thuyết. Trong bài viết của mình, ông đã chỉ ra một số căn bệnh kinh niên của văn học Việt Nam đương đại, những căn bệnh mà ai cũng nhận thấy nhưng hiếm người đưa ra thuốc chữa, càng không có ai muốn bỏ công sức ra để chữa. Đó là không có các trường phái lý luận, thiếu tính hệ thống trong cả sáng tác và phê bình; phê bình chỉ quan tâm đến giai thoại mà không quan tâm đến văn bản...vv và vv. Những nhận định của ông, tuy không mới, nhưng đều đúng. Thôi thì trong khi chưa làm được cái gì tốt, biết mọi thứ là xấu cả thì đã là tốt rồi

Tuy vậy, phần lý luận chung này của ông cũng có một số vấn đề tôi muốn trao đổi. Theo tôi, tuy nguyên do của tâm lý phản tri thức rất đa dạng, nhưng tựu trung cũng vì tri thức vốn là một thứ quyền lực vô hình, một sức mạnh vô hình mà những người không sở hữu nó ganh ghét, còn những quyền lực mà nó thách thức thì căm thù. Nhưng vì cái sức mạnh đó vốn vô hình nên không ít người mượn cái danh của nó để lừa gạt thiên hạ. Những kẻ giả trí thức như thế-hay như người ta gọi đùa là trí ngủ và trí lim dim- lại thường là những kẻ bám rễ chắc nhất vào mớ lý thuyết mà họ có thể đọc thuộc lòng, nhưng chưa bao giờ ngộ được chân lý của nó. Vì thế mới sinh ra tầng lớp hủ nho, những kẻ tầm chương trích cú... Vì thế, thái độ phản trí thức còn là phản ứng tự nhiên của xã hội và mang ý nghĩa tích cực để lật mặt nạ những kẻ giả danh trí thức.

Khi ông Nguyễn Hưng Quốc nói "ở các nước khác, chỉ có quần chúng bình dân mới ghét trí thức", tôi e rằng cái khái niêm "quần chúng bình dân" của ông đã lạc hậu. Hiện nay, rất khó có thể coi những người lao động bình thường tại các quốc gia phát triển lại giống với quần chúng bình dân của những năm sáu mươi, khi Richard Hofstadler viết Anti-intellectualism in American life. Công nghệ thông tin và những đòi hỏi mới trong môi trường lao động hiện đại đã đưa tới

cho quần chúng một khối lượng khổng lồ tri thức. Người ta hiện nay không phải đối đầu với hiện tượng đói tri thức mà ngược lại, bội thực tri thức. Chính điều đó chứng minh rõ nhất rằng kiến thức không thôi không đủ biến người ta thành trí thức. Còn lý do dân chúng ở Úc, Mỹ hay kể cả Anh Pháp thường ưa những nhà chính trị bình dân, nói năng cụ thể và giản dị về những vấn đề trước mắt thì cũng rất dễ hiểu : những điều nói ra một cách giản dị thường là những điều chân thật. Cử tri nghi ngờ những người ưa lý luận vì họ sợ những người xảo ngôn sẽ xử dụng trò chơi ngôn ngữ để che dấu những suy nghĩ thật của mình. Đối với cử tri, những người dẫn đường đôi lúc có thể sai lầm, nhưng quyết không được là một kẻ lừa đảo.

Nhân tiện nói về sự giản dị, ông Nguyễn Hưng Quốc có chỉ trích câu "phải giản dị hoá những điều phức tạp và không bao giờ phức tạp hoá những điều giản dị" như là "một chủ trương phản tri thức ở dạng thô sơ nhất". Tôi không hiểu ông ngây ngô thật hay ông cố tình lập lờ để đánh lộn sòng hai khái niệm hết sức khác nhau là giản dị và đơn giản. Chân lý, xin thưa, bao giờ cũng hết sức giản dị! Nếu không ắt hẳn không ai gọi là chân lý. Trong khi cả châu Âu còn đang ngập chìm trong các cuộc tranh luận về các trường phái, Hoàng Tử Nhỏ của chàng phi công Saint Exupery ra đời trong vắt như một giọt sương. Không một trường phái nào dám nhận về mình Hoàng tử nhỏ-nó thuộc về nhân loại, và nó đứng trên mọi cuộc tranh luận. Nó là chân lý. Trong trẻo, giản dị, không doạ nạt ai, không phá bỏ cái gì- chỉ có "người ta chỉ thấy thật rõ bằng trái tim mình. *Cái chủ yếu thì mắt chẳng thể thấy!"*. Vì vậy, xin ông thay tất cả những chữ giản dị ông đã dùng bằng chữ đơn giản cho. Không phải "trong khoa học, không có cái gì có thể được xem là thực sự giản dị" mà là "trong khoa học, không có cái gì có thể được xem là thực sự đơn giản". Sai một ly đi một dặm là vậy !

Khi đọc kỹ cả hai bài viết, một của ông, một của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, người đọc tinh ý sẽ nhìn ra ngay ông Nguyễn Hưng Quốc chỉ cần tìm một cái cớ để tế cờ cho chủ nghĩa phản trí thức mà ông cho là ông phát hiện ra trong văn học Việt nam. Và vì chỉ cần có cái cớ, ông không ngần ngại gì mà không chặt chân chặt tay bài viết của giáo sư Hiến cho vừa với cái giường lý luận của ông. Trong bài viết của mình, giáo sư Hiến có nói Hoài Thanh đã "nhả ra những ý kiến riêng, còn bao nhiêu kiến thức và lý thuyết sách vở ông nuốt vào bụng". Lập tức ông

Nguyễn Hưng Quốc vu ngay cho giáo sư Hiến "hô hào trở lại lối viết thoáng gọn, chỉ cần rút trong bụng ra chứ không cần tra cứu và trích dẫn", lờ đi chuyện giáo sư Hiến đã nói rất rõ rằng "để có được những ấn tượng này nhà phê bình đã đọc rất nhiều sách, nghiên cứu sâu rộng không ít lý thuyết". Không ai phủ nhận vai trò của cơ sở lý luận văn học cũng như của phương pháp luận, nhưng có lý luận và phương pháp luận để làm gì nếu không thấm được cái hồn của nó, chiêm nghiệm và biến nó thành của mình. Còn nhớ trong Tiếu Ngạo Giang Hồ, khi dạy cho Lệnh Hồ Xung Độc Cô Cửu Kiếm, Dương Thanh Phong có nói: phải học thuộc kiếm pháp của thiên hạ rồi lập tức quên ngay nó đi, sau đó tùy tiện mà dùng, ý mình tới đâu thì kiếm mình đã tới đó rồi, không bị câu thúc vào chiêu thức. Nếu không có kiếm pháp của nghìn nhà thì anh đâu biết gì mà múa may, ngược lại nếu anh không chắt lọc kiếm pháp của nghìn nhà thành kiếm pháp của riêng anh thì anh cũng đâu có gọi là cao thủ. Chính vì vậy những nhà đại trí thức lại luôn luôn cười nhạo tri thức, không phải họ khinh rẻ nó mà vì họ ý thức được cái hữu hạn của nó.

Cũng với qui cách chụp mũ như vậy, ông coi ý kiến của giáo sư Hiến "điều đáng quan tâm, đáng lo ngại hiện nay không phải là "cơ sở lý luận" mà là "trình độ văn hoá" của người làm phê bình là "sai một cách lạ lùng" . Không ai nói các cơ sở lý luận là vô ích mà ông phải kêu ầm lên như thế. Tôi đồng ý với giáo sư Hiến cái quan trọng nhất không phải là cơ sở lý luận, bởi vì cơ sở lý luận là thứ mà người ta có thể thu lượm được qua sách vở, qua nghiên cứu. Nhưng để có thể là ông chủ của kiến thức thay vì là nô lệ của kiến thức, ngoài tri thức ra con người còn rất cần một bản năng, một tâm thức, và một trái tim để tạo nên một sự tổng hợp của cái mà giáo sư Hiến gọi là trình độ văn hóa.Với hàng ngàn chủ thuyết như hiện nay, không ai có thể tự tin rằng những điều mình biết là duy nhất đúng. Người ta chỉ có thể, bằng vào vốn kiến thức mà mình không ngừng phải trau dồi, bằng vào linh cảm đặc biệt của mình, chọn cho mình một chỗ đứng, một chủ thuyết. Và luôn luôn hoài nghi cái điều mình hằng tin để mở lòng ra với những tư tưởng khác.

Chúng ta hẳn đều biết đã có thời gian ở Trung Quốc, bất cứ việc gì người ta cũng có thể trích Mao Tuyển, và bất cứ ai tranh luận với nhau đều có thể dùng Mao Tuyển ra làm đối chứng. Khi đã lôi một

mẩu văn bản ra khỏi môi trường của nó, người ta có thể tùy tiện gán ghép, xuyên tạc nó để phục vụ cho bất cứ ý đồ nào của họ, theo cách mà họ muốn. Và cuộc cãi vã-cãi vã chứ không phải là tranh luận, như ông nói- sẽ kéo dài không biết đến bao giờ xong.

Ông Nguyễn Hưng Quốc có than thở "ở nước người, việc biên soạn những công trình nghiên cứu như thế nằm trong tầm tay giới đại học, những người, thành thực mà nói, không cần sáng tạo và cũng không cần thật nhiều tài năng, chỉ cần thủ đắc một số phương pháp nghiên cứu nhất định và nhất là, chuyên cần". Tôi rất mong một người có nhiều tài năng, thủ đắc nhiều phương pháp nghiên cứu như ông cũng nên chuyên cần vào việc biên soạn những công trình nghiên cứu như vậy để giúp ích cho văn học Việt Nam. Và ông sẽ thấy suy nghĩ cần phải được đưa vào công việc nữa, vì nhìn vào bậc thang còn chưa đủ, người ta còn phải bước lên bậc thang. Chúng ta đã có thừa những người thông minh, chỉ còn thiếu những người dũng cảm và những người chăm chỉ.

NGUYỄN THANH SƠN



HOÀNG NGỌC TUẤN

Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta



1. Định nghĩa về người trí thức

Ai là người trí thức?

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta thường xuyên gặp những người tự nhận là "trí thức" hay được nhiều người xem là "trí thức". Phần lớn những người được xem là "trí thức" là những người nằm trong giới "lao động trí óc". Những người này thường được xã hội nể phục vì tầm hiểu biết sâu hoặc rộng, hoặc vừa sâu vừa rộng của họ. Thực vậy, điều hiển nhiên nhất để một người được xem là "trí thức" là sự hiểu biết của y. Ở Tây phương, các chữ "intellectual", "intellectuel", "intelectual", "intellettuale", "Intellektuelle", v.v..., đều xuất phát từ chữ "intellectualis" (tiếng La Tinh), và chữ này sinh ra từ chữ "intellectus" nghĩa là sự hiểu biết. Chữ "intellectualis" cũng thường được hiểu như có ý nghĩa tương đương với chữ "litterati" nghĩa là người giỏi chữ nghĩa, có học thuật. Trong Hán tự, chữ "trí" gồm chữ "nhật" (mặt trời, ban ngày) cộng với chữ "tri" (biết). Trong chữ "tri" (biết) có chữ "khẩu" (cái miệng). Trong chữ "thức" (biết) lại có chữ "ngôn" (lời nói). Như thế, xét về ngữ nghĩa, người "trí thức" dường như là kẻ biết nhiều, biết rõ, thu nhận và truyền đạt sự hiểu biết qua phương tiện ngôn từ. Tuy nhiên, khi nói như vậy, chúng ta phải đương đầu với

những câu hỏi: Phải chăng người "trí thức" chỉ là người chuyên học hỏi để biết rất sâu rộng những gì sẵn có, và ghi chép lại hay phát ngôn về những điều đó để những người khác được học hỏi? Hay y còn là người liên tục tạo ra những kiến thức mới? Và nếu thế, những kiến thức mới được tạo ra bằng cách nào?

Mới đây, trong bài diễn văn tại đại hội John Carroll Scholars, ở Georgetown University, Washington, D.C., ngày 19 tháng Giêng năm 1999, nhà trí thức Hoa Kỳ đương đại, Giáo Sư James V. Schall, nhận định: *"Kiến thức đơn thuần sẽ không thể cứu được chúng ta, dù chúng ta cũng cần nó. Điều trọng yếu là 'khuynh hướng muốn biết', đó là một điều không thể mua được hay vay mượn được."*[1] Như thế, người trí thức không chỉ là người chuyên học hỏi để biết rất sâu và rộng những gì "sẵn có", vì dù rằng sự hiểu biết đó cũng cần cho cuộc sống, nhưng sự hiểu biết đó khó có thể giúp con người đương đầu với những biến cố mới lạ đang và sẽ không ngừng xảy ra, hay giúp con người tiếp tục cải thiện cuộc sống. Học vấn sâu và rộng về những kiến thức "sẵn có" là điều kiện cần thiết, nhưng chưa đủ để làm nên một người trí thức. Người trí thức phải là kẻ có "khuynh hướng muốn biết", tức là khuynh hướng muốn nghiên cứu và giải thích những gì chưa từng biết, muốn tiếp tục đào xới những gì tưởng chừng đã kết thúc, muốn liên tục đặt câu hỏi về những gì tưởng chừng đã rốt ráo. Người trí thức phải là người luôn luôn sống với những dấu hỏi, những sự thắc mắc, những sự hoài nghi. Y luôn luôn có thái độ thách thức trước những giá trị tưởng chừng đã ổn định. Y luôn luôn đi tìm một giả thuyết khác cho những vấn đề trong cuộc sống. R. Hofstadter nhận xét rằng trí thức (intellect) là *"phần mang tính phê bình, tính sáng tạo, và tính tư duy của trí óc ... trí thức khảo sát, chiêm nghiệm, tự hỏi, đặt giả thuyết, phê bình, tưởng tượng ... Trí thức đánh giá lại những sự đánh giá, và tìm kiếm những ý nghĩa của những trạng huống riêng lẻ như những thành phần của một tổng thể."*[2] Tất cả những phẩm tính này đều xuất phát từ tinh thần của người có "khuynh hướng muốn biết".

Nếu không có những người có "khuynh hướng muốn biết", có lẽ cuộc sống nhân loại đã không như ngày hôm nay. Ở thời tiền sử, khi con người còn sống trong hang, họ đã có những "chuyên gia" nắm rất thuần thục những kiến thức sẵn có về cách đào hang, những "học giả" thủ đắc rất sâu rộng những kiến thức sẵn có về đời sống ở hang. (Tất nhiên, những kiến thức này đã được những người có "khuynh hướng muốn biết" tạo ra trước đó.) Nhưng nếu trong số các "chuyên gia" và "học giả" này chỉ toàn là những người chuyên ôn đi ôn lại những kiến thức sẵn có, mà không có thêm một số người có "khuynh

hướng muốn biết" — cái khuynh hướng "không thể mua được hay vay mượn được" — thì toàn thể cộng đồng người tiền sử vẫn phải chịu tiếp tục ở trong hang. Chúng ta có thể hình dung rằng, một hôm, người có "khuynh hướng muốn biết" (người này có thể là một người trong hàng ngũ "chuyên gia" đào hang hay "học giả" về hang) chợt nêu lên câu hỏi: "Nếu chúng ta muốn ra ở giữa đồng cỏ có nhiều thú, hay ở bên cạnh dòng sông có nhiều cá, mà những nơi đó không có chỗ thuận lợi để đào hang, thì chúng ta phải làm gì để ở?" Chúng ta cũng có thể hình dung rằng nhiều người thời ấy, nghe thế, liền phàn nàn rằng: "Tại sao anh cứ thắc mắc lẩm nhẩm như thế? Tại sao anh không an tâm sống ở trong hang?" Thế nhưng, người có "khuynh hướng muốn biết" lại không thể an tâm với cái "văn hoá ở hang" như thế. Y muốn biết làm cách nào để đưa con người ra khỏi cuộc sống ở hang, và đến sống giữa đồng cỏ có nhiều thú, hay ở bên cạnh dòng sông có nhiều cá. Y muốn biết như thế, vì y không tin rằng cuộc sống ở hang là hoàn hảo và vĩnh cửu. Y không tin như thế, vì y nhìn thấy những hạn chế của cuộc sống ở hang (trong khi đa số người khác lại đinh ninh rằng sẽ không có gì tốt hơn cuộc sống ở hang.) Để mọi người nhìn thấy những hạn chế của cuộc sống ở hang, y phải phát biểu. Như thế, y bắt đầu phê phán. Đồng thời, y thử đưa ra những giả thuyết về một cách sống khác. Tất nhiên, thái độ hoài nghi của y trước những giá trị sẵn có, và lời lẽ phê phán của y đối với cái "văn hoá ở hang", nhất định đã làm nhiều người giận dữ. Nhưng nếu không có một hay nhiều người như y — những kẻ dám phê phán cái "văn hoá ở hang", và đưa ra những giả thuyết về cách dựng một cái nhà trên mặt đất — thì nhân loại vẫn chưa có cái nhà.

"Khuynh hướng muốn biết" là xuất phát điểm của trí thức. Đó là khuynh hướng không ngừng tra vấn và giải thích các sự việc trong cuộc sống theo những cách thế mới. Arthur M. Schlesinger, Jr., chuyên gia về lịch sử trí thức (intellectual history) của Hoa Kỳ, nhận xét rằng người trí thức là người của những ý tưởng (the man of ideas), chứ không phải là người của ý thức hệ (the ideologist). Trong khi ý tưởng luôn luôn mang tính cách mở ngỏ, thì ý thức hệ là những hệ thống khép kín, cứng đờ. Arthur M. Schlesinger, Jr. viết: *"Ý tưởng thì mang tính tương đối, còn ý thức hệ thì mang tính tuyệt đối."*[3] Và:

"Thực vậy, khi chúng ta nói về những ý tưởng, chúng ta thường muốn nói đến những ý tưởng mới; khi chúng đã có mặt lâu đủ, thì người ta không còn nghĩ đến chúng như những ý tưởng nữa và bắt đầu xem chúng như những sự thực vĩnh cửu. Và, thực hiển nhiên, những ý tưởng mới gây nên sự bực mình. Emerson viết, khi tường thuật về thái

độ chính thống của thời ấy, rằng: 'Những ý tưởng làm đảo lộn trật tự và sự an tâm của xã hội, và cuối cùng chúng biến kẻ làm chủ xã hội thành một tên đần độn'."[4]

Arthur M. Schlesinger, Jr. viết thêm:

"Vai trò của người trí thức như một nhân tố của sự cách tân là nguyên nhân của sự ngưỡng mộ lạ thường mà y nhận được từ những tập thể nào đó và của sự thù ghét lạ thường mà y gây nên ở những những tập thể khác. Dĩ nhiên, không phải tất cả những người trí thức đều là những người cách tân. Vài người là những kẻ cương quyết bảo vệ cái status quo. Nhưng tuyệt đại đa số những người trí thức Hoa Kỳ đều đã phát biểu sự bất mãn và đã tranh luận cho sự thay đổi. Emerson viết, 'Toà lâu đài mà chủ nghĩa bảo thủ rắp tâm bảo vệ là hiện trạng của mọi sự, trong đó có cả tốt lẫn xấu.' Những kẻ muốn giữ mọi sự y nguyên như thế là những kẻ không cần ý tưởng; họ có thể dựa vào thói quen và quán tính. Chỉ có nhóm cải cách mới phải có những ý tưởng và nhân lực để vận dụng chúng. Điều này, dĩ nhiên, giúp chúng ta giải thích được ô danh của những người trí thức, đặc biệt những kẻ bảo thủ vì nhận được lợi lộc từ cơ chế hiện hành của xã hội."[5]

Như thế, người trí thức xứng đáng có phương danh là người luôn luôn đặt vấn đề đối với hiện trạng của xã hội, phê phán nó, và theo đuổi những ý tưởng mới nhằm thay đổi nó. Khi Karl Marx cho rằng nhiệm vụ của triết lý không phải chỉ là diễn dịch thế giới mà còn là cải tạo thế giới, ông đã phát biểu trong phương danh của một người trí thức. Lý thuyết cách mạng xã hội của ông, dù có nhiều khuyết điểm (lý thuyết nào tránh khỏi khuyết điểm?), là một biểu hiện tuyệt mỹ của thái độ trí thức. Những người tiếp tục khai triển, diễn dịch, tu chỉnh và phê phán lý thuyết của ông tất nhiên cũng là những người trí thức xứng đáng có phương danh. Trái lại, vô số kẻ mụ mẫm hay giả dối tự xưng là môn đồ của Marx — những kẻ ráo riết nhai đi nhai lại khiến những ý tưởng của ông biến thành một ý thức hệ xơ cứng, rồi tuyệt đối tin (một cách thành thực hay đóng kịch) rằng nó là chân lý tối hảo, bảo vệ nó, vĩnh cửu hoá nó như một ý thức hệ vô địch muôn năm, và say sưa hưởng thụ những lợi lộc và quyền lực từ nó — là những kẻ hành động trong ô danh của trí thức. Nói đúng hơn, đó là những kẻ phản trí thức một cách nguy hiểm.

Trong số những người theo Marx, tôi đặc biệt nể phục Antonio Gramsci (1891-1937) như một người trí thức đúng nghĩa. Là thành viên của ủy ban trung ương đảng Cộng Sản Ý Đại Lợi và bị chế độ fascist của Mussolini cầm tù từ năm 1926 cho đến chết. Trong suốt 11 năm ở tù, Gramsci vẫn luôn luôn là người Cộng Sản trung kiên, nhưng vẫn

luôn luôn giữ được một khoảng cách giữa tư duy cá nhân và lý thuyết của Marx. Nhờ đó, ông nhận ra rằng lý thuyết của Marx sẽ thất bại về phương diện kinh tế, nhưng sẽ tạo ảnh hưởng dài lâu trong lĩnh vực văn hoá. Trong tù, ông lén lút viết được 33 cuốn sách về lý thuyết xã hội và phê bình nhân văn, và bí mật chuyển được chúng qua xuất bản ở Mạc Tư Khoa. Gramsci đến với lý thuyết của Marx như đến với những ý tưởng để chiêm nghiệm và vận dụng chúng vào cuộc cải cách xã hội, chứ không phải đến với một ý thức hệ. Ông đến bằng lý trí tỉnh táo chứ không phải bằng niềm tin mù quáng. Với lý trí tỉnh táo, ông luôn luôn giữ được một khoảng cách cần thiết giữa những ý tưởng của mình và những ý tưởng của Marx, giữa bản thân và đảng Cộng Sản Ý Đại Lợi.[6] (Trong khi đó, chua chát thay, đa số "đồng chí" quanh ông, cũng như vô số đảng viên Cộng Sản trên thế giới, chưa bao giờ đọc qua cuốn *Tư Bản Luận*, thậm chí *Tuyên Ngôn Cộng Sản Đảng*, mà lại hoàn toàn nhiệt thành tin tưởng vào "thắng lợi cuối cùng" của chủ nghĩa Cộng Sản.)

Thực vậy, để có thể đặt vấn đề đối với hiện trạng của xã hội hay đối với những ý tưởng đương thời, phê phán chúng, và theo đuổi những ý tưởng mới nhằm thay đổi chúng, người trí thức đích thực cần phải giữ một khoảng cách giữa bản thân y và những hệ thống quyền lực hay lợi nhuận, nếu không, những ý tưởng của y có thể sẽ chẳng có gì mới, và có thể sẽ chỉ là một cách hành ngôn bảo thủ nhằm phục vụ cho thế lực đang nuôi dưỡng y. Trong một giai đoạn lịch sử nào đó, sự khan hiếm những khuôn mặt trí thức đích thực như thế sẽ tạo nên "cuộc khủng hoảng trí thức". Trong cuốn *La crise des intellectuelles arabes: traditionalisme ou historicisme?*, Abdallah Laroui nhận xét rằng sự khan hiếm trí thức ở Trung Đông từ giữa thế kỷ 19 đến cuối thế kỷ 20 là hậu quả của chủ nghĩa truyền thống Ả Rập và tinh thần bảo thủ Hồi giáo — những sức mạnh ngăn cản người trí thức Ả Rập thực hiện một khoảng cách thiết yếu trong tư duy.[7]

Bởi thế, để trả lời một cách tương đối đầy đủ hơn cho câu hỏi "Ai là người trí thức?", có lẽ chúng ta nên sử dụng định nghĩa về người trí thức của Christopher Lasch (1932-1994), một khuôn mặt quan trọng đặc biệt trong lĩnh vực lịch sử trí thức của Hoa Kỳ đương đại:

"Người trí thức có thể được định nghĩa, một cách tổng quát, là một người mà đối với y việc tư duy có thể hoàn tất cùng một lúc chức năng của lao động và tiêu khiển; một cách thấu đáo hơn, y là một người mà mối quan hệ giữa bản thân y và xã hội được xác định, trong nhãn quan của chính y và nhãn quan của xã hội, chủ yếu bởi khả năng của y được giả định là có thể đưa ra những phán xét về xã hội với sự

độc lập lớn hơn là những người bị trực tiếp vướng vào công việc thực tế về sản phẩm vật chất hay quyền lực. Bởi vì chức nghiệp của y là một nhà phê bình xã hội, nói theo cách tổng quát nhất, và bởi vì giá trị của những lời phê bình của y được giả thiết là xuất phát từ một mức độ tách biệt khỏi cảm thức đương thời , mối quan hệ của người trí thức đối với toàn khối còn lại của xã hội không bao giờ được hoàn toàn thoải mái."[8]

Trong luận văn "Secular Criticism", Edward Said (có lẽ là người trí thức đang được biết đến nhiều nhất trong lĩnh vực phê phán văn hoá Hoa Kỳ đương đại) cũng cho rằng đặc điểm trung tâm của người trí thức là thái độ đứng ra bên ngoài và thách đố *"cái sức nặng tập thể của quốc gia và văn hoá dân tộc."*[9] Ông cho rằng người trí thức phải hành động như *"một ý thức cá nhân riêng lẻ"*, và ý thức này cho thấy nó *"không phải chỉ là một đứa con đẻ của văn hoá một cách tự nhiên và dễ dàng, mà là một người hành động mang sử tính và xã hội tính trong đó."*[10] Trong luận văn "Intellectual Exile: Expatriates and Marginals", ông nhấn mạnh rằng người trí thức phải tự đặt chính mình vào một trạng huống "lưu vong" — một trạng huống tinh thần, trong đó, người trí thức *"không ngưng nghỉ, năng động, liên tục bất ổn định, và làm những người khác bất ổn định."*[11] Như thế, người trí thức chẳng những cần phải giữ một khoảng cách giữa bản thân y và những hệ thống quyền lực và lợi nhuận, mà y cũng cần phải giữ một khoảng cách giữa bản thân y và chính những ý tưởng của y, nếu không, y không thể tự quan sát và tự phê phán những ý tưởng của mình. Trạng huống "lưu vong" (trạng huống liên tục sống với những khoảng cách cần thiết trong tư duy), do đó, là điều kiện thiết yếu để người trí thức không ngừng đặt vấn đề, không thể quay ngược lại với vị thế bảo thủ, và cũng không thể xây thành trên những nhận thức mới. *"Bạn không thể quay ngược trở lại điều kiện an trú nào đó trước kia và có lẽ ổn định hơn; và, than ôi, bạn cũng không thể nào hoàn toàn tìm đến an trú trong ngôi nhà mới hay hoàn cảnh mới của bạn."*[12]

Như thế, người trí thức là người luôn luôn "lưu vong", và trạng huống này cho phép y có cái khoảng cách thiết yếu trong tư duy để y có thể quan sát và đối chiếu những ý tưởng và kinh nghiệm cũ và mới, và từ đó đưa ra những giả thuyết mang những khả thể tích cực hơn cho các phương diện của cuộc sống. Là kẻ "lưu vong" trong tư duy, người trí thức là người đứng bên lề của tất cả những hệ quy chiếu và không ngừng thách đố chúng. Y có thể liên tục đi xuyên qua những biên giới của các giá trị và tiêu chuẩn, tái diễn dịch chúng, tái định nghĩa chúng; và hành ngôn của y không ngừng làm phong phú thêm

vốn tri thức của nhân loại.

2. Chống lý thuyết:
hành động phản trí thức của các hệ thống quyền lực

Quan niệm rằng vai trò của người trí thức là luôn luôn đứng ở một vị thế độc lập để đặt vấn đề đối với hiện trạng của xã hội, phê phán nó, và theo đuổi những ý tưởng mới nhằm thay đổi nó là quan niệm mới dần dần nổi rõ lên trong chừng hai trăm năm trở lại đây ở Tây phương.

Vào năm 1615, chữ "intellectual" trong Anh ngữ chỉ có nghĩa là người hiểu nhiều, biết rộng. Đến năm 1652, nó chỉ có nghĩa là người có năng lực tư duy khác thường.[13] Đến cuối thế kỷ 18, triết gia Samuel Taylor Coleridge (1772-1834) vẫn còn cho rằng vai trò của người trí thức là *"giám thị của những giá trị văn hoá và xã hội"*.[14]

Tất nhiên, vào thời ấy, các triết gia cấp tiến, như Edmund Burke (1729-97) chẳng hạn, đã nhận thấy "một định nghĩa mới" về người trí thức đã bắt đầu nổi lên.[15] Đến tiền bán thế kỷ 19, hình ảnh mới về người trí thức mới trở nên rõ ràng. Thomas Carlyle nhận định vào năm 1940 rằng người trí thức như một "Người Anh Hùng của Văn Hoá" hoàn toàn là một sản phẩm của thời đại mới. Ông viết:

"Người ấy mới, tôi khẳng định; người ấy mới xuất hiện trên thế giới chừng hơn một thế kỷ nay mà thôi. [...] Người Anh Hùng của Văn Hoá này phải được xem như con người hiện đại quan trọng nhất của chúng ta. Người ấy, theo như khả năng người ấy có thể có, là linh hồn của tất cả. Những điều người ấy chỉ ra, cả thế giới sẽ thực hiện và ứng dụng. Thái độ thế giới đối xử với người ấy là yếu tố quan trọng nhất của vị thế tổng quát của thế giới."[16]

Tuy nhiên, sự thực lịch sử cho thấy rằng, từ thời cổ đại, dù thế giới chưa có quan niệm về vai trò của người trí thức như trong thời hiện đại, đã có những người không chấp nhận vai trò của kẻ canh giữ những giá trị văn hoá và xã hội, mà chọn vai trò phê phán những giá trị ấy, như trường hợp Socrates chẳng hạn.

Suốt thời trung đại và cận đại, thỉnh thoảng lại có những tiếng nói trí thức đặt vấn đề ở những mức độ, tầm cỡ và lĩnh vực khác nhau đối với những giá trị tinh thần của vương quyền và giáo quyền hay đối với niềm tin phổ quát của quần chúng. Không ai có thể quên được những tên tuổi kỳ vĩ như Nicolaus Copernicus, như Galileo Galilei, chẳng hạn.

Nói rằng những hành động của Nicolaus Copernicus và Galileo Galilei là những hành động mang tính trí thức cũng có nghĩa là nói

rằng những hành động của Giáo Hội Thiên Chúa La Mã thời ấy là những hành động phản trí thức: họ đã đặt luận văn *De Revolutionibus orbium coelestium* (1543) của Copernicus ra khỏi vòng pháp luật, và họ quản thúc Galilei suốt tám năm cuối cùng của đời ông, sau khi ông công bố luận văn *Dialogo sopra i due massimi sistemi del mondo, tolemaico e copernicano* (1623). Các lý thuyết của Copernicus và Galilei là những công trình trí thức thực sự vì chúng vừa là những lời phê phán đối với niềm tin mù loà của con người đương thời về hình ảnh của vũ trụ, đồng thời chúng tạo nên những tiền đề thiết yếu cho nền Tân Khoa Học.

Động lực thúc đẩy một lý thuyết mới ra đời bao giờ cũng xuất phát từ sự hoài nghi về những giá trị sẵn có. Một lý thuyết mới, bao giờ cũng làm bật lên trong tư duy con người những câu hỏi mới — những câu hỏi mang tính phê phán về những giá trị sẵn có, hay về cách diễn dịch những giá trị sẵn có. Gốc rễ của lý thuyết là những ý tưởng mới. Khi một người phóng chiếu những ý tưởng độc lập vào một đối tượng của tư duy và muốn giải thích đối tượng đó theo cách riêng, y làm nẩy sinh ra một giả thuyết nào đó. Giả thuyết là một chuỗi những ý tưởng mới phát triển theo một hệ thống lý luận nhất quán, tập trung vào một đối tượng quan sát và được giả định là có khả năng giải thích đối tượng ấy. Một giả thuyết trở thành một lý thuyết sau khi nó được ứng dụng vào thực tiễn và thu hoạch được một khối lượng những bằng chứng có giá trị khách quan về khả năng giải thích đối tượng quan sát của nó. Sự thành công của một lý thuyết được công nhận khi đường lối giải thích của nó chứng tỏ có sức thuyết phục cao hơn những những đường lối giải thích sẵn có. Sức thuyết phục nằm ở chỗ nó tạo điều kiện cho người quan sát được nhìn thấy những góc cạnh và những ý nghĩa của đối tượng quan sát mà những lý thuyết sẵn có chưa từng chiếu rọi đến.

Do đó, những hệ thống quyền lực dựa trên niềm tin bao giờ cũng thù ghét những lý thuyết mới, vì nếu những lý thuyết này không lột trần được bản chất của chúng, thì cũng cung cấp những lăng kính mới để qua đó con người có thể quan sát những góc cạnh khác của chúng và, do đó, diễn dịch chúng theo những cách khác với sự mong đợi của chúng. Ngay trong thời đại hôm nay, điều này vẫn còn phổ biến trên thế giới. Tôi xin miễn bàn về những cuộc tiêu diệt trí thức xảy ra suốt lịch sử nhân loại (ở trên, tôi có nhắc đến vài ví dụ), và cũng xin miễn bàn về những cuộc tiêu diệt trí thức xảy ra ngay trên đất nước chúng ta trong suốt hậu bán thế kỷ 20 này. Những điều ấy đã quá rõ, dù những lực lượng tôn giáo và chính trị mị dân vẫn còn cố gắng

che đậy hay diễn giải một cách vụng về về ý nghĩa của chúng. Tôi chỉ xin nêu lên vài ví dụ xảy ra ngay trên những đất nước tiền tiến hàng đầu của thế giới, và xảy ra ngay trong lúc này.

Ví dụ thứ nhất: cho đến hôm nay, tại Hoa Kỳ, còn đến 15 phần trăm tổng số các trường học không chấp nhận giảng dạy về thuyết tiến hoá của Darwin.[17] Lý do: giới lãnh đạo của những trường này là tín đồ của ý thức hệ Thiên Chúa Giáo; họ sợ thanh thiếu niên hoài nghi các giá trị truyền thống của tôn giáo của họ.

Ví dụ thứ hai (tôi sẽ đào sâu vào ví dụ này hơn, vì nó chứa đựng nhiều điều cho người Việt Nam chúng ta suy gẫm): trên tập san *Positions: East Asia Cultures Critique* (bộ 7, cuốn 2, năm 1999), Naoki Sakai (giáo sư Á Châu học và văn học đối chiếu của Cornell University) và Harry Harootunian (giáo sư sử học và giám đốc trung tâm Đông Á học của New York University) nhận định rằng lĩnh vực Nhật Bản học đã và đang gặp phải một trở ngại nặng nề trong công tác nghiên cứu, đó là: giới cầm quyền chủ trương chống việc ứng dụng các lý thuyết mới vào công tác nghiên cứu. Naoki Sakai phát biểu: *"Rõ ràng nhất, thái độ bảo thủ này được biểu lộ qua hình thức chối bỏ lý thuyết ... sự thù ghét đối với lý thuyết đã căng thẳng đến độ dường như một vài nhân vật đã không ngần ngại sử dụng những phương tiện bạo lực của chính quyền để ngăn chặn sự ảnh hưởng của lý thuyết vào lãnh thổ của họ."*[18] Ông nhận xét rằng những phương tiện bạo lực (ví dụ: cắt ngân sách tài trợ nghiên cứu, kiểm duyệt nội dung công trình, v.v...) có tác dụng hữu hiệu, vì *"những nhà hàn lâm không đủ sức đương đầu với sự thách đố của lý thuyết một cách lý thuyết, trong khi những vấn đề thuộc về chính trị, tài chánh, nghề nghiệp, vị thế xã hội, v.v... bị đe doạ bởi chính những cuộc truy tầm mang tính lý thuyết ấy."*[19] (Ở đây, chúng ta lại được thấy một ví dụ cụ thể của trường hợp những người "trí thức" không dám đứng ở thế "lưu vong" đối với quyền lực và lợi nhuận.)

Mặc dù giới cầm quyền Nhật Bản nồng nhiệt vận dụng lý thuyết mới vào kinh tế, kỹ thuật và khoa học tự nhiên, họ cố tình đóng cửa ngành Nhật Bản học trước lý thuyết mới. Vì vẫn muốn tiếp tục duy trì niềm tin của quần chúng vào các giá trị truyền thống của thời đại phong kiến (những giá trị hiện nay còn được thể hiện qua sự tồn tại của hoàng gia Nhật Bản), họ cương quyết biểu lộ thái độ bảo thủ trong lĩnh vực Nhật Bản học qua những hành động như sau: 1/ các cơ quan như Japan Foundation và Bộ Khoa Học Xã Hội chỉ tài trợ cho những công trình nghiên cứu mang nội dung ca ngợi và tuyên truyền giá trị văn hoá Nhật Bản, và mạnh mẽ từ chối những công trình nghiên

cứu có vận dụng các lý thuyết mới; 2/ các tập san nghiên cứu chính quy về Nhật Bản học như *Monumenta Nipponica / Nihon bunka shiso* (có từ năm 1938, đặt cơ sở tại Đại Học Sophia, Tokyo), và *Journal of Japanese Studies* (có từ năm 1974, do Society for Japanese Studies xuất bản tại Seattle, Hoa Kỳ), thẳng thừng gạt bỏ những luận văn có vận dụng các lý thuyết mới.

Harry Harootunian nhận xét:

"Những tập san này chưa bao giờ đưa ra chính sách mở rộng những trang sách để đón nhận một sự bàn luận thành thục của những ý tưởng khác. Trong trường hợp của tờ Journal of Japanese Studies — và tờ Monumenta Nipponica cũng chẳng khác gì mấy — những tập san này bị trói buộc quá mật thiết với những cơ quan chính quyền nhất định nên thực khó tưởng tượng rằng chúng có thể bao giờ là đại biểu của một lĩnh vực nghiên cứu, ngay cả mặc dù chúng tìm cách bày tỏ những quan tâm đối với việc mở rộng lĩnh vực, mặc dù chúng muốn đóng vai đại diện cho những sự phát triển, mặc dù chúng muốn hướng dẫn cho lĩnh vực này theo những đường lối học thuật và nghiên cứu "đúng" và "chính quy". Tận đáy vấn đề, không có gì khác hơn là sự kiểm duyệt, vì các tập san này xử sự như những tên công an tư tưởng."[20]

Và: *"Những tập san này có nhiệm vụ tổng quát là làm những con chó canh cửa hay chó bảo vệ cho một quan niệm nhất định về Nhật Bản, cho một đường lối nhất định trong việc nghiên cứu về Nhật Bản."*[21]

Để giải thích rõ về bản chất của thái độ chống lý thuyết trong văn hóa học ở Nhật Bản, Naoki Sakai nói:

"Lý thuyết có thể biến đổi những quan hệ mang tính xã hội nhất định mà trên đó, nói riêng, những ngành nghiên cứu hàn lâm như ngành Nhật Bản học được thiết lập. Nó làm những quan hệ này lộ rõ ra, bởi vì nó thực sự làm thay đổi những quan hệ mang tính xã hội mà tôi tạm dùng nhóm chữ "missionary positionality" (quan hệ theo kiểu người trên kẻ dưới như các giáo sĩ) để diễn tả, và căn cứ vào cái vị thế này mà những đối tượng nghiên cứu như "văn hoá Nhật Bản" được xác lập. Đây là lý do tại sao một số người trong những ngành này rất sợ lý thuyết. Tất nhiên qua điều này, như tôi đã lập lại nhiều lần, tôi muốn nói rằng các học giả Nhật Bản cũng tích cực tham dự vào việc xác lập những đối tượng nghiên cứu ấy, cho đến chừng nào họ còn cần được có chỗ đứng trong những mối quan hệ đó."[22]

Harry Harootunian bổ sung:

"Lý thuyết còn dạy chúng ta đặt câu hỏi đối với đối tượng nghiên cứu, cái đối tượng của chính cuộc nghiên cứu của chúng ta.

Điều được khai lộ ra ... là chính cái đối tượng nghiên cứu lại là một sự hư cấu, rằng có một cuộc truy tầm tri thức mà đối tượng của nó không hiện hữu."[23]

Thực vậy, các hệ thống quyền lực muốn tiếp tục duy trì niềm tin của quần chúng vào các giá trị truyền thống luôn luôn sợ rằng qua nhãn quan của những lý thuyết mới các giá trị ấy không còn nữa, nên họ luôn luôn muốn các nhà nghiên cứu phải vững tin trước rằng các giá trị ấy đã thực sự hiện hữu chứ không phải là hư huyễn. Họ muốn rằng vấn đề của cuộc nghiên cứu chỉ là "làm sao để xiển dương đúng mức những giá trị sẵn có của đối tượng nghiên cứu?", chứ không phải là "làm sao để đánh giá đúng đắn về đối tượng nghiên cứu?", hay "phải chăng đối tượng nghiên cứu là có thực?".

Thái độ sợ hãi lý thuyết như thế, dẫu sao, là thái độ của những nhà mị dân có đầu óc sâu sắc. Thái độ của những kẻ nông cạn hơn chỉ nằm ở tâm lý dị ứng trước sự phức tạp của lý thuyết. Với hy vọng dẹp bỏ lý thuyết ngay lập tức, một số những nhà bảo thủ Nhật Bản rêu rao rằng lý thuyết là cái mang đặc tính Âu Châu, rằng người Á Châu không chuộng lý thuyết và không cần lý thuyết, vì lý thuyết tạo nên cái nhìn qua con mắt Âu Châu, *"theory is Eurocentric"*.[24] Chụp mũ "ngoại lai" bao giờ cũng là một ngón đòn hiệu nghiệm ở những nước Á Châu hậu phong kiến, hậu thực dân. Nhưng Naoki Sakai nhận xét rằng thái độ này là thái độ dại dột, vì nó vô tình làm hài lòng những người Âu Châu có khuynh hướng kỳ thị chủng tộc thường tự nhận rằng lý thuyết là *"tài sản tri thức của Âu Châu"*, là *"đặc thù Âu Châu"*.[25]

Những người không dại dột như thế thì lại có cách nói khác. Để ngăn cản các sách lý thuyết mới về khoa học xã hội du nhập vào Nhật Bản, có người cho rằng trong loại sách ấy *"có cuốn không thể dịch ra tiếng Nhật được, vì nó chứa nhiều lý thuyết quá và có sự diễn đạt không trong sáng đủ."*[26] Ngón đòn này cũng hiệu nghiệm ít nhiều, vì số người dị ứng trước sự phức tạp của sách vở hàn lâm không phải là ít. Tuy nhiên, ngón đòn này cũng có cái dại dột của nó: nó vô tình tự tố cáo rằng những đất nước không có truyền thống lý thuyết thì không thể có đủ thuật ngữ để dịch những tác phẩm quốc tế về lý thuyết. Cái dại dột này, thực ra, lại cũng đồng nghĩa với cái dại dột trên kia!

3. Thái độ phản hàn lâm và luận chiến phản lý thuyết

Như chúng ta đã thấy, tính cách trí thức nhất thiết phải gắn liền với những ý tưởng mới. Những ý tưởng mới là động lực tiên khởi

cho những lý thuyết mới. Để những lý thuyết mới tương đối đứng vững, bao giờ nhà lý thuyết cũng xây dựng chúng trên những công trình nghiên cứu mang tính hàn lâm. Trong thời đại hôm nay, trước khối lượng cực kỳ phong phú của những tri thức liên ngành (inter-disciplinary), những công trình nghiên cứu mang tính hàn lâm càng ngày càng trở nên phức tạp và vi tế, và đòi hỏi người nghiên cứu phải có một đầu óc lý luận được rèn luyện đúng mức. Sách vở mang tính hàn lâm đương đại, do đó, không phải dễ đọc và lĩnh hội. Và bởi vì thế, chúng rất dễ gây nên sự thù ghét nơi những người đọc có bản chất phản trí thức.

Trên khắp thế giới, ở quốc gia nào, dù tiên tiến nhất, cũng có loại người dị ứng trước sự phức tạp của sách vở hàn lâm. Họ không đủ kiên nhẫn vượt qua những luận văn dày đặc những luận chứng đối chiếu với vô số trích dẫn, vô số thuật ngữ chuyên ngành, và mang cấu trúc lý luận phức tạp. Họ đòi hỏi một cách ngớ ngẩn rằng những luận văn hàn lâm phải có sự thoáng gọn của những cuốn cẩm nang phổ thông, với ngôn ngữ thường đàm, và mang cấu trúc lý luận đơn giản. Họ yêu thích loại sách "khoa học phổ thông", và thù ghét loại sách khoa học hàn lâm. Họ yêu thích những bài điểm sách đơn giản, và thù ghét những luận văn phê bình mang tính hàn lâm.

Trong một cuộc phỏng vấn với nhà phát hành Seminary Co-op sau khi cho ra đời cuốn *The Last Dinosaur Book: the life and times of a cultural icon* (Chicago : University of Chicago Press, 1998), giáo sư W.J.T. Mitchell phát biểu (đoạn này rất thú vị, tôi xin trích dài hơi):

"Tôi chỉ có thể phỏng đoán rằng thái độ thù hằn đối với việc nghiên cứu hàn lâm về văn hoá, ngay cả đối với chính cái ý tưởng muốn diễn dịch những biểu tượng văn hoá phổ quát, có gốc rễ sâu xa hơn là tôi đã tưởng tượng [...] Bạn sẽ thấy bớt thù hằn hơn nếu bạn đến với một trí óc mở rộng về tri thức hàn lâm [...] Chắc chắn bạn sẽ làm được gì đó khá hơn là thái độ mị dân mang tính phản hàn lâm và phản trí thức đang trở thành cách hành ngôn đại chúng hôm nay. Nói cụ thể, cái thời trang hiện hành của thái độ đánh phá các giáo sư nhân văn, đặc biệt là những học giả về văn chương, là "khó hiểu" và "xài nhiều thuật ngữ chuyên ngành", đã đến hồi quá trớn. Mặc dù tôi cố gắng viết theo một cung cách để người không chuyên có thể tiếp cận được, tôi nhận ra rằng không phải cách viết đó lúc nào cũng áp dụng được, lúc nào cũng thích hợp, hay lúc nào cũng cần thiết. Một vài ý tưởng — đặc biệt là những ý tưởng mới — chỉ có thể được diễn đạt bằng những từ ngữ khó khăn và mang tính kỹ thuật mà người ta phải mất nhiều thì giờ mới lĩnh hội được [...] Những nhà nhân văn học

cũng có quyền tương đương với những nhà khoa học tự nhiên trong việc diễn tả những vấn đề khó hiểu — đó là lúc sự khó hiểu là điều thiết yếu, thích hợp, và không thể tránh được. Cái giá phải trả cho sự khó hiểu là tác giả sẽ chỉ được đọc bởi các độc giả chuyên ngành, những người có khả năng phân biệt được cái khó hiểu nhảm nhí và cái khó hiểu thích đáng. Sự khó hiểu này không lẽ lại tệ hại hơn là thái độ mửa ra thứ ngôn từ nhảm nhí đầy thù hằn thời trang để làm thoả mãn một cách hèn hạ những thành kiến phản hàn lâm và phản trí thức của người đọc phổ thông?"[27]

Còn một điểm nữa, nhưng có lẽ nó quá hiển nhiên nên W.J.T. Mitchell không bàn đến. Dẫu sao, tôi nghĩ chúng ta cũng nên nhắc lại ở đây. Đó là: không những chỉ biểu lộ thái độ thù hằn trước sự "khó hiểu" và "xài nhiều thuật ngữ chuyên ngành" của những luận văn hàn lâm, nhiều độc giả (và thậm chí, nhiều người cầm bút) còn tỏ vẻ thù hằn cả đối với những bài viết sử dụng nhiều trích dẫn, và ngay cả đối với việc chú giải thực rõ ràng và chi tiết đối với các trích dẫn. Họ thường cho rằng những bài viết như thế là "phô trương kiến thức". Họ muốn rằng tác giả nên "tiêu hoá" hết những kiến thức đã đọc được, và khi viết chỉ cần trình bày thẳng những ý nghĩ của mình ra. Tuy nhiên, trong sinh hoạt trí thức, đó lại là điều không nên làm.

Thứ nhất, sự lương thiện trí thức đòi hỏi người viết phải thành thực công bố về xuất xứ của những nguồn ý tưởng mình đã thu hoạch, do đó, việc chú giải là điều bắt buộc. Việc trình bày những kiến thức đã được "tiêu hoá" mà không cần chú giải quá chi tiết về xuất xứ chỉ có thể áp dụng được trong trường hợp những kiến thức đó đã trở thành quá phổ thông; nhưng ngay cả trong trường hợp này, người viết cũng phải nhắc đến tên của tác giả của ý tưởng mà mình vay mượn.

Thứ hai, đối với những bài viết đòi hỏi sự so sánh, đối chiếu và tổng hợp nhiều luận điểm, việc trích dẫn là điều cần thiết. Ngoài yêu cầu lương thiện trí thức, việc chú giải hết sức rõ ràng vừa giúp cho độc giả biết được nguồn tra cứu để tiếp tục tra vấn, vừa giúp độc giả có điều kiện kiểm soát lại sự chính xác của xuất xứ các tài liệu.

Thứ ba, môi trường nghiên cứu hàn lâm là môi trường sinh hoạt về kiến thức, do đó, việc trình bày và diễn dịch các luận điểm phức tạp là điều bình thường. Nhóm chữ "phô trương kiến thức" chỉ nên được dùng cho những bài viết mang nhiều trích dẫn vô dụng và được đem ra theo kiểu bày hàng thiếu hệ thống.

Thứ tư, những người có "khuynh hướng muốn biết" sẽ thích thú khi đọc một bài viết giàu có về kiến thức; chỉ những người không

có "khuynh hướng muốn biết" mới cảm thấy sợ hãi hay khó chịu về điều đó.

Trên kia, chúng ta đã thấy nguyên nhân khiến những nhà lãnh đạo các hệ thống quyền lực bảo thủ luôn luôn thù ghét những lý thuyết mới: họ sợ bị phê phán và mất giá trị. Ở đây, chúng ta lại thấy thêm rằng tại sao nhiều người trong quần chúng cũng biểu lộ sự thù ghét đối với những lý thuyết mới: họ bị dị ứng trước sự phức tạp mang tính hàn lâm. Điều buồn cười là những người này thường tưởng rằng thái độ ngô nghê chống lý thuyết mang tính phản hàn lâm và phản trí thức của họ là đồng nghĩa với thái độ luận chiến phản lý thuyết (antitheoretical polemic) của những chuyên gia về lý thuyết. Thực ra, hai thái độ này hoàn toàn khác nhau về bản chất.

Thái độ luận chiến phản lý thuyết là một thái độ mang tính biện chứng trong phạm vi hành ngôn lý thuyết (theoretical discourse) nhằm thách đố những giới hạn của lý thuyết. Trong phần giới thiệu tuyển tập luận văn *The Limits of Theory* (1989), Thomas M. Kavanagh viết:

"Chữ "giới hạn" được dùng ở đây trong ý nghĩa toán học của nó. Nó vạch một ranh giới mà qua khỏi đó thì một sự thay đổi xảy ra, một đường biên mà qua khỏi đó thì một điều này trở thành một điều khác. Nói cách khác, nhan đề Những Giới Hạn của Lý Thuyết nhất thiết không được đọc như là sự chiếm giữ một vị trí chống lý thuyết, hoặc như là sự dẹp bỏ tức khắc vai trò của lý thuyết. Đối với một số nhà phê bình nào đó, sự lựa chọn này có vẻ hấp dẫn, nhưng nó là một ảo ảnh của kẻ thích tranh cãi. Thực ra, không sự phán đoán nào về văn học hay về bất cứ một sự kiện văn hoá nào khác lại có thể ngự trị bên ngoài một lý thuyết tiềm ẩn tối thiểu mà lý thuyết này vừa duy trì vừa định hình cho sự hành ngôn mang tính phê bình của nó. Murray Krieger đã đặt sự bất khả của hiện hữu của chúng ta, một cách thật nghiêm trọng, đối nghịch với lý thuyết rất khéo léo: "Sự chọn lựa của chúng ta không phải là giữa việc có một lý thuyết hay không có một lý thuyết; bởi vì chúng ta phải có một lý thuyết (hay hai hay ba hay nhiều lý thuyết bất thích nghi khác). Sự chọn lựa của chúng ta tốt hơn nên là giữa việc có một nhận thức về những vấn đề mang tính lý thuyết mà sự phê bình của chúng ta không thể tránh khỏi phải nêu lên hay việc gạt bỏ một nhận thức như vậy." Cùng một cách lý luận như vậy, W.J.T. Mitchell chỉ ra rằng ủng hộ một vị trí chống lý thuyết là thực hiện một cử chỉ không thể thiếu được trong hành ngôn của lý thuyết: "Luận chiến phản lý thuyết là một trong những thể loại mang tính đặc trưng của hành ngôn lý thuyết . . . một khoảnh khắc mang tính biện chứng

không thể tránh khỏi xảy ra trong phạm vi hành ngôn lý thuyết, một khoảnh khắc khi xu hướng mang tính xây dựng, tích cực của lý thuyết làm phát ra sự phủ nhận của chính nó."[28]

Chúng ta có thể thấy, trong đoạn văn trên, Thomas M. Kavanagh trích nhận định của W.J.T. Mitchell để nhấn mạnh rằng lý thuyết là cái có một "discourse", còn phản lý thuyết chỉ là một thái độ "polemic", và chỉ là một trong những thể loại mang tính đặc trưng của "theoretical discourse". (Một cách hết sức tóm tắt, thô thiển, và tất nhiên rất thiếu sót, chúng ta có thể hiểu rằng "discourse" là một phạm vi hành ngôn đặc thù mang tính lịch sử và tính chức năng của một hoạt động chuyên biệt mà hoạt động này hiện hữu trong môi trường ngôn ngữ. Ví dụ: hành ngôn thi ca, hành ngôn tiểu thuyết, hành ngôn lý thuyết, v.v...). Chúng ta cũng thấy W.J.T. Mitchell nhấn mạnh xu hướng mang tính xây dựng và tính tích cực của lý thuyết, và vạch rõ rằng chính xu hướng này, trong một khoảnh khắc mang tính biện chứng, đã làm phát ra thái độ luận chiến phản lý thuyết — một thái độ tự nó mang tính lý thuyết. Ở đây, tôi cũng muốn nói thêm về ý nghĩa của nhóm chữ *"một khoảnh khắc mang tính biện chứng không thể tránh khỏi"* ("an inevitable dialectical moment"). Dùng nhóm chữ này, W.J.T. Mitchell muốn khẳng định rằng, trong phạm vi "theoretical discourse", một lý thuyết là chính đề (thesis), và ở khoảnh khắc mà lý thuyết ấy đã đi đến "giới hạn" của nó, thì cái "antitheoretical polemic" nẩy sinh ra từ chính nó như một phản đề (antithesis), đối lập với chính đề, nhằm dẫn đến một hợp đề (synthesis), và hợp đề này vẫn nằm trong phạm vi "theoretical discourse" dưới dạng một lý thuyết mới. Chính vì thế, Thomas M. Kavanagh nhận định rằng con người không thể thoát khỏi lý thuyết, và rằng sự chiếm giữ một vị trí *chống* lý thuyết, hay ý muốn dẹp bỏ tức khắc vai trò của lý thuyết, chỉ là một ảo ảnh của kẻ thích tranh cãi. Thực vậy, bất cứ một ý tưởng nào được phát biểu rành mạch cũng chứa đựng trong nó mầm mống của một lý thuyết mới hay là bản sao của một lý thuyết sẵn có.

Nguyên gốc câu văn trên của W.J.T. Mitchell nằm trong lời giới thiệu của cuốn *Against Theory* (1985), một tuyển tập luận văn nổi tiếng về hành ngôn lý thuyết và luận chiến phản lý thuyết. Ngay từ những câu đầu tiên của lời giới thiệu, W.J.T. Mitchell đã viết:

"Tuyển tập luận văn này có thể được đặt nhan đề A Defense of Theory (Một sự bảo vệ cho lý thuyết) hoặc nhan đề Against Theory (Chống lại lý thuyết) cũng thế. Hầu hết những người góp bài đều bảo vệ cho một dạng thức nào đó của lý thuyết văn học, hoặc như là một mô thức thực hành phê bình, hoặc như là một khối ý tưởng đứng bên

ngoài việc thực hành phê bình và cung ứng cho nó những nguyên tắc căn bản, những phương pháp căn bản, và những vấn đề căn bản mang tính truy tầm. Lý do của nhan đề khả dĩ gây hiểu lầm này là rằng tất cả những luận văn ở đây đều được viết để đáp ứng với luận văn 'Against Theory' của Steven Knapp và Walter Benn Michael, xuất bản lần đầu trên tập san Critical Inquiry vào mùa hè 1982."[29]

Như thế, nói cho cùng, luận chiến phản lý thuyết làm hành ngôn lý thuyết trở nên phong phú và sâu sắc, và là một trong những động lực thúc đẩy ý thức phê bình đối với lý thuyết. Luận chiến phản lý thuyết có tác dụng tạo nên những khoảng cách mang tính hoài nghi và tra vấn cần thiết trong tư duy của người trí thức. Trái lại, thái độ chống lý thuyết vì dị ứng trước sự phức tạp mang tính hàn lâm là thái độ phản hàn lâm và phản trí thức.

4. Trí thức / phản trí thức:
những đặc tính tương phản chủ yếu

Bàn về những đặc tính của khái niệm người trí thức, nhất thiết chúng ta liên tưởng đến vế đối lập của khái niệm này. Tuy nhiên, trước khi nói đến vế đối lập, chúng ta cần tóm lược những đặc tính chủ yếu của người trí thức.

Người trí thức hiển nhiên cần có vốn tri thức sâu và/hoặc rộng chừng nào tốt chừng ấy, vì vốn ấy cho y điều kiện căn bản để hoạt động. Vốn tri thức này có thể một phần nào được thu hoạch từ học đường, nhưng đa phần được thu hoạch từ công tác truy tầm liên tục những nguồn tri kiến của nhân loại. Tuy nhiên, vốn tri thức này chỉ là điều kiện cần thiết, nhưng chưa đủ để tạo nên người trí thức. Y phải là một con người của ý tưởng, luôn luôn chiến đấu với những ý tưởng sẵn có, và tạo ra ý tưởng mới. Y phải là một người biết giữ một khoảng cách cần thiết giữa bản thân y và những hệ thống quyền lực và lợi nhuận, đồng thời y cũng cần phải giữ một khoảng cách giữa bản thân y và chính những ý tưởng của y. Khoảng cách ấy khiến y không hoàn toàn bị kẹt dính vào một ý thức hệ nào, mà trái lại, có cơ hội đứng trên lằn ranh và đi xuyên qua các ý thức hệ tương phản nhau. Trong điều kiện này, y không tin tưởng rằng có một chân lý nào mang tính tuyệt đối và vĩnh cửu, mà chỉ có những sự thực tương đối và tạm thời. Y luôn luôn giữ một khoảng cách trong tư duy, vì y là con người của những ý tưởng độc lập. Là con người của những ý tưởng độc lập, y yêu chuộng sự tự do. Để chiêm nghiệm những ý tưởng cũ và xây dựng những ý tưởng mới, y thường sử dụng các chức năng của lý tính. Y sống với lý luận, ham thích lý luận, và nhạy bén đối với các ưu và khuyết điểm

của những cơ sở lý luận. Y hăng hái đương đầu với những ý niệm phức tạp và trừu tượng. Bởi có "khuynh hướng muốn biết", y thích sự phân tích, thích đào xới những gì khuất lấp, thích tra vấn vào những khía cạnh tế vi của những gì nhìn chung có vẻ rất hiển nhiên. Là người theo đuổi những ý tưởng mới, y yêu thích sự sáng tạo, đồng thời, y yêu thích sự phê bình và chấp nhận sự phê bình. Vì giữ được khoảng cách trong tư duy, y độc lập trước những truyền thống, và thừa nhận hay phủ định các giá trị của chúng một cách khách quan. Y không dừng lại ở những giá trị sẵn có, mà tra vấn về chúng, phê phán chúng, và nỗ lực phát kiến những giả thuyết mới nhằm tạo điều kiện làm nẩy sinh những giá trị mới, hay nhằm xây dựng một cách thế quan sát mới để tái xét những giá trị sẵn có. Như thế, y không chuộng sự an vị, an tâm, mà chuộng một tư thế năng động thích hợp với sự chuyển động không ngừng của thế giới.

Mẫu người ngược lại là mẫu người có thể có hoặc không có một vốn tri thức. Nếu không có, y không phải thao thức với hạn chế của bản thân. Nếu có, y thường lấy làm tự thoả mãn, vì xem việc thủ đắc vốn tri thức sẵn có từ học đường hay sách vở là mục đích tối hậu. Y hãnh diện làm một cuốn "tự điển sống", và không cần lưu tâm đến tác dụng của cuốn "tự điển sống" ấy. Tuy nhiên, vốn tri thức của mẫu người này thường chỉ là những mảnh ý tưởng rời rạc, thiếu hệ thống, và nông cạn. Đó không phải là vốn tri thức của con người truy tầm, mà là của con người góp nhặt. Y không cần hoặc không muốn giữ một khoảng cách cần thiết giữa bản thân y và những hệ thống quyền lực và lợi nhuận, đồng thời y cũng không cần hoặc không muốn giữ một khoảng cách giữa bản thân y và chính những ý tưởng của y. Do đó, y vô tình hay cố ý để bản thân kẹt dính vào một ý thức hệ nào đó. Bị hay được kẹt dính như thế, y sẵn sàng tin tưởng vào một chân lý mang tính tuyệt đối và vĩnh cửu. Trong thế kẹt dính đó, một cách tự động, y xem con người của những ý thức hệ đối lập là kẻ thù cần bị tiêu diệt. Y không cần hoặc không có những ý tưởng độc lập. Vì không cần hoặc không có những ý tưởng độc lập, y hoang mang hay sợ hãi trước sự tự do, và thích được hoạt động trong một phạm vi có giới hạn và có vẻ an toàn. Vì không có khuynh hướng chiêm nghiệm những ý tưởng cũ và xây dựng những ý tưởng mới, y thường sử dụng các chức năng của cảm tính. Y không thích lý luận, không quan tâm và không nhạy bén đối với các ưu và khuyết điểm của những cơ sở lý luận. Trái lại, y thích các giáo điều, các "kinh điển". Dù là tín đồ của một ý thức hệ, y không thấy có nhu cầu phải nghiên cứu tường tận về cơ sở lý thuyết và bản chất của ý thức hệ ấy. Y thích sự tin tưởng hơn sự nhận thức. Y

thích ban mệnh lệnh và nghe mệnh lệnh. Y thích các khẩu hiệu đơn giản, và tin rằng chúng có những giá trị mang tính chân lý, mặc dù chính y cũng có thể đã nhìn thấy những khẩu hiệu ấy luôn thay đổi nhanh chóng theo những chính sách tạm bợ của một hệ thống quyền lực nhất định nào đó; hoặc nếu y là một thành viên của hệ thống quyền lực ấy, y đứng ra thay đổi các khẩu hiệu ấy, và luôn luôn thấy chúng hợp lý và nhất quán với ý thức hệ cơ sở. Y tin rằng các vấn đề của cuộc sống có thể được giải quyết bằng những mệnh lệnh, khẩu hiệu và giáo điều xuất phát từ một hệ thống quyền lực nhất định, và vì thế, y luôn luôn bày tỏ hoặc muốn nhìn thấy quần chúng bày tỏ sự hoan hỉ hưởng ứng và nhiệt tình thi hành theo những mệnh lệnh, khẩu hiệu và giáo điều. Y không thích đương đầu với những ý niệm phức tạp và trừu tượng, mà chuộng sự đơn giản và cụ thể. Bởi không có "khuynh hướng muốn biết", y không thích sự phân tích, không thích đào xới những gì khuất lấp, và dễ chấp nhận những gì có vẻ rất hiển nhiên. Không phải là người theo đuổi những ý tưởng mới, y không yêu thích sự sáng tạo, và dị ứng trước những gì mới. Y sợ hay thù ghét sự phê bình và không chấp nhận bị phê bình. Trái lại, y thích chìu chuộng và thích được chìu chuộng. Vì không có khoảng cách trong tư duy, y bám chặt vào những truyền thống, và hoàn toàn thừa nhận các giá trị của chúng một cách thụ động. Y chỉ dừng lại ở những giá trị sẵn có, không thích hoặc không dám tra vấn về chúng. Y không thích hay không dám đưa ra những giả thuyết, và không đủ kiên nhẫn hoặc không thích mất thì giờ với những lý thuyết. Y yêu chuộng sự thực hành theo những hướng dẫn đơn giản và cụ thể trong các cẩm nang, các sách kim chỉ nam. Như thế, y chuộng sự an vị, an tâm, và lo sợ trước sự chuyển động không ngừng của thế giới.

Tất nhiên, sự phân biệt này chỉ nhằm mô tả một cách rạch ròi một mẫu người rất trí thức và một mẫu người rất phản trí thức. Trong đời sống thực tế hàng ngày, ở những mức độ khác nhau, con người có thể thiên về mẫu thứ nhất, hay thiên về mẫu thứ hai. Những nhân vật có khả năng tạo nên những cuộc chuyển mình to lớn và tốt đẹp trong các phương diện hoạt động của nhân loại là những người thiên về mẫu thứ nhất ở mức độ tuyệt cao.

Một điều cần nhấn mạnh là: trí thức hay phản trí thức không phải là những đặc tính cố định của một con người. Một kẻ từng là người trí thức có thể dễ dàng biến thành người phản trí thức, nếu y không còn giữ được cái khoảng cách cần thiết trong tư duy. Ngược lại, tuy là khó khăn, một người vốn là kẻ phản trí thức có thể trở thành một người trí thức nếu y nỗ lực nâng cao bản thân, vượt qua những hạn chế trong ý

thức, mở rộng và đào sâu vốn hiểu biết, và thiết lập được một khoảng cách cần thiết trong tư duy.

Một điều khác cũng cần được nhấn mạnh là: người trí thức không nhất thiết lúc nào cũng giữ vai trò đối lập với quyền lực. Y cũng có thể là người nắm quyền lực, nhưng điều đặc biệt là ở chỗ y luôn luôn tỉnh táo và giữ được một khoảng cách cần thiết giữa tư duy và hành động. Khoảng cách này mang tính tự phê phán; và đến chừng nào tính tự phê phán còn vận động, chừng đó y vẫn còn là một người trí thức. Thomas Jefferson (1743-1826), vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ, là một người trí thức đúng nghĩa. Ông là người trí thức đúng nghĩa không chỉ vì ông biết chơi vĩ cầm, biết nói và viết sáu ngoại ngữ, cải tiến chiếc cày và các phương pháp canh tác, thiết kế kiến trúc Viện Đại Học Virginia, cải soạn Tân Ước theo ý mình, bảo trợ các công trình khoa học, thực hiện những cuộc thám du khảo cổ học chính quy đầu tiên của Hoa Kỳ, truy tầm nhân chủng học về người da đen và da đỏ, nghiên cứu thời tiết học, không ngừng tiếp xúc với giới khoa học gia ngay cả khi đã là Tổng Thống, và là tác giả chính yếu của bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Ông là người trí thức đúng nghĩa vì, trên tất cả những điều đó, ông đã không bao giờ để bản thân chìm đắm vào quyền lực, và luôn luôn nhìn thấy những giới hạn của những giá trị. Là một triết gia cấp tiến trong một tổng thống, ông nói: *"Một thế hệ này không thể bắt buộc một thế hệ khác tiếp nối nhãn quan của nó về những vấn đề nhân bản."*[30] Vaclav Havel (1936-), tổng thống Tiệp Khắc hiện nay, cũng là một nhà trí thức đúng nghĩa. Ông là người trí thức đúng nghĩa không chỉ vì ông là kịch tác gia lừng danh nhất Tiệp Khắc, cũng không chỉ vì suốt đời ông chống đối chế độ độc tài và bị bỏ tù liên tục. Ông là người trí thức đúng nghĩa vì, cho đến hôm nay, ở cương vị một Tổng Thống ông vẫn tiếp tục tư duy như một nhà phê bình văn hoá, một người giữ được cái khoảng cách cần thiết giữa tư duy cá nhân và truyền thống dân tộc. Ông nhận thấy lòng tự hào dân tộc là một lực kềm hãm sự tiến bộ của đất nước và ngăn cản tiến trình hoà bình của nhân loại; và ông can đảm nói lên điều đó:

"Tôi là một người Tiệp Khắc. Đây không phải là sự chọn lựa của tôi, mà là số phận. ... Đây là tiếng nói của tôi, đây là nhà của tôi. Tôi sống ở đây như mọi người. Tôi không cảm thấy mình là một người ái quốc, bởi vì tôi không cảm thấy rằng làm người Tiệp Khắc là điều gì đó hơn là làm người Pháp, hay Anh, hay Âu Châu, hay là người của bất cứ dân tộc nào khác. ... Tôi cố gắng làm một điều gì đó cho đất nước của tôi vì tôi sống ở đây."[31]

Trong giới cầm nắm quyền lực, những khuôn mặt trí thức như thế

vô cùng hiếm hoi, ngược lại, loại người phản trí thức vô cùng phổ biến. Do đó, những khuôn mặt trí thức thường xuất hiện bên ngoài các hệ thống quyền lực và lợi nhuận.

Người trí thức (dù là một nhà khoa học, một nghệ sĩ, hay một triết gia) là người mà tác phẩm của y biểu lộ những ý tưởng mới mang đầy tính sáng tạo. Một tác phẩm đầy tính sáng tạo bao giờ cũng đồng thời mang đầy tính phê phán. Những ý tưởng mới mang đầy tính sáng tạo ra đời bao giờ cũng mang ngụ ý rằng những ý tưởng sẵn có đã mất một phần hay tất cả giá trị. Do đó, chúng là những sự thách thức đối với cảm thức mang quán tính của con người đương thời. Trái lại, những tác phẩm thiếu tính sáng tạo là những tác phẩm mang đầy tính thoả hiệp và nhượng bộ. Chúng là sự tái khẳng định, là bản sao của những giá trị sẵn có. Do đó, chúng thường được con người đương thời yêu mến, và được các hệ thống quyền lực và lợi nhuận ban thưởng. Nói ngắn gọn, chúng là tác phẩm của những người phản trí thức. Loại người này, dù họ có đóng vai những nhà phê bình, họ vẫn được yêu mến và ban thưởng, vì họ không phê phán những giá trị đã rã mục, mà ngược lại, họ đứng trên những giá trị ấy để phê phán và chống lại những giá trị mới. Thực ra, họ không phải là những nhà phê bình, mà là những giám thị văn hoá, hay tệ hơn, họ là "những con chó canh cửa hay chó bảo vệ" (theo chữ dùng của Harry Harootunian) cho những huyền thoại đã kiệt quệ.

Ngược lại, những nhà phê bình đúng nghĩa — những kẻ sống với thiên chức của người trí thức và trực tiếp biểu hiện thiên chức ấy qua ngôn ngữ phê phán — và không chỉ những nhà phê bình đúng nghĩa, mà bất cứ con người sáng tạo đích thực nào, cũng phải gánh chịu sự bất mãn của đa số người đương thời. Sự sáng tạo lớn chừng nào, sự bất mãn lớn chừng ấy.

Đó là cái giá mà người trí thức phải trả để thế giới được chuyển động không ngừng nghỉ. Để tạo được chuyển động ấy — những chuyển động từ chiếc hang thời tiền sử đến đường bay liên hành tinh hôm nay — cái giá ấy quá rẻ. Vâng, quá rẻ, nhưng trong những giai đoạn lịch sử nào đó, có những dân tộc đã lâm vào tình trạng khan hiếm cùng cực những con người dám trả cái giá ấy.

5. Quan niệm trí thức nô bộc ở Trung Hoa và Việt Nam ngày xưa

Trong thời đại liên hành tinh hôm nay — thời đại hậu phong kiến, thời đại hậu kỹ nghệ, thời đại mà ý thức dân chủ đã thấm nhuần đến cao độ vào tinh thần nhân loại, thời đại mà các nguồn tri thức trên

khắp hoàn cầu đã tràn ngập siêu xa lộ thông tin — những đất nước đang nằm trong tình trạng khủng hoảng trí thức là những đất nước trong đó thành phần có học vấn gồm đa số người bạc nhược và bảo thủ. Đất nước Việt Nam chúng ta đang chứng tỏ có nỗ lực vươn lên về nhiều phương diện, nhưng thành thực mà nói, cuộc vươn lên của chúng ta khó khăn cực kỳ vì đa số người trong thành phần có học vấn vẫn còn đang giãy giụa trong mớ tàn dư của tinh thần phong kiến, một tinh thần gắn liền với quan niệm trí thức nô bộc ngày xưa mà gốc rễ của nó xuất phát từ Trung Hoa. Bên cạnh Nhật Bản, các nước Đông Á và Đông Nam Á chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa cũng đều phải còn giãy giụa với tàn dư ấy mãi cho đến hôm nay ở những mức độ khác nhau (rất ít, như Nhật Bản hay Đại Hàn, chẳng hạn; và rất nhiều, như Trung Quốc và Việt Nam, chẳng hạn).

Thực vậy, Việt Nam — một đất nước chậm tiến nhất trong khu vực này — tất nhiên phải giãy giụa với tàn dư ấy một cách nhọc nhằn và dài lâu hơn cả. Để thấy rõ vấn đề, chúng ta hãy xem lại quan niệm trí thức nô bộc ngày xưa ở Trung Hoa và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam.

Ở Trung Hoa cổ đại, lực lượng thống lĩnh chia xã hội thành bốn hạng người là "sĩ", "nông", "công", và "thương". "Sĩ" là hạng người trí thức của thời ấy, và là hạng cao nhất trong bốn hạng; và trong *Luận Ngữ,* Khổng Tử đã tốn bao nhiêu lời để nói về người "quân tử", tức là người tối hảo của hạng "sĩ". Thời ấy, sự nể phục của quần chúng đối với hạng "sĩ" dường như còn có thêm một vài lý do nữa. Theo Lý Lạc Nghị, từ thời Ngũ Đế, "sĩ" là quan coi ngục. Sách *Thượng Thư* có ghi: *"Nhữ tác sĩ, ngũ hình hữu phục"*. Như thế, quan coi ngục này có nhiệm vụ thực hiện năm hình phạt đối với tù nhân. Lý Lạc Nghị còn giải thích về hình chữ "sĩ" như sau: *"Hình dạng Kim văn rõ ràng là một cái rìu to, đó là tượng trưng hình quan. Còn cùng nghĩa với sĩ (là làm quan)."*[32] Còn chữ "quân" trong "quân tử" cũng rất đáng sợ. Chữ "quân" do chữ "doãn" (là một tay cầm gậy, tượng trưng quyền lực), ghép với chữ "khẩu" (chỉ việc phát lệnh).[33]

Người "quân tử" và kẻ "sĩ" được trọng dụng như thế, vì họ là những người có học. Vậy chúng ta thử xem họ học như thế nào.

Trước hết, cái học của họ không xem trọng cái trí. Trong các đức cần phải thực hành để thành người quân tử, Khổng Tử xem trọng nhất là "lễ" và "nhân" và xem nhẹ nhất là "trí". Trong *Luận Ngữ*[34], ông chỉ nhắc đến "trí" có 7 lần, và trong cả 7 lần, ông hoàn toàn không hề nói đến cái trí như khả năng tư duy trừu tượng, như điều kiện của lý luận, mà hầu như chỉ nói đến "trí" như cái "khôn" trong việc ứng xử:

1/ trí là biết đức nhân có lợi cho mình và người nên làm điều nhân (IV.2); 2/ trí là biết tôn trọng thiên tử, và không xa hoa; 3/ trí là biết ứng xử tùy thời thế chính trị, lúc tỏ ra khôn, lúc làm ra vẻ ngu (V.20); 4/ trí là siêng làm việc và biết kính nhi viễn chi (VI.20); 5/ trí là thích nước, thích động, vui sống; còn nhân là thích núi, thích tĩnh, sống lâu (như vậy nhân cao hơn trí) (VI.21); 6/ trí là không mê hoặc (IX.28); 7/ trí là biết người (XII.22). Như vậy, trong cái học của người quân tử, khả năng tư duy trừu tượng, khả năng lý luận, là những điều không cần thiết. Trần Trọng Kim nhận xét rằng chữ "trí" của Khổng Tử không phải là "lý trí". Ông giải thích:

"Chữ 'lý trí' là chữ người ta mới đặt ra để dịch chữ 'raison' của Tây. Tôi đã từng giải nghĩa chữ 'lý trí'. Chữ 'lý trí' không có trong sách Nho giáo, nhưng cứ theo lời Mạnh Tử, thì 'lý trí' là cái 'trí xuyên tạc' của người, chứ không phải là cái trí công nhiên như cái trí của vua Vũ trị thủy."[35]

Đã không xem trọng lý trí, họ lại chủ yếu nhai đi nhai lại những cái cũ, chứ không nghĩ đến việc sáng tạo cái mới. Khổng Tử nói: *"Ta đã có lần suốt ngày không ăn, trọn đêm không ngủ, để suy nghĩ, nhưng vô ích, không bằng học"*(XV.30). Tất nhiên, ở lúc khác, Khổng Tử lại cho rằng: *"Học mà không suy nghĩ thì mờ tối, suy nghĩ mà không học thì nguy hại."* (II.15). Tuy nhiên, sự suy nghĩ này không phải là suy nghĩ mang tính lý luận, phê bình và sáng tạo, mà chỉ tìm cách lĩnh hội giá trị cũ, vì Khổng Tử chủ trương học theo kiểu *"thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ"*(VII.1). Học như thế chỉ thích hợp để làm quan như một kẻ phục vụ và bảo vệ quyền lực quân chủ phong kiến. Và rõ ràng, Khổng Tử không thích cách mạng; ông khen Bá Di, Thúc Tề, mà chê Võ vương, là vì thế. Khi Khổng Tử nói *"ôn cố nhi tri tân"*(II.11), rõ ràng ông nhấn mạnh vào "ôn cố", còn "tri tân" là điều rất đáng ngờ. Nếu ai cũng chỉ tin vào cái cũ, yêu chuộng cái cũ, truyền thuật cái cũ, mà không sáng tác cái mới, thì làm gì có cái mới mà "tri"? Mà rõ ràng trong toàn bộ *Luận Ngữ*, ông chỉ một lần nói "tri tân", rồi thôi, và không hề nói đến điều gì là "tân" nữa cả.

Họ chủ yếu học những cái cũ, mà di sản cũ kỹ của họ cũng chẳng có là bao. Nhận định về vốn sách vở Khổng Tử đã đọc, Nguyễn Hiến Lê viết:

"Tóm lại, các học giả ngày nay cho rằng những sách đời Xuân Thu mà Khổng được đọc chỉ có ít bộ sử của một số nước (nhất là Lỗ, có thể Chu nữa), Kinh Thi, mươi thiên trong Kinh Thư, một số thiên trong Kinh Lễ (không biết những thiên nào), Kinh Nhạc, và bộ sách bói tức Kinh Dịch. Di sản đời Tây Chu để lại cho ông đại khái có bấy

nhiêu. Còn công ông san định các kinh đó thì chưa có gì chắc chắn cả."[36]

Di sản cũ đã nghèo, mà họ lại chỉ "thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ". Suốt đời, Khổng Tử chỉ viết được bộ *Kinh Xuân Thu,* mà trong đó ông không đưa ra được một ý tưởng mới nào. Đó chỉ là một bộ biên niên sử về đời Lỗ, từ năm đầu tiên đời Lỗ Ẩn Công đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công. Nguyễn Hiến Lê nhận định: *"Ông chỉ có việc lấy sử của Lỗ, lựa những việc quan trọng (theo ý ông) hằng năm rồi chép một cách rất vắn tắt trong một hai câu"*; *"lời rất khô khan, đọc rất chán"*, và *"ông chép sử với quan niệm đạo đức mà phải che giấu sự thực đi, như vậy, chính là áp dụng thuyết chính danh của ông."*[37] (Giới hạn của bài viết không cho phép chúng ta bàn thêm về thái độ che giấu sự thực để giữ sự "chính danh" trong khi chép sử).

Chúng ta thông cảm rằng vào thời Xuân Thu sách vở quá thiếu thốn, trình độ tư duy của con người còn sơ lậu, nên học hành và suy nghĩ như thế là điều tự nhiên. Nhưng chúng ta khó thông cảm với sự kiện rằng thái độ học hành và suy nghĩ như thế mà có thể tiếp tục kéo dài mãi suốt hai ngàn năm sau đó. Suốt thời quân chủ phong kiến, kẻ sĩ ở Trung Hoa và Việt Nam chỉ chủ yếu nhai đi nhai lại tứ thư ngũ kinh và một mớ sách Trung Hoa xưa cũ. Học xong, đến trường thi, phải viết sao cho đẹp lòng nhà cầm quyền, tránh phạm húy, thuần thành với ý thức hệ quân chủ phong kiến, là đạt. Ở nước ta, nội dung cái học đã thảm hại như thế, mà tổ chức thi cử lại càng thảm hại. Từ khoa thi đầu tiên, năm 1075, đời Lý Nhân Tông, đến khoa thi cuối cùng, năm 1919, đời Khải Định, nghĩa là gần 10 thế kỷ, đất nước ta chỉ có 185 khoa thi và 2.875 thi đỗ từ cấp Tú Tài đến Tiến Sĩ.[38] Thảm hại hơn nữa, cấp Tiến Sĩ ngày xưa của ta không nghiên cứu luận án độc lập mà chỉ làm bài thi theo đề ra sẵn. Do đó, tất cả bài thi của 56 Trạng Nguyên trong một ngàn năm văn hiến đều không được lưu lại, vì chỉ toàn là những điều nhai lại và vô dụng.

Học đi học lại những cái cũ ít ỏi, và xem rẻ cái trí, nên họ được nhà nước phong kiến trọng dụng. (Tất nhiên, nếu họ là kẻ cầm quyền phong kiến, họ cũng chỉ trọng dụng những học giả bảo thủ.) Trọng dụng là ban tước quan và cho bổng lộc. Khổng Tử nói: *"Học dã, lộc tại kì trung hĩ"*(XV.31) Ông khuyên Tử Trương cẩn thận trong việc học, vì *"lời nói ít lỗi lầm, việc làm ít ăn năn; bổng lộc tự nhiên ở trong đó"*(II.18) Học vì bổng lộc, nên thời ấy người ta nôn nóng lắm. Khổng Tử nói: *"Học ba năm mà không có ý cầu bổng lộc, dễ được mấy người?"*(VIII.12). Học, tất nhiên là có bổng lộc, vì người có học thì được bổ quan. Và thú vị thay, người có học, mà không chịu hưởng

bổng lộc, tức là không chịu ra làm quan, lại bị chê trách. Tử Lộ nói: *"Không ra làm quan mà ở ẩn là không hợp đạo nghĩa"*; và *"người quân tử ra làm quan là làm nghĩa vụ của mình."*[39]

Học là để làm quan và hưởng bổng lộc, nên họ rất "hiếu học". Trong *Vân Đài Loại Ngữ,* thiên "Sĩ Quy Loại", đoạn 1, Lê Quý Đôn ghi:*"Kinh Thư chép: 'Trước học sách của cổ nhân, sau mới ra làm quan'. Sách Luận Ngữ dạy rằng: 'Học cho giỏi giang, hãy ra làm quan'. Sách Tả Truyện nói: 'Muốn làm chính sự, hãy học đã'."*[40] Mà "hiếu học" là phải, vì nhiều khi làm quan có nghĩa là chẳng phải làm gì cả. Trong *Vân Đài Loại Ngữ* của Lê Quý Đôn, ở thiên "Thư Tịch Loại", mục 5, có ghi:

"Đời Đường, triều đình hạ chiếu cho ai thông hiểu Tam Truyện [tức là ba truyện trong kinh Xuân Thu: 'Tả Thị Truyện', 'Công Dương Truyện' và 'Cốc Lương Truyện'] và Nghi Lễ, đều được phong làm tán quan (người nhàn tản, có quan hàm, mà không chức việc). Ấy, đời xưa trọng học là vậy."[41]

Như vậy, để làm người quân tử có đặc quyền đặc lợi ở đời Đường không phải là điều khó khăn gì. Quân tử loại đó là loại "trí thức" vô dụng đối với đời sống, nhưng lại hữu dụng đối với nhà cầm quyền. Sau khi được vỗ béo rồi để ngồi làm cảnh, đám tán quan này, thay vì suy nghĩ lao lung về tiền đồ thế sự, chỉ cúc cung ăn cây nào rào cây ấy, làm thơ, viết phú ca ngợi triều đình.

Khi đã được bổ làm quan, nếu muốn giữ được tính mạng và sự nghiệp, người quân tử dường như phải thuộc nằm lòng cái tư cách ứng xử được chính bậc "vạn thế sư biểu" Khổng Tử thể hiện trong *Luận Ngữ*, như sau:

"Khi vua (Lỗ) triệu ông tiếp khách (nước ngoài) thì ông biến sắc, chân bước run run. Khách cùng đứng với ông thì ông chắp tay vái người bên tả, người bên hữu; vạt trước, vạt sau của áo phiêu động khi ông cúi, ông ngửng. Khi ông rảo bước tiến tới, ông đi mau, hai cánh tay đưa ra thẳng như cánh chim. Khách lui rồi, ông tất vào tâu với vua: 'Khách không quay đầu lại (đã đi rồi)'."(X.3) *"Khi vô cửa lớn của triều đình, ông khom khom như cửa thấp quá. Ông không đứng ở giữa cửa; khi đi, không dẫm lên ngạch cửa. Đi ngang qua ngai vua (ngai trống), ông biến sắc, chân bước run run, nói như chẳng ra lời. Khi ông vén áo bước lên thềm, ông khom khom, nín hơi như khó thở. Khi lui, bước xuống một bực, sắc mặt ông lại hoà hoãn, vui vẻ. Xuống đến bực cuối, ông đi mau, hai cánh tay đưa thẳng ra như cánh chim. Trở về chỗ cũ thì ông lại cung kính, có vẻ như không yên tâm."*(X.4) *"(Khi đi sứ nước ngoài) cầm thẻ ngọc Khuê thì ông khom khom như bưng chẳng*

nổi, đưa ngọc Khuê lên như vái chào, hạ xuống tới ngực như trao cho ai. Ông biến sắc như sợ sệt, chân ren rén bước từng bước như noi theo một vật gì. Khi dâng lễ vật, thì dáng mạo ôn hoà. (Lễ xong rồi) lấy tư cách cá nhân yết kiến vua quan nước ngoài thì nét mặt thoải mái, vui vẻ."(X.5)

Tư cách người quân tử như thế thì sao mà nhà vua chẳng hài lòng? Cái tư cách đó được truyền từ bậc "vạn thế sư biểu" ở Trung Hoa thời cổ đại xuống đến bậc trí thức tài hoa Nguyễn Du ở nước Việt Nam đầu thế kỷ 19 không mảy may sa sút. *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chép:

"Du là người ngạo nghễ tự phụ, mà bề ngoài tỏ ra kính cẩn, mỗi khi vào yết kiến, sợ hãi như không nói được. Vua thường bảo rằng nhà nước dùng người, chỉ cần người hiền, vốn không phân biệt Nam Bắc, ngươi cùng với Ngô Vị đã được đối đãi hậu, làm quan đến á khanh, nên biết thì phải nói, để hết chức phận, há nên do dự rụt rè chỉ cốt dạ vâng làm gì."[42]

Gia Long nói rất chí lý, *"nhà nước dùng người, chỉ cần người hiền"*. Lý Lạc Nghị giải thích hình Giáp Cốt văn của chữ "hiền" là con mắt nhìn xuống, có thêm bàn tay đảm, được coi là nô bộc tốt.[43] Trong chữ "hiền", có chữ "thần" (với nghĩa "thần phục"). Chữ này được giải thích như sau: *"Nghĩa gốc là nô lệ. Những người này trước chủ không dám ngẩng đầu lên. Khi người nô lệ cúi đầu xuống, mắt trông như là thẳng đứng. Vì thế người xưa dùng con mắt trong tư thế đó làm chữ "thần"*.[44] Nhà nước dùng người, chỉ cần người hiền, tức là nô bộc tốt. Mà muốn được xem là nô bộc tốt, phải biết ứng xử sao cho ra nô bộc. Muốn ứng xử sao cho ra nô bộc, không gì hay bằng làm theo đúng tư cách người quân tử như bậc vạn thế sư biểu đã làm.

Chúng ta có thể biện hộ cho cái thái độ khúm núm run sợ trước vua như thế là đóng kịch (!) để biểu lộ sự cung kính tột bậc với thiên tử, và có làm thế thì thiên tử mới tin dùng; và nếu thiên tử có tin dùng thì người quân tử mới có thể lấy sự hiểu biết của mình để khuyên can và cảm hoá thiên tử. Nhưng Khổng Tử khúm núm như thế mà có cảm hoá gì được đâu. Sau 6 năm làm quan, lên tới chức tướng quốc thứ nhì, ông phải ra đi vì vua Lỗ Định Công và tướng quốc thứ nhất là Quý Hoàn tử vì mê gái đẹp nên cải trang làm thường dân để đi ra cổng thành xem vũ nữ nước Tề, xem mải mê nhiều ngày đến độ quên việc triều chính, và không còn trọng dụng ông nữa. Chỉ đến khi bị bỏ rơi như thế, rồi lang thang lưu lạc qua nhiều nước, rồi bị vây khổn, tuyệt lương, rồi mòn mỏi vì không còn được quân vương nào tin dùng, đến độ hình vóc thảm hại như *"con chó nhà có tang"*,[45] Khổng

Tử mới bắt đầu thấp thoáng có tư tưởng muốn độc lập: *"Đạo của ta không thi hành được, ta sẽ cưỡi bè vượt biển..."* (thiên "Công Dã Tràng", V.6).

Suốt đời, Khổng Tử chỉ thỉnh thoảng có lời khuyên can thiên tử, chứ ông chưa bao giờ dám thẳng thắn phê phán về họ. Có chăng, ông chỉ thỉnh thoảng phê phán những nhân vật đã chết từ xưa trong lịch sử, mà cũng không phê phán thẳng thắn, chỉ nói ngụ ý quanh co (ví dụ: muốn phê phán Võ vương, ông giả vờ khen Bá Di, Thúc Tề). Từ Khổng Tử cho đến cuối thời phong kiến, và thậm chí mãi đến bây giờ, ở Trung Hoa và Việt Nam, số lượng người có học dám phê phán nhà cầm quyền hay phê phán truyền thống văn hoá rất ít. Có thể tận đáy lòng, nhiều người cũng đã nghĩ ra những ý tưởng mới, cũng muốn phê phán nhà cầm quyền và xã hội, nhưng có lẽ họ đã học thuộc lời Lão Tử khuyên Khổng Tử rằng: *"Kẻ thông minh và sâu sắc thì khó sống vì ham phê bình người; kẻ giỏi biện luận, biết nhiều, thì nguy tới thân vì hay nêu cái xấu của người. Kẻ làm con và làm tôi đều không có cách gì giữ mình cả"*; và: *"người quân tử đức cao thì dong mạo như ngu độn."*[46] Có lẽ vì thế mà đa số người "trí thức" của Trung Hoa và Việt Nam thường ngạo mạn đối với quần chúng bình dân, nhưng luôn luôn tỏ vẻ nhu mì, chìu chuộng, hay ngu dại trước nhà cầm quyền, và luôn luôn lải nhải những lời sáo rỗng để ca ngợi văn hoá truyền thống. Loại "đức hạnh" này, cho đến hôm nay, vẫn còn nhan nhản.

Dẫu sao, trong thời phong kiến, nước ta thỉnh thoảng cũng đã có những người đứng ở vị thế độc lập để nhìn thấy và phê phán cái học nô bộc. Cao Bá Quát viết: *"Tân Gia từ vượt con tàu / mới hay vũ trụ một màu bao la / Giật mình khi ở xó nhà / văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi."* Chúng ta thấy khi Cao Bá Quát bất ngờ có được cái khoảng cách cụ thể và tạm thời giữa bản thân và xã hội truyền thống chung quanh (nhờ có cơ hội đi ra khỏi nước và nhìn lại), ông mới "giật mình" về cái học nô bộc. Nguyễn Trường Tộ cũng thế: khi đi Pháp, ông mới có điều kiện tư duy độc lập. Chúng ta thử đọc lại một số điều ông viết trong *Tế Cấp Bát Điều:*

"Đến ngày nay mà còn có nhiều người không lãnh hội được sự thế biến thiên qua đời xưa và đời nay, mà lại cực lực khen ngợi đời thượng cổ, cho rằng đời sau không theo kịp, họ làm cái gì cũng muốn trở về xưa."

"Thật rõ đời xưa mọi việc đều kém xa đời nay. Phàm cổ nhân nói những điều thái bình thịnh trị, tài trí phú cường, v.v... cũng bất quá là biết được một cái hay mà không biết được trăm cái dở đó mà thôi [...]. Sao người đời nay mà lại chỉ nói rằng trị bình không bằng đời

xưa, hơi xẩy ra tai biến và những việc bất như ý thì vin vào đời xưa mà chê bai đời nay, rồi sinh lòng oán trách. Hạng người ấy sao chẳng tìm về đời thượng cổ để hưởng cái thịnh trị của đời ấy, sao chẳng nghĩ thân mình, đời mình hôm nay là ở chỗ nào [...] mà lại miệt thị thực tế, vọng tưởng quá khứ đến như vậy?"

"Học là để tìm cái biết (tri) mà phát ra việc làm."

"Thế mà cái học đời nay, thầy dạy gì, trò học gì, đều là những việc đã qua [...]. Cái sở học của thuở bé là văn chương thi phú, mà cái sở hành của tráng niên lại là luật, lịch, binh, hình. Cái sở học của thuở bé là Sơn Đông, Sơn Tây (của Trung Quốc), mắt chưa từng thấy, mà cái sở hành của tráng niên là Nam Kỳ, Bắc Kỳ, chân đi đến nơi. Cái sở học của thuở bé là thiên văn, địa lý, chính sự của Bắc quốc, nay đã đổi cả rồi, mà cái sở hành của tráng niên là thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục của nước Nam, hoàn toàn khác hẳn. Cái sở học của thuở bé là lễ nhạc, ẩm thực, cư xử, chiến đấu, doanh trại trong dĩ vãng của Bắc quốc, mà cái sở hành của tráng niên là lễ nhạc, chiến phạt, khởi cư, cần dùng trong hiện tại của quan dân nước Nam. Những điều như thế, tuy bút trọc hết lông, môi ráo hết nước, cũng không kể được muôn một. Cổ lai, các nước trong thiên hạ chưa từng có cái học như thế, thật là lạ lùng." [47]

Phê phán đường lối tư tưởng và học thuật nô bộc của đất nước vào thời ấy, Nguyễn Trường Tộ tất nhiên phải lo ngại cho tính mạng của mình. Do đó, ông không thể nói hết. Ông viết: *"Nói chung, thì học thuật sở dĩ không được sáng tỏ, một nửa là vì sách vở, một nửa là vì triều đình, nhưng tôi cũng chưa muốn đi sâu vào điều đó, vì sợ có quan ngại"*; và: *"Còn như cái 'Nho phong', thì tệ lớn mà nó đã gây nên cho Trung Quốc và nước ta hiện nay, nếu muốn nói cho thật rõ, thì phải nói đến mấy trăm khoản cũng chưa đủ. Nhưng mà nói ra thì tôi không dám về nước. Triều đình có muốn nghe không?"*[48]

Hành trạng của ông kỳ vĩ ở chỗ, ngay dưới thời quân chủ phong kiến, mà ông đã sớm biểu hiện những đặc tính của người trí thức hiện đại qua tư duy độc lập, phê phán văn hóa, và khát vọng cách tân. Ông kêu gọi: *"Kẻ trí giả không ngoái cổ về dĩ vãng mà chỉ chăm lo việc tương lai"*.[49]

Rất tiếc, suốt mấy ngàn năm lịch sử cho đến hôm nay, Việt Nam đã có quá ít người như thế. Tất nhiên chúng ta không thể đứng trên quan điểm trí thức hiện đại để xét rằng thái độ học vấn và hành động của đa số quân tử và kẻ sĩ ngày xưa là phản trí thức. Mỗi thời đại có những hạn chế riêng của nó. Do đó, tôi đã dùng nhóm chữ "trí thức nô bộc" để định danh cho thái độ chủ yếu của thành phần có học vấn

thời quân chủ phong kiến. Tuy nhiên, đến hôm nay, thời quân chủ phong kiến đã qua, mà thành phần có học của chúng ta vẫn còn kéo dài thái độ đó thì đúng là phản trí thức.

6. Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta

Lúc chế độ phong kiến vừa suy tàn, những tàn dư của nó còn đậm nét trong tâm trí của thành phần có học vấn là điều tất nhiên. Năm 1936, Hoài Thanh đưa ra lời phê phán thẳng thắn đối với cái học nô bộc còn tồn đọng trong tâm lý dân tộc như sau:

"Nước ta từ xưa vốn không có một nền quốc học; nhưng từ giờ về sau thì sao? Nếu dân tộc này không bao giờ tự mình dựng nên được nền học thuật thì chẳng nói hai mươi triệu, có đông đến hai trăm triệu cũng là một dân tộc bỏ đi, một dân tộc không có trên pho lịch sử văn minh của loài người. [...] Quang cảnh học giới ta buồn tẻ tiêu điều làm sao! Dễ thường thế giới không có nước nào mà những người tự nhận là học giả lại lạnh lùng với việc học như ở nước mình. Người mình được tiếng là hiếu học nhưng đúng ra chỉ hiếu lợi và hiếu danh. Khi sự học không đưa đến cho mình lợi và danh thì ít ai còn thèm màng đến nó nữa. Ít ai biết ham học vì sự học. Cái nguy là ở đó. [...] Vậy ta muốn nước ta sau này cũng có một nền học thuật, trước hết cần phải đổi hẳn cái tâm lý ấy đi và quả quyết theo một nền luân lý mới. Ta thường nghe nói rằng về phương diện cách trí người mình có thể hoàn toàn chịu ảnh hưởng Tây phương mà vô hại. Còn về phương diện tâm lý và luân lý thì phải giữ lấy tinh thần của riêng ta. Nói như vậy cũng đúng nếu người mình đời đời chỉ là những cậu học trò dễ bảo ngày đêm lo học lại những điều người ta đã phát minh ra. Nhưng nếu ngoài sự hấp thụ văn hoá của người, mình cũng muốn phát minh, cũng muốn sáng tạo thì không thể chỉ giữ lấy tâm lý và luân lý của chủng tộc."[50]

Nhận định của Hoài Thanh thực đúng đắn (và, thực ra, vẫn còn đúng đắn mãi đến hôm nay): ông phê phán cái học nô lệ, giả tạo, cầu danh, cầu lợi; cái tinh thần bảo thủ, hiếu cổ, không phát minh, thiếu sáng tạo.

Khổ thay, chính ông cũng chưa từ bỏ được một trong những nét chính của tinh thần ấy. Đó là tâm lý sợ lý thuyết. Năm 1935, bàn về văn học, ông viết: "*... chẳng giấu gì các bạn, tôi nhát gan lắm, cứ thấy bóng lý thuyết là sợ*"[51]; và năm 1936, ông (cùng Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư) viết:

"Một trăm quyển sách khảo cứu về hoa hường không thể sinh được ra được một bông hường [...] một trăm pho sách nói về lý thuyết

văn chương chẳng có thể giúp người ta sáng tạo được một tác phẩm văn chương có giá trị. Cho hay những lý thuyết về văn chương chẳng có nghĩa lý gì, chẳng ăn thua gì."[52]

Ở đây, chúng ta thấy cung cách tư duy cố hữu của dân tộc còn sót trong tâm lý nên ông còn vướng phải ba điểm sai lầm. Hai điểm sai lầm đầu tiên xuất phát từ thói quen suy nghĩ theo cảm tính. Một là: ông đề cao phát minh, nhưng ông lại sợ lý thuyết. Không lý thuyết làm sao phát minh? Hai là: ông nhầm lẫn giữa công trình tự nhiên (hoa hường) và công trình nhân tạo (tác phẩm văn chương). Hoa hường sinh ra từ tự nhiên, không cần lý thuyết; nhưng tác phẩm văn chương sinh ra từ ý tưởng của con người, tất nhiên phải mang những dấu ấn của một hay những lý thuyết nào đó có sẵn trước đó, hoặc chính nó hàm chứa một hay những lý thuyết mới nào đó, hoặc ít nhất, mầm mống của một hay những lý thuyết mới nào đó. Thực vậy, chính câu nói trên của ông (cùng Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư) nằm trong lời mở đầu cuốn *Văn Chương và Hành Động,* một cuốn sách chuyên chở nhiều giả thuyết và lý thuyết về ý nghĩa đời người, về ý nghĩa văn chương, về thiên chức của một nhà văn hoàn toàn, về sự thành thực và tự do, về nội dung và hình thức, về quan niệm văn chương của André Gide, v.v...

Điểm sai lầm thứ ba là điểm nặng nhất. Nó thể hiện bản chất của nền học vấn nô bộc: Hoài Thanh (cùng Lê Tràng Kiều và Lưu Trọng Lư) đòi hỏi rằng các công trình lý thuyết văn chương phải là những cuốn cẩm nang dạy cách viết văn làm thơ một cách cụ thể; họ cho rằng nếu lý thuyết không làm được như thế thì *"chẳng có nghĩa lý gì, chẳng ăn thua gì"*.

Nhận xét như thế, nhưng tôi hoàn toàn thông cảm với những hạn chế của Hoài Thanh và những người đương thời với ông trong những năm 1930. Những hạn chế ấy tất nhiên phải có trong tâm lý của con người Việt Nam ở giai đoạn đó. Nhưng, khốn khổ thay, chế độ quân chủ phong kiến vừa qua đi, các chế độ độc tài trên cả hai miền Nam Bắc lại nối liền sau đó, khiến ý thức nô bộc lại có điều kiện và có cớ để tiếp tục tồn tại mạnh mẽ. Thậm chí, một người như Hoài Thanh — người đã có lần thẳng thắn phê phán thái độ học vấn nô lệ, cầu lợi cầu danh thời phong kiến — lại rơi trở về ngay trung tâm của ý thức đó. Chúng ta hãy đọc lại một đoạn văn trong một cuốn sách xuất bản năm 1982, do chính Hoài Thanh viết với tư cách một nhà phê bình văn học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, để nhìn thấy ý thức nô bộc từ thời cổ đại đến hậu bán thế kỷ 20 vẫn còn nguyên trong một người "trí thức" nổi tiếng của Việt Nam:

"Những câu thơ chúc Tết của Bác nhiều khi chỉ là lời nói thường:

Chúc hoà bình thống nhất thành công
Chúc chủ nghĩa xã hội thắng lợi
(Tết 1961)

Nhưng rõ ràng không thể xem những lời ấy như bất kỳ lời nói thường nào. Ở đây không chỉ có vấn đề lời nói mà còn vấn đề người nói. Đằng sau lời nói có một con người vô song, một cuộc đời vô song, có cái sáng suốt, cái kiên gan của một chính đảng Mác-Lênin đã được tôi rèn trong chiến đấu, có ý chí sức mạnh của một dân tộc anh hùng, có cả những ý tưởng cao đẹp nhất của hàng trăm triệu người trên thế giới. Do đó, mà từng chữ, từng câu dầu bình thường thôi vẫn có một sức nặng khác thường trong lời thơ Bác."[53]

Nếu Chủ Tịch Hồ Chí Minh là người trí thức cách mạng như Antonio Gramsci hẳn ông phải cảm thấy rất chán chường và khinh bỉ đối với những câu tán tụng sáo rỗng và rẻ tiền như vậy. Tuy nhiên, điều hết sức thảm hại là mãi cho đến cuối thế kỷ 20 mà nhiều người có học vấn ở Việt Nam vẫn xem thái độ tán tụng sáo rỗng và rẻ tiền như vậy là điều tốt đẹp, khả kính, đáng noi gương.

Sự thực đau đớn là đa số thành phần "trí thức" Việt Nam (kể cả ở miền Nam trước 1975) đã có thái độ tán tụng chính phủ và thoả hiệp với quần chúng ở những mức độ khác nhau. Đa số họ không giữ được cái khoảng cách cần thiết giữa tư duy cá nhân và các hệ thống quyền lực và lợi nhuận. Thậm chí, đa số biểu lộ rõ rệt những đặc tính của mẫu người phản trí thức (như đã trình bày ở phần 4 của bài viết này).

Những đặc tính phản trí thức của thành phần "trí thức" Việt Nam không chỉ được biểu lộ trong quan hệ chính trị, mà còn được nhìn thấy trong mọi lĩnh vực hoạt động văn hoá. Do đó, gọi là từ bỏ chế độ phong kiến đã hơn nửa thế kỷ, mà đa số những người có học vấn của đất nước chúng ta (kể cả nhiều người Việt Nam có học vấn ở hải ngoại) vẫn không thoát nổi óc bảo thủ, hiếu cổ, giáo điều, tự hào rởm, cầu an, xu nịnh quyền lực hay chìu chuộng quần chúng để mua danh lợi.

Tất nhiên, trong nửa thế kỷ qua, đã có những lúc chúng ta nhìn thấy những nhóm người có thái độ trí thức dám vùng lên, và lập tức bị chính quyền tiêu diệt. Đó luôn luôn là những nhóm rất ít người, thậm chí chỉ một vài cá nhân so với một đất nước quá sức đông dân. Do đó, những cá nhân ít ỏi và sớm bị tiêu diệt ấy không thể đủ sức tạo ảnh hưởng lên tinh thần của đại khối dân tộc. Mặt khác, phải thấy

rằng những cá nhân ấy chỉ thường biểu lộ thái độ trí thức về phương diện chính trị, mà ít khi biểu lộ thái độ trí thức về phương diện văn hoá. Hầu hết họ phê phán chế độ chính trị, chứ ít khi phê phán bản chất của văn hoá dân tộc. Để đấu tranh chính trị với nhà cầm quyền, họ thường lấy lòng quần chúng bằng những lời lẽ tán tụng đối với "truyền thống văn hoá đẹp đẽ lâu đời của dân tộc". Nghe mãi những lời vuốt ve đầy tính tự hào rởm này, đa số quần chúng tưởng rằng, để đất nước đổi thay, điều tiên quyết là cải tạo chế độ chính trị, chứ không phải cải tạo văn hoá.

Kỳ thực, người trí thức *chỉ* lưu ý đến việc cải tổ chính trị chỉ là người trí thức nửa mùa, vì trong tư duy của y có thể đã chứa sẵn những mầm mống phản trí thức: để chống lại hệ thống quyền lực này, y sẵn sàng mù quáng đứng vào một hệ thống quyền lực khác. Tệ hơn nữa, khi một hệ thống quyền lực nào đó của y thành công, y có thể trở thành một kẻ độc tài chuyên chế vì y tin rằng đường lối chính trị của y là hoàn hảo: y không có được cái khoảng cách cần thiết giữa tư duy của y và chính cái hệ thống quyền lực của y.

Cải tạo văn hoá mới chạm đến gốc rễ của vấn đề. Nếu văn hoá chúng ta thể hiện được sự bứt thoát khỏi truyền thống tinh thần nô bộc phong kiến cố hữu, thì chế độ chính trị độc tài và bảo thủ tất phải thay đổi, vì lực lượng hùng hậu của thành phần trí thức (một kết quả tất yếu của những vận động tư duy cá nhân để bứt thoát khỏi truyền thống tinh thần nô bộc) sẽ không để yên cho một chế độ chính trị độc tài và bảo thủ tiếp tục ung dung tồn tại. Hoa Kỳ, cường quốc hàng đầu của nhân loại hôm nay, đã luôn luôn là một đất nước hết sức may mắn. Quan sát suốt tiến trình lịch sử Hoa Kỳ, Arthur M. Schlesinger, Jr. nhận thấy *"tuyệt đại đa số những người trí thức Hoa Kỳ đều đã phát biểu sự bất mãn và đã tranh luận cho sự thay đổi"*.[54] Trong một đất nước không ngừng phát triển về mọi mặt và tự do như Hoa Kỳ, tuyệt đại đa số thành phần trí thức vẫn luôn luôn không hài lòng và đòi hỏi cải cách. Ngược lại, trong một đất nước chậm tiến và có hệ thống quyền lực độc đoán như Việt Nam, mà tuyệt đại đa số thành phần có học vấn đều có vẻ bạc nhược, cầu an, bảo thủ, xu nịnh, thoả hiệp và nghĩ đến danh lợi cá nhân, thì một tương lai tốt đẹp cho đất nước vẫn còn là một ảo ảnh xa vời.

Chúng ta hay ưu tư về chính trị. Điều này rất cần thiết. Nhưng nếu đa số chúng ta không tự xây dựng bản thân thành những người trí thức đúng nghĩa — một lực lượng vững mạnh của những người thực sự nỗ lực phê phán và cải tạo văn hoá — thì sự thay đổi chính trị, nếu có xảy ra, cũng chỉ xảy ra ngoài vỏ, mà trong đó óc phong kiến chuyên

chế vẫn còn nguyên vẹn, và tinh thần nô bộc vẫn còn nguyên vẹn. Thiếu cơ sở trí thức trong tinh thần văn hoá, một chế độ chính trị mới chỉ thay thế một chế độ chính trị cũ ở danh xưng, mà bản chất vẫn mãi mãi chỉ là một.

HOÀNG NGỌC-TUẤN
University of New South Wales
2/2000

CHÚ THÍCH:

[1] James V. Schall, "Books and the Intellectual Life: We Are Capable of Knowing All Things", *Vital Speeches* (March 1, 1999) 65:10, 316.

[2] R. Hofstadter, *Anti-intellectualism in American life* (New York: Knopf, 1963), 25.

[3] Arthur M. Schlesinger, Jr., "Intellectuals in American Politics", *Great Ideas Today* (Chicago: William Benton Publisher, 1968), 54.

[4] Như trên, 61.

[5] Như trên, 61-62.

[6] Về quan niệm của Gramsci đối với lý thuyết của Marx, xin đọc: Antonio Gramsci, *Selections from the Prision Notebook*, Quintin Hoare & Goffrey Nowell Smith biên tập và dịch (London: Lawrence and Wishart, 1971); Paul Ransome, *Antonio Gramsci: A new introduction* (Hertfordshire: Harvester Wheatsheaf, 1992); và Roger Simon, *Gramsci's Political Thought: An introduction* (London: Lawrence and Wishart, 1991).

[7] Xem Abdallah Laroui, *La crise des intellectuelles arabes: traditionalisme ou historicisme?* (Paris: Librairie Francois Maspero, 1974).

[8] Christopher Lasch, *The New Radicalism in America (1889-1963): The Intellectual as a Social Type* (New York: Alfred A. Knopf, 1966), ix.

[9] Edward Said, "Secular Criticism", *The World, the Text, and the Critic* (Cambridge: Harvard University Press, 1983), 14.

[10] Như trên, 15.

[11] Eaward Said, "Intellectual Exile: Expatriates and Marginals", *Representations of the Intellectual, the 1993 Reith Lectures* (London: Vintage, 1994), 39.

[12] Như trên, 39.

[13] William Little et al., *The Shorter Oxford English Dictionary* (Oxford: Oxford University Press, 1973), 1089.

[14] Theo Roger Scruton, *A Dictionary of Political Thought* (London: Pan Books, 1983), 227.

[15] Theo Arthur M. Schlesinger, Jr., tài liệu đã dẫn, 50.

[16] Như trên, 51.

[17] Theo Harry Harootunian & Naoki Sakai, "Japan Studies and Cultural Studies", *Positions: East Asia Cultures Critiques* 7.2 (1999) 625.

[18] Như trên, 594.

[19] Như trên, 611.

[20] Như trên, 620.

[21] Như trên, 617-618.

[22] Như trên, 610.

[23] Như trên, 611.
[24] Như trên, 609.
[25] Như trên, 609.
[26] Như trên, 618.
[27] Xem http://www.semcoop.com/fronttable/special.asp?special=specials/mitchellinterview.txt
[28] Thomas M. Kavanagh (ed.), *The Limits of Theory* (Stanford: Stanford University Press, 1989), 2.
[29] W.J.T. Mitchell (ed.), *Against Theory* (Chicado: The University of Chicado Press, 1985), 1.
[30] Theo Arthur M. Schlesinger, Jr., tài liệu đã dẫn, 56.
[31] *1990 Britannica Book of the Year* (Chicago: Encyclopaedia, Inc., 1990), 90.
[32] Lý Lạc Nghị, *Tìm Về Cội Nguồn Chữ Hán: Gồm Nhiều Từ Đã Nhập Vào Kho Tiếng Việt*, Jim Waters biên soạn, Nguyễn Văn Đổng dịch (Hà Nội: nxb Thế Giới, 1997), 585.
[33] Như trên, 562.
[34] *Luận Ngữ*, Nguyễn Hiến Lê chú dịch và giới thiệu (Tp Hồ Chí Minh: nxb Văn Học, 1995). Sách này chia thành các thiên và mục, rất dễ tìm. Do đó, tôi sẽ không dùng số trang, mà dùng số La Mã để chỉ thiên, đi kèm với số Ả Rập để chỉ mục. Ví dụ: IV.2 là thiên IV, mục 2.
[35] Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ (Sài Gòn: Tân Việt, không đề năm xuất bản), 405.
[36] Nguyễn Hiến Lê, *Khổng Tử* (Hà Nội: nxb Văn Hoá, 1994), 33.
[37] Như trên, 81-83.
[38] Mai Hồng, "Khái quát về khoa cử thời xưa", *Văn Hoá Việt Nam* (Hà Nội: Ban Văn Hoá Văn Nghệ Trung Ương, 1989), 208.
[39] Trích theo Nguyễn Hiến Lê, *Khổng Tử*, 67.
[40] Như trên, 366.
[41] Lê Quý Đôn, *Vân Đài Loại Ngữ*, Phạm Vũ và Lê Hiền dịch và chú giải (Sài Gòn: Nhà Sách Tự Lực xuất bản, không đề năm), 310.
[42] *Đai Nam Chính Biên Liệt Truyện*, Ngô Hữu Tạo và Đỗ Mộng Khương dịch (Huế: Thuận Hoá, 1993), 336.
[43] Lý Lạc Nghị, sách đã dẫn, 261.
[44] Như trên, 665.
[45] Trích theo Nguyễn Hiến Lê, *Khổng Tử*, 58.
[46] Như trên, 39-40.
[47] Trích theo Cao Xuân Huy, *Tư Tưởng Phương Đông: Gợi Những Điểm Nhìn Tham Chiếu* (Hà Nội: nxb Văn Học, 1995), xem chương "Chủ Thuyết Canh Tân của Nguyễn Trường Tộ", ở các trang 304, 305, 320 và 325.
[48] Như trên, 328.
[49] Như rên, 305.
[50] Hoài Thanh, "Vấn Đề Học Thuật Nước Ta Chỉ là Một Vấn Đề Tâm Lý và Luân Lý", trong *Hoài Thanh Toàn Tập* (Hà Nội: nxb Văn Học, 1999), 72-76.
[51] Hoài Thanh, "Tiếp Theo Bài: Văn Chương là Văn Chương", sách đã dẫn, 42.
[52] Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư, *Văn Chương và Hành Động* (Hà Nội: nxb Hội Nhà Văn, 1999), 13-14.
[53] *Tuyển Tập Hoài Thanh*, tập 1 (Hà Nội: nxb Văn Học, 1982), 106. Đoạn văn và chú thích này trích theo Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Học Việt Nam dưới Chế Độ Cộng Sản* (California: Văn Nghệ, 1991), 303.
[54] Theo Arthur M. Schlesinger, Jr., tài liệu đã dẫn, 62.



NGUYỄN HƯNG QUỐC

Vài ý nghĩ về phê bình văn học



Khi mới rời khỏi Việt Nam vào năm 1985, nhất là khi viết cuốn *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* (1991), tôi nghĩ, thứ nhất, nền văn học gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa từ năm 1945, và đặc biệt, từ năm 1954 trở đi là một nền văn học thất bại; và thứ hai, nguyên nhân của sự thất bại ấy chủ yếu xuất phát từ những sự lãnh đạo văn nghệ độc đoán và dốt nát của đảng Cộng Sản. Sau đó, đọc nhiều và đọc khá kỹ văn học Việt Nam hải ngoại, tôi mới phát hiện ra hai điều khác: một là, văn học hải ngoại hình như cũng không khá hơn văn học trong nước bao nhiêu; hai là, những khuyết điểm trong văn học hải ngoại, lạ thay, lại rất giống với những khuyết điểm thường thấy ở văn học trong nước. Chính sự phát hiện sau cùng này dẫn tôi đến một phát hiện khác: hình như những nguyên nhân đích thực khiến văn học Việt Nam lâu nay cứ bị bế tắc mãi không phải chỉ là vấn đề chính trị mà là, nếu không muốn nói chủ yếu còn là, vấn đề lịch sử và vấn đề văn hoá. Nói cách khác, dù đứng bên này hay bên kia "chiến tuyến", dù ở trong nước hay ở ngoài nước, dù theo cộng hay chống cộng, giới cầm bút Việt Nam cũng thường có một số thói quen giống nhau, một số cách suy nghĩ và cảm xúc giống nhau, đều có một số ưu điểm khá giống

nhau và đều gặp phải một số những trở ngại và những hạn chế giống nhau. Thì cũng khát vọng làm những chứng nhân của lịch sử. Thì cũng niềm tin là văn chương, muốn cao cả, phải phục vụ một cái gì; muốn trường cửu, phải gần gũi với đại chúng và được đại chúng chấp nhận; muốn cảm động, phải xuất phát từ đáy lòng, nghĩa là phải thiết tha và thành thực; muốn đẹp, phải có thật nhiều... chất thơ; và muốn mới lạ, phải thêm chút ngổ ngáo trong ý tưởng, chút khinh bạc trong giọng điệu và chút gân guốc trong ngôn ngữ. Thì cũng lửng lơ giữa truyền thống và hiện đại: thích làm ra vẻ "Tây" để che giấu một tâm hồn thật "chân quê". Trước những sự giống nhau ấy, việc phê phán từng tác giả và từng tác phẩm cụ thể trở thành vừa trùng lặp vừa vặt vãnh và thừa thãi. Đó là lý do chính khiến tôi càng ngày càng chú ý nhiều hơn đến các yếu tố lịch sử và văn hoá đằng sau văn học.

Sự chuyển hướng ấy, vô tình, lại là một điều hay. Từ trước đến nay, phê bình văn học Việt Nam thường chỉ có ba hình thức chính: phê bình một tác giả, phê bình một tác phẩm và tổng kết một giai đoạn. Cả ba hình thức ấy đều tập trung vào việc viết và người viết, do đó, trên nguyên tắc, chúng bất cập bởi vì trong sinh hoạt văn học còn có ba khía cạnh khác quan trọng không kém mà phê bình không thể bỏ qua: (a) việc đọc, (b) việc phê bình và bao trùm lên tất cả, (c) văn hoá của văn chương, tức những quy ước và quy luật, những điều, một mặt, làm cho văn chương trở thành văn chương chứ không phải chỉ là một dạng truyền thông thuần tuý và đơn giản; mặt khác, làm cơ sở cho cả việc viết, việc đọc lẫn việc phê bình. Hơn nữa, trên thực tế, ở Việt Nam, cả ba hình thức ấy đều có rất ít chất phê bình, và càng ít hơn nữa, chất văn chương. Phần lớn các bài phê bình một tác phẩm của Việt Nam thực chất là những bài điểm sách, vừa sơ sài vừa đầy cảm tính, ít khi bám vào văn bản và cũng ít khi dựa vào một tiêu chuẩn thẩm mỹ nào nhất định hoặc cùng lúc dựa vào quá nhiều tiêu chuẩn khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau, một cách hoàn toàn tự phát và bất nhất. Phê bình một tác giả thường có khuynh hướng thiên về giai thoại hoặc văn học sử, chủ yếu tập trung vào cuộc đời, vào đề tài của một số tác phẩm và vào một số đặc điểm trong tư tưởng tác giả, đặc biệt trong quan hệ với biến cố chính trị và xã hội chung của một thời đại. Những bài tổng kết một giai đoạn, hoặc giới hạn trong một năm hoặc mở rộng ra mười năm, mười lăm năm, hai mươi năm, rồi hai mươi lăm năm, v.v... thường có tính chất xã hội học về văn học hơn là phê bình văn học: chúng nhắm vào văn nghệ hơn là văn học; trong văn học, chúng tập trung vào khía cạnh sinh hoạt hơn là tác phẩm; trong tác phẩm, chúng ôm đồm cả những tác phẩm biên khảo lịch sử, xã hội và hồi ký, phần lớn là những

hồi ký chính trị, hơn là chỉ giới hạn trong các tác phẩm văn học; cuối cùng, đối với các tác phẩm văn học, chúng chỉ dừng lại ở việc liệt kê kèm theo một ít lời bình chú hơn là phân tích và đánh giá một cách nghiêm chỉnh.

Bởi vậy, không có gì lạ khi cả ba hình thức vừa kể, mặc dù là những thể tài chủ đạo trong phê bình văn học Việt Nam, lại chỉ là những thể tài phụ trong phê bình văn học các quốc gia có trình độ phát triển cao trên thế giới. Phụ, theo ba nghĩa: một, chúng chỉ xuất hiện một cách hoạ hoằn; hai, chúng được xem như nghiêng về lãnh vực báo chí hoặc nghiên cứu văn học và giảng dạy văn học hơn là phê bình văn học; và ba, phần nhiều chúng được viết bởi giới ký giả hoặc học giả hơn là giới phê bình thực sự. Tìm cho ra được, trong danh sách tác phẩm của những nhà phê bình hàng đầu ở Tây phương trong ba bốn thập niên vừa qua, những cuốn sách phê bình về từng giai đoạn văn học hoặc những tuyển tập bao gồm nhiều bài viết khác nhau về các tác phẩm văn học cụ thể không phải là điều dễ.

Điều đó cũng có nghĩa là phê bình văn học trên thế giới từ mấy chục năm nay đã có một sự chuyển hướng rất rõ rệt. Nếu trước kia, với chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn, người ta xem tác phẩm văn học như một tấm gương phản ánh hiện thực hoặc như một nơi bộc lộ tâm tình và tư tưởng của tác giả; với Phê Bình Mới, hình thức luận và cấu trúc luận, người ta xem tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ tự tại và được cấu trúc một cách chặt chẽ theo một số quy luật nhất định, thì sau này, với hậu cấu trúc luận và giải cơ cấu, quan niệm của phần đông giới phê bình đã thay đổi: họ xem cả tác phẩm lẫn tác giả đều là sản phẩm của một cái gì khác. Đã đành tác giả là kẻ tạo ra tác phẩm; tuy nhiên, đến lượt hắn, tác giả, lại được tạo ra bởi những thế lực nằm ngoài tầm kiểm soát của hắn, trong đó nổi bật nhất là hai yếu tố: tiềm thức và ngôn ngữ.[1] Đặc biệt là ngôn ngữ. Ngôn ngữ là sản phẩm của xã hội và của lịch sử; sử dụng ngôn ngữ, dù muốn hay không, chúng ta cũng phải chấp nhận vô số những quy ước văn hoá gắn liền với các yếu tố từ vựng, với quy luật về cú pháp cũng như với các biện pháp tu từ của ngôn ngữ đó. Khi chúng ta cầm bút, thực chất là bao nhiêu quy ước văn hoá mai phục bên trong ngôn ngữ ấy đang viết qua tay của chúng ta.

Tìm hiểu văn học, do đó, phần nào trùng lấp lên việc tìm hiểu văn hoá. Giữa hai lãnh vực này có một số điểm tương đồng rõ rệt. Thứ nhất, cả hai đều liên hệ đến những phạm trù giá trị, đến những điển phạm (canon); thứ hai, ngay cả những giá trị và những điển phạm ấy cũng đều là những cái mã (codes), những quy ước được hình thành dần

dần trong lịch sử và thay đổi theo từng góc nhìn khác nhau: cách nhìn của một người đàn ông khác cách nhìn của một người phụ nữ; cách nhìn của một tên thực dân khác cách nhìn của một người dân thuộc địa; cách nhìn của một người có "đời sống tính dục bình thường"[2] khác cách nhìn của một người đồng tính luyến ái, v.v... Cuối cùng, với tư cách là những cái mã và những quy ước, cả văn học lẫn văn hoá đều là những hình thức diễn ngôn (discourse), những văn bản (text), ở đó, người ta có thể sử dụng một phương pháp phân tích chung. Chính vì thế, trong môi trường đại học, các môn nghiên cứu, phê bình và lý thuyết văn học thường được nhập chung với môn Văn Hoá Học (Cultural Studies); trong môi trường học thuật, lý thuyết văn học và lý thuyết văn hoá thường có một số lý thuyết gia chung, từ Mikhail Bakhtin đến Michel Foucault, từ Jacques Lacan đến Julia Kristeva, từ Jean-Francoise Lyotard đến Marshall McLuhan, v.v...; hơn nữa, cả hai còn được nhập làm một dưới cái tên gọi suông là "lý thuyết". Chỉ là "lý thuyết" thôi. Chỉ là "theory" thôi. Theo Jonathan Culler, cái gọi là "lý thuyết" ấy có bốn đặc điểm chính: một, tính chất liên ngành; hai, tính chất phân tích và tư biện liên quan đến những vấn đề như viết lách, ngôn ngữ, ý nghĩa, chủ thể và phái tính; ba, tính chất phê phán đối với những cách nghĩ thông thường, vốn xem mọi thứ đều là "tự nhiên"; và bốn, tính chất phản tỉnh, suy nghĩ về chính sự suy nghĩ, suy nghĩ về những yếu tố làm cho văn chương cũng như mọi hình thức diễn ngôn khác trở thành có ý nghĩa, v.v...[3]

Gắn liền với việc nghiên cứu văn hoá và gắn liền với lý thuyết theo nghĩa vừa nêu, phê bình thoát hẳn ra khỏi tình trạng thưởng ngoạn hồn nhiên thường chỉ dừng lại ở việc trầm trồ từng chữ và bắt bẻ từng câu để khai quật những quan điểm mỹ học đằng sau tác phẩm và phanh phui cái cơ sở văn hoá dẫn đến việc hình thành các quan điểm mỹ học ấy. Như vậy, tuy cũng nghiên cứu về văn hoá, nhưng nhiệm vụ của nhà phê bình khác hẳn nhiệm vụ của các nhà văn hoá. Các nhà văn hoá vốn là những kẻ nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc học, của "trình độ văn hoá" với tham vọng cao nhất là chiếm lĩnh thật nhiều kiến thức thuộc nhiều lãnh vực khoa học xã hội khác nhau, từ ngôn ngữ đến lịch sử, văn học và triết học, nghĩa là biến thành một người học trò cực kỳ xuất sắc, một sản phẩm hoàn hảo của một nền văn hoá nhất định. Các nhà phê bình thì khác. Phê bình là từ chối làm một sản phẩm thuần thành của văn hoá. Phê bình là đứng nhích ra, dù chỉ một chút, cái nền văn hoá đã tạo ra mình. Phê bình là hoài nghi, là tra vấn những gì vốn được văn hoá công nhận như những giá trị vĩnh cửu.

Quan niệm trên, thật ra, không mới. Nó đã nằm sẵn trong từ nguyên của chữ “phê bình”.

Trong ngôn ngữ của nhiều quốc gia Tây phương, phê bình, *criticism* hay *critique*, xuất phát từ chữ *kritikós* hay *krīnein* trong tiếng Hy Lạp cổ với ý nghĩa đầu tiên là chia, cắt, phân biệt; sau, được dùng nhiều trong nghiên cứu cổ văn với nghĩa hiệu đính; trong luật pháp với nghĩa là phán xét; trong y khoa với nghĩa nguy kịch; từ đó, làm phái sinh ra từ “crisis”, trong các lãnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, có nghĩa là khủng hoảng, trong kịch và truyện, có nghĩa là thời điểm quyết định, chuẩn bị cho những chuyển biến lớn lao. Phê bình, như vậy, là tạo nên sự nghi ngờ, sự bất ổn và sự thay đổi: không có sự nghi ngờ, sự bất ổn và sự thay đổi sẽ không thể nào có tiến bộ.

Trong tiếng Việt, ngày xưa, người ta chỉ thường dùng chữ “bình”, bình thơ và bình văn. “Bình” phần nhiều có nghĩa là tán, thiên về việc khen ngợi nhiều hơn là chê bai hay đả kích. “Phê”, ngược lại, thường chỉ dùng trong những trường hợp như vua quan phê vào đơn từ của dân chúng, thầy giáo phê vào bài làm của học trò, bao giờ cũng là một hành động quyền uy của người trên đối với người dưới. Chính ám ảnh về quyền uy này của chữ “phê” đã khiến Hoài Thanh, khi viết cuốn *Thi nhân Việt Nam* vào đầu thập niên 40, đâm ra e dè không dám nhận mình là nhà phê bình: “Bình thì cũng còn được. Nhưng phê? Sao lại phê?”[4] Thực ra, Hoài Thanh không thấy hết ý nghĩa cách mạng của việc sử dụng chữ phê bình trong sinh hoạt văn học: nó là sự giành giật quyền uy của người dưới đối với người trên. Xưa, chỉ có người trên mới có quyền phê bình người dưới; làm ngược lại là bất kính và phạm thượng. Nay, bất cứ ai cũng có quyền phê bình; không phải chỉ phê bình người khác mà còn phê bình cả hệ thống mỹ học gắn liền với ý thức hệ đang thống trị trong xã hội. Chính vì thế, trong hành động phê bình có hai khía cạnh nổi bật vừa đối nghịch vừa bổ sung cho nhau. Thứ nhất, bản thân nó, phê bình, vừa là điều kiện vừa là kết quả của một tiến trình dân chủ hoá. Phê bình chỉ có thể tồn tại khi người ta chấp nhận sự đối thoại, chấp nhận quyền đối thoại của người khác và quan trọng hơn cả, chấp nhận được/bị phán đoán theo một tiêu chuẩn riêng của văn học, xuất phát từ đặc trưng cơ bản của văn học. Không phải là điều dễ. Trong một sinh hoạt văn học thiếu tính chuyên nghiệp, người ta dễ có tâm lý gian lận, muốn được hưởng chế độ ưu đãi: một lãnh tụ làm thơ muốn được đánh giá vừa như một nhà thơ vừa như một lãnh tụ; ngay cả một người cầm bút bình thường cũng vẫn muốn được đánh giá theo những tiêu chuẩn kép như vậy: hoặc vừa là một người cầm bút vừa là một người lớn tuổi hoặc vừa là một người cầm bút vừa

là một người có tinh thần dân tộc hay có nhiệt tình tranh đấu cho một lý tưởng cao đẹp, v.v... Với tiêu chuẩn kép như vậy, người ta có cảm tưởng một nhà thơ sẽ được cộng thêm một số điểm nếu là một vị lãnh đạo, là một anh hùng, là một kẻ từng bị tù đày, hoặc thậm chí, là một người cao niên. Từ chối việc cộng thêm điểm như vậy, nhà phê bình có thể bị xem như không có "tâm", một khái niệm khá mơ hồ để có thể bị diễn dịch thành nhiều cách khác nhau, và dù diễn dịch theo cách nào đi nữa thì nó cũng có khả năng giết chết phê bình. Bởi vậy, để phát triển phê bình nhiều khi chúng ta phải bắt đầu từ một nơi rất xa: phát triển ý thức dân chủ để người ta có thể chấp nhận cái quyền phê bình của người khác và nhìn hoạt động phê bình như một sinh hoạt trí thức lành mạnh chứ không phải là một trò lên mặt dạy dỗ hay đánh đá nhau. Không phải ngẫu nhiên mà trên thế giới, phê bình chỉ nở rộ từ đầu thế kỷ 20 và chỉ ở những nơi dân chủ được tôn trọng nhất. Thứ hai, thực chất của phê bình không phải chỉ là chuyện chữ nghĩa mà là một thứ quan hệ quyền lực. Một trong những luận điểm chính làm nền tảng cho nhiều tác phẩm khác nhau của Michel Foucault là quyền lực gắn liền với kiến thức, đồng nhất với kiến thức, có mặt trong tất cả mọi diễn ngôn của con người. Theo tôi, hình như không ở đâu quan hệ quyền lực lại thể hiện rõ rệt như là trong lãnh vực phê bình. Có điều, quan hệ quyền lực trong phê bình khác với quan hệ quyền lực trong chính trị: trong chính trị, đó là quan hệ quyền lực giữa các cá nhân với nhau và nhắm mục đích thống trị nhau; trong phê bình, đó là quan hệ quyền lực giữa ý thức thẩm mỹ này và một hay nhiều ý thức thẩm mỹ khác và mục đích chính là để kích thích sự vận động của văn học và của cả văn hoá nữa.

Khi một nhà phê bình lên tiếng khen hay chê một tác phẩm nào đó, hắn không nhân danh cá nhân hắn mà, nghĩ cho cùng, nhân danh một quan điểm thẩm mỹ nào đó. Điều này, thật ra, cũng đúng đối với bất cứ người đọc nào, chỉ có điều phần lớn họ không tự giác về cái gọi là ý thức thẩm mỹ mà họ đang dựa vào. Trong lời khen "truyện viết như thật" đã bao hàm ý thức thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực cho giá trị cao nhất của văn chương là phản ánh đúng thế giới chung quanh. Một đứa bé mới lớn lên, nghe bà, mẹ hay cô giáo kể một câu chuyện cổ tích, hẳn không thể nào có một lời khen tương tự: với nó, ranh giới giữa hiện thực và tưởng tượng chưa thực sự hình thành. Cách đây hơn một trăm năm, trước khi tiếp xúc với văn học phương Tây, đọc các cuốn truyện Tàu, hẳn cha ông chúng ta cũng không thể phát biểu một điều gì tương tự: họ chỉ đối chiếu tác phẩm văn học với các nguyên tắc đạo đức chứ không phải với hiện thực. Cũng vậy, một lời chê bâng

quơ đối với một bài thơ tự do, mang nhiều yếu tố cách tân, kiểu "Thơ như vậy mà cũng gọi là thơ; cứ khúc kha khúc khắc, lại tối mò mò, đọc, chẳng hiểu gì cả!" cũng xuất phát từ một quan điểm mang tính chất cổ điển hoặc lãng mạn chủ nghĩa, cho thơ là cái gì phải du dương, phải ngân nga, phải có vần điệu, phải dễ hiểu và cuối cùng, phải truyền cảm. Như vậy, khi đọc, bao giờ người ta cũng đọc với một cái khung khái niệm trong đầu, với một định nghĩa về cái hay, cái đẹp và về thơ hay văn có sẵn.

Nói cách khác, mọi hành vi phê bình hay thậm chí, hành vi đọc, của bất cứ người trưởng thành nào, dù có chuyên môn về văn học hay không, cũng đều được tiến hành trên cơ sở một lý thuyết văn học nhất định mà người ấy đã thu nhận được, hoặc một cách có ý thức, bằng công phu nghiên cứu của mình, hoặc một cách vô thức, qua nhiều nguồn ảnh hưởng khác nhau, từ chương trình giáo dục trong nhà trường đến báo chí, truyền hình và truyền thanh. Giữa người này và người nọ, chỉ khác nhau ở ba điểm: thứ nhất, người nào tự giác hơn thì người đó nhất quán trong việc nhận định hơn; thứ hai, người nào biết nhiều lý thuyết hơn thì người đó có khả năng diễn dịch rộng rãi hơn, từ đó, có điều kiện cảm thụ tốt hơn và dễ chấp nhận cái mới lạ hơn; và thứ ba, người nào nhạy cảm hơn, người đó nắm bắt những quan điểm thẩm mỹ vừa mới manh nha một cách mau lẹ hơn. Nói như vậy cũng có nghĩa là, một nhà phê bình chuyên nghiệp không những cần sự nhạy bén mà còn cần, nếu không muốn nói là cần trước hết, những hiểu biết về lý thuyết để, một là, có thể cảm thụ và phân tích một tác phẩm văn học trên chính cơ sở mỹ học của nó, để ít nhất, không đọc một bài thơ tự do như một bài thơ Đường luật hay một lá truyền đơn, chẳng hạn; hai là, có thể phân biệt cái gì là văn học và cái gì không phải là văn học để, ví dụ, đừng tọng vào các bài gọi là tổng kết hay phê bình văn học những cái rất phi-văn học, thậm chí, rất phản văn học; và ba là, để biết chọn một phương hướng và một cách thức tiếp cận có hiệu quả nhất, làm nổi bật lên những sắc thái độc đáo tiềm ẩn trong tác phẩm.

Từ việc nhân danh một quan điểm thẩm mỹ, phê bình trở thành một cách bày tỏ một thái độ thẩm mỹ. Thái độ ấy thực chất bao gồm hai khía cạnh chính: tuyên dương và tuyên chiến. Nhìn từ góc độ này, chúng ta có thể nói cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh (và Hoài Chân) không phải là những bài ca ca ngợi những tài thơ lỗi lạc thời 1932-45 như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương... mà, trước hết, là một bài ca ca ngợi nhiệt liệt mỹ học lãng mạn chủ nghĩa. Và khi ca ngợi chủ nghĩa lãng mạn, dù muốn hay không, Hoài Thanh cũng phải tuyên chiến với nền thơ ca tiền-lãng mạn thời trước và

phần nào, với nền thơ ca hậu-lãng mạn ngay sau đó. Cái lớn của Hoài Thanh là ở đó, mà cái dở của ông cũng là ở đó. Dở ở chỗ là ông đã tuyên chiến với cả những người sáng tác nhạy bén hơn ông, nhích chân xa hơn ông, về phía trước, phía của tương lai. Nhưng ông lớn ở chỗ đã dám tuyên chiến với cả một truyền thống thơ ca cổ điển của dân tộc. Những nhà phê bình khác, sau này, cho dù có viết về phong trào Thơ Mới hay hơn hẳn Hoài Thanh, cũng không thể so sánh được với công lao của Hoài Thanh vì khi Thơ Mới đã toàn thắng và đã trở thành một giá trị phổ biến trong xã hội, việc ca ngợi nó không còn là một phát hiện và cũng không còn là một sự "tuyên chiến" với bất cứ một điều gì nữa, trừ một ngoại lệ hầu như duy nhất: may ra, tuyên chiến với phương pháp luận mà Hoài Thanh đã sử dụng.

Thật ra, không phải chỉ phê bình. Cả sáng tác nữa, khi thử nghiệm một cái gì mới, cũng là một cách tuyên chiến với những cái cũ, với khuôn sáo. Có thể nói sáng tạo, tự bản chất, là những sự tuyên chiến. Không tuyên chiến, cứ buông thả theo quán tính, theo truyền thống, chỉ là lặp lại, là tái sản xuất chứ không phải là sáng tạo. Tầm vóc của một người cầm bút được đo lường ở khả năng kháng cự lại những áp lực âm thầm nhưng vô cùng mãnh liệt của những quy ước văn hoá đằng sau ngôn ngữ và đằng sau thể loại cũng như ở khả năng vượt qua sự cám dỗ của những giá trị đã được mọi người công nhận. Muốn tăng cường khả năng kháng cự và vượt thoát ấy, điều cần nhất là phải tăng cường khả năng tự giác: đó là một trong những nhiệm vụ chính của công việc phê bình. Và đẩy đến cùng việc phê bình theo hướng này, việc bình phẩm nghệ thuật văn chương dễ có khuynh hướng được thay thế bằng việc lột trần những huyền thoại vốn có nhiều ảnh hưởng sâu sắc đến diện mạo và chất lượng của văn chương.

Mà huyền thoại trong văn học Việt Nam thì nhiều vô cùng. Như một phản ứng tự vệ trước áp lực đồng hoá từ các nền văn hoá khác, từ Trung Hoa đến Pháp, Mỹ và Nga, người Việt Nam, một cách tự phát, dễ có khuynh hướng tạo dựng các huyền thoại để tự hào và trước hết, để ẩn náu. Khái niệm bốn hay năm ngàn năm văn hiến hay khái niệm một nước thơ trước kia và những khái niệm chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng trong văn học sau này là những huyền thoại như thế.

Vượt qua các huyền thoại đẹp đẽ và hư ảo ấy, chúng ta có thể khám phá ra những đặc điểm khác chưa hoặc ít được nói đến ở Việt Nam: tính chất truyền khẩu,[5] tính chất thực dụng,[6] tính chất phản-trí thức,[7] tính chất nghiệp dư[8] và cuối cùng, tính chất thuộc địa trong văn học Việt Nam.[9] Những đặc điểm này vừa là sản phẩm của một lịch sử

trong đó có một nửa thời gian là nô lệ vừa là yếu tố chủ đạo trong việc định hình diện mạo văn học Việt Nam, cho đến nay, vẫn tiếp tục chi phối cách nhìn và cách viết của đa số, nếu không muốn nói là tuyệt đại đa số, người cầm bút Việt Nam, bởi vậy, đó không phải là chuyện của quá khứ. Đó là chuyện của hiện tại.

Văn hoá là cái làm cho những gì vốn thuộc về lịch sử có khả năng trở thành thời sự. Cuộc đấu tranh lớn nhất của những người cầm bút thuộc Thế giới Thứ Ba, không riêng gì Việt Nam, là cuộc đấu tranh liên lỉ với cái bóng của quá khứ không ngừng lởn vởn trước mặt. Ngày trước, khi đánh nhau với thực dân, họ dùng quá khứ như một nguồn sức mạnh (kiểu "Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận", thơ Tố Hữu); sau, khi thực dân đã rút lui, quá khứ lại trở thành một gánh nặng đè lặc lè trên tâm hồn họ, biến lịch sử hậu thực dân thành lịch sử nội chiến giữa cái-tôi-văn-hoá và cái-tôi-sáng-tạo. Ở Việt Nam, được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các thế lực chính trị trong xã hội và của chính tâm lý muốn an nghỉ trong mỗi người, cái-tôi-văn-hoá bao giờ cũng có vị thế áp đảo hầu như tuyệt đối. Nhân danh chính nghĩa, nhân danh đám đông, nhân danh lịch sử dằng dặc mấy ngàn năm, nó đè bẹp cái-tôi-sáng-tạo khiến ý chí sáng tạo ở mỗi người cứ còi cọc dần, hiu hắt dần đến độ lâu, lâu lắm trong văn học Việt Nam cũng như trong đáy sâu tâm hồn người cầm bút Việt Nam mới có một cuộc "nội chiến", mới có được những bất bình, những giằng co và những day dứt về công việc sáng tạo.

Nhưng không có những day dứt, những giằng co, những bất bình và nói chung, một cách hình tượng hơn, những cuộc "nội chiến" giữa cái-tôi-văn-hoá và cái-tôi-sáng-tạo, tức giữa khuynh hướng hoài vọng về quá khứ và khuynh hướng nhắm tới tương lai như vậy, văn học sẽ rất dễ có nguy cơ dẫm chân tại chỗ. Bởi vậy không chừng nhiệm vụ quan trọng nhất của phê bình văn học hiện nay là khích động cho được sự quật khởi của từng cái-tôi-sáng-tạo. Để tạo thành nội chiến, trong từng người cầm bút.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
14.2.2000

1 Xem chương "Mind and Myth" trong cuốn *Postmodern Literary Theory: An Introduction* của Niall Lucy, Blackwell xuất bản tại Massachusetts, 1997, tr. 1-21.

2 Ở đây, tôi dùng cách nói quen thuộc để chỉ những người chỉ yêu và có quan hệ tình dục với người khác phái. Tôi biết cách nói này không chính xác vì nó bao hàm

ý nghĩa là quan hệ đồng tính luyến ái là thứ quan hệ bất bình thường, trong khi đó, những người đồng tính luyến ái lại đưa ra rất nhiều bằng cứ để chứng minh những cái gọi là "bình thường" hay "bất bình thường" chỉ là những sản phẩm của những nền văn hoá nhất định. Biết vậy, song tôi vẫn dùng cụm từ "những người có đời sống tính dục bình thường" để dễ làm nổi bật các quy ước văn hoá ẩn nấp đằng sau cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta.

3 Jonathan Culler (1997), *Literary Theory, A Very Short Introduction*, Oxford University Press, Oxford & New York, tr. 1-17.

4 Trong lời "Nhỏ to" cuối cuốn *Thi nhân Việt Nam* (viết chung với Hoài Chân); in lại trong *Hoài Thanh Toàn Tập* (Từ Sơn sưu tầm), tập 1, nxb Văn Học, Hà Nội, 1999, tr. 726.

5 Xem bài "Văn học trong một nước mù chữ" của Nguyễn Hưng Quốc, đăng trên *Hợp Lưu* số 38 (12.97&1.98), tr. 68-76.

6 Xem chương "Huyền thoại một nước thơ" trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* , nxb Văn Nghệ, California, 1996.

7 Xem bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" đăng trên *Hợp Lưu* số 150 (12.1999 & 1.2000), tr. 50-59.

8 Xem bài "Chẳng lẽ mãi mãi là một nền văn học nghiệp dư?" của Nguyễn Hưng Quốc đăng trên *Văn Học* số 158(6.1999), tr. 3-18.

9 Bài "Tính chất thuộc địa trong văn học Việt Nam" tôi đã viết xong, sẽ đăng đâu đó, nay mai.

CHIA BUỒN

Chúng tôi nhận được tin buồn

cụ bà NGUYỄN HƯNG TỊNH
nhũ danh Maria Catarina NGUYỄN THỊ THIÊM,
thân mẫu của nhà phê bình **Nguyễn Hưng Quốc**
vừa qua đời vào sáng thứ Bảy 19-2-2000
tại Long Khánh, Việt Nam,
hưởng thọ 73 tuổi.

Tòa soạn HỢP LƯU & các văn thi hữu cộng tác
thành kính chia buồn cùng tang gia
anh Nguyễn Hưng Quốc.
Cầu mong hương hồn cụ bà Maria Catarina Nguyễn Thị Thiêm
sớm về nước Chúa



ĐỖ MINH TUẤN

Tri thức và lý tính trong một nền văn hoá giả trang



Nền văn hoá lưỡng cực, ước lệ, thiếu khuyết lý tính

Số phận bất hạnh và lịch sử bi hùng đã tạo cho dân tộc Việt nam một nền văn hoá phức tạp, tế nhị, đầy uyển ngữ và mật tự. Ngồi vào mâm cơm gia đình, con người Việt nam cũng không được thoải mái buông thả như nhiều dân tộc khác, mà vẫn phải gánh theo một đạo lý của một trật tự cụ thể : *"ăn trông nồi, ngồi trông hướng"*, " *Liệu cơm gắp mắm* "," *Miếng ăn là miếng nhục* ". Khi căm thù nổi giận, người Việt cũng không buông thả theo sự phẫn nộ mà luôn tự nhủ mình :" *Một điều nhịn, chín điều lành*", *"Đánh chó phải ngó chủ* ", " *Tránh voi chẳng xấu mặt nào* "." *Lấy ân báo oán*"," *Sinh sự sự sinh* ", v.v. Thậm chí khi tha hoá trở thành đĩ điếm, người Việt cũng lại không dấn thân triệt để mà vẫn có ý thức mức độ " *Làm đĩ chín phương phải để một phương lấy chồng* ", thậm chí còn trăn trở biện minh cho đức hạnh của sự bán mình như Kim Trọng khen nàng Kiều " *lấy Hiếu làm Trinh* " không thể có bụi nào vấy bẩn .

Có thể nói, văn hoá Việt, tâm thức Việt là một cấu trúc vô cùng tinh tế và phức tạp, ở đó, con người chẳng những không bị chết cứng trong giáo điều mà, trái lại, luôn luôn trải nghiệm cái sinh động mong manh và tế vi của từng khoảnh khắc. Nói rằng văn hoá Việt không bị chết cứng trong giáo điều là nói từ tầm nhìn triết học, từ bản chất bất định, phi chuẩn mực của tâm thức văn hoá truyền thống. Những giáo điều chính trị và những biểu hiện giáo điều trong đời sống văn hoá chỉ là những lớp vỏ được áp đặt vào xã hội bằng quyền lực, mang tính bề nổi nhất thời, không thể trở thành tâm thức văn hoá của cả cộng đồng. Thậm chí, cái tâm thức bất định, phi chuẩn mực, vô chính phủ còn biến những nguyên tắc chính trị và học thuật có tính giáo điều thành bình phong và phương tiện cho mình . Sự phức tạp đa chiều và bất định của tâm thức văn hoá Việt có xu hướng ngày càng gia tăng khi con người luôn phải đối diện với những thăng trầm, biến động liên miên của lịch sử dân tộc, tạo nên những stress văn hoá căng thẳng trong tâm trí, khiến cho con người Việt nam trở nên ngày càng phức tạp với một mặc cảm thân phận bén nhạy thường trực , một tâm lý phiêu hốt bất an, một khát vọng tự khẳng định quá mạnh mẽ, một nhu cầu diện mạo quá lớn lao. Thực trạng tâm lý văn hoá quá phức tạp này dường như là hệ quả của một đời sống xây dựng trên nguyên tắc dung hợp Ly' và Tình nhưng ghét Lý trọng Tình.

Ở những xã hội phát triển lý tính, sự phức tạp của đời sống được nhận thức và được phơi bày ra bên ngoài trong giao tiếp và ứng xử xã hội như một tất yếu lành mạnh, khiến cho những vấn đề xã hội luôn được đặt ra giải quyết và con người luôn luôn được giải stress. Xã hội Việt nam, ngược lại, thái độ trọng tình cảm đã chi phối mọi ứng xử trong cộng đồng theo hướng giảm thiểu tối đa những hành vi rạch ròi có tính lý trí phanh phui phơi bày những quan hệ và cảm xúc phức tạp và biến động, cho dù sự giảm thiểu đó có dẫn tới gọi trệch tên sự vật và gây ra những bất công, thiệt thòi cho mỗi cá nhân.Tập tính đơn giản hoá mọi tình huống, mọi vấn đề , mọi sự việc có vai trò như một bộ lọc kiểm soát sự giao tiếp xã hội, điều chỉnh mọi ứng xử cá nhân nhằm tạo ra sự dung hoà, cộng sinh, ổn định đoàn kết trong đời sống cộng đồng. Tập tính ứng xử theo hướng dung hoà đơn giản hoá *" chín bỏ làm mười ","đóng cửa bảo nhau ","một điều nhịn chín điều lành","ngậm miệng ăn tiền* " v.v khiến những vấn đề xã hội có xu hướng gác lại vô thời hạn. Sau khi thực hiện chức năng khoan dung vô nguyên tắc, bắt con người chịu đựng vô điều kiện sự phức tạp của các vấn đề xã hội bằng thái độ nhẫn nhục, cam phận, đoàn kết, nhường nhịn, không chấp, tập tính văn hoá này đã đẩy những vấn đề phức tạp không được xã hội

nhận thức và giải quyết vào bên trong đời sống tâm lý, tạo nên mặc cảm oan trái và thái độ thù hận, làm cho tâm thức cộng đồng ngày càng bị dồn nén căng thẳng và phức tạp. Sự phức tạp căng thẳng bên trong đến một độ nào đó lại tái sản sinh ra những ứng xử theo hướng đơn giản hoá do mệt mỏi, bất an, bức xúc và nóng nảy. Cái vòng luân hồi đi từ phức tạp hoá trong tâm thức tới đơn giản hoá trong hành vi và ngược lại là cơ chế hoạt động của tâm thức văn hoá Việt mà bản chất của nó là sự đứt đoạn giữa con người cá nhân và con người xã hội. Không phải ngẫu nhiên văn hoá Việt nam luôn chia sẻ cảm thông với những thân phận có cảnh ngộ phức tạp như Thuý Kiều, Thị Kính và đồng thời khích lệ tôn vinh những trí tuệ và bản lĩnh linh hoạt đơn giản hoá kiểu Trạng Quỳnh. Nếu như Thuý Kiều với mặc cảm đạo đức về trinh tiết là chiều kích phức tạp hoá của văn hoá Việt, thì Trạng Quỳnh với hành vi vẽ giun trong cuộc thi vẽ nhiều con vật sau một hồi trống là chiều kích linh hoạt đơn giản hoá của nền văn hoá lưỡng cực này. *Hồn Trương Ba da hàng thịt, hồn Thị Kính xác thầy tiểu, hồn trinh nữ xác đĩ điếm, hồn phức tạp xác giản đơn- đó là cấu trúc, là mã số của một nền văn hoá giả trang, ở đó, tính phức tạp của đời sống luôn được gia tăng và luôn bị câu thúc trong bóng tối đằng sau những mặt nạ văn hoá có màu sắc khoan dung.*

Cơ chế văn hoá giả trang ước lệ tạo cho người Việt những mặt mạnh như linh hoạt, sáng tạo, quyền biến, chủ động, tế nhị , tình nghĩa, phong phú nội tâm và có một tư duy rất lợi cho phát triển thơ ca, sân khấu. Nhưng mặt khác, nó cũng đưa tới những hệ quả tâm lý đạo đức tiêu cực như thói vô chính phủ, thói khôn vặt, thói tạm bợ, thói vay mượn, thói dối trá, thói hư danh và thói đạo đức giả trong con người Việt . Đó là một cơ chế văn hoá thiếu khuyết vai trò lý tính như một nhà tổ chức xếp đặt trật tự giá trị, một quan toà phân xử công minh và một bác sĩ giải stress bằng cách rọi ánh sáng khoa học và luật pháp vào chiều sâu tâm thức âm u, tăm tối và bí hiểm của cộng đồng làm đổi thay tính cách và số phận dân tộc theo hướng tiến bộ.

Khế ước giả , stress văn hoá và xã hội phi chuẩn mực

Ở các dân tộc phương Tây, con người có thể bộc lộ trung thực tư tưởng khát vọng trong sự hài hoà với khế ước xã hội, nói cách khác, con người tạo ra được những khế ước xã hội thực sự để làm cơ sở cho sự giao tiếp đối thoại hợp tác công khai, trung thực. Nhưng ở Việt Nam, do quy định của văn hoá giả trang, con người trong xã hội không

thể thiết lập được những khế ước thực vì những tư tưởng và khát vọng phong phú, tế nhị và phức tạp của cá nhân không có cơ hội bộc lộ trung thực và chính xác trong các khái niệm và các nguyên tắc xác định mà luôn bị khúc xạ, giảm thiểu, giảm xốc, trong cơ chế dung hoà, đơn giản hoá. Do đó, phần lớn những khế ước xã hội của người Việt Nam do tính chất ước lệ đơn giản hoá đã mang tính chất những khế ước giả. Những khế ước giả này một mặt tạo ra sự ổn định, đoàn kết nhất trí bề mặt nhất thời, mặt khác, tạo cơ hội cho cá nhân đào tẩu khỏi khế ước một cách kín đáo và bán hợp pháp bằng cách lồng nội dung cụ thể có lợi cho mình vào cái vỏ khế ước giả mạo ước lệ, giống như cái cách anh nông dân đã lừa con gấu trong câu chuyện cổ tích về hợp tác trồng cây. Anh nông dân và con gấu thoả thuận hợp đồng hợp tác trồng trọt một cách đơn giản và ước lệ. Họ nhất trí với nhau người lấy ngọn, kẻ lấy gốc. Nhưng trong thực tế mỗi bên hiểu *"ngọn"* và *"gốc"* một kiểu khác nhau nên người nắm quyền tổ chức thực hiện là kẻ biến cách hiểu của mình thành lợi ích thực tế cho bản thân mình. Khi hai bên nhất trí chia cho anh nông dân *"ngọn"* thì anh ta trồng lúa. Khi đổi lại khế ước, hai bên nhất trí cho anh nông dân lấy phần *"gốc"* thì anh ta trồng khoai.

Tính đơn giản, chung chung ước lệ thiếu cụ thể và khoa học của những thoả ước, khế ước và quy ước đã là mảnh đất tốt cho sự hiểu lầm, sự phản trắc, sự phân ly và tan rã trong nội bộ cộng đồng, tạo ra những bất mãn, bất hoà, mâu thuẫn, những stress, những thù hận dồn nén. Những xung lực văn hoá đó trong tâm thức cộng đồng lại tái sinh trong những khế ước giả mới mà thực chất vẫn là cuộc ú tim của những tâm địa thực sau bình phong văn hoá. Văn hoá dung hoà, cộng sinh, ước lệ đã vô tình tạo ra những mặt nạ che đậy sự hỗn loạn của các sự vật, các hiện tượng, các cá thể, các ý tưởng, các tâm tư. Dần dần các mặt nạ che dấu sự hỗn loạn trở thành mặt nạ trong hội giả trang và sự cẩu thả và tạm bợ của tư duy và hành động trở thành khoái lạc văn hoá. Khi thói đơn giản hoá lên ngôi với vòng hào quang văn hoá, nó trở thành cái mũ kim cô kìm hãm tư duy phát triển tự do trong tính phức tạp hỗn loạn ban đầu của nó. Thế là, trong tâm thức dân tộc xảy ra một nghịch lý giằng xé: một mặt tính tự do bất định của tâm thức cá nhân tìm thấy đất nuôi thân trong những khế ước giả, những nhất trí tạm thời, mặt khác những hệ thống giả, những khế ước tạm bợ này lại trở thành nhà tù kìm hãm sự xuất hiện công khai của tính phức tạp và tính bất định trong những hệ thống thông điệp mang tính lý trí, khoa học. Hậu quả của tình trạng giằng xé đầy nghịch lý đó là ngày càng gia tăng quyền lực và vinh dự cho thói đơn giản hoá, thói đạo đức giả và

bệnh xấu hổ trí thức để dần dần những thói hư tật xấu này biến thành văn hoá.

Văn hoá giả trang như một bức tường thành đẩy lùi quá trình tự ý thức của người Việt không cho mọi sự phức tạp trong tâm thức trồi lên bình diện lý tính công khai. Do đó, những cảm xúc ý tưởng bị dồn nén hình thành những stress văn hoá, những mặc cảm tinh vi bén nhạy, rốt cuộc đã làm cho tâm thức Việt ngày càng căng thẳng luôn sẵn sàng bùng nổ trong những ứng xử méo mó, bất thường, cảm tính, cực đoan. Chính cái văn hoá trọng tình, bất định, ước lệ luôn tạo nên tính chất phi chuẩn mực, vô chính phủ và cơ hội vô trách nhiệm trong con người và xã hội Việt Nam, làm tan rã dân tộc từ chiều sâu tâm thức. Nếu so sánh với bệnh tâm thần cá nhân thì đây là bệnh giải thể nhân cách của một cộng đồng - tức là tính trạng không có một cấu trúc nhân cách xác định, một chuẩn mực xác định (một tôn giáo, một hệ tư tưởng, một hệ thống các nguyên tắc quản lý nhà nước v.v.). Sự lai ghép giữa các lý thuyết, các tôn giáo, sự cộng sinh giữa các hệ quyền lực, sự dung hoà giữa lý tưởng và thực tế được thực hiện một cách tuỳ tiện, tuỳ hứng trong mỗi cá nhân cũng như trong từng bộ phận xã hội, khiến cho cộng đồng ngày càng mất đi khả năng tự kiểm soát và tự ý thức.

Những dân tộc phương Tây thoát khỏi cuộc ú tim luẩn quẩn này vì sự phức tạp và bất định của tâm thức cá nhân được hiện diện công khai và rõ ràng trong bình diện lý tính. Những khế ước xã hội được cụ thể hoá, công khai hoá trong những hệ thống khái niệm nguyên tắc xác định. Xã hội đạt đến sự nhất trí thực, con người được neo vào những khế ước và những nguyên tắc thực, ít cơ hội phản trắc và ít bị rơi vào tình huống bị bất công và phản trắc. Nếu có lúc nào bị bất công và bị phản trắc họ cũng sẵn cơ hội lên tiếng, không phải bận tâm day dứt với những đạo lý biện hộ cho những bất công và phản trắc này trong chính lương tâm. Do đó, những stress trong tâm thức cộng đồng hầu như được giải toả ở bình diện lý tính. Nếu như những con bệnh tâm thần được Freud chữa bằng giải pháp soi sáng những khát vọng dồn nén ẩn ức làm cho nó tự ý thức, thì những căn bệnh văn hoá của những xã hội như Việt Nam cũng chỉ có thể được chữa chạy bằng liệu pháp lý tính - xây dựng một xã hội vừa giữ được tinh tuý tích cực của văn hoá truyền thống vừa mang tinh thần khoa học và luật pháp để mỗi cá nhân có thể tự ý thức và xã hội hoá các khát vọng và trạng huống trong vô thức của mình.

Từ quyền năng của lý trí tới đức hạnh tri thức

Khi không có lý trí khoa học soi sáng, con người bị cầm tù trong cái rối bời phức tạp của đời sống, trở nên bị stress. Thực ra, như Marcel Proust đã viết trong *Ti'm lại thời gian đã mất* :" *Đời sống ít rắc rối hơn là người ta nói, ngay cả đối với những tình huống phức tạp. Có một cái tất yếu lộ ra để chỉ rõ tính phức tạp này* ". Lý trí với khả năng nhận diện cái tất yếu, chỉ ra quy luật vận động của con người tự nhiên và xã hội là một liệu pháp giải stress rất hiệu nghiệm. Ngoài vai trò làm sáng tỏ cái hỗn độn phức tạp, giải stress trong tâm thức cộng đồng, lý trí còn có chức năng cụ thể hoá các khế ước xã hội để cột chặt trách nhiệm cá nhân vào các nguyên tắc xác định của hợp đồng, luật pháp luật chơi, ngăn ngừa sự phản trắc của cá nhân sau bình phong văn hoá. Qua đó, lý trí nối một nhịp cầu giữa các nhân với xã hội, giữa vô thức và ý thức, giữa dân tộc và nhân loại, có thể biến tự do cá nhân vô chính phủ trong lối sống luồn lách khôn vặt truyền thống thành tự do chung của cả cộng đồng. Bằng cách đó, lý trí trở thành bà đỡ cho một xã hội dân chủ, công bằng, bình đẳng.

Vì những lẽ đó, sự tôn trọng và phát triển lý trí trong xã hội Việt nam trở thành giải pháp nhân văn, đồng nghĩa với sự giải phóng và phát triển, tạo ra những nhịp cầu khai thông sự đồng cảm văn hoá của các dân tộc khác, tạo ra một ngôn ngữ văn hoá có tính phổ biến nhiều hơn tính mật tự, tạo ra một xã hội công bằng, trật tự , trong sáng, tự do. Đó là cơ sở triết học xác định tính tất yếu của quá trình hiện đại hoá, khoa học hoá, pháp luật hoá, hệ thống hoá, chuẩn mực hoá và toàn cầu hoá. Quá trình này đồng nghĩa với cuộc cách mạng văn hoá để đổi thay căn tính của dân tộc, từ đó đổi thay số phận bất hạnh của người Việt Nam.

Cùng với việc nâng cao vai trò của lý trí trong đời sống xã hội, những đức hạnh mới của con người Việt nam sẽ được hình thành với tinh thần khoa học, tinh thần luật pháp, tinh thần fair-play, tinh thần hệ thống, tinh thần lý thuyết, tinh thần nhân loại và tinh thần thực tiễn. Những đức hạnh mới này sẽ chiếm chỗ của tinh thần linh hoạt tuỳ tiện trong văn hoá truyền thống của người Việt mà bản chất là sự vô nguyên tắc, vô chính phủ, phi chuẩn mực, đơn giản hoá, thủ tiêu hệ thống. Sự hình thành của các chuẩn mực đạo đức mới này sẽ giảm thiểu vai trò của các trò khôn vặt trong những giải pháp tình thế, của thói thích nghi cơ hội ***"tuỳ", "lựa", "liệu"***(*"Tuỳ cơ ứng biến", " Tuỳ mặt đặt tên, tuỳ tiền biện lễ ", " Lựa gió xoay chiều", " Lựa lời mà nói ", " Liệu cơm gắp mắm ", " Liệu mặt gửi vàng " v.v.*) và thói sĩ diện

đạo đức giả (*"tuỳ tâm"*, *"bất cần"*, *" bằng mặt không bằng lòng"*) che đậy những tham vọng và những nhu cầu thực.

Dĩ nhiên, sự bổ sung và nâng cao vai trò của lý tính trong văn hoá Việt một mặt loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong văn hoá truyền thống, mặt khác làm cho những yếu tố tích cực trở nên được ý thức hoá, nhân loại hoá để bảo lưu và phổ biến. Thông qua sự phát triển của văn hoá học, văn hoá truyền thống dân tộc được hệ thống hoá, soi sáng và giải mã từ những góc nhìn mới nhất của khoa học nhân văn và triết học hiện đại giúp cho các dân tộc khác đồng cảm với người Việt, từ đó không hiểu lầm, dị ứng hay vô cảm trước lương tri và thiện chí của chúng ta.

Sự phát triển lý tính trong văn hoá Việt đồng nghĩa với sự tôn trọng tri thức và tôn vinh người trí thức. Điều này vô cùng khó vì vấp phải những trở ngại văn hoá lớn trong truyền thống. Tâm lý coi thường trí thức đã bắt sâu trong tiềm thức con người Việt nam . Cơ chế văn hoá giả trang luôn luôn tạo cơ hội cho thái độ phản tri thức hình thành và phát triển, vì thế giới hỗn độn của tâm thức cá nhân và tâm thức cộng đồng luôn nấp sau tấm khiên văn hoá để né tránh sự soi rọi, kiểm chứng và định giá của lý trí khoa học mang tính nhân loại.Mặt khác,trong văn hoá A' Đông, tri thức đã từng là đối tượng khai tử của tôn giáo với quan niệm giải trừ tri kiến của các nhà thuyết giáo như Krishnamurti. Theo Ngài, tri thức và tư tưởng gắn liền với thời gian, với những chương trình sẵn có trong đời sống tạo thành một mạng lưới vây hãm con người trong những xung đột vốn có. Muốn giải thoát khỏi những xung đột làm con người đau khổ này, không thể trông cậy vào tri thức và tư tưởng mà phải giải thoát khỏi chúng, tìm đến một cõi ngoài thời gian bằng cách chú tâm trọn vẹn, toàn diện vào một thực thể nào đó như một bông hoa chẳng hạn. Khi nào ta nhìn bông hoa một cách lặng lẽ, không thốt một lời, không phết lên màu sắc mà chỉ biết có nhìn khi ấy ta sẽ tháo bỏ được ách nặng nề của trí óc và đạt đến một loại năng lực hoàn toàn khác, không dính líu gì tới thời gian, tư tưởng và tri thức . Ở đây, sự chối từ tri thức của Krishnamurrti không mang bản chất chính trị ngu dân mà mang tính cách đạo sĩ, thiền sư. Khi truyền đạo, bản thân Ngài cũng đã sử dụng tri thức và phổ biến tri thức tôn giáo nhằm khai thông năng lượng tâm linh cho xã hội. Giải pháp vượt thoát tri thức trong tư tưởng của Ngài không phải là phản tri thức mà bản thân nó là một tri thức đặc thù. Tri thức đích thực có năng lực tự huỷ và vô mục đích, nó tồn tại chỉ vì chính nó. Do đó, khi Ngài kêu gọi giải thoát khỏi tri thức và tư tưởng, Ngài đã hiện diện và được tôn

trọng như một trí thức chủ nhân của những tư tưởng mà Ngài truyền giáo. Điều đó chỉ có trong một xã hội có tự do tôn giáo - sản phẩm của sự tôn trọng tri thức, tôn trọng lý trí, tôn trọng con người.

Bản thân cơ chế văn hoá giả trang đã khai tử tri thức và người trí thức bằng cách đặt trước nó cái hồ lô đơn giản hoá lấp lánh hào quang. Mọi lý thuyết biện hộ cho thói đơn giản hoá, đều hoạt động trong cơ chế của văn hoá giả trang trong đó người ta đối lập, tách rời cái xã hội và cá nhân, khách thể và chủ thể, tri thức và cảm xúc, dữ kiện và tưởng tượng. Trong lý luận và phê bình văn chương sự đề cao cảm xúc cá nhân, ấn tượng cá nhân, đối lập chúng với tri thức và lý thuyết chính là hiệu ứng của văn hoá giả trang. Nó dẫn đến sự coi trọng những cái cảm tính, giản đơn, cụ thể và cần thiết, kỳ thị hệ thống và lý thuyết.

Thực ra, bổ sung và tăng cường vai trò lý tính trong văn hoá Việt tất yếu gắn liền với tinh thần coi trọng hệ thống lý thuyết vì hệ thống lý thuyết là con đường đổi mới lý trí, giúp lý trí tiến triển vượt qua cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay khi nó trở nên thái quá ở các xã hội công nghiệp, bị thói hợp lý hoá quan liêu máy móc và thực dụng nuốt chửng, biến thành phi lý.

Lý trí tự huỷ, lý trí khai mở và hệ thống lý thuyết

Lý trí khép kín có tính chất đơn giản hoá, đó là "*sự dã man của tư tưởng*" theo cách nói của Edgar Morin. Trong công trình *Khoa học với ý thức*, Edgar Morin đã mô tả khá sâu sắc sự đơn giản hoá này, truy nguyên nguồn gốc của thói đơn giản hoá phản tri thức ở ngay trong cội nguồn của nó là nguyên tắc chia cắt của bản thân tư duy khoa học. Từ đó, Edga Morin chỉ ra sự phát triển của lý trí đang đòi hỏi con người phải vượt qua sự đơn giản hoá của bản thân khoa học để xây dựng một lý trí mới - ***lý trí khai mở***- có thể đối đầu với sự phức tạp của thế giới: "*Nguyên tắc phân cắt, quy giản, nhất phương hoá chi phối khoa học cho tới đầu thế kỷ này. Nhưng mặc dù bị chi phối bởi huyền thoại đơn giản hoá chăng nữa, thì cuộc phiêu lưu khoa học vẫn là một cuộc phiêu lưu phức tạp, ở đó chất đầy kinh nghiệm quan sát, thẩm vấn, thực nghiệm, cuối cùng đã dẫn đến việc làm nổi bật cái đã bị loại trừ về mặt nguyên tắc: Sự phức tạp*". Edgar Morin tìm thấy trong thế giới của những ***hệ thống lý thuyết*** một lý trí khai mở sống động có khả năng chung sống và đối thoại với cái phi lý, nhận dạng cái siêu hợp lý và có thể tiếp cận nhận thức những hiện tượng phi lý phức tạp như tôn

giáo, tình yêu. Mặt khác, lý trí khai mở không chỉ là một phương pháp mà còn là một khả năng kiến tạo những hệ thống tri thức được đem lại để xác lập vĩnh viễn, mặc dù những hệ thống này có thể được thay kiểu.

Trong đời sống tri thức luận của thế giới, ***hệ thống lý thuyết*** có một sứ mệnh toàn cầu được tôn vinh như vậy. Nhưngtrong đời sống học thuật của Việt nam, thái độ kỳ thị với ***hệ thống lý thuyết*** vẫn còn là một căn bệnh trầm kha. Người Việt Nam nổi tiếng là linh hoạt, nhưng bản chất của sự linh hoạt tuỳ tiện và trì trệ đó là sự bất chấp nguyên tắc hệ thống. Người Việt Nam có thể phá một cỗ máy đắt tiền để lấy một linh kiện lắp vào một vật dụng thô sơ phục vụ đời sống, có thể đem cách làm của hệ thống xã hội này áp dụng vào hệ thống xã hội kia, chẳng hạn đem những nguyên tắc của kinh tế thị trường mà chính trùm tài chính Soros cũng kinh hãi sự phá huỷ của nó với chế độ tư bản để áp dụng vào hệ thống thiết chế xã hội XHCN như là một sự lai ghép đầy sáng tạo. Trong văn chương, các nhà phê bình như Hoài Thanh khi phê bình thơ ca theo lối cảm nhận thường nhảy thoăn thoắt từ lý thuyết này sang chủ nghĩa kia mà không biết. Do chỉ biết nói lên cái rung cảm mơ hồ của con tim, không biết nhận diện bản chất lý thuyết của những rung cảm đó nên trong cùng một đoạn văn, câu đầu nhà phê bình của chúng ta cảm thụ câu thơ bài thơ từ góc nhìn của chủ nghĩa cổ điển, câu sau lại nhảy sang tán du dương theo quan điểm của chủ nghĩa hậu hiện đại. Loạn hệ thống, loạn chuẩn, loạn điểm nhìn. Đó là bản chất của cái xu hướng chỉ nói cái cần thiết, cụ thể hoá những vấn đề lý thuyết trừu tượng theo hướng thực dụng, cảm tính, ăn đong. Xu hướng này cần được phê phán nghiêm khắc để xây dựng tinh thần tôn trọng hệ thống và lý thuyết.

Nhờ tinh thần hệ thống và tinh thần lý thuyết, những cuộc đối thoại khoa học không bị trở thành cuộc ú tim đánh tráo khái niệm, đánh tráo vấn đề và toạ độ vấn đề - những biểu hiện của thói phản trắc và hỗn loạn. Tinh thần lý thuyết và tinh thần hệ thống trở nên một biểu hiện của tinh thần cộng đồng, tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật. Khi nhà nghiên cứu đặt ý kiến của mình trên bình diện hệ thống, lý thuyết, anh ta thể hiện trách nhiệm khoa học của mình. Vì thế, có thể nói tính hệ thống, tính lý thuyết là đức hạnh lớn nhất của một công trình khoa học, nó đòi hỏi một bản lĩnh, một sự trung thực, một tầm nhìn, một thái độ tự ý thức của người nghiên cứu. Trong xu thế hình thành văn hoá mới, nhân cách mới của con người Việt Nam, thói đơn giản hoá và bệnh ghét hệ thống, ghét lý thuyết phải được khắc phục đầu tiên.

Đơn giản hoá : sự dã man của tư tưởng

Khi thói đơn giản hoá đã trở thành tập tính văn hoá nằm sâu trong căn tính của tộc người, thì nó cũng sinh sôi, biến dạng và nâng cấp theo sự phát triển của văn minh. Khi chưa phát triển khoa học, chưa có tư duy khái niệm, thói đơn giản hoá bám vào các biểu tượng cụ thể, các hành vi thiết thực. Khi khoa học phát triển, thói đơn giản hoá thống trị ngay trong tư duy lý luận, xây ngai vàng của mình bằng các định kiến, các công thức, các khẩu hiệu, các chủ nghĩa, các hệ tư tưởng và thậm chí các hệ văn minh. Chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa nguyên giáo thị trường, chủ nghĩa phương Tây là trung tâm, chủ nghĩa thực dụng v.v...là những biểu hiện duy lý khác nhau của thói đơn giản hoá. Thực chất của tiến bộ và phát triển là nỗ lực giải phóng khỏi những phương thức, mô hình hợp lý hoá đã trở nên giản đơn khô cứng trước sự biến thiên sinh động của thế giới và quá trình nhận thức. Nhiệm vụ cấp bách của triết học, logic học, văn hoá học, tri thức học là phải xây dựng một tư duy lý luận phức tạp hơn có thể nhận diện, giải mã và dự đoán những hiện tượng, quá trình mới mẻ, phức tạp trong tự nhiên, xã hội và tư duy mà những phương thức hợp lý hoá cũ đã trở nên bất lực. Trong lý luận phê bình văn học, để nhận diện và mở đường cho những thông điệp thẩm mỹ mới đi vào cảm nhận của công chúng, theo kịp những nhu cầu tinh tế phức tạp của con người trong kỷ nguyên tin học, kỷ nguyên hậu hiện đại, hậu cấu trúc, người viết cần phải trang bị những công cụ khái niệm và logic cập nhật của tri thức nhân loại, vận dụng nó vào quá trình tiếp cận, giải mã các tác phẩm văn chương, nhất là những tác phẩm viết bằng thi pháp mới. Muốn vậy, cần vượt qua thói đơn giản hoá ở những biểu hiện tinh vi nhất của nó.

Thói đơn giản hoá không chỉ là thói quen của một nhóm người, mà đã trở thành một tập tính văn hoá có cội nguồn từ tâm lý ghét lý thuyết, ghét hàn lâm. Biểu hiện của thói đơn giản hoá rất phong phú đa dạng, song có thể qui về mấy dạng như sau:

1. Cụ thể hoá - Các liên hệ hiện chứng phức tạp trong tư duy trừu tượng dường như trái với tính nôn nóng, tính hời hợt và tính thiết thực của người Việt, nên gây phản cảm. Khi đọc các văn bản hàn lâm, tâm lý chung của người Việt là thấy rối rắm, viển vông khoe chữ nghĩa. Do đó, xu hướng thường thấy trong cách trình bày và biên tập là cụ thể hoá vấn đề, truy xuất vấn đề khỏi lãnh địa của tư duy khái niệm để trình bày và nhìn nhận vấn đề trong tư duy hành động, tư duy thực tiễn. Người ta có ảo giác là như vậy đã nắm lấy ***cái cốt lõi***, gạt bỏ

những cái thừa. Nhưng cái cốt lõi ở đây không phải là cái bản chất, cái khái quát, mà là tên gọi khác của ***cái cần thiết***. Nghĩa là, khi trình bày vấn đề trong tư duy trừu tượng, tư duy khái niệm nhà khoa học và nhà lý luận khám phá những liên hệ sâu sắc, bất ngờ chi phối bản chất và qui luật hoạt động của sự vật. Còn khi trình bày vấn đề theo hướng cụ thể hoá, túm lấy cái cần thiết cho hoạt động thực tiễn phục vụ một mục tiêu thực dụng thì vấn đề đã chuyển từ hệ nghiên cứu sang hệ ứng dụng, từ khoa học sang kỹ nghệ, từ lý thuyết sang thực tiễn. Một bước nhảy như vậy có thể vẫn mang lại hiệu quả thực tiễn, nhưng là một hiệu quả ăn đong, chộp giật, mù loà về lý thuyết nên không thể làm chủ được những diễn biến phát sinh trong quá trình vận dụng lý thuyết vào thực tiễn.

2-*Giản lược hoá* - Tư duy lý thuyết, tư duy khoa học bao giờ cũng trình bày vấn đề trong tính phức tạp của quá trình nhận thức, giúp cho người đọc, đi từ luận cứ đến luận chứng và luận điểm. Mỗi một tư liệu đều có ghi xuất xứ để đảm bảo tính trung thực và độ chính xác. Với quan niệm chỉ nói cái cần thiết, những nhà lý luận phê bình, những biên tập viên mang tập tính đơn giản hoá khi viết thường có xu hướng giản lược hoá qui về cái cốt lõi, nên chỉ trình bày áp đặt luận điểm, không phân tích chứng minh, hoặc biến cái ý người khác thành ý mình hoà vào mạch văn mình, gạch bỏ những ghi chú về nguồn gốc, địa chỉ và xuất xứ. Những người viết theo cách này được coi là nhuần nhuyễn, *"tiêu hoá kiến thức", "viết ra từ máu thịt", "không lổn nhổn trích dẫn khoe sách vở"* v.v... Thực chất, họ đã làm những hành vi biển thủ áp đặt trong chính cái thao tác giản lược hoá này và lẽ ra, họ phải bị lên án vì vi phạm đạo đức khoa học, thì họ lại được tụng ca như những vị thánh phán ra những lời *"của chính mình"* ."*biến thành của mình*" thực chất là đạo văn lại được coi như một thao tác cao đạo lịch lãm của nghề viết lách!

3- *Đồ hộp hoá* - Cái tập tính đơn giản hoá như một con thú háu đói, nó ngốn ngấu các biểu tượng, các công thức, các châm ngôn có sẵn và nhồi nhét hiện thực sinh động phức tạp vào những cái khuôn, những đồ hộp tri thức đó. Một người như Phật tổ , như Eisntein đứng trên tất cả, phê phán tất cả rất có thể bị người Việt gọi là Chí Phèo vì người ta giản lược toàn bộ hệ thống tư tưởng của họ vào một khía cạnh là: *"chửi tất cả, chẳng chừa ai"* (!) Một người dũng cảm dám đương đầu với những bài toán chính trị đạo đức và khoa học nan giải, có thể bị coi là Don Quichotte đánh cối xay gió ! Do đó, khi cái tập tính đơn giản hoá còn thường trực trong đám đông trong đó có cả những trí thức, thì mỗi một thắng lợi về văn hoá, văn chương lại chính là một

bước lùi về dân trí. Khi các thiên tài tạo ra những Don Quichotte, AQ, Chí Phèo, Xuân tóc đỏ là khi họ đóng hộp tư duy của nhiều thế hệ vào trong các nhân vật bất hủ này. Những nhân vật đó sinh ra để làm cái công việc ngu dân thủ tiêu việc nhận thức cái cụ thể sinh động, cập nhật, có một không hai cần một sự giải mã, mô tả trong hệ thống khái niệm phức tạp. Hoài Thanh cũng là một vỏ đồ hộp trí tuệ như vậy. Từ khi có *Thi nhân Việt Nam*, cái tên Hoài Thanh trở thành một thứ y phục mà bất kỳ một người viết phê bình bằng cảm nhận thơ ca chủ quan rẻ tiền nào cũng có thể khoác vào mình, tự xưng là "*phong cách Hoài Thanh*", "*phê bình kiểu Hoài Thanh*". Tên tuổi nhà phê bình tài năng trở thành nơi trú ngụ cho những kẻ bất tài, vì tài năng của ông được hiện diện qua ấn tượng và xác nhận bằng ấn tượng mơ hồ chứ không phải được hiện diện và kiểm nghiệm qua hệ thống logic và khái niệm. Vì thế, dù có cảm nhận tinh tế, sâu sắc hơn ông thì vẫn chỉ là "*kiểu phê bình Hoài Thanh* ". Muốn đem đến cho dân trí những tín hiệu mới, thông điệp mới, mô hình mới, đã đến lúc phải phế truất cái tư cách chuẩn mực của lối phê bình Hoài Thanh ngự trị quá lâu trong dân trí.

Những tri thức đa dạng trong sự hình thành chủ nghĩa hàn lâm

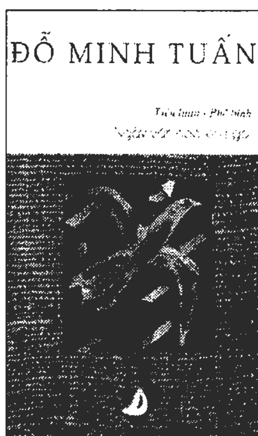
Trong tiến trình phát triển của tư duy lý luận văn học Việt Nam đã hình thành lối phê bình hàn lâm, khoa học có xu hướng văn hoá học, xã hội học vượt qua cách phê bình của Hoài Thanh, lôi kéo sự chú ý của công chúng từ trung tâm tư trưởng tác phẩm và nhân cách tác giả ra ngoại vi của những hình thức ngôn ngữ và đời sống văn chương. Nếu như trước đây quyền lực nằm ở chủ đề tư tưởng, ở tư cách chiến sĩ của nhà văn thì giờ đây các nhà nghiên cứu, phê bình có ý thức hoặc vô ý thức đang tạo nên quyền lực của hình thức, ngôn ngữ, tư cách đời thường, bếp núc văn chương, tình bạn, cơ may, mâu thuẫn và bất hạnh. Đó là những nỗ lực mới trong xu hướng giải cấu trúc đời sống văn chương, cần được nhìn nhận từ quan điểm hậu cấu trúc của J.Derrida. Cái mới, cái hàn lâm không đồng nghĩa với cái qui mô, kỳ vĩ. Có khi một vị thiền sư chỉ quanh năm nhìn vào một điểm nhỏ trên tường mà khám phá ra những cảnh giới xa lạ và mới mẻ. Nhà nghiên cứu văn học có thể suốt đời chỉ nghiên cứu một bài thơ (như bài thơ *Con cóc* chẳng hạn !) cũng có thể đem lại cái mới, cái hàn lâm cho đời sống văn chương, nếu như anh ta thực sự có một cái nhìn phức tạp, khám phá ra những cấu trúc văn hoá thẩm mỹ mới mẻ ẩn tàng trong bài thơ đó mà trước anh ta chưa ai khám phá ra. Các nhà nghiên cứu "*quà vặt*", "*hàng xén*" nếu có tinh thần xã hội học và tinh thần hệ thống, có ý thức tham

gia vào việc hình thành cái nhìn phức tạp với nhà văn và hoạt động sáng tạo nghệ thuật thì không phải là hiện thân của "*chủ nghĩa phản tri thức*" trong đời sống văn chương. Trái lại, anh ta đang tham góp vào quá trình tái hợp lý hoá, chống lại cái man rợ của chủ nghĩa duy lý thực dụng, thói hợp lý hoá của công nghiệp hoá, đô thị hoá, hệ tư tưởng hoá, quan liêu hoá.

Kierkegaard đã phê phán tình trạng qui giản chủ thể vào toàn bộ tính hợp lý. Trong đời sống văn chương Việt Nam, đó là cách qui giản đời sống sáng tạo của nhà văn vào trật tự của nhiệm vụ chính trị. Những khảo cứu nhằm giải phóng cách nhìn với chủ thể sáng tạo khỏi gông cùm của tính hợp lý hoá chính trị, thì dù đó là những phát hiện "vặt vãnh", cũng góp phần chống lại những quyền lực và những tập tính đang hạn chế và kiểm soát tri thức, để xây dựng một chủ nghĩa tri thức trong đời sống văn chương. Đôi khi, những phát hiện, những tư liệu vặt vãnh, rời rạc, ngoài lề lại là vệ tinh của một hệ thống tri thức ngầm (*tacit knowledge*) có tính chất hàn lâm, cách mạng, cần được coi như những biểu hiện của thái độ tôn trọng tri thức trong người nghiên cứu .

Tuy nhiên, muốn xây dựng một xã hội tri thức, một xã hội trọng tri thức thì phải nhanh chóng vượt qua thứ tri thức ngoài lề, vặt vãnh, hàng xén để hướng tới một tri thức đích thực trong những hệ thống lý thuyết, một trí thức mới mẻ, cập nhật do lý trí khai mở khám phá, phát hiện và sáng tạo, một tri thức đem lại ý nghĩa mới và hạnh phúc mới cho cuộc sống con người và đem lại cho dân tộc một ngôn ngữ văn hoá có tầm nhân loại, có khả năng sáng tạo bản sắc mới cho văn hoá Việt Nam./.

ĐỖ MINH TUẤN
Hanoi 3-2000



ĐỖ MINH TUẤN

ngày văn học lên ngôi

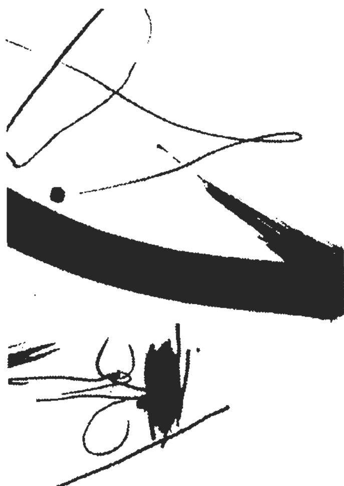
tiểu luận - phê bình

nhà xuất bản VĂN HỌC



NGUYỄN HOÀNG VĂN

Tinh thần cụ thể



Ngôn ngữ của chúng ta nặng tính cụ tượng: thiên về cái cụ thể mà xa cái trừu tượng, gần gũi với kinh nghiệm mà bỡ ngỡ trước những ngã đường tư duy. Tính cách con người, một tính cách tập thể và cộng đồng, đã thẩm thấu vào từng lời ăn tiếng nói: khuynh hướng ngôn ngữ chính là sự biểu lộ của khuynh hướng văn hoá và đặc điểm tâm lý của một dân tộc.

Thiên về cái cụ thể và gắn bó với kinh nghiệm, chúng ta bỡ ngỡ trước khả năng tư biện và khái quát hoá; xa lạ cái trừu tượng, chúng ta dửng dưng hay dị ứng với những vấn đề lý thuyết. Và, nếu phải ứng xử với những vấn đề lý thuyết, chúng ta ứng xử như thể đó là những gì cụ thể, trong những phong cách nếu không lặt vặt nhếch nhác thì cũng máy móc giáo điều. Ở đời sống và ở học thuật, ở văn hoá và ở chính trị.

Diễn tả những gì cụ thể ngôn ngữ chúng ta giàu có biết mấy. Còn đứng trước những vấn đề trừu tượng, mới trở nên nghèo túng làm sao! Hãy nghe một nhận xét dí dỏm của nhà văn Võ Phiến: tả ghẻ, cơ man nào là ghẻ: ghẻ nước, ghe ngứa, ghẻ bọc, ghẻ phỏng, ghẻ hờm, ghẻ ruồi, ghẻ cóc, ghẻ cái, ghẻ đen, ghẻ khoét... Nhưng nói về lục phủ ngũ tạng: tâm, can, tỳ, phế; nói về tứ chứng nan y ẩn nấp sâu những

nơi ấy: phong, lao, cổ, lại; chúng ta phải tất tả vay mượn.

Hãp thụ văn hoá là hiện tượng thường tình và tự nhiên. Nó diễn ra ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời nào. Nó còn diễn ra giữa hai trình độ văn minh ngang nhau nói gì là giữa tầng sớm muộn cách biệt? Tuy nhiên, Khi Nguyễn Du viết Kiều, đãt nước hoá thành văn (Chế Lan Viên), đã tự hào là một nước thơ, suốt mấy ngàn năm vừa làm thơ vừa đánh giặc, mà khi dịch chữ inspiration ra tiếng Việt những thế hệ đầu tiên sử dụng chữ quốc ngữ phải lúng túng với yên-sĩ-phi-lý-thuần thì kể cũng hơi lạ! Những thi sĩ xưa gần gũi với cảnh tuyết rơi rơi lạnh lẽo trên mấy ngọn núi xa xăm đâu đó bên Tàu hơn là những gì đang cuồn cuộn ngay trong tim mình. Tuyết ấy, dù là tưởng tượng, dù là học lóm ở sách Tàu, vẫn là cái gì đó cụ thể. Còn cảm hứng, dù ấp ủ trong tim, lại là cái gì đó trừu tượng, mơ hồ!

Khuynh hướng ấy cũng hằn được những dấu hằn ở đời sống tâm linh. Cứ hỏi một tín đồ Công Giáo hay một tín đồ Tin Lành về sự khác biệt giữa hai bên, câu trả lời bao giờ cũng là những điều như thờ phượng Đức Mẹ hay không, tu sĩ được phép lấy vợ hay không, có thờ tượng thánh hay không, vân vân và vân vân...

Nhưng tin theo một tôn giáo nghĩa là tin vào một giá trị tinh thần, là tin vào con đường cứu rỗi sẽ mở ra chứ không ai tin vì những nghi thức thờ phượng thế này thế kia, vì quyền lập gia đình của mấy vị giáo sĩ. Tôn giáo đó có tách ra làm hai làm ba, nó không hề tách vì mấy ông thầy tu chán ngán đời sống độc thân mà tách vì những quan niệm về nguyên ủy sâu xa nhất của sự cứu rỗi: như một công quả, như một ân sủng hay như một phần thưởng tất yếu của đức tin. Đành rằng triết lý của tôn giáo cũng phần nào ảnh hưởng đến nghi thức và giới luật, nhưng lẽ nào niềm tin của con người chỉ chờn vờn mấp mé ở những biểu hiện bên ngoài?

Một người quen của tôi, do công việc nên có cơ hội tiếp xúc với nhiều tu sĩ Phật Giáo cũng đã ngạc nhiên như thế. Tìm hiểu lý do đã khiến Phật giáo Việt Nam chia rẽ, câu trả lời bao giờ cũng là những điều như "tại" hoà thượng này thế này, "tại" hoà thượng kia thế kia. Ít ai buồn "tại" những điều như quan điểm thế này thế kia của những tông phái khác nhau trước những vấn đề đạo-đời trong bối cảnh chính trị - xã hội Việt Nam thời đương đại.

Tôn giáo là một vấn đề tế nhị nhưng, trong những trường hợp

như thế, tôi ngờ rằng khuynh hướng văn hoá của chúng ta cũng có mặt dự phần đấy. Lẽ nào những tín đồ nói trên không lấy làm thắc mắc khi, cùng một ngày, ai cũng ôm cùng một bộ thánh thư nhưng lại đến hai ngôi giáo đường khác nhau? Nếu nói rằng những hành vi của một vài nhà sư hổ mang chỉ là chuyện cá biệt, không bao giờ đại diện cho một tôn giáo thì sao có thể xem những vấn đề trọng đại của giáo hội bắt nguồn từ những chuyện như "tại" sư này hay "tại" sư kia? Thoải mái với cái cụ thể, họ thoải mái với những biểu hiện, những hiện tượng bên ngoài mà không buồn đào sâu vào những nguyên ủy bên trong, không muốn phiền hà chắp nối sự liên hệ giữa những sự kiện riêng rẻ để đưa ra một cái nhìn khái quát.

Khuynh hướng ấy còn dây dưa với những vấn đề liên quan đến lịch sử.

Thật là đáng ngạc nhiên khi, cho đến tận hôm nay, chúng ta vẫn làm mọi cách để duy trì những tình cảm tự hào dân tộc dựa trên mấy giai thoại lịch sử hư hư thực thực, mấy giai thoại ở đó sứ giả ta đốp chát và biện bác "hay" đến độ cả triều đình Trung Hoa phải cúi đầu khuất phục, y hệt những giai thoại mà người Cao Ly đã từng tự hào kể nhau nghe! Lê Qúy Đôn giải thích đấy như một hình thức "thắng lợi tinh thần": trong thân phận bị chèn ép, chư hầu nào cũng tìm cách trả thù trong tưởng tượng. Và ý chí trả thù của họ cùng hội tụ về cùng một ngã. Mấy thế kỷ trước mà đã có người dám tiếp cận với sự thật như thế, tại sao hôm nay chúng ta vẫn cố tình lập lờ giữa chính sử và giai thoại sử? Tự hào về mình, thì tự hào, nhưng chúng ta không thể tảng lờ như thể đãy là sự thật? Tâm thức lịch sử hay niềm tự hào dân tộc phải dựa trên một nền tảng vững chãi, không thể dựng trên một cái nền tùy tiện, nhăng nhít.

Nội dung của những giai thoại ấy cũng là một điều đáng để suy gẫm. Nếu một ông vua buộc lòng phải cử một vị quốc sư cải trang làm ông lái đò để đánh lừa những sứ giả nước ngoài về trình độ văn hoá của nước Việt, chúng ta phải nhận ra vẻ tội nghiệp của một dân tộc thấp bé, phải trông cậy vào những trò láu cá vặt để giữ gìn quốc thể chứ? Sao có thể lấy đó làm điều tự hào? Những trò láu vặt kiểu đem nghé chọi trâu, lấy mười ngón tay vẽ một lúc mười con giun hay củng vào đầu để sứ Tàu phải chạy qua cổng v.v... của Trạng Quỳnh mà lại được, như những nhà nghiên cứu văn học dân gian, ca tụng là "trí tuệ nhân dân" thì thật là mỉa mai thay! Khuynh hướng văn hoá của chúng

ta, vì hướng về những cái "hơn" cụ thể và vặt vảnh mà quên đi, hay cố tình tảng lờ đi, những cái "bại" tuy trừu tượng hơn, nhưng thảm hại hơn rất nhiều.

Khuynh hướng đó còn tạo nên xu hướng tiêu khiển làng nhàng ở khiá cạnh học thuật: chúng ta chưa hề xây dựng một học thuyết lớn khả dĩ là "đạo", là "đường", như của riêng mình. Những lý thuyết trừu tượng cao viễn không toả được ma lực thu hút như cái trò chơi văn giỡn chữ. Từ mấy ông vua sính văn chương cho đến những bậc Nho gia thâm thúy, từ những ông thầy đồ thất chí cho đến những anh học trò hăm hở giấc mộng công hầu; ai cũng say mê cái trò thâm cứu điển cố và sao lục những từ ngữ, những danh xưng, những câu cú để đối nhau sao cho thật chọi, thật chan chát! Đơn giản thì có thiên đối địa, thủy đối hoả, võ đối văn; phức tạp hơn thì có Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như đối với Nguỵ Vô Ky, Trưởng Tôn Vô Ky. Vân vân và vân vân. Càng bí hiểm, càng cao thâm. Nhưng cao thâm thì cao thâm, giỏi lắm đấy chỉ là những chuyện mua vui những khi trà dư tửu hậu chứ không nâng trình độ học thuật hay sinh hoạt tri thức lên một nấc mới. Không hướng trình độ của tổ chức xã hội vào những thế đứng cao hơn. Cứ thế, mãi lẹt đẹt phía sau để nhặt nhạnh và sao chép của người những ý niệm trừu tượng cho việc đại sự của quốc gia nhưng lại dồn phần lớn nổ lực trí tuệ để có thể "hơn" người về những điều cụ thể rất là lặt vặt!

Nghiên cứu tiếng Việt, những nhà ngữ học thuộc thế hệ tiền phong của chúng ta cũng thế. Cụ thể và nhếch nhác. Trang bị những kiến thức ngữ học của người Pháp, họ chỉ máy móc - nói theo chữ của nhà ngôn ngữ học Nguyễn Đình Hoà - "nhét" tiếng Việt vào cái "khuôn" của ngữ pháp tiếng Pháp. Như một tình cờ: chừng hai mươi phần trăm dạng thức kết cấu câu trong tiếng Việt trùng hợp với tiếng Pháp. Đấy là những câu cú cụ thể và những quy luật cụ thể. Và họ mừng rỡ chộp lấy. Và hai mươi phần trăm nghiễm nhiên trở thành chính mạch. Còn tám mươi phần trăm thì đành phận... ngoại lệ. Bây giờ vẫn vậy, vẫn không có gì khá hơn khi cuộc đảo chính ngôn ngữ ở đó tám mươi phần trăm vùng lên giành lại ngọn cờ vẫn mãi mãi tư thế mai phục trường kỳ. Bởi, suốt mấy thế hệ liên tiếp tự hào cái hay cái đẹp của từng câu từng chữ cụ thể; chúng ta vẫn chưa khái quát hoá nổi những quy luật phản ánh một cách trung thực nhất của tiếng mẹ; và, nói theo nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo, ngữ pháp Việt Nam vẫn tiếp tục thoát ly khỏi tiếng Việt.

Triết học hay chính trị cũng chẳng khá hơn gì. *Cụ thể với cả cái trừu tượng*. Những tư tưởng triết học hay chính trị, vào tay chúng ta, hết còn là tập hợp những khái niệm trừu tượng mà sự vận dụng vốn đòi hỏi những khả năng tư duy rộng lớn và uyển chuyển. Chỉ còn là những ngã đường cụ thể theo những lề lối suy nghĩ hạn hẹp. Và chúng ta trở nên cứng nhắc, giáo điều; thậm chí giáo điều còn hơn cả người sáng tạo.

Xưa nay, những khẩu hiệu đại loại "Chủ nghiã.... *là kim chỉ nam.."* dường như chỉ được ứng dụng theo nghĩa đen thuần túy. Hiếm khi là bóng. Trong cuộc tranh luận học thuật nào cũng thế, nỗ lực lớn nhất của người dự cuộc là làm hết sức để át giọng người khác với những lập ngôn của Khổng, của Mạnh, của Marx, của Mao v.v... Vị này nói thế này. Vị kia nói thế kia. Như là những chân lý bất di bất dịch. Còn những thực tế sinh động của chính chúng ta lại là cái gì đó xa vời, không đáng để tâm, không đáng để khái quát hoá. Chúng ta đã nghe chuyện vị lãnh tụ, trước câu hỏi tại sao không viết sách lý luận, đã bình thản rằng mọi sự đã có một lãnh tụ "anh em"chu toàn. Thật là kỳ quái! Một tư tưởng, một ý thức hệ vay mượn, dù gì đi nữa, cũng chỉ là một tập hợp những khái niệm trừu tượng, rút ra từ một thực tế cách biệt, nhưng lại được quan niệm như một cỗ máy. Nên chỉ đơn giản đặt hàng. Đơn giản bê nguyên xi. Có cái gì đó trục trặc, lỗi là ở con người, không phải lỗi ở cổ máy. Hậu quả là, như nhận xét của ông Hoàng Văn Chí, nếu chọn Tống Nho, chúng ta sẵn sàng Tống Nho hơn cả người Tàu; còn nếu chọn Maoist hay Stalinist, chúng ta cũng không ngần ngại cái sự qua mặt Tàu, Nga.

Tôi nhớ mãi cái cảm giác ấm a ấm ức khi tham dự buổi hội thảo về đề tài văn chương Đông Á, do một nhà khoa bảng gốc Trung Hoa điều khiển. Theo ông ta, những dân tộc Đông Á, trong đó có Việt Nam, thì thực là nghèo về mặt tri thức và tinh thần: từ ngôn ngữ cho đến triết học đều phải vay mượn từ người Trung Hoa. Thực vậy, chúng ta vay mượn nhiều quá: từ thượng vàng Nho, Lão hay Tam Dân Chủ Nghĩa cho đến hạ cám "diễn tiến hoà bình": Nho hay Lão thì còn được đi, cả cái mối ám ảnh bức hại cuồng đầy bệnh hoạn kia mà cũng phải tất tả vay mượn, nhà khoa bảng kia cười khẩy vào mặt chúng ta cũng phải.

Bởi lẽ đó, tôi xin mượn câu chuyện trên để kết thúc bài viết thật ngắn về một đề tài thật rộng này: nếu không nghĩ đến những khía

cạnh trừu tượng xa vời, chí ít chúng ta cũng phải nghĩ đến bộ mặt vênh vang trịch thượng kia để mà tỉnh táo và công bằng hơn với bất kỳ ai đang lẽo đẽo một nẽo đường riêng. *

NGUYỄN HOÀNG VĂN
Melbourne, 4.2.2000

* Thái độ dị ứng và đố kỵ những vấn đề trừu tượng hay những lý thuyết trừu tượng vẫn là một thái độ phổ biến với những thành ngữ đại loại "viễn vông", "xa rời thực tế", "tháp ngà học thuật" hay bình dân hơn, "trên trời duới đất" vẫn là những phản ứng phổ biến. Chưa nói những trách cứ - bắt nguồn từ "mặc cảm tội lỗi", từ những tình cảm xuất phát từ nhu cầu chính trị xã hội nhất thời - kiểu: "trong khi..., giữa lúc..., thế mà...". Nhưng một đất nước, muốn tiến xa hơn về tương lai, đâu chỉ cần những người lính, đâu chỉ cần những đoàn biểu tình hoan hô và đả đảo không thôi?



PHẠM VIỆT CƯỜNG

Vang khuya

nằm trong em
sâu im
trần cao lên nghiêng vuông
lún mình nhau yêu cuồng

đập hoảng
thời gian thở
ngực mỏng
tuyệt vọng hoài tìm

nằm sâu im trong đêm
hai người
lềnh bóng tối

Mộng tinh

đè
đè
đè
lên
lẩn khuất em xa

líu quíu hư tình
nhấp
nhứ
cùng hơi ấm thơm tanh
ngoài thân thể

như bóng đêm cái chết
vắng mặt em cuộc đời

một mình ngùi khoái ngất
vượt chồm qua cõi
ướt dâm

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN TÔN NHAN

Đúng vào ngày xuân phân

Tóc em bay một triệu
lông mi xuân nắng phai
một triệu năm vi diệu
long lanh mắt biếc này
chia đi cùng bốn cõi
vì kiếp trước tan bầy
triệu bông mười giờ đói

Xóm dầu khỉ rung rung
anh đi không kịp thở
mùa nào một triệu bông
hay chỉ một nhành cũ
một nhành chưa kịp nhú
như tuổi em phải không?

Gió mưa chiều tan mộng
anh đi chưa thuộc đường
nên hồn còn lạnh cóng
lẫn lộn Âm và Dương

Bao giờ về cõi ấy
nhìn em giặc áo quần
giữa một dòng nước xoáy
đúng vào ngày xuân phân
anh sẽ quì vái lạy
mây cứ sa xuống gần
anh và em không thấy...

Phải chăng hai bàn chân
của ngày muôn xưa ấy
đã dẫm vỡ xuân phân
của muôn sau ngây ngấy
mùi nách em nồng ngậy
thơm mùi cơm rất cần
anh sắp quì vái lạy.

NGUYỄN TÔN NHAN
Gia Định tháng 10.1999



TRẦN VŨ

Vĩ Diên



tìm người tình kín đáo
hộp thư 277

Một lần qua rừng trúc, Vĩ hỏi Tại sao mẫu tin trên báo ? Diên trả lời Vu vơ của sự sống. Cũng vu vơ tựa kẽ trúc. Vĩ lắc đầu Không vu vơ, sự sống đầy ý chí.

Nhà mát khuất sau đường vòng núi. Diên đỗ xe ở ghềnh đá dẫn xuống chân biển. Lần đến thuê nhà đầu tiên cả hai đã mê không khí hoang phế từ cánh cổng sắt han rỉ mở ra khu vườn vắng. Lối đi thưa sỏi đâm thẳng vào gốc đa trắng.

- Một người đàn bà xỏa tóc. Vĩ nhận xét.
- Người đàn bà treo cổ dưới cành ngày chấm dứt .

Diên đùa. Nhà mát có bốn bức tường quét vôi màu rượu chát. Một bể bơi chính giữa và chậu dứa nhọn sắc.

- Treo cổ là một hình thức hoá thân.

Vĩ đột ngột phản ứng, đến bên bụi dứa tuốt kim gai cắt vào tay rồi xoè bàn tay đầy máu :

- Thân xác không chết. Chỉ biến hoá.

Diên cảm thấy sợ. Vĩ thay đổi mỗi khi nhắc đến chấm dứt .

Cả hai quyết định gặp ở nhà mát. Giống một tổ ấm kín đáo. Vĩ luôn đến trước rồi biến mất. Diên luôn cất xe dưới lùm cây, đi rão qua vườn, nhìn ngắm sợi kẽm buông thỏng treo nối những lồng nang trống. Dẫy lồng nang yên lặng tựa một vựa chim chóc bỏ hoang. Lần đầu tiên Vĩ đã kích thích tột độ khám phá chú khướu vô hình giữa trưa nắng im phắt phát tiếng kêu rù rù nhè nhẹ. Diên không trông thấy chỉ nghe tiếng đập cánh bắn tung liễng thóc lúc Vĩ xoay mạnh chiếc lồng trống.

- Sự sống đầy ước muốn.

Vĩ giải thích.

- Phụ thuộc vào vật chất. Diên ngắt.

- Tạo nên vật chất. Vĩ khẳng định.

Các mẫu đối thoại giữa cả hai thường bất chợt sôi động rồi chấm dứt vu vơ ở bóng ngón tay Vĩ múa vũ điệu câm. Vĩ trao đổi với Diên không bằng lời nhưng bằng bóng mờ nhẩy múa. Nắng soi lên bức tường rượu chát những vân sóng uốn éo hoà vào ngón tay Vĩ thành những hình thể dị dạng. Đôi lúc Diên cũng tham dự trò chơi đuổi bắt mặt đại dương ửng sáng trên bức vách toả hơi nắng của nhà mát. Cườm tay cả hai mang hình dáng quái vật, cánh tay là thân, nắm tay là đầu, ngón tay làm lưỡi. Trò chơi kết thúc ở bễ bơi cạn nước.

Diên làm tình với Vĩ dưới đáy hồ trên những ô vuông gạch hoen. Lần nào sau lúc xuất tinh cực xúc động Vĩ cũng rủ Diên nhìn lên bốn vách đá bao quanh thẳng tắp từ đáy hồ lên đến trời rồi kể những truyện tình hoang dại. Những người đàn ông làm tình với thú, những cặp tình nhân chết đuối dưới hồ nước, các bé gái lưỡng tính lúc chào đời.

- Kinh dị.

Diên kêu.

Vĩ lắc đầu :

- Khi yêu con người làm được tất cả.

Vĩ đứng lên mặc áo. Diên yêu thân thể Vĩ thẳng làn da mật bóng ngừng ở chiếc quần tắm hơi trễ. Vĩ mang nét đẹp khoẻ mạnh, nửa trẻ thơ, vừa trong sáng. Nhưng Vĩ đi khuất. Một mình Diên cảm giác trơ trọi giam hãm và dưỡng khí cạn kiệt dưới đáy hồ. Tự trong thâm tâm

Diên biết kết thúc phải xẩy đến, hiểu Vĩ tìm một lối thoát. Lối thoát mà Diên không muốn. Diên trở lên buồng khách. Quang cảnh bễ tấm xiêu đổ phủ rêu. Gốc đại thụ xum xuê dang tỏa cánh tay. Vĩ chỉ lên vòm trời trong vẫn phản chiếu thân thể cả hai trần truồng trên từng ô vuông gạch vỡ.

Trận mưa đầu của tuần lễ Tro trút lên mái tất cả giông tố của rừng núi. Đất đá cào lên mặt kiếng lúc Diên đến muộn, đoạn đường oằn giữa rừng trúc xơ xác chồng chất những giải mây. Chiếc cổng sắt cản gió trở nên nặng, phải khó khăn lắm Diên mới đẩy được. Chiếc xe trắng của Vĩ bật mui ngập nước. Nhà mát lùi xuống biển.

Vĩ xuất hiện đột ngột lúc đó. Quỳ lau dịu dàng bụi dứa, lấy khăn nhúng nước ấm lau chậm rãi từng cành dứa cằn khô, từng cánh xương rồng cằn cỗi, từng mũi kim gai tỉ mỉ cho đến lúc sắc gai bật sáng nhọn. Cử chỉ Vĩ kiên nhẫn. Diên bị kích thích bởi dáng vẻ Vĩ chau chuốt bầy từng cành dứa xếp ngay ngắn lên mâm cỗ rồi lẳng lặng cởi áo quỳ trước bức tường. Vĩ áp sát hai vai như mỗi lần làm tình áp sát vào ngực Diên. Tấm lưng thẳng bất động chờ đợi thành vệt sẫm tựa bức tường đã nứt ra nuốt lấy thân mình Vĩ .

Vết roi đầu tiên Diên đánh với tất cả sức lực. Vết roi thứ nhì với tất cả say mê. Cành dứa cằn cỗi lằn trong lòng bàn tay Diên vì nắm quá chặt bật lên lưng tiếng kêu dây nịch lẫn tiếng rên đau đớn để lại vết chàm khảm cực đẹp. Diên tựa người thợ thủ công khéo tay. Mỗi mũi kim là hạt trân châu. Mỗi vạt gai là một đường may trên da thuộc. Vết roi cuối cùng Diên đánh với tất cả yêu thương trìu mến.

Cánh tay Diên còn rung lúc đỡ Vĩ đến giường. Thân thể Vĩ hãy còn co giật. Diên yêu dáng vẻ Vĩ tự nguyện từ tiếng rên im lặng đến các dấu tay nhẫn nại bấu lên mặt tường để lại vệt nâu co quắp. Diên ngắm Vĩ sau trận roi. Ngắm gương mặt Vĩ vẫn mang nét đẹp thiếu niên trong sáng.

- Yêu có nghĩa kẻ khác.

Vĩ mấp máy. Máu bầm chảy xuống cườm chân. Diên lau máu, quạt cho Vĩ ngủ, đợi những giọt mồi hôi tươm từ chân tóc tan giữa trũng lưng rồi mới lặng lẽ thu nhặt quần áo.

Những ngày sau trận roi, mặt biển xanh nhấp nhô quanh rừng

trúc.

- Gần đến ngày rằm.

Vĩ chỉ mái chùa vàng cong phía sau nhà mát. Nếp chùa thênh lặng tĩnh như mặt nước. Diên thích ngắm mái chùa phủ xoè cánh sen không gợn mây.

- Kiếp sau em làm sãi.

Diên đùa. Vĩ cười :

- Tại sao không kiếp này ?
- Vì anh ở nhà mát.

Diên cũng cười. Diên thích đảo ngược xưng hô với Vĩ. Em khi say đắm. Anh lúc giận dữ. Vĩ chấp nhận trò chơi, cả hai cùng yêu những tình cảm hỗn loạn xẩy đến.

- Buổi tối anh muốn đi lễ chùa.

Vĩ nhắc. Diên lắc đầu :

- Em không thể.

Vĩ hỏi Vì sao em không muốn ?

Diên không giải thích. Diên biết Vĩ muốn sống buổi tối ở nhà mát. Diên lấy ngón trỏ vẽ lên mặt kiếng chữ K. Khánh. Vĩ lấy ngón áp út vạch một chữ thật lớn ĐÊM. Diên xoá mặt kính viết Kim. Vĩ viết chồng lên ĐÊM. Diên lại bôi. Không thể đến nhà mát buổi tối. Không thể xa Khánh. Không thể bỏ Kim.

- Yêu là hy sinh. Vĩ dập xoá tất cả.
- Không quá giới hạn. Diên dứt khoát.

Vĩ im lặng rồi biến mất. Diên bỏ ra vườn cấy đất, luống xương rồng Thái trổ hoa đỏ tươi phủ lên màu tím của gai vừa nhú. Diên có thú cây cảnh. Vĩ thích chim chóc, gia súc. Cả hai đẹp đôi ở nhà mát. Diên muốn tập Vĩ bằng lòng với không gian thanh vắng thoáng đãng của vùng biển khuất. Bằng lòng với kín đáo sau rặng núi. Diên đánh những cây gai rồi lấp đất. Tiếng nước Vĩ đang tắm chảy trong trẽo.

Diên đứng sau liếp cửa. Diên thích ngắm Vĩ ở trần khi tắm. Lần đến thuê nhà Diên đã chú ý nhà tắm rộng lớn lát gạch men. Âm thanh của nước vang như trong những bễ tắm Thổ. Vĩ luôn xoay lưng chỉ ánh mắt lướt trên mặt kiếng. Lần nào Vĩ cũng đứng thẳng cho nước xối chậm rãi từ cổ xuống gót chân, trước khi quay lại cho Diên ngắm.

- Em thích ?

Vĩ đưa ngực cho Diên chạm. Diên mê làn da nâu nứt nẻ trên thân Vĩ từ từ rạn, ở mỗi nếp vỡ mọc nhú lăn tăn những vẩy sừng nhỏ đâm

chồi dưới da. Diên không nghe thấy nhưng trông rõ những âm thanh thất thanh trên gương mặt Vĩ bất chợt đau đớn thảm thiết. Tay Vĩ bắt đầu kéo màn, các đốt ngón rụng xuống bồn men theo nước chảy về cống.

- Anh thích.

Diên trả lời trong hơi thở. Tiếng động của nước trào ra khỏi bồn tắm bất ngờ cùng lúc vẩy nhờn đan kín chi chít trên bụng Vĩ. Diên hốt hoảng bỏ ra phòng khách đợi.

Lúc Vĩ xuất hiện trở lại, mái tóc ướt đen trên gương mặt tươi sáng.

- Em biết Yêu đồng nghĩa hoá thân ?

Vĩ chải tóc, các vết sẹo nhỏ li ti trên ngực như những nhuỵ tấm.

- Anh biết.

Diên chấp nhận, nghe tiếng nước hãy còn rút mạnh trong bồn. Diên ngắm Vĩ cố tìm những vẩy nhờn khi nãy. Vĩ sấy tóc rồi thả khăn tắm cho Diên nhìn thân thể đã trở lại bình thường.

- Em có muốn tập hoá thân ?

Vĩ đến thật gần thì thầm, tình tự. Tất cả đều có khả năng. Kể cả những vật vô tri nhất. Rồi em sẽ thích. Lúc nãy em muốn giao hoan. Thân thể Vĩ lướt mềm, trườn tới sát ôm xoắn mình Diên. Nụ hôn có mùi tanh của cá.

Lễ Phục Sinh nắng ngời lên ghềnh đá. Cả hai mê những buổi tắm sớm. Diên lặn ngụp rồi nậy hào ở mỏm đá. Vĩ ăn sống không vắt chanh, đùa:

- Hào đục ở biển tươi như lưỡi em.

- Như lưỡi anh. Diên đính chính.

- Khi nào anh em ? Vĩ cười.

- Khi nào yêu.

Diên đục cho Vĩ thêm chục hào sống rồi lặn bắt những cầu gai. Vĩ nói Ước có ốc dao để nướng. Diên trêu :

- Chỉ cần hoá thân.

Vĩ ném vỏ hào vào mặt Diên rồi nhẩy xuống nước. Diên thích ngắm Vĩ bơi sải dọc biển. Cánh tay Vĩ thoắt thoắt nhịp nhàng không động biển. Ở mỗi nhịp sải lưng Vĩ vồng lên hụp xuống cho đến lúc cột sống lưng cong vòng và Vĩ búng thoắt trên mặt biển. Diên say mê

ngắm con trăn biển búng từ đợt sóng này sang đợt sóng khác. Bãi tắm sống động.

Tắm lên Vĩ đề nghị:

- Em thích rắn ngọ nguậy trong bụng ?

- Không bao giờ. Diên chắc chắn.

- Sẽ có ngày em thích. Vĩ cười phá.

Bữa ăn trưa diễn ra trong êm dịu. Diên tuốt măng tây hấp, rồi bầy bàn. Vĩ nướng cá, bằm mực tươi. Diên cho thêm cần, khui vang trắng, đánh sauce trộn đĩa tôm vừa lưới. Nắng trong như một miếng kiếng đậy lên những thuyền câu cuối bãi. Cả hai yêu không gian tĩnh lặng chậm rãi. Thỉnh thoảng tiếng khướu hót ngoài hiên. Lúc đánh trứng trộn bột, Vĩ bất chợt rủ Diên bỏ trốn.

- Đến một nơi thật xa, vào thế giới khác.
- Để làm gì ?
- Tiếp tục êm đềm ở đây.
- Đang là nỗi êm đềm.
- Không vĩnh cữu.

Vĩ dằn mạnh thau trứng.

Bữa ăn trưa chấm dứt lạnh lẽo. Vĩ bỏ lên gác để Diên rửa chén dọn khăn ăn. Lúc tắt nước, lau bếp, Diên nghe trên lầu có tiếng mổ thóc. Mỗi bậc thang vang tiếng mổ trên sàn gỗ. Tiếng thóc rơi lấm tấm trên mặt bàn thấp, ở bộ ghế nhung đã sờn cũ, quanh những bình gốm bầy ở đầu hành lang. Chú đà điểu rừng lớn sừng sững giữa căn phòng không giường chiếu. Khác với lần hốt hoảng trước, Diên không sợ hãi. Không cảm thấy mùi tanh hôi của vẩy cá chỉ bắt gặp ánh mắt thông minh trong trẽo của đà điểu. Con vật xoay mình vào góc rúc đầu dưới mớ quần áo bẩn. Diên trông thấy hai chân sau đà điểu tròn chỉnh khụy xuống. Tùm lông mao vũ phập phồng chờ đợi. Diên cảm giác thật đau lúc ân ái. Nổi đau tuốt da làm Diên phát rên lớn. Tiếng rù rù của đà điểu sục trong đống áo bẩn khục khặc mỗi khi Diên túm bứt chùm lông đen.

- Em thích ?

Vĩ lau vết bẩn trên bụng Diên, hơi thở dịu dàng. Mùi rừng rú sa mạc còn lẫn quất trên vách. Diên ngượng tránh nhìn Vĩ. Hơi nóng của giấc trưa hãy còn ấm tường. Diên đưa tay hé liếp cửa, ánh nắng bên ngoài vẫn trắng nhứt mắt. Diên trông rõ mái chùa vàng cong lợp những ống ngói lớn bằng đốt tre nghiêng sát nhà. Một bảo tháp cao vút với đại hồng chung vĩ đại đang được câu lên lơ lững. Trong khuôn

viên các sãi phốp pháp không rõ mặt. Ánh nắng ngầy ngật làm Diên choáng váng. Diên hỏi Bảo tháp xây lúc nào sao không biết ? Hôm qua hãy còn bãi đất trống. Vĩ lau mình cho Diên nói tháp vẫn ở đó chỉ anh không thấy. Diên hé liếp cửa lần nữa các sãi vẫn đứng tụm ba bên cạnh vại nước. Dăm bóng tín hữu vào ra thắp nhang ở các trang thờ. Đại hồng chung đánh ba tiếng âm u vào rừng trúc. Vĩ nhặt áo lót thu vén các lông mao vũ rơi rớt trên đất rồi nói Buổi tối chùa lễ rằm nhưng em không muốn.

Lễ Thăng Thiên Vĩ bầy dưới bễ bơi nhang đèn, lư hương, ngủ quả và một lá phướng.

- Giống lên đồng. Diên thắc mắc.
- Một đám táng.

Vĩ chỉ siêu đất. Thể xác cũ thay bằng thân xác mới, lúc đập siêu.

Vĩ mặc cho Diên áo lụa tứ thân, vẽ viền mắt, đánh phấn hồng lên gò má, bắt Diên bậm môi cho lớp son mỡ bóng mịn.

- Em đẹp tựa cậu Hoàng Mười.

Vĩ hôn phớt trán, vuốt ve ngực Diên, ân cần cài thêm hoa tai. Diên hỏi Tại sao bài trí ? Để vui. Vĩ không ngửng lên, vẫn chăm chút đánh móng tay cho Diên.

- Em sẽ hoá thân.

Vĩ đi hài cho Diên rồi thay áo. Diên ngắm Vĩ tự nhiên, những chấm kem điểm trên lớp phấn lót da thoa khắp người tựa sao.

- Em giống hưu. Diên đùa.

Vĩ đặt một ngón tay lên môi.

- Giờ thiêng đến.

Diên muốn nói Diên sợ, nhưng Vĩ đã hôn Diên đắm đuối. Khói nhang vàng mã cháy sáng bễ tắm. Diên không rõ tiếng nhạc ở đâu nhưng Vĩ bắt đầu lắc lư, dật dờ, chập chờn điệu múa chốc chốc vẩy lên mình Diên máu gà cắt cổ lúc trưa. Ánh trăng trong như phiến gương hôm nào đậy lên những thuyền chài cuối bãi. Diên nghĩ buổi tối đầu tiên và duy nhất của cả hai.

Tiếng mõ ở chùa bên réo rắc trộn lẫn đại hồng chung âm u thúc giục. Diên bắt đầu say không còn cầm vững chai rượu. Ánh lửa của lâu đài dinh thự ngựa xe bốc cháy chung quanh khiến Diên khám

phá phi lý của tạo hoá. Vĩ đã bắt đầu hoá thân, chùm lông mượt phủ lên mình Vĩ điểm sao lăn tăn. Thân thể Vĩ uyển chuyển. Vĩ không còn đứng được phải qùy xuống chống tay trên gạch men. Diên thấy Vĩ đẹp lạ lùng. Ánh mắt hưu thơ ngây trên bốn vó chân xinh xắn. Diên nghe những tiếng kêu khẽ của thú. Chút máu bầm của thể xác cũ nhiểu rây trên đất. Diên nằm đè lên chú hưu sao, hôn đắm đuối lớp lông ấm áp. Mình dưới của Diên co giật căng từ từ làm áo tứ thân đứt cúc. Diên nhớ Vĩ dặn giao hoan với Vĩ trong lúc hoá thân. Diên cảm tưởng các mạch máu phồng ở đùi Diên vỡ tung. Diên đâm Vĩ trong đau đớn của thể xác. Giống lần Vĩ áp vai vào tường cho Diên đánh. Vết đâm đầu tiên Diên đâm bằng tất cả sức lực. Vết đâm thứ nhì với tất cả say mê trìu mến. Vĩ biến hoá sau mỗi nhát đâm. Diên trông thấy rõ nếp nhăn ở bụng khỉ. Trông thấy máu chảy ở bụng hoẵng. Mỗi vết đâm đem đến cho Diên nỗi đau đớn như đâm lấy chính mình. Đau buốt lan từ ngón chân bắt Diên rên la không kềm được. Diên không còn cảm thấy con thú dẫy dụa dưới mình chỉ thấy thân xác của chính Diên đứt đoạn xé vỡ.

Diên ngừng lại lúc nửa mình dưới hoá vượn.

Lễ Thánh Linh phố chợ bầy bán mẫu đơn, hoa diên vĩ và các loại nến trắng. Diên trở lại nhà mát mỗi dịp lễ lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng mổ thóc, hay tiếng đập cánh bất chợt của sinh vật nào đó. Diên bắt thang lên máng xối nhìn sang bãi đất trống đã bắt đầu công trình tu chỉnh nhà thờ. Đôi lúc Diên nhớ buổi trưa cả hai nằm phơi nắng trên các ống ngói cho đến lúc phỏng, Vĩ nói tập đau đớn.

Diên yêu những buổi trưa nắng cả hai chờ đợi lặng lẽ. Mặt biển sáng dâng tràn lên bốn bức tường tựa nhà mát đã chìm xuống đại dương. Những lúc sóng vân đó ngón tay cả hai xen kẽ nhịp sóng vuốt ve lẫn nhau, khám phá thân thể biến hình của nhau. Bao giờ Vĩ cũng an ủi, vỗ về, khuyến khích cho Diên đạt đến giai đoạn chót. Diên chạm tay lên đá men hãy còn cảm giác tê buốt của cơn đau nứt xương và hình ảnh đôi chân móng vuốt.

Vết máu khô Diên đã tính rửa nhiều bận rồi lại thôi. Vết máu trên gạch hoen để lại cho Diên nhiều kỷ niệm. Diên vẫn còn trông thấy ánh mắt tuyệt vọng của chú hưu sao hấp hối dưới đáy bễ nước.

Tự trong thâm tâm Diên hiểu Vĩ đi tìm người tình khác.

Diên hay đi rão khắp vườn xem có gì đổi khác. Rừng trúc đen chỉ còn những đọt lá thâm vun trong sân. Phố chợ cùng những quầy cá tấp nập đến ghềnh đá. Diên luôn thắc mắc vì sao rừng trúc có thể biến đi trong một thời gian nhanh như vậy. Cả triền núi phủ chiếc bóng kín đáo lên ngôi nhà cũng bị san phẳng nhường cho những đường xa lộ thẳng. Diên nghĩ sẽ hỏi nếu Vĩ trở lại.

Thứ Hai lễ Người Chết, Diên vuốt tay lên sợi kẽm chạy suốt ngôi nhà. Dẫy lồng nang trống động đậy tựa các chú khướu vô hình thức giấc. Diên nghe tiếng khướu hót lãnh lót. Tiếng đập cánh làm tung liễng thóc. Diên nhớ Vĩ luôn nói sự sống đầy ước muốn. Nhớ buổi sáng đầu tiên đến thuê nhà gốc đa xoã tóc đẹp tựa người đàn bà, và Vĩ khẳng định Treo cổ là một hình thức hoá thân.

Diên yêu hai cườm tay Vĩ cột chắc. Yêu cách Vĩ giao hoan trong tư thế gò bó. Yêu cách Vĩ ướm cổ vào sợi dây thừng cho Diên thắt. Ngón chân Vĩ chống trên mặt ghế lấp lửng. Thân thể Vĩ mật bóng, bắp đùi thẳng vút tựa Vĩ đã hoá thành một cành nhánh của gốc đa. Diên bắt đầu trông thấy sắc vàng hoe tròn chỉnh, những rùng mình của chú khướu con trở mình vừa thoát khỏi vỏ trứng. Những lông mao tuyền. Chiếc mỏ rỉa rói phát tiếng kêu khẽ và đôi chân nhỏ bé mất cân bằng. Diên nhớ Vĩ quả quyết Yêu đồng nghĩa hy sinh và hoá thân. Diên vụt hiểu.

Đôi cánh lớn lên đột ngột đưa Diên lên thật cao lao vào khoảng không chới với bát ngát.

TRẦN VŨ
31/ 01/ 2000
Club des Siciliens
Paris- Caen - Québec



THƯỜNG QUÁN

Những Ngọn Đồi

Cháy rực sáng làm sao ánh bạc mềm mại ấy
Không rỉ sét được, không hạ phẩm giá được
Mandelstam (Sổ Tay Voronezh)

I

Cánh chim mắc cạn trong vùng bóng
Cánh chim ấy đen biếc xanh bóng nhất
Khi trời xanh trước trưa.

Khuôn mặt của một người hoạn nạn khô cháy
Con người ấy có thể tìm về được một giếng nước
Để nhìn xuống ?

Cô bé con đêm qua đứng xoay tít dưới trời đêm hạn
Té bổ xuống cỏ gai đâm hai cánh tay
Cô đang ngủ dưới một bìa cửa sổ ?

Mùa hè hứa hẹn với những cọng sậy vàng ruỗng
Sẽ chấm hết bằng một trận mưa lá cây
Những cặp mắt khép những con mắt cá.

II

Đã qua trưa đã quá trưa đã quá
Cánh Ó đứng cao hơn giờ ngọ
Cao hơn cánh chim mắc cạn

Thời gian đổ bóng tròn những khối chưa kịp phác thảo
Khi bị đẩy đi về trước, dường ngoái đầu,
Tùy góc độ trắc lượng, một trái táo cắn dở, một đầu sọ.

O poggi, o valli, o fiumi, o selve, o campi
Người dưới lửa tuyết tôi tưởng tượng đã buột thốt, như thế
Ôi đồi, ôi lũng, ôi sông, ôi rừng, ôi nương rẫy
Một triệu gọi, Petrarch (một nhịp đập trật, cùng là một toang trống)

O testimon de la mia grave vita. Đi hết sớm mai
Hàng phố khóa trái, bóng mờ, cửa vuông đen
Những viền lá sắc quá những cây chanh bìa biển
Những vòm cong đen quá, hỡi những kẻ chứng ! (lại nặng)

Bể trời dương. Đôi vai nước ánh bạc, đen lấp lánh sập lưới,
Màu da tối cháy. Như những trang vàng, ngoài tiên liệu.
Sốt, túa vả nước, il cielo tutto trema

Một bià trại rồi đất hoang, như XIII
Như trận dịch muối vôi tung tóe, tẩy xóa
Laura ! Laura ! người là mùa hè.

III

Mùa hè dài hơn ước hẹn
Những cánh đồi nối tiếp những cánh đồi
Những tảng đá nham những tảng đá vôi

Những đường vân sa thạch vòng thoan hướng tâm
Nhìm mãi tới tưởng tượng nước rịn chảy
Từ lõi ngực đá, nhưng không phải

Chỉ là những móng ngựa để dấu trên đất
Những chiếc lá đã trong bụng ngựa
Những đầu sọ ngựa trong đất làng, bóng thẫm

Những vũng lõm khum vừa vốc một bàn tay
Một người đi ngang qua, ngồi xuống, suy nghĩ về đá
Đúng hơn là về những vùng đồi
Cuộc tư duy ngày khô, tách đôi.

IV

Một người tư duy về những ngọn đồi
Những ngọn đồi tư duy về chính mình
Bầu trời thì chấm dứt - sự mở rộng

V

Tới là bao la, dù là một ô cửa sổ
Trên trán kẻ nằm ngủ.
Ngoài những bao muối rách nát quá tải, những mắt lưới cáo ,

Ngoài là gió mõm sói, băng tảng bi ký,
Còn những sợi tóc bết, bụi than, đã bay hơi, không vẩn,
Những khoảng mát trên da ai, và nước.

Và im lặng khuôn mặt, bây giờ cùng bóng
Đang là một. Bìa trại, Voronezh - Tuscany, những đường đâm ngược dọc.
Đôi chân trần, cặp đùi đen, trầy vết, một thân ngựa

VI

Resisting oxidation, debasements
Mái vòm feminine silver - mùa hè
Xoay, xoay tít người múa, vào đêm qua lặng lẽ xoay vòng, là một

Với gió. Gió ngoài huyễn tượng, bước đi, cử lễ,
Nói, vĩnh biệt, vói chào
Âm nhạc của im lặng đầy ắp không gian, chốn rời bỏ,
nhà phát lưu, ga xép,

Ký ức những ngày hè xa thẳm, không ai cả, trước biển
Những mùa ngã sấp trong một địa hạt dị hình, một đụn cát, một khoảng nước
Một bóng đồi in ngược (dài hơn độ nén hơi thở).

ỔDài hơn ước hẹnỖ, mùa hè viết, buông tay,
Bên trong kẻ đã tới, ngồi, một khoảnh khắc
Thấy, trong tiếng đập, tình yêu ngó nghiêng, hơi muối, một
mạng lưới chằm vá,
Lại bứt, rách, không gian, lưỡi.

Những đường đâm ngược dọc, xanh, đang chuyển dạng,
những thanh âm ngắn, trong cổ Ó.
Bầu trời kêu tên một người.

Như tất cả buổi trưa này thực sự chỉ là
Của riêng đôi ba con người. Một lập lại.
Của thời gian khô cuống. Của chịu đựng mất. Của bóng
Trên, cốt lõi đã giản lược, bóng
trên bóng (những ngọn đồi).

THƯỜNG QUÁN - 2/2000



NGUYỄN HUY THIỆP

Bài học tiếng Việt



để tưởng nhớ V. T. P.
"Ta như chim, tiếng Việt như rừng"
(Lưu Quang Vũ)

Vũ lên xe điện ở ga Cầu Mới. Chàng vào thành phố để dự bữa tiệc mừng nhà mới của người bạn quen tên là Hoàng. Chàng rất ít khi đi dự những buổi tiếp tân thế này. Đây là trường hợp đặc biệt.

Vũ là nhà văn, nhà tiểu thuyết danh tiếng. Chàng mới 25 tuổi. Khi người ta còn trẻ, lại danh tiếng chắc hẳn cuộc đời đẹp lắm?

- Cũng đẹp...cũng đẹp - Vũ mỉm cười và lẩm bẩm như thế. Không có lý do gì người ta lại đi phỉ báng cuộc đời, coi nó là xấu cả. Mà em...Vũ xua đuổi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc mình. Chàng nghĩ đến những cuốn sách sắp viết...Khéo không mà lao lực...

Công việc của nhà văn là gì? Vũ nhiều lần tự hỏi. Chàng không bao giờ có thì giờ nghĩ về điều đó cho thấu đáo. Phải 25 năm nữa, phải 50 tuổi. Chàng biết thế...Nhưng chàng không biết rằng trước mắt chàng chỉ còn có 2 năm nữa mà thôi. Đấy là định mệnh của chàng! Đấy là số phận của chàng! Chàng đã hứa với Thượng Đế hãy dành cho chàng 2 năm để chàng viết ra một cuốn sách thật ra trò. Sống

lâu cũng chẳng để làm gì...

Vũ cảm thấy chàng là một "nhà ngôn ngữ" hơn là một nhà văn. Chàng yêu tiếng Việt. Không! Không phải tình yêu. Chàng thích sự chính xác của từ ngữ: chính xác về tình cảm, về cấu trúc, tóm lại là nghệ thuật. Chàng sung sướng nếu người ta gọi chàng là người viết ra được những quyển sách tiếng Việt hay nhất. Cũng không để làm gì...nhưng mà như thế sẽ lý thú chứ? Mà em...

- Cố gắng đi tìm bản chất - Vũ lẩm bẩm - cũng không để làm gì? Để xác định một trạng thái ư? Một tình cảm ư? Một cách ứng xử ư? Quá ư tầm thường! Mà vô nghĩa...

- Hay là nhịp điệu? - Vũ lại băn khoăn tự hỏi. Chàng biết rằng vũ trụ kia hỗn độn vô minh, trái đất chúng ta quá bé nhỏ, con người quá bé nhỏ...Văn học không phải là tất cả. Không nên quá coi trọng văn học. Văn học chỉ là từ ngữ. Như những ngọn gió...Thế còn lương tâm? Nhưng sao lại đi băn khoăn điều đó làm gì? Hai trong vô số những cửa ải, những vấn nạn mà nhà văn phải đối đầu là đạo đức và chính trị...Nghĩa là lương tâm. Rồi đến gì nữa? Rồi đến tiền...Cũng không phải thế. Sống thôi! Vũ mới 25 tuổi mà! Chàng còn trẻ tuổi.

Vũ biết chàng là một trong những nhà văn tiên phong ở Việt Nam. Ở Việt Nam người ta mới viết tiểu thuyết, làm thơ, làm báo chừng mười năm nay. Ở đây gần như chưa có văn học. Một vùng đất trống. Không sao cả. Văn học còn trẻ tuổi, chàng còn trẻ tuổi. Nghĩa là chàng còn vô vàn những khám phá, những ngạc nhiên và cơ hội. Chàng sẽ viết ra những phát kiến của chàng về tâm hồn người dân Việt giống như nhà thám hiểm địa lý đi lên Bắc cực viết về loài ga gô trắng hay chim cánh cụt.

Vũ đưa mắt nhìn ra cửa sổ xe điện, Hà Nội đang vào xuân. Mưa nhỏ, Hà Nội nhơ nhớp và nghèo xác. Không phải cái nghèo thông thường: nó là cái nghèo vô lối, dị mọ, không đâu có. Tất cả đòi hỏi phải khai hóa, phải học hỏi từ đầu. Ôi cái đất nước Việt Nam, cái cộng đồng người Việt Nam khốn khó của chàng! Sao ánh mắt người Việt nó nhanh thế kia? Nó u ám thế kia? Bọn gian dối và dâm đãng! Bọn con hoang! Điều cần nhất là sự lương thiện và lòng nhân ái thì các ngươi coi khinh! Không ai dạy dỗ, chỉ bảo, khai hóa cho các ngươi cả. Các ngươi đi nhạo báng các bậc thầy! Vật dụng ư? Đáng lẽ là tôn giáo thì là vật dụng. Rồi các ngươi sẽ phải trả giá cho sự ngu dốt của mình.

- Thưa ông, ông cho tôi hỏi, hôm nay là ngày thứ mấy hả ông?

Một người khách đi xe điện hốt hoảng hỏi Vũ. Chàng giật mình, chàng trả lời:

- Hôm nay là ngày thứ bẩy, ông ạ.

- Chết! Đã thứ bẩy rồi ư?

Vũ gật đầu. Tất cả sẽ rối rít cả lên, sẽ ân hận, sẽ cuống quýt khi những cái mốc tận thế theo nhau lũ lượt kéo đến: ngày cuối tuần, tháng cuối năm, cuối tuổi xuân, cuối đời, cuối thế kỷ. Khi Thượng Đế hào phóng ban cho chúng ta sự sống thì chúng ta đã coi thường nó thế nào, đã phí phạm nó thế nào! Rất nhiều người Việt đã sống mà như chết vậy...

Khi Vũ coi văn học là một phương tiện để chàng khám phá cuộc sống, khám phá mình, khám phá xã hội...chàng bỗng chợt nhận ra bản thân mình, mọi người, cả xã hội xung quanh đều có vẻ yếu đuối và không thành thật. Mạnh mẽ và thành thật...Rất khó đấy, các bố ạ, các vị...Điều ấy văn học không làm được, nó chỉ phát hiện ra thôi. Văn học Việt Nam, ngay buổi sơ khai của nó, giống như một đứa trẻ nhỏ, phải làm những việc quá sức, những việc không ra gì, thậm chí phải làm việc chính trị là thứ việc cần nhiều phương pháp ứng đối khuynh hoạt. Người ta chú ý đến bộ mặt bên ngoài hơn nội dung bên trong. Người ta soi gương, ngắm nghía, chau chuốt cho bộ mặt mình: nào cạo râu, nặn trứng cá, tỉa lông mày, các cô gái bôi son...Người ta chú ý thái quá đến bộ mặt bên ngoài, nói nhiều đến con người xã hội hơn con người tự nhiên. Người ta đã "lịch sự", đã "chính trị", đã đạo đức giả, đã cố ý lờ đi cái ấy: con người tự nhiên, kẻ thành thật nhất, trung hậu nhất, ngang bướng và ương ngạnh Vũ trân trọng gọi con người tự nhiên ấy là "ông lớn". "Ônglớn" còn có ông nhỏ gọi là "ông b...". Hãy lắng nghe ông ta! Đấy là bậc thầy của trực giác. Ông ta có luật chơi riêng chi phối tính cách con người, thậm chí số phận con người. Ông ta mới là trung tâm thần kinh, mới là trí tuệ...Hoàn toàn không phải đầu óc mà là đầu b...Người ta đã tôn vinh một vị ngụy quân tử đẹp mã mà quên đi vị quân tử thực: bái vật tổ đại phu, nhà chiến lược...

Xe điện đi từ Cầu Mới, qua ấp Thái Hà, đỗ ở Giám (Quốc Tử Giám) hơi lâu để tránh tầu đi Cầu Giấy. Vũ tì tay lên thành cửa sổ. Hà Nội lướt qua dưới mắt chàng. Chàng sợ rồi thành phố này rồi sẽ mất đi những kỷ niệm, sẽ mất đi những vẻ đẹp nên thơ êm đềm của nó. Có thể cả tuyến xe điện này cũng sẽ mất đi. Cũng không hề gì...Bởi cuộc sống vốn là như thế. Kìa nước chảy dưới cầu. Kìa sông trôi ra biển. Bao nhiêu giá trị đều là vô nghĩa. Ôi ôi, sao chàng lại đi nghĩ ngợi như một người bạc nhược, sớm chán nản mọi sự thế này? Mà em...Bao nhiêu kỷ niệm trong đời...

Nỗi chán chường âm ỉ...Sự bất lực đương nhiên...Những cái ấy tấn công chàng, từng tí một, từng ngày một, dai dẳng. Chúng ta đang suy đồi. Vũ bực mình vì chàng chỉ có một cuộc sống mà xung

quanh chàng toàn là người ích kỷ lăm le muốn ăn thịt chàng, muốn chia máu chia thịt của chàng. Chàng không thể chia máu chia thịt của chàng cho ai, có muốn cũng không làm được. Chàng cũng ích kỷ. Chàng cũng chỉ có một cuộc sống thôi, một dấu vết thôi. Chàng tìm cách nhân nó lên nhiều lần. Đấy là văn học. Một phép nhân ảo thuật. Văn học cũng là sự cùng quẫn, cũng đầy dối dá và ngụy tạo. Tóm lại, văn học cũng chẳng ra gì.

Khi quan sát con người, Vũ đau đớn khi chàng chỉ toàn nhận ra những nét súc vật ở con người. Ở đám người trẻ, đấy là bộ mông, cặp đùi, ánh mắt ráo hoảnh. Nhục thể, toàn là nhục thể. Ở đám người già, đấy là sự hư hoại tinh thần, những mảng tóc rụng, những hàm răng giả, những "tư tưởng"...Vũ sợ đám người già, do sự bất lực của chúng, sự yếu đuối của chúng, nỗi sợ hãi cái chết, những mong muốn "yên ổn" đã ngầm khủng bố toàn xã hội bằng các đạo pháp, gia pháp, các quy định luật lệ và nghĩa vụ. Những quy định giới luật cũng là sự bất lực của giáo dục đối với tính chất súc vật của con người tự nhiên. Con người tự nhiên vốn dĩ vô luân, nó tự do.

Xe điện đi ngang qua Cửa Nam, qua phố Hàng Bông, phố Hàng Gai. Vũ xuống xe điện ở đầu Bờ Hồ. Một cô gái mặc váy rất ngắn đứng che khuất tầm mắt nhìn Tháp Rùa. Cặp đùi rất khỏe. Vũ rùng mình, cặp đùi rất khỏe và đáng thương như ở một lực điền. Trong văn học, sự phô diễn "đạo đức nhà văn" đôi khi cũng giống ở cô gái mặc váy rất ngắn kia...Chỉ có tôn giáo, bởi sự nghiêm nhặt của hệ thống nghi lễ và sự mực thước kinh điển, là được phép bàn về đạo đức mà không lố bịch, không gợn hoài nghi. Còn ở mỗi chúng ta, chúng ta chỉ nên cầu nguyện.

Vũ chậm rãi đi qua phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường...Đây rồi, bên trái, nhà số chẵn.

Bữa tiệc mừng nhà mới của Hoàng có khá đông khách. Thấy có các vị tri huyện, tri phủ, nghị viên...Giới văn chương nghệ thuật cũng đều là những tay có tên tuổi, có máu mặt. Hoàng lấy con gái một vị quan to. Hoàng đã đi du học ở Pháp. Hồi nhỏ, Hoàng và Vũ đều học một trường. Nghe nói, Hoàng có dính líu đến những vụ buôn lậu mờ ám, dính líu đến cả buôn lậu ma túy và vũ khí.

Vũ được vợ chồng Hoàng đón tiếp nồng nhiệt. Hoàng giới thiệu Vũ với những người quen:

- Thưa các ông, thưa các bà...Đây là nhà văn danh tiếng, một người trẻ tuổi, một Vic-to Huy-gô ở Việt Nam! Vâng! Đã được cụ Tản Đà khen ngợi...Ông Vũ mới 25 tuổi, bằng tuổi tôi, nhưng ông Vũ dí dỏm hơn nhiều...

Hoàng mỉm cười. Hoàng rất tự chủ ở chốn quan trường và nơi đô hội. Vũ biết Hoàng giàu tiền của, nhiều thế lực, bản thân Hoàng cũng có học vấn khá cao.

- Hắn đang chia máu, chia thịt của ta cho các bạn mình - Vũ thấy vui vui khi đi theo Hoàng. Ngay từ nhỏ, Hoàng đã lịch lãm hơn chàng. Hắn không bao giờ cô đơn... Điều quan trọng nhất là hắn không bao giờ cô đơn. Vậy thì hắn mạnh hơn ta hay hắn đã bẩn thỉu hơn ta? Không biết!

Hoàng có vẻ biết rõ và tự chủ ở trong trò chơi. Hoàng ghé vào tai Vũ nói nhỏ:

- Hãy cười lên, thằng chó! Mi không dung được người ta thì người ta dung mi sao được? Hãy để ta giới thiệu mi với em vợ ta...Con ngốc đó vốn hâm mộ mi...

Hoàng dẫn Vũ đến chỗ vợ Hoàng ngồi giữa đám các cô, các bà. Vợ Hoàng tên là Yến.

- Chào anh - Yến đưa tay ra - Anh dạo này thế nào?
- Tâm trạng tôi không được tốt lắm - Vũ lúng túng trả lời.
- Anh thì bao giờ có tâm trạng tốt đâu - Yến mỉm cười ý nhị.
- Đúng đúng... Vũ đỏ mặt lên. Mọi người cùng cười.
- Đây là em gái tôi - Yến giới thiệu với Vũ - Cô ấy tên là Hồng, cô ấy vốn có đọc anh, rất khâm phục cách kể chuyện của anh. Cô ấy khen anh thông minh sắc sảo.
- Chao ôi,sao không ai đi khen ta lương thiện mà chỉ đi khen ta thông minh sắc sảo mà thôi? - Vũ tê tái nghĩ. Bản tính Vũ lương thiện, chàng luôn luôn giữ mình lương thiện, mọi suy nghĩ của chàng đều hướng về sự lương thiện. Chàng đã dại dột bày tỏ lên trang giấy những nhân vật thông minh sắc sảo mất rồi. Chàng đã bị người đời đánh đóng chàng với các nhân vật của mình. Chắc chắn, dưới mắt người đời, chàng hẳn là một quái vật ghê gớm.
- Thưa ông...em hình dung ông là một người khác thế này. Ông cô đơn..có phải không ạ? Ông lại kiêu ngạo nữa...có phải không ạ?

Vũ nhìn đi đôi tay để trần của cô gái. Đôi tay rất đẹp, chắc hẳn ngày xưa Kinh Kha khi nhìn đôi cánh tay vũ nữ cũng thở dài y hệt Vũ đây.

- *Tráng sĩ...Hề...*
- Ông ấy vẫn y như cô hình dung đấy chứ! - Hoàng cười. - Vậy cô có muốn làm thành món đồ hiến tế cho nền văn học Việt Nam hay không?
- Không...em chẳng dại. Tương lai em sẽ là một bà tri huyện...
- Chúc mừng cô...Vậy cô là người đứng đắn lương thiện...

Tiếng cười lại ran lên vui vẻ, Vũ quay mặt về phía cửa sổ. Chàng chẳng lạ gì lối đối thoại sắc sảo hóm hỉnh kiểu phòng khách thế này. Người Việt Nam bắt chước lối sống phù hoa ở bên ngoài rất nhanh, rất khéo.

Hoàng bỏ Vũ ở lại để ra chào khách. Bây giờ Vũ mới có dịp nhìn kỹ hai chị em Yến, Hồng.

- Cũng đẹp...cô chị đẹp hơn cô em. - Đấy là ý nghĩ đầu tiên của chàng. "*Nơi người đàn bà, tất cả đều là ẩn nghĩa*", Vũ chợt nhớ đến nhận xét của một triết gia. Thực ra, toàn bộ những bí mật của thế giới này loanh quanh cũng chỉ ở một vài dạng thức cơ bản mà thôi: âm dương, thiện ác, trước sau, phải trái, đúng sai, xấu tốt, trẻ già, trên dưới...Con người mãi mãi vướng vào các sợi dây của những mối quan hệ không cân bằng, tất yếu sẽ nhầm lẫn và rối bòng bong. Sự nhầm lẫn chồng chéo lên nhau, khiến con người mãi mãi bất khả tri, mãi mãi vô minh.

- Thưa ông, khi ông viết truyện, ông nghĩ đến ai trước nhất...Độc giả ư? Hay là ông? Hay là một người phụ nữ nào kia?

- Nếu là một người phụ nữ được thì tốt quá...Vũ trả lời - nhưng không phải lúc nào cũng như thế cả. Ở tác phẩm đầu tay thì tôi nghĩ đến mẹ tôi.

Mọi người ồ lên ngạc nhiên như vừa phát hiện ra một điều gì có ý nghĩa lắm, cao cả và lương thiện lắm.

Vũ đỏ mặt, chàng đã nói dối. Không phải là mẹ. Chàng đã diễn đạt không đúng với tư tưởng của chàng. Đấy là chàng muốn được như thế mà thôi. Hình ảnh mẹ với chàng thật xa vời. Chàng chỉ thương mẹ thôi. Mẹ chàng không biết chữ. Chàng nhớ rằng khi viết tác phẩm đầu tay, chàng chỉ nghĩ đến tiếng Việt, chàng cũng chỉ a dua học đòi các nhà văn trước chàng, không phải cụ thể một ai nhưng có lẽ là một tay cùng hội cùng thuyền nhố nhăng có tài dẫn lối đưa đường. Thường thường, đấy chỉ là một tay nhà văn hạng xoàng. Chúng ta biết rằng những tay cảnh sát chỉ đường phần lớn chỉ là những tay đeo lon hạ sĩ. Khi chàng bước lên con đường danh vọng, chàng nhớ đã không có bóng dáng một người phụ nữ nào nâng đỡ hoặc cản đường chàng. Lúc ấy chàng là một gã trai trong trắng và ngốc nghếch. Lúc ấy, chàng nghĩ rằng trong văn học hẳn chứa ẩn sự lương thiện hoặc một cái gì đó cao nhã, không phàm tục, có khả năng nâng đỡ con người. Chàng hân hoan vì vẻ đẹp của ngôn từ, của tiếng Việt, những âm thanh trong lòng chàng cứ thế ngân lên, hoặc là minh triết hoặc là ngọng nghịu, nhưng tất cả những ngôn từ ấy đều lương thiện và trong trắng. Chắc chắn là thế, dĩ nhiên là thế. Chàng thấy con người thật đẹp mà đời thật đáng

sống. Chàng thấy yêu mình vô cùng, chàng như một con chim non vừa phát hiện ra đôi cánh của mình, nó bay lên trời xanh, nó ngã xuống, nó cười khúc khích, nó lại bay lên, cứ như thế. Con chim non cứ bay lên cao, cao mãi...

- Thưa ông...Điều gì quan trọng nhất đối với nhà văn?

- Không có điều gì quan trọng cả. Điều cần nhất là phải bảo vệ mạng sống của mình giống như một tay buôn lậu hay tù sổng. Ta phải chăm sóc bản thân ta như chăm sóc cái cây...Phải bắt sâu, nhổ cỏ...phải tỉa cành...Rồi kiên trì sống, từng ngày một. Nuôi dưỡng một ý chí nào đó hướng về phía ánh sáng và sự lương thiện...Hình như đó là tôn giáo - Vũ lúng túng, chàng không thể nói to ra những ý nghĩ của mình như thế. Có nói cũng không ai hiểu cả. Bất khả tri...Chàng cũng chỉ lờ mờ hiểu rằng chàng đang đi trên một con đường chông gai gian khó nhưng chàng đang đi đúng đường. Chàng mò mẫm, dò từng bước chân nhưng cơ bản là khá chính xác trong cái đầm lầy đó, trong cái cõi hỗn độn, trong đêm tối vĩnh cửu, vừa chông chênh, vừa phù du hư ảo lại vừa nguy hiểm chết người. Ôi ôi, có lẽ chỉ có tình yêu thôi, thứ rượu mạnh ghê gớm, liều ma túy say sưa túy lúy mới có thể kích thích được chàng lúc này, khiến cho chàng lãng quên bao nhiêu hệ lụy ở đời để sống với cá nhân mình ở trong chốc lát. Nghệ thuật nói chung, trong đó có văn học, giống như rượu mạnh hay ma túy (nhiều khi nó có khả năng thay thế rượu mạnh hay ma túy) là một trong những thứ hiếm hoi ở đời may ra còn tạo được đôi chút khoảng trống cho cá nhân con người - cái góc u tối và khuất nẻo, nơi giấu một ít của cải có thực tên là...Vũ không muốn nói ra tên của bí mật đó. Mà em...Chàng sẽ nói ra điều bí mật đó vào giây khắc cuối cùng...

Bữa tiệc đã được dọn ra và rượu *sâm banh* nổ bôm bốp. Hoàng cầm ly rượu đi chạm ly với từng người một, Vũ lại được Hoàng giới thiệu một lần nữa với đám quan khách, trong đó có cả mấy vị quân nhân và công chức ngành thuế vụ.

- Thưa ông Vũ, so với chúng tôi, công việc của ông cao nhã hơn nhiều...

- Thưa ông, tôi không dám...

Vũ cảm thấy chàng như đang bị sỉ nhục, chọc ghẹo hoặc nhạo cợt. Việc đi tìm ý nghĩa cuộc sống và những băn khoăn của chàng về hạnh phúc giữa đám người này có vẻ tầm phào, quá ư lạc lõng, ngược đời. Giá vàng lên xuống ở đây quan trọng hơn, ông nọ ông kia mất chức quan trọng hơn...Vâng...Các món hời...Bà chị có một vạn quan...Bác Tham vừa mới xây nhà...Cậu Tú vừa đi du học...

- Tất cả bọn người này đều sinh động, say sưa, hăng hái, thậm chí cuống cuồng...họ ngọ nguậy không mệt mỏi...Đời là chiến đấu...Đời là sân khấu...hoặc anh là đe hoặc anh là buá..*Dô đi...Nhào dô...Xả láng*. Hay là họ đúng? Hay là ta sai? Mà tiền bạc ở đâu ra lắm thế?

- Thưa ông Vũ, xin ông đừng nghĩ ngợi nhiều. Hai chị em Yến, Hồng kéo Vũ đi ra một góc. - Chỗ này không hợp với tạng của ông đâu! Đám người phàm tục chúng tôi chỉ đuổi theo sự hào nhoáng...Xã hội kim tiền mà! Ông là thi sĩ, nhà tiểu thuyết...Mối quan tâm của ông là tâm hồn con người...Có phải không ạ? Vậy thưa ông, tâm hồn người ta là cái gì vậy?

Vũ phì cười. Giống như một công án Thiền Tông. Chàng nhớ có nhà văn từng nói rằng tâm hồn không thể sống thiếu những trò phù phiếm và trò chơi vui, tâm hồn giống như con thú, nó lúc nào cũng đói, khi thiếu thức ăn là nó xé xác các tâm hồn khác, cuối cùng thì nó tự xé xác mình.

Vũ diễn đạt điều đó cho hai người đàn bà nhưng họ không hiểu. Vũ bực mình vì trong tiếng Việt không có cách chi, không có từ ngữ nào có thể biểu đạt được trạng thái và ý nghĩa của thứ mà Vũ gọi là "tâm hồn". Lần đầu tiên, Vũ nhận ra tiếng Việt có phần nghèo nàn khi biểu lộ những nội dung, khái niệm trừu tượng.

- Tâm hồn là một trạng thái khởi động hoặc ngơi nghỉ. Vũ lúng túng giải thích và chàng cũng không tin lắm với lối giải thích của chàng. Như ở phương Tây, trên đường giao thông có những đèn báo hiệu chỉ đường...Đèn xanh, đèn đỏ ứng với sự thuận nghịch. Ở đấy không có tâm hồn vì nó đương nhiên là thế, nó là sự khẳng định đã rồi. Trạng thái trung gian của đèn vàng mới đáng kể: nó mờ ám, vừa khẩn trương, lại vừa quyết liệt. Hoặc là thế nọ hoặc là thế kia, ở đây sẽ có trạng thái mà ta gọi là "tâm hồn"...nó lựa chọn, khởi động và ngơi nghỉ...và theo tôi, bao giờ nó cũng lựa chọn sự bảo thủ, vì con người vốn bảo thủ...con người nào có tâm hồn đều rất yếu và bảo thủ...Họ luôn hoài nghi, ngờ vực lòng mình.

Vũ thở dài. Chàng có vẻ loanh quanh và thiếu lương thiện.

- Thưa ông, chúng tôi chẳng hiểu ra sao nữa cả...có thể ông muốn

nói đến sự ân ái hay ngoại tình chăng? Ông có bị sốt hay không? Ông có bị mê sảng hay không? Sao mặt ông tái đi như thế? Ông cho phép tôi xem nhiệt độ ở trán ông thế nào?

Vũ phì cười. Chàng cũng không hiểu tại sao người ta lại đi liên

tưởng đến trò ân ái hoặc vụng trộm. Chẳng lẽ sự đời oái oăm đến thế kia cơ? Tiếng Việt quả thực là thứ ngôn ngữ dễ gây nhầm lẫn.

Yến đặt tay lên trán Vũ và chàng bỗng nhiên như bị kích động. Cũng không phải hoàn toàn kích động mà có phần nào giống với tâm trạng của kẻ chán đời, của người nhận được ra lẽ hư vô ở trong sự sống, sự vô nghĩa vớ vẩn của các trò đời, cũng như sự bất lực của chính mình. Vũ cầm lấy bàn tay Yến đặt trên trán chàng bóp nhẹ, Vũ kéo nó để vào hạ bộ của mình. Chàng nói:

- Thưa bà, nó ở đây!

Chàng muốn nói đến thứ mà người đời vẫn gọi là lý tưởng sống hay giá trị sống, một cái gì đại loại như thế tương đương với những từ “cao thượng” hay “hạnh phúc”.

Tất cả khách khứa nhìn dồn về phía hai người. Yến sợ hãi rụt phắt tay lại, ngã vào lòng cô em gái. Hoàng tiến đến trước mặt Vũ, Hoàng cố kiềm chế nhưng giọng nói vẫn cứ run lên:

- Thưa ông, may mà sự việc xảy ra trong nhà tôi và tôi không muốn động thủ, tôi không muốn phiền phức! Chắc ông biết rõ ở ta mạng người rất rẻ, cho dù ông có là nhà văn danh tiếng bậc nhất thì cũng không khác gì con chó! Xin mời ông xéo khỏi đây ngay lập tức!

Vũ ngạc nhiên, chàng thấy Hoàng “trở mặt”, giống như tục ngữ nói - như “trở bàn tay”. Một phút trước đây họ đã cư xử với nhau như hai người bạn thân thiết nối khố cơ mà! Hơn nữa, trong thâm tâm, Vũ không hề có ý xúc phạm Hoàng hay vợ Hoàng. Chàng chỉ muốn bày tỏ một thứ tình cảm rất thật, rất gần gũi, rất con người mà cũng tự nhiên thôi như người nguyên thủy vẫn làm. Yến đẹp như thế. Còn Vũ chẳng lạ gì Hoàng. Hắn đểu như thế, hắn phản bội và ăn cắp...Những vụ buôn lậu ma túy và vũ khí...Hàng chục triệu đồng bào của chàng đang sống như súc vật...Chàng muốn Yến biết rằng chàng không ốm, tinh thần và tâm hồn chàng đều khỏe mạnh.

Vũ nói:

- Thưa các vị...lỗi không phải của bà ấy..Tôi xin lỗi...Tôi muốn nói rằng tự nhiên có những lý lẽ khác với chúng ta...

Vũ không nói được hết câu thì chàng đã bị người ta tống ra khỏi cửa. Chàng chỉ loáng thoáng nghe thấy tiếng Hoàng mắng vợ:

- Cô đáng xấu hổ...chính cô cũng thích...cô đã không tự bảo vệ danh tiết cho cô...

Yến khóc nức nở và tiếng khóc ấy khiến Vũ thắt tim lại.

Vũ đi như chạy. Trời Hà Nội ngợp trong mưa xuân. Mưa xuân mà sao những giọt mưa xuân lại nặng như chì...Mưa như roi quất vào mặt.

Hà Nội nghèo xác và dị mọ. Ở đây không có ai còn khả năng nghĩ ngợi hoặc phát sáng những tư tưởng khiến cho tinh thần con người mạnh mẽ lên thêm nữa ư? Tất cả đều loanh quanh, luẩn quẩn như đám bọ gậy hay cung quăng. Nhục thể và vật dụng...Toàn những cô hồn, chẳng ra người, chẳng ra ngợm...Đấy là tất cả Hà Nội của chàng.

Vũ thấy lạnh, chàng rùng mình và thấy đau nhói trong tim. Chàng lên xe điện trở về nhà. Chàng cũng chẳng biết rằng màn đêm đang buông dần lên thành phố. "*Đêm kinh thành xa như giấc mơ...*" Vũ lơ mơ ngủ gật, chàng cũng chẳng biết đến xe điện đã bị "pan" ở Giám bao lâu nữa.

Mất điện. Tất cả hành khách đi trên xe điện đều bị dồn xuống đường đi bộ. Vũ kéo cao cổ áo, chàng lủi thủi đi ra ngoại ô, về phía nhà mình. Đến Ngã Tư Sở, chẳng biết chàng nghĩ thế nào, chàng rẽ vào một ổ hút thuốc phiện và nằm ở đấy cho đến nửa đêm.

Vũ về nhà thì đã gần sáng, người lão bộc già loay hoay mở cửa cho chàng. Người chàng ướt như chuột lột.

- Thưa ông, ông vào nhà đi kẻo lạnh...Nửa đêm có hai bà sang trọng đi xe tay đến tìm ông...Họ không xưng tên. Họ bảo rằng ông là nguyên do nỗi bi kịch trong cuộc sống của họ nhưng họ tha lỗi cho ông. Đằng nào cuộc sống của họ cũng đã bi kịch rồi, có thêm một bi kịch nữa cũng chẳng mùi gì...Ông không có khả năng gì đáng để cho họ quan tâm, vì ở ta nhà văn là hạng vứt đi! Ông bị cấm cửa không được đến nhà ông Hoàng...Bà lớn tuổi hơn nói rằng tâm hồn của ông có thể to hơn người thường thật...

Vũ ngồi vào bàn viết. Chàng cố xuôi đuổi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc chàng. Mà em..."*Bài học tiếng Việt*". Chàng bắt đầu câu chuyện của chàng như thế đúng vào lúc những tia nắng mùa xuân chiếu vào cửa sổ nhà chàng....

Ghi chú cuối chuyện:

Trong buổi bình minh của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX này có những tài năng văn học trẻ. Có những nhà tiểu thuyết sớm nổi tiếng ngay ở tuổi 20. Có người 27 tuổi đã chết, để lại bao nỗi tiếc thương cho người đời. Câu chuyện trên được viết dựa trên cảm hứng về cuộc đời một nhà văn như thế, lấy bối cảnh ở Hà Nội khoảng trước những năm xảy ra Đại Chiến thế giới thứ II (1939 - 1945). Nhà văn trẻ với thiên tài của mình, nổi lên rực rỡ trên văn đàn khoảng từ 4 đến 6 năm. Những thiên tài thường không dùng dằng nhiều với những hệ lụy mà người đời cứ tưởng bở rằng ở đấy có nhiều giá trị hoặc ý nghĩa gì. Ngôi nhà được kể trong truyện, tiếc thay nay không còn nữa, đại để



LÂM THỊ MỸ DẠ
Tháng Giêng

Lụi tàn rồi mơn mởn
Thời gian như cánh đồng
Ngày xưa ta bé nhỏ
Tháng giêng còn nhớ không?

Biết khi nào trở lại
Màu trong vắt của trời
Khép làn mi trinh nữ
Tháng giêng tràn lên môi

Bông lay zơn ai tặng
Tháng giêng dấu nơi nào
Để màu hoa lửa cháy
Chập chờn trong chiêm bao

Tháng giêng đầu ngọn lá
Ta phiá cội cây già
Ngước nhìn bao thương mến
Quãng đời mình đã qua

Tuổi vèo bay cùng gió
Ta vừa sang tháng mười
Ngoảnh lại nhìn xa lắc
Một tháng giêng nhoẻn cười!

nằm ở chỗ Thư Viện Gơ-tơ Hà Nội bây giờ. Tiếng Việt là thứ ngôn ngữ mới hình thành, đòi hỏi sự tìm tòi và làm phong phú thêm bởi nhà văn và những người có thiện chí. Bài học tiếng Việt đôi khi cũng là những bài học buồn cười, tầm phào hoặc nhầm lẫn. Mong rằng độc giả rộng lòng hiểu cho ý muốn của người viết chuyện này. Cầu chúc sự may mắn và bằng an đến cho tất cả mọi người.

Hà Nội, 1999
NGUYỄN HUY THIỆP



NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

Con đoảng vị



Đã mở ra mắt, tay và những làn sương mỏng xanh nhạt. Ở con đường dẫn vào bãi tha ma không có hoa rụng nhưng trăng lại sáng. Những hạt sương bé tí xíu đọng trên đầu lớp cỏ phủ kín mả bắt ánh trăng lóe lên thứ ánh sáng kì ảo trong vắt. Tiếng dế i i vọng từ lòng đất nghe ai oán não nề. Rì rầm tràn ngập không gian. Một con chim đen lặng lẽ lượn trên bầu trời, bóng nó trườn mấp mô qua cỏ rồi chìm sâu vào những vùng tối giữa các ngôi mả.

"*Ngủ đi, ngủ đi bé ơi, chị sẽ kể cho bé nghe chuyện về mẹ của chúng mình. Mẹ bây giờ chỉ nhớ được tên các loài hoa. Mẹ bảo đêm nào hoa cũng đến chơi với mẹ, hoa mào gà, hoa dong riềng, hoa thược dược, hoa tóc tiên, hoa rau muống, hoa ổi, hoa mười giờ, hoa mướp, hoa thiên lý, hoa găng, hoa xấu hổ, hoa cậm cam, hoa cỏ may, hoa bạch đàn... Ngày xửa ngày xưa, mẹ hay trốn bà ra ru hoa ngủ, mẹ ru, hoa mềm lả ra rũ xuống, họ ngủ cánh khép lại rất nhẹ chỉ đủ để giấc mơ không bay ra được. Mẹ bảo ngủ ở đâu cũng có lúc nào cũng có, biết gọi thì đến... Cái ngủ mày ngủ cho ngoan để chị ra vườn xem đêm nay họ có đến không.*"

Mở ra mắt, những bàn tay non nớt, hơi thở se buồn, trăng

nhưng không hề có hoa rụng. Một con chim đen lặng lẽ...

"Mẹ đi dưới trăng, xòe hai tay ra thăm những bông mào gà trồng ở bãi tha ma. Tóc mẹ dài buông khắp người như lời ve vãn dai dẳng. Mẹ đi thăm hoa một mình bé ạ, một mình thôi, vì lúc ấy chưa có chị em mình. Ngủ đi bé ơi, đêm đang tàn, những giấc mơ dần bay khỏi đài hoa. Hoa mào gà chờ mẹ, họ chụm buồn vào nhau than thở. Hoa mào gà không có giấc mơ, mà thì chả an ủi được ai bao giờ. Mẹ ở chơi với hoa đến gà gáy thì về. Mẹ dặn chị sau này trồng cho mẹ thật nhiều hoa mào gà, chỉ hoa mào gà thôi. Giờ không biết mẹ ở đâu cả. Có ức vạn con đường dẫn đến bãi tha ma nhưng đường về chỉ có một thôi bé ạ...

Ngủ đi bé ơi, chị đang kể cho bé nghe về mẹ. Mẹ bảo cứ nghe tiếng rao thì đấy là bố. Chị ngồi trước thềm cho mẹ bắt chấy, bắt được con nào lại đưa lên mồm nhấm. Đường vắng, tận trưa mới có tiếng rao. Chị nghển cổ, mẹ ấn đầu xuống bảo chả phải nhìn, nghe cũng đủ rồi.

- Ai thiến lợn đê... ê... ê... ê...

Khàn khàn ủ ê. Ông ấy hiện ra chậm rãi nặng nhọc lê từng bước làm bụi quẩn lên sau gót. Tay ông ấy xách cái túi, tay cầm gậy dài bằng người có sợi dây oặt xuống như một đứa trẻ ốm. Ông ấy nhìn theo mẹ nheo mắt cười lộ cái răng cửa vàng chóe. Mẹ hứ một tiếng cong cớn, cúi xuống tìm chấy cho chị. Ông ấy nhìn quanh, sán đến gõ gõ đầu gậy vào bậc cửa: "- Tối nay đến nhá!" Giọng bây giờ khác với tiếng rao, nó ngắn hơn, khô hơn. Mẹ lại hứ cái nữa: "- Không cho nó được hào nào à? Thế mà cũng đòi là bố." Ông ấy lắc đầu ngán ngẩm: "- Từ sáng đến giờ hoạn được cái chó nào đâu mà tiền với chả nong." Rồi ông ấy đi không buồn nhìn chị lấy một lần bé ạ.

- Ai thiến đê... ê... ê... ê...

Ngai ngái với hai đám bụi nâu quẩn sau gót chân như hai cái cánh chim sẻ già. Ngủ đi bé, ngủ đi, đừng bao giờ bay bằng chim sẻ..."

Gió dậy lên những chiếc lá khô khúc khích lười nhác. Một con chuột hiện ra sau khóm hoa mào gà, nó thoăn thoắt chạy từng đoạn ngắn, cong người hất hất cái đầu về phía trước như đánh hơi. Con chim đen lặng lẽ xiết vòng lượn lại. Trăng mở ra mênh mông.

"Ông vẫn đi qua trước nhà, mẹ vẫn nhìn theo hứ một cái cong cớn.

Sau đó mẹ mang bụng ngày một to. Mẹ không bắt chấy cho chị nữa mà lặc lè đi lại trước cổng chờ tiếng rao, thỉnh thoảng mẹ lại nổi cáu vô cớ hoặc thở dài. Da mẹ xanh nhớt, má hóp lại, trán gằn gân xanh chằng chịt. Hàng xóm lấm lét nhìn mẹ rồi rỉ tai nhau. Tiếng rao khàn khàn chập chững đi lại, chị thấy đầu tiên là cái mũ lá rách mướp, sau đó đến chiếc áo ka ki Tầu bạc phếch vá chằng chịt ở vai, sau nữa là cái túi đồ nghề. "Có lẽ sắp rồi!" Mẹ áo não bảo, cái bụng to chồm về phía trước, cổ mẹ bé quá. Ông ấy lại gõ gõ đầu gậy xuống thềm: "- Sao biết?" Mẹ nhìn thái độ nghi ngờ của ông ấy, cầm bạnh ra: "- Đừng có mở mồm hỏi nữa, thối lắm. Sắp làm bố đứa thứ hai rồi mà chẳng biết đếch gì cả. Có một ít tiền còm đỡ cho tôi lần này đấy." Ông ấy quay đi lẩm bẩm: "- Sắp đẻ thì phải buồn ỉa chứ." Thật đấy bé ạ, chị nghe thấy thế thật mà. Đêm, mẹ gọi chị dậy nấu nước luộc dao. Mẹ nằm ngửa, mặt to phồng lên, mồ hôi ràn đẫm cả gối. Mẹ bắt chị ra ngoài, khi nào xong sẽ gọi. Chị đứng giữa sân mong ông ấy đến nhưng chỉ nghe mẹ thét lên, sau đó im bặt. Lâu lắm mẹ mới gọi chị vào, chỉ vào cái bọc vải ướt thều thào: "- Nó đi ngay rồi... con trai." Chị nghĩ bọc vải ấy là một bông hoa không có cánh. Mẹ ôm bé đi trước còn chị vác cuốc theo sau, trăng theo sau chị... Khi về mẹ dặn chị sau này nhớ trồng cho mẹ thật nhiều hoa mào gà như mẹ xưa trồng cho bé. Nhưng hoa mào gà không có giấc mơ, không hề có. Mẹ chờ hai hôm rồi xõa tóc đi tìm ông ấy. Mẹ tự tay đóng cổng, bảo chị: "- Thỉnh thoảng phải ru thằng bé cho nó ngủ, nhớ không con đoảng vị này..." Ngủ đi bé, ngủ đi, khi nào dậy chị sẽ kể cho bé nghe về một cơn mưa, trong mưa có tiếng rao ủ ê luôn luôn muộn mằn. Chị thì không đoảng vị..."

Bóng chim lao vụt xuống, tiếng kêu xé ruột cất lên. Ở con đường dẫn vào bãi tha ma không có hoa rụng nhưng trăng lại sáng... _

NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG



TRẦN MỘNG TÚ

Chim bồ câu và trái tim homeless

Những con chim hommeless
nằm núp dưới gầm cầu
những con chim bồ câu
giã không gian lạnh xám

Tôi co mình trong gió
đứng ngó lên gầm cầu
ôm trái tim homeless
không biết đi về đâu

Những con chim bồ câu
nằm bên nhau gấp cánh
tiếng động ở trên cao
rung buổi chiều tối sẫm

Tôi đứng trong vũng gió
ngó lên những then ngang
từng con chim nằm cuộn
như câu thơ xếp hàng

Gió thổi nghiêng ngả thân
tóc chia ra từng nhánh
chuyến xe đến rồi đi
bốn mùa không có tổ

Hai mươi lăm năm chẵn
trái tim vẫn phương xa
lồng ngực buồn ngơ ngác
gầy như một sân ga

Cuối năm ngày tháng cạn
lang thang dưới chân cầu
giữa không gian lạnh xám
thương cho đời bồ câu

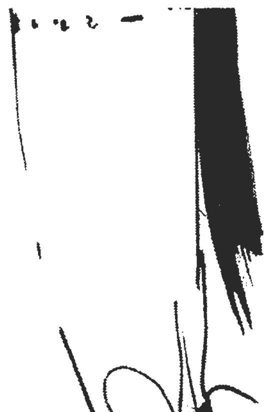
Tôi vốc một nắm gió
tung theo trái tim sầu

TRẦN MỘNG TÚ
Tháng chạp Kỹ Mão



BẢO CHẤN

Ảnh mầu



Hắn vốn có trí nhớ rất kém. Chuyện gì đã qua rồi chỉ còn lại trong ký ức hắn một cách mờ nhạt, hỗn độn, không đầu không đuôi. Thành thử viết hồi ký là một điều không có trong sổ tay nghị sự của hắn. Thế nhưng có một chuyện xảy ra đã gần hai mươi năm rồi mà vẫn còn in rõ mồn một trong cái trí nhớ khiêm nhường của hắn. Lần đó là một đêm mưa và cúp điện, lần đầu tiên gia đình hắn nhận được vài bức hình mầu từ ngoại quốc gởi về. Sau một thời gian không cho tin tức từ nước ngoài lọt về, đâu vào những năm bảy sáu, bảy bảy gì đó nhà cầm quyền bắt đầu cho nhận thư từ quà cáp. Người gởi thư và hình là chị Giang, một người bạn của chị hắn. Trời đất ơi! Mới mấy tháng trước đây thôi hắn còn thấy chị Giang đạp xe đạp đến thăm chị Hương của hắn. Lúc ấy chị Giang vừa ở trại cải tạo A30 về vì vượt biên hụt; người chị gầy nhom, lơ lơ láo láo. Vậy mà... Hắn không thể tin được vào mắt mình: Chị Giang bây giờ tròn trịa hẳn ra, áo quần sang trọng, đứng trong những tấm hình mầu sắc rực rỡ. Trong một bức, chị đứng trong một thương xá, tay để ơ hờ trên một cái lan can, phía sau là những người mua sắm cũng có vẻ như qua lại một cách ơ hờ, không biết mình đang ở một nơi chốn mà bao nhiêu người như hắn mơ ước. Trong một bức khác, chị Giang đứng trên một cái cầu gỗ, phía sau là thác Niagara hùng vĩ, trắng xóa. Nhưng những gì chị Giang ghi ở phía sau tấm hình mới càng ghi đậm trong trí nhớ hắn. Bằng một nét chữ cũng rất đỗi ơ hờ, chị Giang viết: Canada đó Hương. Xứ lạnh tình

nồng. Nhưng sao trong tao vẫn buồn tê tái. Ôi chao ơi! Con người đó, cảnh vật đó, sắc mầu đó, những lời lẽ thê thiết đó sao mà cứ quyện lại với nhau, đánh động vào tận sâu tâm hồn hắn, như những hồi chuông mà hai mươi năm sau đôi lúc hãy còn vang vọng. Đối nghịch lại những bức hình từ một thế giới đầy mầu sắc đó là bóng tối vây quanh trong căn nhà tồi tàn của gia đình hắn. Bố mẹ hắn, chị hắn, em hắn và hắn không ai bảo ai mà cùng chìm trong một sự im lặng khắc khoải, nặng nề. Ánh lửa vàng vọt của cây đèn dầu hắt lên tường bóng bố mẹ hắn gầy guộc, mỏi mệt, ê chề. Ngoài kia thì mưa cứ rơi, lạnh lùng và ướt át. Hắn bỗng muốn hét lên một tiếng thật to để trút hết bao nỗi niềm phức tạp trong lòng, nhưng sao ngoài mặt vẫn trơ trơ câm lặng. Hắn vào phòng lục lọi mãi mới tìm được một điếu thuốc đen còn sót trong hộc bàn, nhưng tìm mãi không thấy hộp diêm đâu. Hắn băng mình trong mưa chạy qua nhà bà dì bên cạnh để mồi điếu thuốc. Hắn đánh diêm lên, mồi thuốc, rít vào một hơi thật dài để nghe vị đắng của thuốc lá ngập tràn hai buồng phổi. Điếu thuốc lá trong đêm mưa đó, mặc cái trí nhớ tồi tệ của hắn, vẫn còn hoài trong tâm khảm.

Gia đình hắn cũng tính chuyện vượt biên như ai. Nhưng những dự tính vẫn nhiều hơn những lần xuống ghe thật. Một lần nọ, cả nhà đánh một chuyến lớn, đi ra tận Sông Cầu để hẹn gặp ghe. Từ Nha Trang cả nhà hắn đáp xe đò ra Sông Cầu. Ngồi trên xe, hắn đã trút bỏ hết thực tế não nề chung quanh để mơ màng đến những chân trời mộng tưởng, những ngôi nhà chọc trời lấp lánh ánh điện muôn mầu, những xe cộ dập dìu qua lại, những hàng người nô nức nối chân nhau. Chiếc xe của hắn đến chỗ hẹn, chờ mãi, chờ mãi trong đêm khuya dài dằng dặc không thấy bóng một ai. Niềm hy vọng của mọi người lụi tàn theo những vì sao đêm từ từ biến mất. Chiếc xe uể oải quay về. Khi xe chạy ngang Ninh Hòa là vừa đúng năm giờ sáng. Từ chiếc loa phóng thanh công cộng, giọng chanh chua quen thuộc của người đàn bà trong chương trình tập thể dục buổi sáng lanh lảnh vang ra: Vươn thở! Một...Hai...Ba...Bốn... Hắn muốn gục chết trong cái âm thanh rùng rợn ấy. Người ta đã ẵm trọn chín cây vàng mà mẹ hắn đã chắt chiu buôn buôn bán bán trong mấy năm trời cho một chuyến đi tưởng tượng. Tóc mẹ hắn bạc thêm ra. Thân hình bà còm cõi lại. Bố hắn lại lao đầu vào kiếm sống bằng đủ thứ nghề. Chị hắn đi buôn. Em hắn lất lây nơi này nơi nọ để trốn nghĩa vụ. Còn hắn dạy kèm sinh ngữ để lấy những món tiền khiêm nhượng. Ngoài những lúc đi họp khóm phường, những lần đi thủy lợi, những đợt vào rừng đốn cây, cuộc sống của hắn trôi qua trong những quán cà-phê, trong khói thuốc, trong tiếng nhạc. Ngày tháng qua mau như giấc mộng.

Trong khi đó thì bạn bè, bà con của hắn cứ lần lượt ra đi; và những tấm hình màu lần lượt bay về theo tỷ lệ thuận. Hắn đồ chừng trong những năm đó những hãng phim như Kodak, Fuji bán đắt hẳn lên mà không hiểu vì sao. Nơi hắn ở, khoe hình ngoại quốc đã trở thành thời thượng. Những tấm hình mầu được trân quí xếp vào những cuốn album nhỏ gọn để vừa vào xắc tay. Để khi nào câu hỏi vừa đặt ra: Thằng X, con Y có gởi hình về chưa? Là câu trả lời đã sẵn sàng: Có chứ! Và làm như sực nhớ ra: À quên, có mang theo đây nè. Rồi một bên hăng say làm thuyết minh, rành mạch như mới từ bên ấy trở về: Đây nè. Nhà nó mới mua đó. Ở tuốt trên đồi lận. Mỗi lần đi chợ phải lái xe cả tiếng đồng hồ mới tới nơi chứ không phải như mình ở đây cần cái gì là cứ chạy ù ra chợ Xóm Mới mua đâu. Và một bên lặng ngắm từng bức hình, bị tra tấn thêm bằng những lời thuyết minh đắc thắng mà tan nát cõi lòng. Chưa hết. Ngoài lời thuyết minh live, còn có những dòng phụ đề lả lướt sau lưng từng tấm hình. Lời văn gọn gàng, hàm súc, gợi lên trong trí tưởng tượng của người xem thêm bao nhiêu điều chưa thấy. Hẳn phim mầu bên ấy rẻ lắm, vì xem chừng như nhất cử nhất động của nhân vật chính đều được thu vào ống kính. Tỷ như chuyến đi chơi Disneyland của Phương, một cô bạn, được ghi lại như một câu truyện bằng hình hẳn hoi. Những lời ghi chú vô cùng tỉ mỉ, dẫn dắt người xem một cách mạch lạc theo một cuộc hành trình ngoạn mục. Từ chỗ Sửa soạn lên đường, Ngồi trong xe, Đến nơi, Sắp hàng mua vé, rồi Vào bên trong, Xem nhà ma, Đi xe lửa, vân vân và vân vân, đến Sửa soạn về và Trên đường về nhà, nhất nhất đều được tường thuật đầy đủ. Nhưng xem hình người quen không bị xúc động mạnh bằng xem hình của bà con trong nhà. Như thằng An, một thằng em họ vẫn thường theo học tiếng Anh với hắn chẳng hạn. Đi ở Nha Trang hoài không được, hắn vào Sài Gòn thử thời cơ. Công chuyện chưa đến đâu thì người tổ chức bị bắt. Sợ bị vạ lây, hắn vù về lại Nha Trang. Đúng lúc đó thì thằng An ở Nha Trang đi một chuyến ngon ơ qua Phi Luật Tân. Hắn trở lại Nha Trang như người chiến bại.

Cái tin thằng An đã đi được càng làm tinh thần hắn thêm suy sụp. Thằng An, cái thằng em-học trò của hắn, tiếng Anh tiếng u dốt khỏi chỗ chê, nay từ bên đảo gởi hình về - lại những tấm hình màu làm điên đảo đời hắn - phụ chú bằng cả hai ngôn ngữ Anh-Việt đề huề. Tấm thì ghi Hình này con chụp với tích-chờ người Phi, tấm thì giải thích Hình này là ở bặc-ty hôm mãn khóa. Cao xanh ơi, đọc tiếng Anh đúng giọng đúng dấu nhấn như hắn để làm chi nếu không là để thủ thỉ cùng giun với dế. Còn thằng An đâu có cần chi văn phạm với phát âm, nay nó đã ở bên trời đó rồi; biết đâu mai kia nó còn về dạy lại hắn nữa

là khác. Hắn như người thất chí, đi đâu cũng lẩm nhẩm câu nói của Bùi Giáng Ôi mộng đời đã tàn phai dưới bụi.

Mới hay bọn đế quốc tư bản cực kỳ thâm độc. Họ đâu có cần chi tuyên truyền này nọ lôi thôi. Những tấm ảnh mầu, những thùng quà cáp còn mạnh gấp ngàn lần chữ nghĩa. Nội dung của những tấm ảnh mầu ngấm dần, ngấm dần vào cân não của hắn - cũng như của mọi người khác - như một chất độc cực mạnh, nhưng ngọt ngào, hấp dẫn. Từng lớp người vẫn tiếp nối nhau ra đi. Một số may mắn trở thành những người trong những bức ảnh mà mình vẫn thường mơ ước. Một số khác biến mất luôn trong một tấn thảm kịch kinh hoàng của thế kỷ. Bây giờ trong hắn đã hình thành một hình ảnh ước lệ của khung trời Âu Mỹ, một đúc kết đầy đủ từ những tấm ảnh mầu: Một bầu trời xanh biếc, một con đường im vắng nằm dưới hai hàng cây ơ hờ (lại ơ hờ!) quanh năm xanh mát, những ngôi nhà núp mình trong bóng cây êm ái, những chiếc xe đủ mầu nằm ngái ngủ dưới hàng cây, những con người vui vẻ trong lớp áo quần lạ mắt. Những hình ảnh đó đã làm hắn trở thành một kẻ xa lạ trên chính quê hương. Khi mùa xuân tới, hắn nhìn những bông mai đầu tiên, lòng rên lên những lời ai oán. Mùa xuân đã về rồi đó. Mai vàng đã nở lưa thưa như lòng ta lẻ tẻ. Ôi mùa xuân của ai chứ nào phải mùa xuân của ta! Khi mùa hạ về, mắt hắn như không còn nhìn thấy từng chùm phượng đỏ rực nở đầy dưới trời hè xanh thẳm. Buổi tối, khi gió biển lồng lộng thổi vào thành phố, thơm ngát mùi đại dương, hắn lần theo con đường dẫn xuống bãi biển. Hắn thường ngồi bó gối hàng giờ trên mặt cát êm, nhìn hàng hàng những dãy đèn đêm xa tít tắp ngoài khơi. Những ngọn đèn đó là từ những chiếc ghe câu mực ban đêm, nhưng hắn lại nhìn ra như những tòa nhà rực sáng đèn diễm ảo của một thành phố ngoại quốc, của một thế giới nào đi mãi không bao giờ tới. Trong chiêm bao, hắn thường thấy tổ chức những chuyến đi không bao giờ thành. Bao giờ cũng hồi hộp đợi chờ, cũng lén lút bí mật, để rồi bao giờ cũng giật mình thức dậy trước khi xuống ghe, thất vọng tràn trề, để hắn lại nằm căng mắt nhìn bóng đêm, nhớ lại đời mình.

Nhưng rồi ngày của hắn cũng tới, như câu tục ngữ Anh mà hắn đã học được: Con chó nào cũng có cái ngày của nó. Hắn không cầm tinh con chó, nhưng cũng có được cái ngày hồi hộp xuống thuyền, lần này là đi thật. Và như để đền bù cho hắn đã phải u uất đợi chờ hơn mười năm để có ngày này, chuyến đi của hắn thật thông suốt, nhặm lẹ. Một chuyến vượt biển thông thường thuận buồm xuôi gió cũng phải năm sáu ngày mới tới đảo, đằng này ghe của hắn chỉ mới đi có hai mươi tiếng, chưa ra khỏi hải phận đã được tàu vớt. Chiếc tàu khổng lồ

mang hắn và những thuyền nhân khác đến Singapore. Lúc tàu đang tiến dần vào cảng, hắn sung sướng đến rụng rời khi thấy trước mặt là một thành phố tân kỳ đang lên đèn khi chiều xuống. Những cao ốc tráng lệ phủ lên một lớp đèn mầu huyền ảo, những chiếc xe bé xíu từ xa xa đang bận rộn ngược xuôi trên các xa lộ chằng chịt. Đúng như những tấm hình mầu. Hắn thầm nghĩ. Thế rồi hắn phải trải qua mấy ngày trên tàu để chỉ ngắm nhìn cái thành phố hiện đại này vì không được phép xuống đất liền. Rồi hắn lại cùng chiếc tàu lênh đênh trên sóng nước thêm nửa tháng nữa để được đưa đến Phi, nơi hắn đã sống những tháng ngày tự do đầu đời tuyệt diệu. Trên đảo, hắn sống và làm việc ôm đồm, hối hả như để kéo lại thời gian đã mất. Hắn dạy sinh ngữ, làm thông dịch cho Cao ủy, cho văn phòng Counseling. Hắn còn hăng say ra một tờ báo cùng với một nhóm bạn, trong đó viết nên những lời lẽ, những suy nghĩ chưa bao giờ dám viết. Mỗi buổi sáng sớm tinh mơ, trời còn se lạnh, nắng còn rụt rè chưa lên, hắn ra sân tập thể dục, lòng rào rạt tin yêu. Hắn nhìn mãi về hướng tây, nơi có quê hương, gia đình, bạn bè của hắn, ngậm ngùi thương cảm. Rồi hắn bắt đầu chụp những tấm ảnh mầu. Trời ơi! Đây là điều hắn đã từng mơ ước mà vẫn không sao tin được đây là sự thật. Rồi hắn cũng nắn nót những dòng phụ chú theo một ngôn ngữ đã thành ước lệ, nhưng hắn không cốt để khoe khoang với ai cả mà chỉ để cho gia đình hắn được tận hưởng niềm vui vô bờ bến đó.

Rồi hắn được đi định cư ở Mỹ. Cuộc sống mới cũng mỉm cười với hắn. Trước kia còn ở trong nước, hắn luôn tâm niệm là ra được nước ngoài là để tìm tự do, để học hành, làm việc và giúp đỡ gia đình. Vì thế hắn không ngại gì cả. Hắn lao đầu vào học và làm như một tên nô lệ, một tên nô lệ có tự do! Lúc rảnh rỗi, hắn vẫn chăm chỉ chụp những bức ảnh mầu gởi về cho gia đình. Nói chung, những tấm ảnh hắn chụp chẳng khác gì mấy so với những tấm ảnh mà hắn đã được xem trước kia. Đôi lúc hắn còn cố tình chụp cho giống những bức ấy nữa là đằng khác. Như để thỏa mãn những khát khao vô hình bị dồn nén từ bấy lâu nay. Đối với gia đình hắn, sự trùng lặp ấy cũng chẳng hề hấn gì. Cũng những cái phông quen thuộc ấy nhưng cái đinh trong ảnh lại là hắn, đó mới là điều quan trọng. Nhưng bây giờ hắn mới hiểu rằng có những cái nên chụp và những cái không nên chụp. Chẳng lẽ lại chụp lúc hắn đang è cổ ra mà khuân mấy thùng hàng to tướng nơi tiệm hắn đang làm? Hay là lúc hắn đang bồn chồn ngồi đợi xe buýt đến? Hay ai lại đi chụp cảnh hắn ủ rủ ngồi chờ bác sĩ khám cái lưng đã bắt đầu đau thường xuyên vì khuân vác quá độ? Cái lưng. Phải rồi. Cái lưng đau của hắn đã bắt đầu trở thành một thực tế không thể nào chối

bỏ được. Nó đau ngày đau đêm. Nó đau lúc hắn làm, hắn học, hắn ăn, hắn ngủ. Nó đau cả những lúc hắn nói hắn cười. Nhưng đặc biệt là nó không đau lúc hắn khóc. Vì sự thật là hắn không bao giờ khóc được. Nhiều lúc trong cơn đau tột cùng hắn đã hét lớn lên trong xe, giữa xa lộ mênh mông, và mong được khóc mùi mẫn như ngày xưa còn bé, nhưng mắt hắn vẫn ráo hoảnh, vẫn trơ trơ ra đó. Cơn đau bây giờ đã không còn là một hiện tượng riêng biệt. Cơn đau bây giờ là một thực thể không rời. Cơn đau là hắn. Hắn là cơn đau. Cơn đau đến với hắn đúng vào lúc lẽ ra cuộc sống của hắn đã bắt đầu được thảnh thơi đôi chút. Cái công việc khuân vác tuy nặng nề nhưng lại có giờ giấc uyển chuyển ấy đã giúp hắn vừa làm vừa học, trọn vẹn mọi bề. Chính cái công việc ấy đã giúp hắn giật được những mảnh bằng mà ngay người bản xứ cũng khát khao. Và cũng chính cái công việc ấy đã êm đềm mang lại cho hắn cơn đau không rời đó. Những niềm vui nhỏ nhoi hàng ngày của hắn đã bị cơn đau làm thui chột ít nhiều. Nhưng hắn vẫn phải có bổn phận gìn giữ niềm vui của gia đình hắn. Nghĩa là vẫn chăm chỉ chụp những tấm hình mầu gởi về cho gia đình. Mẹ hắn đã chẳng viết cho hắn như thế này là gì: Mẹ không cần con gởi tiền bạc quà cáp gì về cho gia đình cả. Ở nhà bố bán vé số (có ghi thêm cả số đề) cũng tạm đủ tiêu. Con đi làm cố để dành tiền mua một cái xe mới, chứ con cứ đi hoài cái xe cũ bố mẹ không an tâm. Bố mẹ chỉ mong con học hành tấn tới, chăm viết thư, gởi hình về cho bố mẹ xem là cả nhà vui lắm rồi.

Ảnh mầu. Ôi những tấm ảnh mầu! Hắn không giận hờn chi những tấm ảnh mầu cả. Gia dĩ những tấm ảnh ấy có bao giờ nói dối đâu. Những gì hắn thấy qua hình ảnh hắn đã thấy lại ở nơi này. Có dối chăng là những người chụp ảnh. Bây giờ hắn mới hiểu ra. Những tấm ảnh mầu đó bao giờ cũng phản ảnh thực tế một cách trung thực, nhưng là một sự trung thực có điều kiện, tùy thuộc vào người cầm máy. Cái thực tế của hình ảnh là thực tế đóng khung, thực tế chọn lọc. Hắn, với tư cách là người xem ảnh, cũng đã vô tình để cho cảm quan của mình bị đóng khung. Bây giờ, mỗi lần chụp ảnh và ngồi ghi chú, hắn đã đánh mất đi cái cảm giác sung sướng thơ ngây của ngày nào. Thay vào đó, hắn cảm thấy trầm tư, buồn bã. Thật ra, thực tế của hắn bị đóng khung vào những tấm ảnh mầu một cách rất tự nhiên. Vì nếu có muốn hắn cũng không thể chụp hình được cơn đau của hắn vào những tấm ảnh mầu. A! Đúng ra thì có một cách. Nhưng đây không phải là những dương bản mầu mà là những âm bản trắng đen: Đó là những tấm phim MRI chụp bộ xương sống tội tình của hắn.

BẢO CHẤN



TRƯƠNG HUYỀN KHANH

vai hẹn

nằm mơ thấy tóc thơm vai hẹn
và quãng trời xanh đến rợn người / thơ Du Tử Lê

như vậy là mùa xuân này
tôi không có em,
em không có tôi,
chúng ta không có nhau.
trọn buổi sáng
tôi đau đến rợn người với ý nghĩ buồn bã ấy

đã vài tháng
phố Nam không có lấy một cơn mưa nhỏ,
bất chợt chiều qua,
những giây phút sau cùng buổi cuối năm
mưa lướt thướt thả xuống, êm ái, bất ngờ
tôi đã cột trái tim rưng rức của mình, với mưa,
tội nghiệp như thế đó
[còn em, đã làm gì trong thời khắc ấy]

tôi cầu trời em bất ngờ xuất hiện
như hôm nào,
mây mây mưa mưa mù mù mịt mịt
vân vân vũ vũ sương sương lộ lộ,
giữa những hạt long lanh li ti
em phủi nước bám hờ trên áo bước chân vào,
chiếc dù tím hoa, đôi môi hoa và trái tim hoa,
môi hoa lúc ấy,
đã thở ra những giòng mưa hiu hắt của Tần Quan

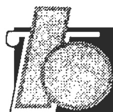
tự tại phi hoa khinh tự mộng
vô biên ty vũ tế như sầu
(hoa bay thoang thoảng nhẹ như mộng
bát ngát mưa tơ nhỏ tựa sầu)

bắt đầu từ bao giờ, mỗi ngày tôi, là nỗi thấp thỏm
ngong ngóng, tưởng tượng buổi gặp nhau
em sẽ lanh chanh ngồi đứng không yên,
em sẽ nép sau lưng, cầm lọn tóc dài
quệt trong gáy, cọ trên má tôi rồi cười khanh khách
khi tôi vòng hai tay ra sau lưng bắt lấy vai em,
bắt lấy bờ vai hẹn
bắt lấy niềm - an ủi - dịu dàng - đằm thắm
duy nhất trong đời vừa có được

chỗ cái quán đợi ở làng nghệ sĩ
buổi sáng thứ hai, vuông phố còn loáng thoáng sương bạc,
những chú bồ câu chớp đôi mắt tròn, nâu nhánh hạt tiêu
tìm thức ăn bên chậu tương tư thảo,
ngồi với điếu thuốc và ly cà phê đen đậm
nhưng môi tôi thơm mùi cappuccino em vừa uống,
tuổi trần gian dù đã năm mươi mấy
vẫn có em ôm đầu níu cổ
kề vành tai thì thầm thỏ thẻ gọi: bé con ơi,

còn nhớ lần em thủ thỉ, tỉ mỉ, xếp xếp, gập gập
chồng giấy origami vuông vắn, sắc màu rực rỡ
thành muôn cánh thiên vũ hạc
nguyện ước, mình, thiên trường địa cửu không bao giờ cách chia,
nhưng mà rồi, chúng ta cũng đang xa nhau
và bờ vai hẹn - tóc xõa - ấy ơi,
em chính là nỗi tủi thân của tôi trong những ngày đầu xuân này.

TRƯƠNG HUYỀN KHANH



NAM DAO

Một vị thuốc đắng một vị thơ



1

Thế đấy. Anh chép miệng cười. Nụ cười rất tươi, rực lên cùng ánh mắt. Anh bảo : *«...nó vận vào người»*, lại rót rượu.

Đó là một loại rượu ngâm với mơ, màu vàng óng, vị hơi ngọt, uống khá đầm. «Rượu làng Vân, ngâm mơ thế này là đã cả năm rồi», anh lại cười, tay với điếu cày. Tiếng nước reo sòng sọc. Mùi thuốc lào hăng hắc xông lên. Anh ngả đầu ra sau, mắt lim dim. Tôi ngắm anh. Những nét hào hoa nay hẳn xuống, nhưng vẫn là những nét hào hoa.

Anh quả là một người hào hoa.

Chị đi đâu về. Tôi đứng dậy. Chị bảo «...à, chú đấy à !». Rồi chị ra ngồi, tay rót nước. Tôi nhìn chị. Chị quả là một người đàn bà đẹp. So với người Hà Nội những năm đó, chị đỏm dáng. Có lẽ chị biết là mình đẹp.

Tôi đưa ly rượu lên môi, bâng khuâng nhớ người con gái trùng tên chị đã hẹn tôi rồi không đến một năm xưa. Tôi nhìn anh, vẩn vơ hồi tưởng lần đầu đến quán rượu này. Tai tôi lại văng vẳng tiếng cười ròn rã của họa sĩ Hoàng lập Ngôn «... muốn thì đi với tớ, không đi lại chê Hà Nội không có !» Ngồi trên chiếc ghế đẩu chông chênh chỉ chực đổ soài ra, tôi nghe tiếng ngâm thơ. Anh ngâm một cách ngâm lạ

lùng. Ngâm như than, như khóc, như rên rỉ, như van vỉ. Như hát chầu văn. Như rủ người nghe nhập đồng.

Quái lạ. Lời thơ lại vượt khỏi tầm trí tuệ. Nó lơ lửng ở chốn nửa nhân gian nửa thần thánh. Nó chém xuống tâm linh, để lại vết cắt, thứ vết cắt hằn sâu xuống ở lớp thứ tám. Vâng, hiểu thì chỉ cần lớp một cho đến lớp ba, bốn. Sau đến lớp năm, lớp bảy là cảm. Khi đó chữ nghĩa hết là chữ nghĩa. Nó thành những tác động tâm - sinh lý. Nhịp tim không còn đều đặn đẩy máu đi như làm thứ nghiệp vụ buồn tẻ trong một cơ thể bình thường. Nhịp thở không còn đều đặn như khi người ta ngủ say đến mất hết khả năng tiếp nhận bất cứ gì. Còn lớp tám ? Tôi phải nói thế nào ? Tôi *biết* như kẻ có lòng tin vào Thượng Đế, nhưng làm sao nói đây ?

Tôi lẩm nhẩm *«... Ta soi. Chỉ còn ta đạp lùi tinh tú. Ngủ say rồi đôi cá đòng đong».* Ở tầng thứ tám, một bàn chân người nhỏ bé đạp vào không gian mênh mang bí ẩn đẩy lùi lại những vì sao long lanh trên dải ngân hà trong suốt. Cúi xuống, cũng ở tầng thứ tám đó, con người nhỏ bé soi mình trong lạch nước, và an bình thay, đôi cá đòng đong còn nhỏ bé hơn nữa đã ngủ say rồi. Từ vô cùng lớn, chỉ vài chữ là đến li ti nhỏ. Ở giữa, con người kia cô đơn làm cái ảo tác đạp lùi tinh tú. Hình ảnh đó còn bi tráng hơn huyền thoại Sisyphe lăn đá lên cao. Hòn đá tới đỉnh lại lăn xuống như một thứ định nghiệp vô căn do, lăn xuống để rồi lại phải đẩy lên, theo cách diễn tả sự phi lý kiếp người của Camus. Lăn đá là hình phạt của Zeus, thứ thần linh hóa ra đại bàng đi đánh cắp một cô con gái nhưng bị Sisyphe - kẻ được bàn dân coi như một vì vua mong xây dựng một vương quốc có văn minh - nhận diện và tố cáo. Văn minh nằm ép dưới quyền lực. Còn luân lý, luân lý đã nhiều lần chùn bước trước sức mạnh trong lịch sử nhân loại.

Hình ảnh lăn đá của Sisyphe khắc nghiệt hơn đôi cá đòng đong ngủ say. Con người cô đơn nổi loạn đạp lùi tinh tú, nhưng hiểu ra sự bất lực của ảo tác đó nên vội quay về tìm an nhiên bằng giấc ngủ của đòng đong. May thay, đòng đong vẫn có đôi. Đó là một cách an ủi. Dĩ nhiên kém triệt để, nhưng bao dung hơn. Phải chăng Đông khác Tây là vậy ? Nhưng thế thì sao *«nó vận vào người»* được nhỉ ?

2

Buổi sáng hôm ấy lành lạnh gió. Hai mươi năm sau, cứ mỗi lần gió như thế, tôi lại nhớ, lại mang mấy tấm ảnh cũ ra nhìn. Ảnh có cụ Sìn, có Văn Cao, có Thái bá Vân, những người đã khuất. Có anh.

Có Duy. Có tôi. Những người vẫn còn. Có chị Băng, dĩ nhiên. Còn có T và L, hai cô gái nuôi của cụ Sìn, một họa sĩ đầu đàn của Hà Nội vào những năm ba mươi. T kéo violon cho dàn nhạc giao hưởng. Duy làm bài thơ khá đẹp về bàn tay và chiếc vĩ cầm. Còn L, cô dạy học ở Hải Phòng, nhưng nay đã lưu lạc đâu đâu bên Hòa Lan rồi. Duy đèo tôi bằng chiếc xe đạp Phượng Hoàng cứ dăm trăm thước lại tuột xích. Chúng tôi đi dọc đại lộ Lê Duẩn về hướng Nghi Tàm. Tôi bảo «Chẳng biết các ông ấy gặp nhau thì thế nào nhỉ ?». Khi mời anh, Duy chỉ nói «...anh lên xem bức tranh cụ Sìn vẽ anh năm tiếp thu thủ đô !». Khi mời Văn Cao, tôi chỉ nói «...cụ Sìn nhắn anh lên, lại khà khà bảo không có anh thì thôi không đình đám nữa. Cụ yếu lắm rồi...». Chúng tôi đều biết là từ cái thuở Nhân Văn gần ba mươi năm xa lơ xa lắc, anh và Văn Cao không gặp nhau nữa. Lý do ? Tôi kêu lên «...miễn bàn !». Cả nước hòa hợp hòa giải. Văn hóa thì thế. Một dúm tác phẩm. Dăm ba ông đứng đầu, ông nọ tránh không nhìn mặt ông kia. Con cháu sau này trông vào thì sẽ nghĩ gì ? Thái bá Vân gật gù, nhỏ nhẻ «Cho tôi đi với !» rồi hồn nhiên tiếp «...cũng đến lúc các ông ấy nên gặp nhau rồi !»

Tôi không hề hỏi *đến lúc* là đến lúc nào. Tôi cũng vô tâm, chẳng thắc mắc thế nào là *nên* , thế nào là *không nên* . Bữa ăn nhà cụ Sìn khá vui vẻ. T và L chạy lên chạy xuống. Cụ bà đi vào đi ra. Tôi vui trong bụng, chỉ cảm thấy một thoáng sượng sùng khi hai anh bắt tay nhau, để ý các anh tránh nói với nhau, nhưng cả hai đều góp chuyện. Văn Cao thích làm dáng, đôi khi hơi gượng trong dăm ba hoạt cảnh đầy tính kịch. Còn anh, anh hồn nhiên. Cụ Sìn mang bức tranh cũ ra. Bức tranh không có khung, vải bố nhem nhuốc, nhưng anh, anh cười trong bộ quân phục màu vàng, đội mũ có đính sao. Cụ Sìn lại khà khà móm mém bảo «...lính Vệ quốc đẹp thế đấy !». Anh mơ màng «...đẹp và trẻ. Có lẽ đẹp vì trẻ...», mắt nhìn T và L đang cúi xuống thẹn thùng. Quả thế. Tôi cũng nhìn. Cô giáo ở Hải Phòng đằm thắm hơn. Cô nhìn lại rồi chạy vụt đi. Cô nhạc sĩ vĩ cầm dáng dấp có nét bốc lửa, nhưng mắt lại mơ màng chút u uẩn than tro. Cô làm vẻ thản nhiên, nhìn về phía sân, nơi nước ao đã tràn lên mấp mé ven bờ.

Buổi trưa hôm đó qua đi, rất nhẹ, không khác cơn gió lành lạnh chớm đông. Cõi nhân duyên chập chờn oái oăm. Hai anh lại chia chung cái chiếu rượu này. Và chia với chúng tôi. Mỗi kẻ một vẻ đời. Làm lính. Làm thơ. Kéo đàn. Dạy học. Đến từ một bờ Đại Dương xa lắc bên kia. Lên từ Cảng, quê hương của người tài tình thõng một câu thơ nhập « Sinh ra tôi đã có Hải Phòng...» cho bản trường ca *Những người trên cửa biển* dính dấp đến vụ quyền lực hãm và hiếp văn học vào năm 1956. Đè xuống rồi nằm lên dăm ba tờ báo để che bớt đi cái

ê chề có tên là cải cách ruộng đất, quyền lực thở phì phò, xong việc kéo quần lên, tay chùi mép dính nước bọt phán lửng một lời «...có phải con gái nhà lành đâu, quí báu *đéo* gì !». Chữ *đéo* không thừa. Nó vạch ra tính chất của hệ tương quan giữa chính trị và văn hóa. Con gái nhà lành thì dĩ nhiên không phải là con gái tạch tạch sè thành thị. Họ dẫu còn trinh nhưng điều đó không thể bảo đảm rằng họ thuộc thành phần cốt cán của dân tộc. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp và sẽ còn lâu vẫn là một nước có rất nhiều nông nô. Nhưng chuyện đã xưa rồi. Bây giờ khác, người cày có ruộng và công bằng ra thì người viết có giấy có bút để góp phần xây dựng một xã hội tươi đẹp. Có lẽ chính vì vậy là đã đến lúc các ông ấy *nên* gặp nhau ? Tôi ngây thơ nghĩ thế. Còn anh, hồn nhiên như anh, chắc anh cũng nghĩ thế. Cụ Sìn, cụ chỉ cười khà khà. Cụ không nhầm, mặc dù tuổi đã cao.

Tối ăn cơm, không biết là chân ai khều nhè nhẹ vào chân tôi. Hẳn vô tình. Giá mà cố ý nhỉ. Ai biết được, lại chuyện nhân duyên. Đêm hôm đó, tôi ngủ lại nhà cụ Sìn với Duy. Hai đứa lau sàn xi măng đã lên dầu mồ hôi sáng bóng rồi mắc màn. T và L cũng thế, hai cô nằm chiếu bên cạnh.

Tiếng ễnh ương bờ ao. Vẫn gió. Gió xào xạc. Ngọn đèn hoa kỳ vặn xuống li ti sáng một màu xanh biếc. Tiếng cụ Sìn ho. Tiếng đập muỗi. Tiếng thở dài nhè nhẹ chiếu bên. Duy bắt đầu ngáy. Tôi thiếp dần đi trong mùi đàn bà bay thoang thoảng. Tôi mơ bay lên thật cao, cao đến độ trái đất ở dưới chỉ còn là một hòn bi ve óng ánh màu hy vọng một hạnh phúc trong tầm với của cả dân tộc tôi. Thú thật, tôi đã là một kẻ có niềm tin như vậy. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn cố gắng tin và còn hy vọng nên mới viết được những giòng chữ này, dẫu rằng đôi khi bóng tối có lúc đã bao trùm cả đời tôi lẫn đời những người tôi yêu.

Hình như ai thò tay sang nắm lấy tay tôi. Tôi để yên, lòng ngậm ngùi, vờ ngủ. Cho đến nay tôi vẫn chưa biết bàn tay đó là tay L hay tay T. Tôi chỉ biết tờ mờ sáng L đã đi ra bến xe về Hải Phòng. Và sau đó tôi rồi cũng phải bay sang bờ Đại Dương bên kia. Nỗi ngậm ngùi sau này đọng lại được đúng hai câu : *Em đi rón rén trời chưa sáng. Bước động ao bèo bỗng hóa sông.*

3

Thuở đó anh biết tôi yêu thơ. Thật ra, tôi yêu tất cả những cái đẹp. Và yêu, dĩ nhiên là mù quáng. Là như bị thôi miên. Là buông

hết, và thả luôn đời mình vào cái mình yêu, hệt như những kẻ tử vì đạo. Cái đẹp, gộp luôn cả chân - thiện, trở thành tất yếu cho sự tồn sinh, và mặc dầu tôi là người ngoại đạo, thỉnh thoảng lại mập mờ mang hình tượng Đức Chúa đóng đinh trên thánh giá cứu rỗi, sườn loang lổ máu một vết dao đâm vì lòng tham tàn cộng thêm sự ngu muội.

Tôi đến chơi với anh như đến với cái đẹp. Người ta chặc lưỡi «...giao du phải cẩn thận.» Tôi bảo «Nếu phải xin phép thì cho tôi một cái danh sách, những ai là người không nên giao du !». Người ta trừng mắt. Tôi quay lưng đi. Người ta cho là tôi thách thức quyền lực. Tôi thì không. Vì tôi nghĩ, rất ngây thơ, là đã *«đến lúc»* vì bây giờ chỉ có ta, và ta phải *«cùng nhau»* góp tay vào xây lại một mảnh đất đã quá đọa đầy. Đòi hỏi của hai từ ghép *«cùng nhau»* là phải xóa đi lằn ranh dĩ vãng đã chia nhau ra thành đôi, thành ba, thành năm thành bảy mảng. Những mảng băng rời trôi mỗi mảng một hướng. Nước ơi, chỉ có tình của nước mới làm tan những mảng băng chia cắt lạnh lẽo kia. Người ta lắc đầu nghi ngại. Tôi đến chơi với anh. Với Trần Dần, Lê Đạt. Với Đặng Đình Hưng. Người ta nhăn mặt «Trải chiếu hoa cho mà không biết lên ngồi à ? ». Tôi giật mình. Thì ra phải chọn giữa mảnh chiếu hoa đã trải và cái đẹp ! Nhưng tôi đã thưa, cái đẹp là tất yếu cho sự tồn sinh, và tôi xin trả lại một góc chiếu vẽ hoa đỏ không hợp tạng.

Anh biết tạng tôi, cái tạng con trẻ không làm sao cho khôn ngoan thích ứng hơn được với cuộc đời. Tôi không kể cho anh cái đêm có một bàn tay đàn bà thò qua màn nắm lấy tay tôi ở chiếu bên. Anh tặng tôi một chai rượu mơ anh ngâm, dán thêm hai chữ Men Quê và Bốn câu thơ. Anh kể :

«... Tên nàng cũng là Yến. Chúng mình lên đồi, mặt đất xanh rì, nhấp nhô mềm dịu như mông như vú đàn bà. Nắng đã bắt màu vàng tươi trên mái chùa Phật Tích ngói đỏ xa xa. Ngả mình nằm xuống thảm cỏ, nàng nhìn, cái nhìn như bảo ban. Bỗng nàng chồm dậy, hai tay bíu lấy đầu mình kéo xuống, rồi áp môi hôn những nụ hôn cuồng nhiệt. Khi buông nàng ra, mình đọc «*Một con bướm lửa đậu môi*». Nàng nắm hai tay mình kéo ra, miệng thầm thì «*Hai nhành hoa lửa chia đôi tay cầm*». Nhìn lên trời, những ráng mây xa óng ánh như sắp cháy bùng lên, mình tiếp «*Ba làn mây lửa về thăm*». Nàng như say sóng, ôm choàng lấy mình để giữ thăng bằng trong một cơn bão biển bất ngờ ào vào thân thể, mắt nửa khép nửa mở, tay quơ lên, miệng thở dốc. Mình lao vào nàng, vào cơ thể nàng, vào tâm hồn nàng bằng tất cả sinh lực đàn ông, cứ thế cho đến khi cùng kiệt. Nàng ngước mắt, vừa cười dịu dàng, vừa đếm «*... Bốn lần chim lửa đến nằm rậm hoang*».

Hai mươi năm sau, tôi vẫn nghĩ cho đến nay câu chuyện anh kể không chỉ là một câu chuyện thật. Nó có chất cốt tủy như khi anh bảo với tôi rằng nàng Thơ vốn dĩ lẳng lơ, gặp ai cũng quyến rũ, nhưng chung chạ gối chăn với nàng lại là chuyện khác... Tôi tin lời anh. Anh hồn nhiên nhận mình là người may mắn. Như vậy cái gì có thể lại *«vận vào người»* anh ?

4

Mẹ, Chị, rồi Vợ anh và những người đàn bà yêu anh đều là *cốt đồng* cho anh nhập vào tâm giới của nàng Thơ. Hiện tượng này nằm dưới tầng ý thức của chính anh. Thậm chí, nó nằm ngoài anh, và chính vì thế mà anh kể là thơ anh *«... vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải là tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc... mà tôi xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được.»*.

Vâng, nghe đâu anh chép được nguyên bài *Lá Diêu Bông*. Lần cuối gặp anh năm ngoái, anh hỏi «Thơ mình được mấy bài ?». Tôi tần ngần, đếm có *Về với Ta, Đợi mùa, Cây tam cúc, Quả vườn ổi*. Đó là những bài thơ lạ, ngôn ngữ thơ biết thở, biết hát và biết im lặng. Tôi đáp «năm, sáu bài...». Anh cười «...thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi !» và hồn nhiên nói tiếp «... à, em mới kể có năm thôi !». Thật ra còn bài *U gì* anh làm gửi cho Đặng Đình Hưng. Bài *Đợi mùa*, ít người nhắc. Thú vị nhất là tiếng chim tu hú, thứ chim lớn hơn sáo, lông đen nhạt điểm trắng, đẻ trứng thì đẻ vào tổ sáo hay tổ chim ác là, và cuối Xuân là kêu để gọi Hè về :

Mùa chưa về
            Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ
Dãy tre xa giấu biệt giải khăn điều
Khi gậy nắng ăn mày đã quăng sau núi
Hàng tre nhà
          yếm trả
              Mẹ về
                      lều dột đón mưa đêm
Thì chị đi
      mấy lối chân chim
Để Mẹ về bao phương bèo nổi
Riêng Em nằm trơ đợi giờ tu hú gọi

Câu bốn và năm trong đoạn này rủ người đọc thở một nhịp thở gấp gáp, tiếp đó, nhịp thở lại chậm đi, rồi nức nở nghẹn lại. Tôi xin trích thêm một đoạn :

Em bước vào đình
    ôm cột bốn người ôm
Em rẽ sang chùa
    lạy chân hộ pháp
Sau chùa tát đêm một, chạp
Gầu giai ai vớt Chị ơi lòa lõa thân trăng

Chị lỡ xe hồng
Mẹ đi lấy chồng
Cỗ cưới chênh vênh khoai luộc
Mật vàng mọng rách vỏ nâu non

Giữa câu bốn và năm trong đoạn này, thơ chuyển mạch bằng cách im lặng (đọc ở giữa hai câu, nghĩa là không có chữ nào). Và đây là đoạn cuối :

Có hôm Em lần xuống bếp
Cậy cháy sành vỡ toác chôn niêu
Một con mèo mướp ruỗi chân chiều
Lưỡi gió liếm gio vờn tóc rụng

Tưởng như Mẹ về
Vai áo toạc ba vá chằng tơ dứa

Tưởng như Chị về
Tơ tóc đêm xưa giờ rễ tre

Bao giờ Chị về
tóc phủ vai Em chiều hương nhu

Bao giờ Mẹ về
Buộc yếm đào phai vỗ hát ru

Khấn thầm như gặp Chị
Mắt nứa cửa tay Em
      vẫy đón đầu làng

Khấn thầm
như mẹ lỡ đò ngang
Miệng hé hạt na nhòa bến vắng
Cổ tay tròn đẫn mía gie

Không
Bầu mẹ không tròn
Bưởi Chị không hoa

Đã hết năm tu hú gọi rừng già
Đã sang mùa
tu hú ngủ rừng xa

Hai câu cuối cùng, thơ là thơ biết hát. Trong đoạn vừa trích, thơ biết im lặng sáu lần và hát lên hai lần. Còn thở, thơ thở hắt ra ba lần, thở kiểu máu nhồi cơ tim một lần. Mời bạn tìm, xem sao.

Điều tôi thực sự muốn nói bằng cách nói trên : *Thơ hay* là Thơ có tác động sinh lý lên người đọc qua nhịp thở và nhịp tim. Chính tác động đó ảnh hưởng đến tâm lý, tạo ra cái đa dạng của thất tình : buồn, vui, bâng khuâng, bực dọc, phẫn nộ... Đã nói đến nhịp, là nói về nhạc. Thơ hay không phải chỉ một câu hay. Thơ hay, không phải một chữ hay. Trò kén chữ cho khéo là trò kén chồng, kén để làm lễ cưới cho có pháo nổ và họ hàng hai bên cười cợt, xong lễ thì ém nhẹm đi cuộc sống lứa đôi dẫu ổn thỏa hay không ổn thỏa. Thơ hay là thơ nhìn dưới góc độ một tổng thể. Tác động câu chữ là tác động trên trí tuệ. Thêm một mức, một mức cao hơn mới tới tâm cảm, hệ quả của tác động trên nhịp thở - nhịp tim, yếu tố sinh lý gây lên thất tình. *Thơ hay chính nó là Nhạc.* Và thường thường, chúng ta đơn giản hóa Nhạc vào vần, vào điệu. Nhưng vần thì thật ra thừa, và điệu, rất sáo mòn, nhất là vần điệu của lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn (nhưng nói thế, không phải bảo rằng Thơ hay không có thơ lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn). Thơ anh ra ngoài thể loại vần điệu đó. Thơ anh mang âm vận của Từ đời Tống và những bài Phú thời Nguyên - Minh, tự do hơn, phóng khoáng hơn, nhưng là thơ Việt Nam vì mang mang tính cách Quan họ đặc biệt đất Bắc Ninh. Thơ anh có Mẹ, có Chị. Những «Bầu Mẹ không tròn, bưởi Chị không hoa». Cũng vì vậy nên thơ anh là thơ của Lỡ làng. «Chị lỡ xe hồng. Mẹ đi lấy chồng, cỗ cưới chênh vênh khoai luộc...». Sự lỡ làng chỉ đổi lại bằng khoai, «mật vàng mọng rách vỏ nâu non». Vỏ khoai có khác ai hơn là Em, tâm hồn tả tơi làm thơ khóc những lỡ làng ?

5

Năm 1982 là một năm đầy oan trái nghiệp nghiệt. Ngẫm lại, hình như những vết chém phi lý và vô nghĩa, những vết chém không làm sao tìm được căn do, đều chọn được loại nạn nhân riêng của nó. Cả anh lẫn tôi đều nằm ọp bốn năm liền nhấm nháp cái vị tanh của máu ứa ra từ những vết chém đó. Anh chịu cả phần xác lẫn phần hồn trong lao ngục. Phần tôi, tôi chịu phần hồn trong một nhà tù không cần cửa sắt chấn song.

Sau Tết năm Nhâm Tuất, tôi rời Sài Gòn sang Paris, ở nhà Tạ Trọng Hiệp vùng Gentilly. Nhà bị kẻ gian cậy cửa. Xe để dưới đường bị đánh cắp. Ngày đêm, tôi cứ phải trông chừng Hiệp đang bị đại nạn tình với T, nói đến cái chết rồi khóc, và dự trữ rất nhiều thuốc ngủ. Đến tháng sáu, tôi lại về Hà Nội sau khi dặn dò Hiệp là chớ chết dại. Chết dại là chết vì tình, chết khôn là chết với tình. Lời dặn đó ngây ngô : làm gì có chết khôn hay chết dại. Chết là hết, thế thôi.

Lần về này, tôi gần như tuyệt vọng : thế quyền đã «co cụm» lại sau Đại Hội IV, vẫn khăng khăng một thứ giáo điều lưỡi gỗ, ngược hẳn lại với những điều tôi đã trình bày về phương thức dùng qui luật thị trường nhằm ổn định kinh tế Việt Nam trong một đề nghị chuyên ngành với cấp cao nhất có thẩm quyền. Chống lại niềm tuyệt vọng, thấy ánh đèn là tôi lao vào, cứ như loài thiêu thân. Dễ nhất lại là lao vào tình yêu. Hay bất cứ gì đồng dạng với tình yêu. Anh cho tôi một món quà mừng cái tình yêu đó : tập thơ *Về Kinh Bắc* anh hì hục chép tay trên một quyển vở học trò. Tôi vào Sài Gòn trước khi bay sang Pháp. Một người bạn vào báo anh vừa bị công an giữ để điều tra. Tập thơ *Về Kinh Bắc* tôi trao cho những người trong nước giữ lại, không mang theo khi đi, tránh không để ai kết tội anh chuyển thơ «chống đối» ra nước ngoài. Thật ra, *Về Kinh Bắc* chẳng chống đối gì cả : nhà xuất bản Văn Học đã in nó năm 1994. Còn bắt anh, họ bắt vì lý do gì rồi giam cầm anh một thời gian khá dài ? Bán rượu ? Hút thuốc phiện ? «Hủ hóa» Việt Kiều ? Trên Métro từ Luxembourg đến Place Italie, tôi giở tờ Le Monde đọc. Báo loan tin anh bị tù. Hôm ấy, tôi đọc rồi nước mắt ứa ra. Cứ thế, tôi khóc. Kẻ đi qua thản nhiên hay chỉ khẽ nhăn mặt. Duy có một người da đen đến chìa cho tôi mẩu thuốc lá hút dở, và nói «Bonne chance !»

Bonne chance. Năm ấy, tôi chẳng có một thứ may mắn nào cả. Về đến chốn ngụ cư, tôi tất bật lo việc «bảo lãnh gia đình». Tôi xin giấy nhập cảnh Việt Nam. Lần này là cấm. Lý do ? Không ai cho tôi biết. Đơn xin, không bao giờ có phép. Cấm như thế sáu năm liền.

Gia đình tôi qua. Thế là đi vay, làm một quán ăn. Tất cả mười hai nhân mạng, lấy gì mà sống. Thực tế sống ở nước ngoài khác hẳn với sự mơ mộng của thành phần tương đối «dư dả» thời xưa ở Sài Gòn. Các cô em nhăn mặt, qua đây mà phải đi hầu người ta trong quán ăn thì thà ở Việt Nam còn hơn. Vài năm sau, các cô ấy đều ăn nên làm ra với dịch vụ quán ăn. Nhưng lúc đó, các cô em tôi thì thào cho tôi nghe thấy «...qua đây bị tư bản bóc lột lao động ...» và gọi tôi là ông giám đốc. Giám đốc đấy, nhưng lắm bữa trưa, tôi không có tiền ăn đến độ phải nhịn đói. Rồi sau đó, tôi phải ra tòa vì đã ký giấy bảo lãnh mà không cung ứng tiền chi tiêu cho đủ. Người trưởng thượng đâm đơn kiện lại là người ruột thịt: «Anh mang gia đình qua là *cứu* (sic) cả gia đình. Nhưng tôi, tôi bây giờ phải bảo vệ (sic) nó». Bảo vệ thế nào ? Cô em dâu đến đề nghị cho một món tiền cỡ ba chục ngàn đô thì xí xóa giấy bảo lãnh. Cậu em thì bảo cứ đưa cho cậu ấy quản lý toàn bộ quán ăn, tôi không được can dự, nhưng dĩ nhiên nợ nần vốn liếng thì cứ vẫn tôi thôi (!). A, thì ra thế! Tôi ở vào thế kẹt. Kẹt đủ điều: tôi không thời gian vì còn nghiệp vụ chuyên môn, chẳng một ai để tin tưởng phó thác, đầu óc căng cứng khủng hoảng. Kẹt cho nên phải chẹt. Chẹt mọi mặt, mang ra tòa gây áp lực chỉ là một phương án. Nhưng ông tòa xét thấy tôi nợ đầy đầu, đến điện thoại cũng bị cúp vì không có tiền trả, nên tha cho. Ngoài ra, nghiệp vụ chuyên môn bị xao lãng vì nào là chuyện quán ăn, nào là chuyện kiện tụng tòa án, đồng nghiệp tôi «điều đình» để tôi tự ý xin thôi việc. Lại nữa, người vợ mới cưới qua Paris, kẹt lại vì lao phổi. Thế là phải gửi gấm. Rồi bạn phản. Tình phụ. Chỉ một năm, bằng ấy cái họa. Mất nhà, mất nước, mất tình, nghề nghiệp bị đe dọa. Quán ăn phải thuê người làm, bị ăn cắp hết vì không lấy ai ra để trông coi. Lại nợ. Nợ chồng nợ chất. Nhưng ghê rợn hơn hết là sự trống rỗng.

Chính sự trống rỗng đó đã đưa tôi đến cạnh cái chết lúc ấy tôi đồng hóa với giải thoát. Tôi thức hàng đêm, nhìn ra ngoài trời tuyết trắng mênh mông, đầu óc tê điếng, vô cảm, và chỉ thấy trùng trùng băng giá, không yêu không ghét không hờn không giận. Chỉ trống rỗng. Cái trống tếch trống toác của thế gian không có một chút tình người. Tôi là tên tù nhân của cái ngục trống khủng khiếp không có cửa sắt chấn song. Lẽ sống lúc đó nhẹ tênh tênh, vậy thì tự do mà làm gì. Tôi nhịn đói hàng tuần, không thấy cần ăn, uống nước lạnh thôi là đủ. Sống chết lúc đó ở ngoài tôi. Soi gương, «kìa ai đó - tôi lạnh nhạt- chớ có phải tôi đâu». Cho đến một hôm. Vâng, hôm đó người bạn gái gốc Chilê, kẻ đã dịch một đoạn thơ tôi ra tiếng Tây Ban Nha gửi đăng trong một tờ báo phe tả ở Salvador, đến nhà tôi với một bông hồng.

Nhìn tôi, nàng nói «*Không nhà thơ nào có thể chết được !*» và cười rất tươi.

Nghe nàng nói, không hiểu sao tôi lại nghĩ ngay đến anh. Lúc đó, anh vẫn còn nằm trong tù ngục. Anh là nhà thơ. Anh không thể chết được. Còn tôi, câu nói của Cecilia đẩy tôi ra khỏi một cuộc tuần du đầy ác mộng. Tôi phải sống.

6

Có sống mới về thăm anh được. Năm 1988, giải tỏa lệnh cấm. Dĩ nhiên, Đại Hội VI đã Đổi Mới Tư Duy, và thấp thoáng một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy thì những đề nghị ngày xưa của tôi đâu là tội. Tôi, con gà gáy trước khi trời sáng, chỉ là thứ gà non, gà ngoại, gà lai giống, gà vừa đạp vỡ vỏ trứng đã vội khập khiễng đi tìm rạng đông.

Tôi men ngách vào nhà anh, số 43 Lý Quốc Sư. Nhà vẫn vậy, nhưng quán rượu thì dẹp rồi. Cháu nội gọi ông, anh từ gác xép leo xuống. Anh đây. Anh gày gò, tóc bạc gần hết đầu, mắt trũng sâu, răng cửa đã khuyết một cái. Anh ngẩn ngơ nhìn. Tôi ôm lấy anh. Chúng tôi ngồi nhìn nhau. Giữa chúng tôi là bốn năm tù của anh. Tôi nói «... có điều gì khúc mắc anh cứ hỏi». Anh bảo «... giá em về trước hai năm thì anh em mình chẳng được thế này đâu». Tôi im lặng. Trong tù đầy, hỏi cung, quay quắt ra biết bao nhiêu thêu dệt thực hư. Tôi hỏi «Tập thơ anh chép cho em, anh đã lấy lại rồi chứ ?». Anh cười, cái cười đau xót. Đó là cái lấy lại được, nhưng vừa ra khỏi tù thì anh mất ngay chị, rồi liền sau đó anh mất con gái anh, cũng tên là Yến. Nước mắt ứa ra, anh kể :

«... đêm hôm đó, anh đang chập chờn ngủ, sao lại ở đâu có một con bướm vàng bay vào lảng vảng quanh màn. Mở cửa màn, con bướm chui vào. Anh linh cảm, anh biết, anh khấn. Bướm bay rồi đậu lên bàn thờ. Anh lại khấn «Yến ơi, con ơi, con về đấy à, khổ thân con». Bướm từ bàn thờ bay xuống quấn quít bên anh như không nỡ rời dẫu âm dương cách trở».

Nắm tay anh, tôi không muốn để anh mất mát thêm bất cứ gì. Sau, tặng tôi tập thơ Men Đá Vàng, anh viết «...để cùng nhớ những

năm tháng đầy oan nghiệp nhưng cũng đầy hạnh phúc». Đấy, cặp bài trùng oan nghiệp - hạnh phúc. Và hạnh phúc của nhà thơ lúc nào cũng là một điều thật bí ẩn. Bí ẩn như ngôi sao trên kia long lanh sáng, nhưng xa lơ xa lắc, kẻ bình thường như tôi có giơ tay lên với cũng không nắm bắt được.

Có một người Anh như anh, là một niềm hạnh phúc. Anh nghiêm mặt bảo «...cái vốn từ của cậu chưa đủ. Phải đọc đi đọc lại truyện Kiều. Rồi đọc cô tổ Xuân Hương...» Tôi cãi, chữ cho đơn giản chứ bí hiểm quá, sang quá, hay điển tích quá thì đều là «quá tải». Hôm ấy có cả Trần Dần và Lê Đạt. Anh Đạt khéo kết chữ cũ cho ra mới. Còn anh Dần, anh đi tìm chữ mới, đang thử nghiệm loại thơ cực ngắn, đôi khi chỉ đúng hai chữ. Anh quay hỏi «...nó nói thế, chúng mày nghĩ thế nào ?» Anh Đạt lý giải. Còn anh Dần, anh nhìn tôi chằm chằm, buông gọn, cũng cực ngắn, «cứ làm !».

Cãi thế, nhưng tôi về tôi nghĩ. Tôi đọc đi đọc lại Truyện Kiều. Tôi đọc đi đọc lại thơ Xuân Hương. Tôi học chữ Hán để đọc cả Bắc Hành Thi Tập. Rồi tôi dịch lại hai trăm bài thơ Đường mà khi chuyển sang tiếng Việt, những người đi trước tôi lại dùng thể lục bát. Rồi tôi dịch lại cả Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn cho sát lối Tập Cổ, tránh kiểu song thất lục bát của bà Điểm. Đấy, chỉ một câu anh nó thôi mà khi hiểu ra tôi đã đổ mồ hôi như vậy. Chuyện này, tôi chỉ mới nói thoáng cho anh nghe. Nay nói lại, một cách gửi lời cảm tạ anh. Quả là vốn từ của tôi nay có hơn xưa. Song có ân ái được với nàng Thơ hay không lại là một chuyện khác.

Hợp rồi tan. Tôi lại phải ra đi. Cứ mỗi lần như thế, anh nhắn nhe «...lại anh thêm dăm phút». Lúc tôi về, anh lại đạp xe đạp theo đến khách sạn. Và khi chia tay, anh ôm tôi, anh hôn, anh khóc. Tôi nhìn theo anh trong bóng đêm. Mái tóc anh trắng bồng bềnh lồng lộng gió ven hồ Hoàn Kiếm. Bóng anh mãi cũng xa dần rồi mất tăm. Lúc ấy tôi cũng khóc.

Chúng tôi là những kẻ mau nước mắt.

7

Nhưng cũng có một thời những giọt nước mắt chảy vào trong. Và rồi một thời khóc - cười là một. Hè năm 1990, bước vào Nội Bài thì

người ta đã hờm sẵn. «Xin mời ông qua bên này !». Vâng. Cuối cùng, «Ông hiểu cho. Ông không có phép nhập cảnh !». Tôi hỏi «... thị thực nhập cảnh đây. Giấy mời đây. Chắc là lầm lẫn gì đó...». «Vậy ông đợi, chúng tôi điện vào Hà Nội». Trưa hừng hực nắng. Chiếc quạt máy vừa quay vù vù, vừa lắc đầu qua lắc đầu lại. Nhìn ra sân phi trường, chiếc máy bay Air-Thai vẫn nằm lì ở đó. Một tiếng đồng hồ qua. Rồi hai tiếng. Hai vị công an cấp tá lại ra. Các vị bắt chiếc cái quạt máy lắc đầu «... Lệnh trên không cho phép. Ông thông cảm...». Tôi nói «...cứ để tôi ở khách sạn của phi trường. Hôm nay là ngày nghỉ. Đợi đến thứ hai, ngày làm việc, tôi xin điện vào hỏi kỹ...». Lại tiếp «... vậy, ông đợi...». Một lát sau «... Lệnh trên không cho !». Chiếc máy bay Air-Thai không được phép cất cánh vẫn đó. Tôi hỏi «Lệnh trên là trên thế nào ?». Đáp «...trên là cao lắm, chúng tôi chỉ thừa hành». Tôi cũng biết vậy, lắc đầu.

Tôi bước lên máy bay, được hai vị cấp tá xách hộ va-li đi hai bên. Cô chiêu đãi viên hàng không Thái hai tay chắp, cúi đầu reo như thông lệ «Welcome to Air -Thai !», rồi đưa lên ghim một bông lan vào áo tôi. Cô kịp nhìn ra bông lan cô gài cho tôi khi tôi sáng nay rời Bangkok bay đi Hà Nội vẫn còn đó. Cô ngại ngần, ánh mắt tối đi một thoáng, nói nhỏ «I am sorry !»

Đến Bangkok, tôi phải đợi máy bay. Tôi quyết định ra bãi biển nằm, tránh cái hừng hực hè và mùi xăng dầu sùng sục xông vào mũi. Lúc đó, tôi thừa thời giờ để tìm nguyên do cái việc thô bạo kia ở Nội Bài. Phải, thời gian đó là chưa chẵn một năm từ khi bức tường Bá Linh xụp đổ. Và chỉ vài tháng sau những tiếng hò trên quảng trường Thiên An Môn. Rồi đám Việt Kiều ngây thơ chúng tôi lại ký Tâm Thư này nọ (mặc dầu riêng tôi, tôi không ký vì lý do Tâm Thư chưa đủ tính triệt để đáp ứng với thời cuộc lúc bấy giờ). Rõ ghét. Và tôi, cái con gà non ngông nghênh chưa sáng đã gáy, cho vào là lại tổ bực mình rách việc !

Vâng, tôi nghĩ là chỉ có thế. Lúc ấy, khóc - cười thành một. Tôi không còn hờn oán gì nữa, chỉ thấy tội nghiệp cho quyền lực.

Những cánh phượng vĩ vẫn đỏ rực dưới nắng vàng óng ánh mật ong. Đỏ như phượng vĩ Hà Nội. Biển vẫn xanh và sóng vẫn rì rào. Xanh như biển Việt Nam, quê hương tôi. Và rì rào như đòi quyền sống. Tôi thanh thản nhìn trời, nhìn nước. Bấy giờ, rõ ràng quê hương đích

thực chính là lương tâm. Và mảnh đất lưu đày nào cũng là những mảnh đất không tôn trọng nhân phẩm và quyền con người. Thôi, từ biệt nhé, ảo vọng về trí tuệ và lòng thành tín trong guồng quay của thế quyền. Từ biệt nhé, giấc mơ nóng vội đổi đời. Tôi viết một bức thư dài gửi cho cái trục chính của guồng quay gọi là bộ Chính Trị, khẳng định tôi tin rằng dân chủ là tất yếu, và làn gió ấy sẽ rồi thổi đến quê hương tôi như điều không khiên cưỡng được.

Ngửng mặt nhìn những cụm mây trắng thong dong, tôi biết tôi là một người có tự do. Vấn đề đặt ra : tôi làm gì với sự tự do đó. Tôi, một người may mắn, không thể vô trách nhiệm.

8

Là một người có tự do, tôi lại càng hiểu thế nào là tù ngục. Những năm anh tù tội nằm trong trại giam lại ám ảnh tôi. Anh tội gì ? Ai có quyền cướp sống dăm ba năm một đời người ? Nhân danh ai, nhân danh gì ? Và hẳn anh rồi không có tội nên anh mới được phục hồi «hội tịch» vào năm 89 !

Phục hồi, chắc cũng trả cho tí tiền. Liệu tiền đó có đổi được những đêm dài lắng nghe muỗi vo ve, tiếng chuyện trò duy nhất với những tội nhân. Riêng anh, loại tội nhân có cái tội là chót làm nhà thơ. Và tội to hơn, thơ lại là thơ hay. Nhưng hình như có ai nói dân tộc ta toàn là những nhà thơ. Đó là một điều đáng hãnh diện. Đồng thời đó cũng là một điều bất hạnh trong cái cặp biện chứng oan nghiệt - hạnh phúc.

Thôi im đi, tiếng hát ngọng nghịu của thứ gió định mệnh khắc nghiệt sụp về đánh úp hạnh phúc. Thôi im đi, những lạc quan đen, những cú phất cờ hô khẩu hiệu, hoan hô và đả đảo. Hãy trả cho chúng tôi những cái tay bắt chân thành, những cốc rượu của tình bạn, những cuộc đoàn viên có tiếng cười, những phi vụ vui chơi lương thiện... Tôi bị cấm về, chỉ thỉnh thoảng nghe tin anh qua bè bạn, là ông ấy năm nọ ốm đã tưởng *đi*, ông ấy khỏe lại yêu, yêu PQ, yêu B.Ng, Yêu ĐĐ..., yêu vân vân và vân vân. Tôi mừng, ông ấy vẫn đó. Cho đến 1998 tôi mới lại đặt chân trở lại Hà Nội. Lần này về, về cho bè bạn. Và đi kèm có cháu Việt, con trai lớn của tôi.

Lại men cái ngách 43 Lý Quốc Sư. Ngách vẫn thế nhưng nhà

anh nay khác, lên ba tầng, trước nhà vẫn còn một đống cát, xi-măng, và dăm ba chiếc xẻng. Bây giờ, không ai réo tên nhau. Phải bấm chuông. Tôi hồi hộp. Cửa mở. Anh thò đầu nhìn, mắt nhắm mắt mở. Tóc anh xù ra bạc trắng màu mây. Anh còm xuống. Răng thật rụng hết, nay chỉ có răng giả. Anh cười. Ở một cái tuổi nào đấy, cười làm sao thì cũng như hơi mếu máo. Anh ngồi xuống ghế salon bọc simili-cuir. Bàn kính. Nhà lát gạch hoa. Thế thì đâu rồi những chiếc ghế đẩu nằm soài ra trên nền đất nện ? Thế thì đâu rồi cái điếu cày, dăm chiếc đóm, chai rượu mơ và ngọn đèn hoa kỳ bấc vặn thật thấp li ti đốm cháy ? Tôi xin anh, thôi lên chỗ anh ở, chứ ngồi salon làm gì. Leo gác hai, anh đẩy cửa. Một cái giường đơn. Trên sàn, trải chiếu, khay nước nằm tênh cạnh ngọn đèn hoa kỳ. Và chiếc điếu với dăm vê thuốc lào. Rồi dăm chiếc đóm. Tôi ngồi sụp xuống đất. Tôi bắt đầu nhận ra anh. Anh cười. Bấy giờ, cái cười mới hết mếu máo.

Lần sau đến, tôi kể cho anh nghe ý định viết một vở kịch về quan họ. Lần ấy, có TK, rất duyên và cực xông xáo vui chơi. TK hẹn sẽ cùng nhau đi Bắc Ninh làm một chầu quan họ, dọa là «các em» bên đó «tình» lắm. Còn phần tổ chức «hành quân», TK la «...cứ để tôi». Về, tôi hẹn đến đưa anh đi ăn cơm trưa với Việt ngày mai. Khi bố con tôi đến thì người nhà anh bảo anh ốm lắm. Chúng tôi lại leo gác hai. Trong phòng, anh co quắp trên chiếc chiếu giải trên sàn, mình đắp chăn. Tôi cúi xuống nhìn. Mắt anh nửa khép nửa mở, trắng đục, vô hồn. Anh không nhận ra tôi.

Anh phải vào viện. Năm ngày sau, bố con tôi đến thăm anh trong nhà thương. Anh bị xưng phổi sau cái chuyến đi «trình diễn» thơ ở Thái Bình thì phải. Mỗi chuyến đi thế, cũng được thù lao một hai triệu, nghĩa là một, hai trăm đô Mỹ. Lộc thơ chỉ có thế, và phải chờ những ngày cuối năm. Chúng tôi đến thì đã có dăm ba phóng viên những tờ nhật báo của Hà Nội. Anh lại khều tôi, miệng cười rất tươi, chỉ một chị phóng viên ước độ trên dưới ba mươi, và hỏi «...trông được chứ nhỉ !». Rồi anh víu vai cháu Việt, nói bằng tiếng Pháp, «Bác về là sẽ hỏi cô ta làm vợ». Ngớ ra, Việt không hiểu nhìn tôi dò hỏi. Anh tiếp tục, rất chân thành, «Mais oui, je vais lui demander sa main... c 'est sur». Sau, con tôi cứ cười, bảo «...quả bác ấy là nhà thơ. Un poète-fou !»

Đúng đấy Việt ạ. Có nhà thơ nào không điên ? Tôi lại nhớ lời ra tiếng vào của một người bạn, bàn «Ông ấy nỡm lắm. Già thế mà

lên tivi cứ nói tình yêu này, tình yêu kia... Nghe ngượng đỏ cả mặt !». Thưa anh bạn đứng đắn, anh Cầm thế, vì anh ấy sống phút nào là chong mắt tìm một cốt đồng để nhập vào, hy vọng thêm một lần ân ái với nàng Thơ. Nõm ư ? Nhưng ngẫm kỹ mà xem, cứ giả thử như chúng ta có tất cả nhưng không còn yêu thương được nữa, giả thử như trái đất này đánh rơi vào cái rọ đen - black hole - tất cả tình yêu và đam mê. Chúng ta có tất cả đấy, nhưng lại không còn gì ngoài cái hành trình của những người không tim trong thiên hà mênh mang kia. Anh bạn đứng đắn ơi, trong hành trình đó anh cứ đi một mình. Chúng tôi xin ở lại.

Tôi đến chào anh một lần cuối trước khi bay vào Đà Nẵng. Lần ấy, chúng tôi tẩn mẩn đếm sổ văn hóa xem có ai và đã làm được những gì suốt ba mươi năm qua trong nền Thơ - Văn của chúng ta. Lần ấy là lần anh kêu «... thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi !». Có lẽ. Huy Cận của *Lửa Thiêng*, trước khi làm quan thì cũng chỉ được dăm ba bài. Làm thơ, không thể làm quan. Không thể làm giàu. Làm quan làm giàu rồi, thơ chết. Nàng Thơ không ưa công đường. Không thích nhà cao cửa rộng, người hầu kẻ hạ. Và nàng chúa ghét những kẻ nói khéo, nói láo, nói dai, nói ngoa, nói nhiều và nhất là loại nói-không-ai-nghe. Nàng hay ghen. Yêu, thì Nàng phải là Cứu Cánh, là vợ cả. Không bao giờ Nàng chịu làm lẽ cho phương tiện danh lợi và quyền lực. Và ân ái với Nàng, bạn chớ chơi trò chơi «kiểu». Kiểu hiện sinh, hiện thực, hiện đại hay thậm chí hậu hiện đại theo chữ nghĩa thời thượng. Trong 36 kiểu, xin hãy làm tình theo cách tự nhiên phát sinh từ bản năng mình. Với Nàng là chỉ có Thơ. Thế thôi.

Đếm, đếm đi đếm lại. Cuốn sổ văn hóa mỏng dần. Mỏng làm cho bật máu và chảy nước mắt. Tôi thấy dẫu anh bảo anh có lấy quá nhiều của thiên hạ, anh còn phải lấy nữa. Ngoài dăm ba vì sao lấp lánh, văn hóa của chúng ta mười năm trở lại đây lại hụt hẫng vào cái rọ đen - cái black hole - ghê rợn kia trong một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu phải hô khẩu hiệu, tôi đả đảo cả hai, chỉ hoan hô một mình nàng Thơ.

9

Bây giờ, trên đầu hai thứ tóc nên tôi rất sợ hô khẩu hiệu. Chẳng hạn loại khẩu hiệu như «... tất cả cho mai sau», hoặc «Tự do hay

là chết». Bây giờ, trên đầu hai thứ tóc, tôi rất do dự khi đụng vào cái chết. Tôi linh cảm rằng sự sống quí hơn tất cả. Nó đèo bồng trên lưng tự do. Và càng tự do thì gánh nặng càng nhiều. Cái gánh nặng đó nằm trong câu hỏi là ta làm gì và sống ra sao với cái tự do đó. Cho những người theo đòi nghiên bút, làm gì là viết gì. Sống ra sao đồng nghĩa với ý thức trách nhiệm thế nào với người và với mình.

Ngày bức tường Bá Linh sụp đổ, có người bạn gửi cho tôi một cục đá nhỏ. Anh viết kèm «... kể từ nay, tự do không còn là một cụm từ trong thứ ngôn ngữ chết. Con người biết tự mình cởi ra những sợi dây trói buộc, kể cả đám lính kín, công an. Chúng ta có quyền hy vọng...». Anh ta kể ra hoài bão thực hiện một bộ tiểu thuyết về bức tường mà không còn sợ hãi gì nữa. Mười năm qua, anh vẫn chưa viết gì được. Tôi hỏi, anh đáp hai trăm trang đã viết là viết trước ngày bức tường sụp đổ. Từ đó, anh chịu. Tự do đấy, nhưng anh chỉ thêm được vài trang. Còn hai trăm trang kia, anh đã lặng lẽ viết trong nỗi lo âu. Lo và sợ. Đến độ vợ con anh cũng không hay biết. Tôi lại hỏi, tại sao, tại sao thế. Anh buồn bã trả lời «...ngày trước, tôi viết chống một cái gì để cho một cái gì khác chưa có. Nó thật rõ ràng. Bây giờ ư ? Cái gì đó chưa có đã thành ra có, nhưng có đấy mà lại mù mờ nên tôi không còn định hướng viết *cho* cái gì được nữa. Có nhà xuất bản bảo tôi, hãy viết để giải trí cho công chúng người đọc thôi, vừa dễ viết, vừa dễ bán. Viết hay sẽ dịch ra tiếng Anh, có cả thị trường toàn thế giới. Tôi đã thử, nhưng rồi xấu hổ đem đốt cả đi. Tôi không muốn là một nhà văn vô trách nhiệm...».

Nhưng trách nhiệm đó là gì ? Có lẽ với anh là ca ngợi Tình Yêu chăng ? Chỉ năm ngoái tôi mới được anh cho tập thơ *Về Kinh Bắc*, tập cuối cùng anh giữ lại. Sách in lem nhem, bìa photocopy đen trắng trên nền xanh lơ, mặc dầu để là nhà xuất bản Văn học in năm 1994. Tôi cầm cuốn sách, lòng ngậm ngùi. Những vần thơ mượt mà nhất trong thơ Việt Nam thế kỷ hai mươi bị tình phụ trong nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Nhưng đó là những vần thơ tình rất đẹp. Tình yêu Kinh Bắc. Bắt đầu bằng năm đêm, trong ngũ hành. Rồi anh đi liền bảy nhịp, trong một cuộc tuần du có Mẹ, có Chị và Lỡ Làng. Lỡ làng, bến tình không người đợi. Lỡ làng, mắt mỹ nhân khép đến thiên thu. Lỡ làng, những mảng hoa bèo ao cá quẫy. Lỡ làng, *xin Chị một quả ương*, Chị lại dối *quả ương chim khoét thủng* dẫu chẳng con chim nào lại chọn

quả ương. Lỡ làng, *cúi nhặt chiều mưa dăm quả rụng...* Lỡ làng, *quan đốc đồng áo đen nẹp đỏ, thả tịnh vàng cưới Chị võng mây trôi.* Lỡ làng, *em đứng nhìn theo em gọi đôi.* Lỡ làng, đứa con anh thai nghén sau những đêm ân ái với nàng Thơ. Lỡ làng, cơn đau của con tằm rút ruột nhả tơ. Lỡ làng, là đời anh. Bởi anh biết yêu. Biết yêu là yêu đến cuồng dại, tôi viết tặng anh :

«Hờ hững buốt căm, bờ sóng lụy
cuồng si thiêu rụi bến đa tình,
Ba ngả sông về người bơi đứng
Cợt đám hoa bèo dạt đến quanh..»

Để kết một cuốn sách đọc lâu rồi nên tôi đã quên tên, Albert Breton - một cột sống trong phái siêu thực - viết «Je vous souhaite d' être follement aimée.» (Xin chúc bạn *được* yêu đến cuồng dại). Được yêu thôi ư ? Cũng tạm. Nhưng tôi, tôi chúc anh khác, chúc anh hơn vậy nhiều. Tôi chúc anh yêu đến cuồng dại. Tôi cũng chúc tôi yêu, với chữ Yêu cùng một lúc hiểu như danh từ, trạng từ và nhất là như động từ. Vâng, yêu có bao giờ lại là tĩnh từ. Nhất quyết là phải thế chứ. Vì Yêu là trách nhiệm cứu rỗi của những *con chữ* có *nghĩa*. Những con chữ *đẹp*. Những con chữ có *đời sống*. Muốn đẻ ra chúng, thì có hề chi những cơn đau trở dạ. Thì có hề chi những lỡ làng.

Tôi nhớ đã hỏi anh Hoàng Cầm, tại sao là Hoàng Cầm, và Hoàng Cầm có nghĩa gì ? Anh cười, có chút gì như là chua xót, *«Hoàng Cầm là tên một vị thuốc đắng... Tên nó vận vào người».*

Hoàng cầm còn vận vào thành một vị thơ. Vị của những vần thơ sang nhất, đẹp nhất, nhưng cũng xót xa nhất của dòng thơ Việt Nam ở thế kỷ 20. Cơn mây mưa giữa nàng Thơ và Anh đã sinh hạ ra Lỡ Làng, dấu vết cặp oan nghiệp -hạnh phúc như vết chân con rắn và trái táo cắn dở của Eva. Nhưng hề chi, có hề chi.

Viết đến dòng này, đếm ra còn đúng bốn ngày nữa là chúng ta cùng bước qua ngưỡng cửa thế kỷ 21. Tôi lại chúc, anh Cầm, chúc anh yêu đến cuồng dại cả thiên niên thứ ba này, anh nhé.

NAM DAO
Quebec 27-12-1999



NGU YÊN

Màu chấp nhận

Nghĩ
Chiều xám nhạt
Bóng bạn ngã gánh núi
Đòn chân trời khát chim kêu
Mây ngẫu dạng quan tài
Thấm ngược vũ trụ không
Bạn thấm chiều xám đậm
Kêu khát

Cầu thượng đế là giai nhân
Đời sau hấp dẫn
Hạnh phúc nào vô tận không chán?
Cầm chắc chết
Cầm bằng vẫn nghi hoặc
Cầm lòng tự giết tìm
Bạn tan chiều hồn đen

Vọc xác thịt
Tiếc gì
Chẳng còn bao lâu
Ung rửa

Vọc hồn
Chán lương tâm
Người sẽ quá cố
Hỏi gì nhân?

Vọc miệng
Ai dùng răng cắn lưỡi
Môi quên cười?

Xám có phải
Màu chết lạc quan
Màu chấp nhận?

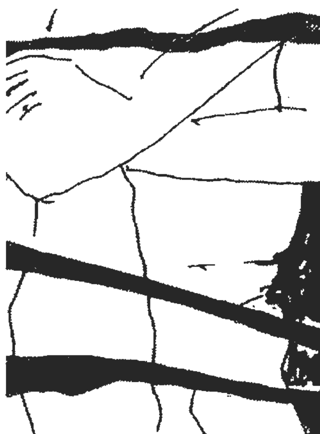
Vọc đời
Kinh quá tiêu tán làm người
Thiên hạ hâm mộ kịch trời
Vỗ tay.... vọng
Đóng màn đơn độc không nổi
Tôi dưới trời kéo trời không trời
Mãi đời xú uế cho nhau thơm

NGU YÊN
Houston 05.10.99



TRẦN THỊ NGH.

Tuyệt tác



Cắt bỏ cái đầu đi, tính từ cổ trở xuống, đó là một tuyệt tác. Mỗi khi nó mở miệng, tôi cố hình dung giọng nói phát ra từ khoảng trống ở trên, nơi cái đầu đã bị cắt bỏ hoặc đã bị xoá bằng thuốc rửa ảnh đặc biệt. Nó không xấu, có điều tất cả các chi tiết trên cái thủ cấp của nó đều không hợp ý tôi. Mí mắt mỏng chạy quanh ổ mắt bên trong chứa nhiều màu trắng hơn màu đen khiến ánh nhìn nó cạn vì sự tinh anh bị gom lại trong hai con ngươi nhỏ xíu. Mũi thẳng hơi chồm tới phía trước rồi đi xuống một chút ở chóp che khuất nhân trung mất nửa phân. Môi trên không đủ dày nhưng kéo nhằng ra chụp lên phân nửa môi dưới, chỉ khi cười mới thấy đẹp. Có cái gì trục trặc ở khung xương mặt và xương sọ. Lưỡng quyền hơi cao và màu da sạm làm nó trông có vẻ lỳ và ác. Phải chi nó để tóc mọc thêm bốn phân thay vì cho tông-đơ chạy ngược lên chấn cái cụp, những thứ kia sẽ được cân lại kể cả kích cỡ và độ đậm nhạt. Bởi vậy tôi luôn luôn cắt đầu nó khi đối diện.

Tuyệt tác nằm ở vai. Một bờ vai đàn ông chính hiệu, không phải để đàn bà ngã trái sầu cho rụng rơi lên đó mà để gánh bất cứ cái gì nặng và dày. Khi Chúa Giê-su vác thập tự, ngài quỵ, nhưng nó thì không. Ít ra vai áo XL năm mươi phân của nó cho tôi cảm tưởng vậy. Từ vai xuống gót chân hắn phải một mét rưỡi cộng thêm cổ và đầu vị chi một

mét bảy mươi tư. Tôi đứng chỉ nhỉnh ngang vai, khỏi mất công ngó tìm cái đầu. Hê-lô! Hê-lô! Thời tiết trên đó ra sao? Biển từ động đến động mạnh, chiều có mưa rào ở Trung Nam Bộ. Sức mấy biển động. Tôi động thì có. Từ ba tháng nay tôi nhớ nó, dù ngồi bên cạnh. Nhớ dáng đi tự tin của nó trong đám đông, hai bàn tay ngón thon nhưng không nho nhã, ánh nhìn hơi ngu và gần như dại đi khi hướng về phía tôi nhưng phần này thường bị xóa trước khi tôi kịp quan sát những chi tiết khác trên cái thủ cấp bất xứng.

Tuyệt tác cân nặng sáu mươi tám ký, vòng eo bảy mươi hai, trẻ hơn tôi hai chục tuổi. Khi tôi thành đàn bà thì nó hãy còn bú, ỉa đùn trong tả lót, mồm miệng chỉ có nướu mà không có răng. Chắc nó khóc thé lè phô cả lưỡi gà trong cuống họng trong khi những ngón tay thon bấu lại với nhau và đôi chân dài đạp
tung toé đến chỉ còn mắc tòn teng mỗi một chiếc vớ đan bằng chỉ cô-tông. Chắc lúc ấy nó trọc, vì bây giờ đã hơn ba mươi mà các vạt tóc vẫn có vẻ hơi mỏng. Khi tôi đã rày đây mai đó thì nó hãy còn bắn bi đánh đáo và thỉnh thoảng vạch cu đứng đái vô bờ rào nhà hàng xóm. Khi nó thành đàn ông thì tôi đã tà tà bóng ngả. Mặt trời chiều cân nặng ba mươi chín ký giác, cao một mét năm ba, ngực lép, thị lực kém, mất hai răng số bảy và số tám ở góc phải hàm dưới, tim co thắt ngậu xị dù chẳng có gì để xúc động. Một người đàn bà ngũ tuần độc thân sau khi đã thanh toán những ràng buộc.

Nó có đủ thứ. Cha mẹ anh chị em, hộ khẩu thành phố, chứng minh nhân dân, bằng cấp kiến trúc sư, nghề nghiệp ổn định, tài năng chớm nở, bản lĩnh đàn ông thời đại, điện thoại di động Nokia màu đỏ, giầy Italy số tám, vớ Tây Ban Nha, đồng hồ Titoni dây kim loại, hai cô bồ luân phiên cho những giờ rảnh. Vậy mà bây giờ nó trải qua với tôi trọn phần còn lại của những ngày làm việc chưa kể hai buổi tối cuối tuần và thỉnh thoảng ở lại đêm. Trong phòng tắm của tôi nay có thêm một bàn chải đánh răng hiệu Colgate màu xám tro.

Chúng tôi lê la khắp mọi góc nhà. Phòng khách, cái hốc dưới cầu thang được nó mắc thêm một ngọn đèn chụp bằng dây dừa buông thẳng xuống cái bàn thấp của bộ sa-lông mây bọc đệm màu nâu đất. Đó là nơi chúng tôi đã dứt chai Baron de Lestac 1996. Phòng đọc sách trên lầu nhìn ra ban-công hình chữ L có nhiều màu xanh lá cây, nơi chúng tôi xem chung những băng video chẳng ra gì, nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời từ công việc ở sở đến những dây mơ rễ má trong dòng họ của

mỗi phía; ở đó đêm cuối năm chúng tôi đã chơi luôn một Bordeaux Cruse 96, một Saint Michel 97 và một Cobemckoe. Nó khui rượu khéo, không thích tiếng kêu đánh bóc của nút chai vì tiếc bọt rượu trào. Ban-công trước phòng ngủ nơi chúng tôi kê bàn ra ngoài ăn tối để nghe gió lùa qua mấy nhánh lá mỏng của chậu cau kiểng và để cạn một chai Blossom Hill không nhân dịp gì cả. Phòng ngủ, nơi tôi nằm lả trên cái giường nệm một mét tư, và nó cuối xuống dỗ ráng nghỉ một lát đi; hay là pha dịu một tí Hennessy với nước nho YO nhé. *Đừng tự sát.*

Tôi thường gặp người lại đau khổ khi không có nó đi đứng nói cười trong nhà. Tôi rên như bị đau. Đêm, khi nó tự khóa cửa ra về, ném chìa khóa trở vô qua cửa sổ nghe đánh cách trên sàn gạch, cài cổng và rồ máy chiếc Giấc Mơ Hai cách nhà hai căn phố, tôi nằm trên phòng, rút hai đầu gối lên ngực rồi tôi rên. Tôi nhớ từng milimét trên người nó, dĩ nhiên chỉ ở những phần mà tôi nhìn thấy được. Những ngón tay thon, lòng bàn tay có những cục chai gồ lên chỗ cầm vợt, cổ tay lỏng le sợi dây đồng hồ kim loại, cánh tay kéo lên gần tới khuỷu rồi khuất mất dưới tay áo sơ-mi bốn mươi bảy phân xắn lửng, cổ, gáy và một chút ngực nó mở bỏ một khuy nút những hôm trời nóng. Hoàn toàn tôi không biết tuyệt tác có mùi gì.

Đó là tấm lịch để bàn nhỏ xíu gần như vuông vức 9x10 cm, có chủ đề Nụ Hôn mà tôi mua với giá 5000 lire trên đường Via Della Magliana ở Rome. Tháng giêng là một bức của Hayez. Bàn tay trái thiếu nữ mặc áo xanh ngọc bấu lấy đuôi tóc người đàn ông mặc áo choàng nâu đỏ đang cong người xuống hai mươi lăm độ kéo theo cái ưỡn ngực mềm oặt của thiếu nữ, hậu cảnh, một tường đá vàng tối. Tháng hai Ingres, một nụ hôn trộm. Francesca mặc áo đỏ ngồi thỏng hai tay cổ niểng nụ cười hân hoan mắt nhắm, Paolo quì một gối kiếm lủng lẳng bên hông môi cạ vào má trái tay phải vòng lấy cổ. Lấp ló sau bức màn sậm sì là một người đàn ông trong tư thế rút gươm. Rồi Klint. Trời ơi tháng ba Klint. Đắm đuối , mê mệt, loang lổ những vệt màuà Tuyệt tác lấy cắp của tôi tấm lịch đó từ kệ bàn viết.

Vào giữa tháng hai nó hôn tôi một nụ của tháng mười một. Hồải ỨÔc của Chagall. Đỏ ké một tảng màu hoặc đè lên hoặc len vô những vệt cọ đen phác sơ sịa người đàn ông và người đàn bà đang đối mặt. Chúng tôi nhìn nhau, dĩ nhiên tôi cắt đầu nó chỉ để nhận từ thinh không trên má phải một cảm giác nguồi nguội của đôi môi hình như chưa biết hôn. Tôi rửa mặt bằng Neutrogena, đánh răng rồi đi ngủ.



LÊ THÁNH THƯ

Đất triệt sản

Đất nẻ, lặng vườn hoang
ai về từ dạo đói
chiều quê đuối nắng
gió về mặt người xanh héo màu rau muống
đất nám cháo lòng
vắt cạn trong xương.

Đất già cả em
thương dáng quê nhúm lửa đền dầu
áo gầy
sấp ngửa trên đất nhà không hoa không trái
thương bàn chân rách dọc rách ngang
lầm lũi trên đất làng thèm xanh.

vác mặt về
cây cối bảo rằng:
- đất nhà nay triệt sản

LÊ THÁNH THƯ

Cuối tháng hai, một nụ của tháng mười Castruccio. Tôi không chờ Canova hay Rodin, những nụ hôn cẩm thạch muôn đời dừng lại trong tư thế. Tôi chờ Munch, La Morte e la Fanciulla. Cái chết mê hoặc tôi. Gam màu nâu, xương sọ vằn vện như bị nứt, hốc mắt tối thui. Hình như người đàn bà nâu nhạt đang đặt môi vào hốc mắt đen khuất bên kia, cánh tay trần quàng lên khung vai XL, đầu vú tròn áp vào xương ngực của thần chết. Tuyệt tác tháng 12.

TRẦN THỊ NGH.
Valentine 2000



ĐINH TRƯỜNG CHINH

Giao thừa

Tôi ngậm chữ bay qua đêm giao thừa
thoi thóp hơi thở cá.
Tôi trôi theo những buồm mây lạ
cực cùng cô độc.
Những con chữ
rơi cuối lãng lòng đêm
mù mù nhang khói

Rơi
...

Giấc mơ mọc lên từ một vĩ tuyến xa
Em dắt tôi chạy vào đêm cực mộng
Gió trắng bệch như trang giấy
Trên cánh đồng thơ không mùa chữ
Tôi đứng trống thênh một bóng người
cố hét vỡ ngực ngẽn
giữa mênh mông.
Đàn quạ bay qua cánh đồng thơ tôi
tìm một xác chết
tìm những khúc xương kí ức
gãy vụn.

Rơi
...

Giao thừạ
Em hiện về sau tàn khói
mang thai kí ức mười năm.
băng qua biển đêm.
Như đàn quạ đen
băng qua cánh đồng tội
Hỗn hển chờ.
Hồn một đêm rất trống.

ĐINH TRƯỜNG CHINH
2/2000



HOÀI MỸ

Thằng cu và ông họa sĩ già



-Ê !

Thằng Cu giật mình quay lại, nhớn nhác nhìn quanh. Không một ai ở chỗ nó đang chơi này. Thằng Cu nghĩ mình đã nghe lầm. Nhưng không, tiếng gọi lại vọng lên, dù nhỏ:

-Hê lô!

Sau ít giây ngơ ngác, thằng Cu chợt nhận ra một khuôn mặt - mờ mờ - đứng sau cửa kính của một căn nhà gần đấy. Nó không biết là ai. Một bàn tay giơ lên, vẫy vẫy. Do dự, nhưng rồi thằng Cu cũng tiến lại, rất dè dặt. Cửa kính hé mở đủ để thằng Cu thấy đó là một khuôn mặt của một người đàn ông Na Uy. Tóc bạc, bờm xờm. Râu cũng trắng, tua tủa. Đeo kính. Ông già! Nó không sợ, bởi đã quen nhiều người Na Uy lớn tuổi ở cùng chung cư với gia đình nó. Họ vẫn nhờ nó việc này, chuyện nọ. Mua dùm hộp sữa, ổ bánh mì. Bỏ hộ lá thư, vứt bịch rác. Chắc ông già này cũng có ý định như vậy mà thôi.

-Mày muốn vào không?

Thằng Cu gật đầu. Nó đang chẳng có ai để chơi và cũng không biết đi đâu. Ông già ra hiệu cho nó vòng ra phía sau nhà. Cửa mở, nó vào. Ông già thò đầu ra, ngó quanh, thật nhanh, như muốn đề phòng chuyện gì. Rất ít khi thằng Cu được vào hẳn trong nhà người Na Uy nên nó tò mò. Nhà ông già này có nhiều tranh ảnh quá. Tuy nhiên thằng Cu chẳng chú ý lắm đến những thứ đó, chỉ tỏ ra thích những hình tượng bằng gỗ.

-Mày tên gì?

-Cu.

Thằng Cu trả lời ông già nhưng mắt vẫn dán vào bức tượng con sư tử đang chồm hai chân lên trời.

-ỏKuõ ? Mày nhìn đẹp thế này (vừa nói ông già vừa đưa tay vuốt má thằng Cu) không lý ba má mày lại gọi mày là... *con bò ? (1)*

-Cháu không biết. Nhưng có lẽ không phải vậy đâu. Khi cháu còn bé, mẹ hay nói Cu là cái... để bố uống rượu. Mà đó chỉ là tên gọi thân mật thôi. Tên trong giấy tờ của cháu khác. Ở vườn trẻ các cô giáo vẫn gọi cháu bằng tên thật ấy mà.

-Tên gì?

-Phan.

Ông già phá lên cười. Thằng Cu tròn xoe mắt:

-Sao ông cười, có gì vui đâu?

Vừa tháo kính ra chùi nước mắt, ông già vừa xoa đầu nó, trả lời:

-Mày không hiểu nghĩa tên mày là gì à?

-Có chứ. Mẹ giải thích Phan là...lá cờ.

-Nhưng người Na Uy không chịu hiểu như thế. Họ nghĩ mày muốn chửi thề. *(2)*

Điều này thì thằng Cu chịu thua. Nó chưa được cô giáo nào ở vườn trẻ cắt nghĩa. Nó định mùa thu đi học, sẽ hỏi cô hay thầy giáo. Bây giờ nó thấy cần được biết những gì thực tế hơn:

-Ông ở đây một mình à?

-Mày có thấy ai khác nữa không mà còn hỏi?

-Thế ông làm nghề gì?

-Họa sĩ, nhưng tao... về hưu rồi.

-Họa sĩ là gì?

-Vẽ tranh. Những bức tranh này do tao vẽ. Tao còn nhiều tranh để ở dưới xưởng, tầng trệt. Nếu mày muốn, cứ chịu khó lại đây, tao hứa sẽ vẽ mày cho mày đem hình về treo ở nhà.

-Thật không?

-Tao nói danh dự. Bây giờ mày muốn ăn gì không? Bánh mì với mứt dâu, trái cây hay sô cô la...

-Sô cô la.

Ông già họa sĩ mở tủ lấy ra một hộp đầy những thỏi kẹo bọc giấy bạc đủ mầu. Ông cho thằng Cu tha hồ chọn. Nó chỉ lấy ba cục. Ông già chăm chú nhìn miệng thằng Cu trệu trạo nhai kẹo. Nó hít hà, khoái chí. Nước miếng nhiễu ra ở hai bên mép. Đôi mắt ông già dại đi sau làn kính như lúc ông ngắm nghía một bức họa vừa được hoàn tất. Ăn xong, thằng Cu xòe hai bàn tay trước mặt ông già, ý muốn hỏi giấy lau hay chỗ rửa. Ông

già hiểu, nhưng ông lại cúi xuống, lấy lưỡi liếm láp hết những vết kẹo trên từng ngón tay của nó. Thằng Cu vẫn thấy mẹ nó làm y như vậy trong những lần mẹ xúc bột cho em bé ăn. Nó không thắc mắc, lặng lẽ chùi tay còn nhớp nháp nước bọt của ông già vào quần.

Thằng Cu ở lại chơi với ông họa sĩ già một lúc lâu nữa mới chào ra về. Khi giúp nó mặc lại áo khoác, ông già cứ vuốt ve hai bên má bầu bĩnh của nó mãi. Thằng Cu nghĩ chắc ông già thương nó lắm nên mới có hành động giống của bố nó.

Vừa bước vào nhà, thấy mẹ, thằng Cu khoe liền:

-Con mới quen một ông họa sĩ.

Mẹ thằng Cu ngừng tay ủi quần áo, nhìn con từ đầu xuống chân:

-Ở đâu mà con quen?

Thằng Cu kể lại câu chuyện, nhưng chỉ khoe nhiều nhất việc ông họa sĩ già đã cho nó ăn kẹo sô cô la và hứa sẽ vẽ hình nó. Mẹ thằng Cu căn dặn:

-Con nhớ phải lễ phép nhé. Vào nhà người ta thì đừng có táy máy kẻo đổ vỡ đồ đạc, mẹ không có tiền đền đâu. Nhất là những bức tranh đó, quí lắm đấy.

-Sao mà quí, mẹ?

-Thì tại... đắt tiền.

-Nhưng sao lại đắt tiền?

-Tại... quí mà lị.

-Như vậy ông ấy chắc giầu lắm, mẹ nhỉ?

-Còn phải nói!

-Nhưng sau này con không muốn làm họa sĩ đâu, con làm Politi (3) cơ.

Đến chiều trong bữa cơm, mẹ thằng Cu thuật lại cho chồng nghe chuyện thằng Cu mới quen một ông họa sĩ Na Uy già và được ông ta cho kẹo. Bố mẹ thằng Cu có vẻ vui, ngầm hãnh diện khi nghĩ con mình như đã gặp cơ may.

Từ sau ngày ấy mẹ thằng Cu bỏ thói quen hỏi con đi chơi đâu những khi nó mặc áo khoác, đi giầy ra khỏi nhà hoặc lúc nó trở về. Mẹ nó đã có thể an tâm vì tin tưởng con mình đã có chỗ lui tới an toàn. Chẳng bù cho những ngày trước, thời gian đầu mới dọn tới đây, thằng Cu hay lang thang ra bờ biển hoặc trèo cây, la hò trong rừng. Mẹ thằng Cu nghĩ thương con quá, không có bạn chơi, nhất là không có trẻ Việt nào ở vùng này để nó có thể kết thân, tập nói tiếng Mẹ đẻ. Cũng bởi gia đình phải thay đổi chỗ ở luôn. Mỗi lần bố thằng Cu thất nghiệp, lại phải tìm đất mới. Thằng Cu như cây non chưa kịp bén rễ ở một nơi đã bị bứt lên đem trồng chỗ khác.

Mấy ngày sau thằng Cu mang về bức tranh vẽ bán thân nó. Bố mẹ

thằng Cu ngắm nghía, khen vẽ cứ y như thật. Mẹ nó chỉ tiếc nếu nó cười lên một chút thì xinh hơn. Bố thì bảo, mặt nghiêm mới đẹp, giống ông nội thời làm đại úy trong quân đội Việt nam cộng hòa. Chiều hôm đó mẹ thằng Cu chiên chả giò cho con đem biếu ông họa sĩ già gọi là để cảm ơn. Khi đưa bịch thức ăn cho con, mẹ nó nói nhỏ, nhưng tha thiết:

-Con hỏi thử ông họa sĩ chịu vẽ bố mẹ không nhá?

Thằng Cu thoáng chau mày:

-Bố mẹ qua ngồi như con hả? Lâu lắm!

-Không. Mẹ nói bố chọn vài tấm ảnh chụp để ông ấy nhìn mà vẽ.

Nhưng thằng Cu đã không có cơ hội thực hiện lời mẹ nó dặn. Khi tới nhà của ông họa sĩ già, thằng Cu thấy có ba bốn đứa trẻ Na Uy đang ngồi trước máy truyền hình. Trai có, gái có, chúng chắc cũng khoảng tuổi của thằng Cu. Ông họa sĩ già nhận bịch thức ăn, nhưng không mở ra xem và cũng chẳng hỏi câu nào. Thằng Cu phần ngại có người lạ trong nhà, phần không biết tiếng Na Uy gọi chả giò là gì, do đó cũng im luôn. Ông họa sĩ già dắt tay thằng Cu vào hẳn trong phòng khách, ấn vai ra hiệu cho nó ngồi xuống cạnh những đứa trẻ Na Uy. Không ai chú ý đến sự có mặt của nó.Thì ra chúng đang mải mê xem phim vi đê ô. Thằng Cu tới nửa chừng nên không hiểu câu chuyện, chỉ thấy trên màn kính ti vi đàn ông, đàn bà chẳng mặc quần áo gì cả, cứ vật nhau huỳnh huỵch. Đã mệt lại không chịu nghỉ, chỉ mải mê lăn lộn thành thử ai cũng thở phì phò, rên la như bị đau đớn lắm. Có vài người đã lớn rồi mà còn làm giống em bé của nó, rúc tí mẹ đòi bú sữa. Lạ, người nào cũng nhiều tóc; trên đầu đã đành mà có cả ở ngực, chân tay, nách và bên dưới bụng nữa. Thằng Cu sực nhớ có lần bố kể cho mẹ nghe về một ông nào đó vẫn quả quyết người ta bởi loài khỉ mà ra. Có lẽ những người trong phim kia là người-khỉ đây. Thỉnh thoảng có cả trẻ con cũng đùa nghịch như vậy. Thằng Cu thấy kỳ cục, chẳng vui tí nào, thua xa những phim hoạt họa như Tom and Jerry, Top Cat hay Young Robin Hood... mà nó thường xem vào mỗi buổi sáng trên đài truyền hình ngoại quốc. Thừa lúc ông họa sĩ già luồn tay ôm ngang lưng một con nhỏ Na Uy, thằng Cu lẳng lặng đứng dậy, lẻn xuống tầng dưới, ngắm nghía những bức tranh vẽ cảnh tuyết rơi, núi đồi và ngựa rừng. Một lúc sau thằng Cu nghe những tiếng chân chạy rần rần trên đầu mình. Tiếng cười của ông họa sĩ già hòa điệu với tiếng khúc khích của đám trẻ Na Uy. Thằng Cu đoán ông họa sĩ già đang tập cho chúng nó những trò chơi như trong phim vi đê ô. Thằng Cu cảm thấy chẳng thích. Nếu ông già biết chơi đấu kiếm, cao bồi bắn nhau với mọi da đỏ hoặc cảnh sát đuổi bắt bọn cướp hay ít nhất cũng biết đá banh... thì chắc chắn hấp dẫn hơn và nó sẽ leo lên tham dự. Nó nghĩ sẽ phải đề nghị ông họa sĩ già thay đổi trò chơi cho giống ở vườn trẻ. Khi thấy trên lầu đã đã yên

lặng, thằng Cu mới rón rén đi lên. Ông họa sĩ già đang nằm lăn ngủ trên sô pha. Cặp kính rơi dưới gầm bàn. Hộp sô cô la mở tung, vung vãi những thỏi kẹo trên sàn nhà. Tiếng thở của ông họa sĩ già nghe nặng nhọc. Râu, tóc ông dựng đứng cả lên. Áo ngực phanh ra, để hở đám lông ngực mầu vàng nâu như bờm ngựa. Thằng Cu nén được tiếng cười khi nghĩ ông họa sĩ già này là một con đười ươi khổng lồ. Một mảng quần của ông bên phía đùi trái như bị ướt nước. Thằng Cu đi nhẹ ra lấy áo khoác, mở cửa rồi chạy nhanh chân về nhà cho kịp chương trình Thiếu Nhi của đài truyền hình Na Uy.

Đầu tuần lễ nào cũng vậy, khi thằng Cu còn đang ăn sáng mẹ nó đã nhắc lại điệp khúc:

-Cu biết hôm nay thứ mấy không?

-Thứ hai.

-Con giúp mẹ xong rồi hãy đi chơi nhé.

-Con nhớ rồi, mẹ nói hoài!

-Không nói lại dông mất, mình mẹ xoay sao nổi.

Công tác của thằng Cu là theo mẹ đi chợ. Trong lúc mẹ chọn hàng để mua (cho cả tuần lễ) thì nó phải đứng cạnh cái xe đẩy để canh chừng em bé. Thằng Cu không quên phận sự của nó, không hẳn do ý thức cao, nhưng vì chắc chắn lần nào cũng được mẹ thưởng cho bịch kẹo hay cây kem, đôi khi cả đồ chơi nữa.

Từ nhà đến siêu thị cũng không xa lắm, nhưng phải leo dốc. Em của thằng Cu, cái Hĩm, ngày một lớn khiến chiếc xe đẩy trở nên nặng. Mặt khác thằng Cu đi bên cạnh thỉnh thoảng lại trêu em. Con bé Hĩm nhổm hẳn người lên đùa với anh, làm mẹ nó sợ, không ngớt miệng la mắng.

Như mọi lần, trưa nay mẹ thằng Cu cũng để chiếc xe đẩy em bé ở ngoài siêu thị, dặn dò thằng Cu coi em cẩn thận trước khi vào trong mua hàng. Một lúc lâu sau, mẹ thằng Cu hai tay xách ba bốn bịch vừa thức ăn, tã lót, vừa những thứ lỉnh kỉnh khác, bước ra khỏi siêu thị thì không thấy hai đứa con của mình đâu. Mẹ nó xớn xác đảo mắt tìm. Trống ngực bắt đầu đập thình thịch. Hơi thở dồn lên cuống họng khiến mẹ thằng Cu như nghẹt thở. Da mặt từ từ tái xanh. Những bịch hàng rời khỏi tay mẹ thằng Cu, lăn trên mặt vỉa hè xi măng.

-Cu ơi!.. Bớ Cu ơi!

Mẹ thằng Cu thất thanh gọi con. Người đi kẻ lại ngạc nhiên nhìn. Mẹ nó chạy văng cả giầy, xông đại vào những cửa tiệm gần đấy tìm kiếm, nhưng vẫn không thấy tông tích gì. Tin tức trẻ con bị bắt cóc trong những ngày gần đây vang dội trong đầu óc mẹ thằng Cu:

-Cu ơi!... Ối Cu ơi là Cu ơi!...

Nhiều người Na Uy muốn giúp nhưng lại không hiểu rõ chuyện gì, chỉ thấy người đàn bà ngoại quốc này la khóc bằng một thứ ngôn ngữ lạ. Bỗng từ sau một thùng công ten đựng gỗ và giấy sa thải thằng Cu xuất hiện với chiếc xe đẩy em nó. Vừa thấy con, mẹ thằng Cu chạy vội lại; miệng mếu máo kể lể, tay cứ đầu thằng Cu mà đấm:

-Con ơi!... Con giết mẹ mất thôi!...

Thằng Cu và em nó òa khóc theo. Đám đông xúm quanh tỏ vẻ bất bình khi thấy người lớn đánh trẻ con. Thật ra, đó chẳng qua chỉ là phản ứng tự nhiên chất chứa nỗi sợ hãi cùng cực hòa lẫn niềm sung sướng của mẹ thằng Cu khi tìm lại được con mình.

Về đến nhà, dường như bao sinh lực đã tiêu hao hết, mẹ thằng Cu rũ người xuống sô-pha. Cái Hĩm được anh cho mẩu bánh, gậm lấy gậm để. Riêng thằng Cu, nó vẫn không hiểu chuyện gì đã xẩy ra lúc nãy trước cửa siêu thị, khiến mẹ nó phải như điên như dại như vậy. Trong bụng nó lo lắm. Trên đường về, thằng Cu đi thui thủi sau mẹ, không dám ho he tiếng nào.

-Cu... lấy cho mẹ... ly nước.

Tiếng mẹ thì thào càng làm cho thằng Cu bối rối. Nó vội vàng vào tủ lạnh lấy nước cho mẹ rồi rón rén ngồi đối diện với mẹ, nhìn mẹ uống một hơi cạn ly nước đầy. Mẹ thằng Cu như đã tỉnh hẳn người, tuy nhiên giọng nói còn yếu dù vẫn rõ:

-Lúc nẫy con đẩy em đi đâu vậy?

Thằng Cu không dám nhìn thẳng mẹ, lí nhí trả lời:

-Con... ra phía sau thùng... đổ rác.

-Dơ dáy vậy mà con đưa em ra đấy làm gì.

-Ông họa sĩ gọi con.

Mẹ thằng Cu ngồi thẳng người lại:

-Ủa, ông ấy đi đâu mà thấy con?

-Con không biết. Tự nhiên thấy ông ấy đứng cạnh...thùng rác vẫy con lại.

-Sao không cho mẹ hay... Mẹ tưởng ai... bắt cóc các con rồi...

Giọng nói của mẹ thằng Cu lại nghẹn ngào; nước mắt rưng rưng. Thằng Cu xốn xang, thương mẹ. Nó nhích người sang ngồi cạnh mẹ:

-Con... xin lỗi mẹ...

-Lần sau con đừng như vậy nữa nhé... mẹ chết mất!

Thằng Cu dựa đầu vào vai mẹ. Cái Hĩm thấy anh được mẹ ôm, vứt ngay mẩu bánh đang gậm dở, giơ tay đòi bế. Thằng Cu đành nhường mẹ cho em. Mẹ thằng Cu lấy trong bịch đi chợ ra một gói kẹo đưa cho nó:

-Ăn in ít chứ kẻo... sâu răng.

Thằng Cu vui khi thấy mẹ đã trở lại trạng thái bình thường. Nó cũng

không quên đút vào miệng em nó một lúc hai cục kẹo. Con bé đòi thêm, bị anh lườm:

-Mẹ cho anh chứ!

Trong khi xếp thức ăn vào tủ lạnh, mẹ thằng Cu sực nhớ một việc, gọi:

-Cu ơi!

-Dạ.

-Thế hồi nẫy ông họa sĩ nói với con chuyện gì vậy?

-Ông ấy hỏi con cuối tuần sao không qua nhà ông ấy?

-Con trả lời thế nào?

-Thì... con nói thứ bẩy với chủ nhật vừa rồi bố chở gia đình đi thăm bác Chương ở Haugesund. Ông ấy dặn giúp mẹ xong thì đến ông ấy chơi.

-Thế con... qua không?

-... Mẹ cho phép con à?

Mẹ thằng Cu không trả lời thẳng, hỏi sang chuyện khác:

-Ông họa sĩ có thích chả giò bữa nọ mẹ biếu không?

-... Thích!

-Con đã hỏi ông ấy chịu vẽ hình cho bố mẹ chưa? Bố chọn được hai tấm ảnh rồi đó. Con cứ nói là bố mẹ sẵn sàng trả tiền công cho ông ấy, cả tiền sơn với khung vải nữa.

-Lát nữa con sẽ nói.

-Ừ... mà nhớ giờ về mà ăn cơm đấy.

Như vậy là mẹ đã cho phép. Thằng Cu mặc vội áo khoác, mở cửa đi ra, không kịp nghe tiếng em nó ho sặc sụa và tiếng mẹ nó kêu hoảng hốt:

-Trời ơi, con tôi... chết hóc rồi!

Thằng Cu nhẩy chân sáo trên đường đến nhà ông họa sĩ già. Nó cảm thấy hồ hởi vì lời hứa của ông sẽ dành cho nó một sự ngạc nhiên. Điều này lúc nẫy thằng Cu đã không kể cho mẹ nghe.

Ông họa sĩ già vẫn đứng nấp sau khung kính cửa sổ, dõi mắt trông chờ. Khi thoáng thấy bóng thằng Cu từ đằng xa, ông đã lật đật ra mở sẵn cửa. Thằng Cu vào nhà, ông họa sĩ già trách ngay:

-Sao mãi bây giờ mới tới?

-Cháu phải... dỗ em.

-Ăn sô cô la không?

-Cháu có kẹo rồi. Ông bảo dành cho cháu sự ngạc nhiên, gì vậy?

Ông họa sĩ già không đáp ngay, lẳng lặng lấy bức tượng gỗ con sư tử chồm hai chân lên trời, giơ trước mặt thằng Cu:

-Cho mày.

Thằng Cu tròn xoe đôi mắt, ấp úng:

-Thật... không?

Thay cho câu trả lời, ông họa sĩ già ôm sau lưng thằng Cu, vuốt ve từ má xuống cổ nó; mặt ông già nghệt ra. Trong khi đó thằng Cu vẫn say mê ngắm nghía bức tượng. Nó nghĩ liền, chắc chắn bố mẹ sẽ thích và thế nào cũng đòi chưng trong tủ ở phòng khách để ai đến chơi cũng phải trầm trồ khen ngợi.

Khi thấy ông họa sĩ già vẫn ngồi thở dốc trên ghế sô-pha, thằng Cu tỏ vẻ lo lắng:

-Ông sao thế, mệt hả?

Ông họa sĩ già chỉ lắc đầu, níu tay thằng Cu cho nó ngồi xuống bên cạnh. Thằng Cu vẫn ôm khư khư bức tượng con sư tử. Sực nhớ lời mẹ dặn, nó hỏi:

-Ông vẽ hình bố mẹ cháu được không?

-Hả, cái gì?

Vừa nói ông họa sĩ già vừa vội đẩy thằng Cu nhích ra như thể cạnh sườn ông bị chạm vào một vật nhọn. Ông dương to cặp mắt vốn đã lồi sẵn sau lớp kính lão:

-Ba má mày tới đây?

-Không! Bố bận đi làm, mẹ mắc giữ em, đến sao được, nhưng có ảnh chụp. Ông cứ nhìn vào đó mà vẽ, được không?

-Ừ... ừ... được.

Ông họa sĩ già lại vòng tay ôm lấy vai thằng Cu. Như những lúc nhõng nhẽo với bố, thằng Cu dựa đầu vào vai ông già:

-Cháu về báo tin, mẹ mừng lắm đấy.

Tiếng ông họa sĩ già vang nhẹ bên tai thằng Cu:

-Nhưng... bây giờ tao muốn vẽ trước cho mày một bức tranh nữa để... kỷ niệm, chịu không?

-Vẽ gì?

-Mày với con sư tử này.

Thằng Cu phá lên cười; giọng nó thanh trong:

-Như kiểu Tarzan hả?

Ông họa sĩ già cười theo; âm thanh sền sệt:

-Ý nghĩ của mày... hay đấy. Ừ, Tarzan!

Hai người đi xuống xưởng vẽ; lầu dưới. Trong khi ông họa sĩ già đặt khung vải trắng trên dàn vẽ, sửa soạn than trì, thằng Cu tò mò lục lọi trong những ngăn kéo của chiếc tủ cao không quá tầm thước nó. Ngăn trên đựng toàn những ống lọ mà thằng Cu nghĩ đó là những viên thuốc cảm hay thuốc bổ gì đó. Ở ngăn giữa có nhiều hộp giấy nhưng nó không đọc được chữ nên không thể đoán đựng gì bên trong mặc dù đã có hình vẽ những chiếc bong bóng thuôn dài, được thổi căng phồng lên. Tới

ngăn dưới cùng, tay thằng Cu chợt khựng lại. Nhiều ảnh chụp quá. Thằng Cu cầm một tấm lên xem: Hai ba đứa con gái nhỏ Na Uy trần truồng đứng dạng chân, giơ tay như đang khiêu vũ.

-Ku!

Thằng Cu giật mình vì tiếng gọi bất chợt của ông họa sĩ già. Nó vội trả lại tấm hình vào ngăn kéo:

-... Dạ?

-Mày làm gì thế?

-... Đâu làm gì. Cháu...

-Lại đây!

Thằng Cu líu ríu đến đứng cạnh khung vẽ. Tiếng ông họa sĩ già ra lệnh:

-Cởi quần áo ra chứ!

Cảnh tượng những đứa con gái Na Uy trong hình luẩn quẩn trong đầu óc thằng Cu, khiến nó cảm thấy nóng ran trên mặt. Nhìn thằng Cu vẫn đứng ngây người, ông họa sĩ già nhướng cặp lông mày rậm rạp:

-Tao nghĩ mày đã xem nhiều phim Tarzan rồi, đương nhiên phải biết Tarzan trong rừng chỉ quấn duy nhất một cái khố. Mày muốn giống Tarzan ắt không thể đóng bộ dầy cộm thế kia.

Giọng thằng Cu run run, như thể không đủ hơi để phát âm:

-Nhưng... kỳ quá... à!

-Hả? Tại sao kỳ?

Nói xong, ông họa sĩ già tự cởi bung quần áo của mình, chỉ trừ lại quần lót. Ông tự đấm vào ngực mình đồm độp rồi chụm hai tay lại làm loa trên miệng, hú lên một hồi dài. Thằng Cu bật cười. Ông họa sĩ già vừa bắt chước Tarzan hú gọi thú rừng đây mà. Hứng chí, thằng Cu liệng bỏ hết quần áo, cũng hú và nhẩy múa mọi. Ông họa sĩ già lấy than trì vẽ trên mặt, trên mình thằng Cu những nét rằn ri. Thằng Cu dùng cả hai tay vục vào chậu mầu nước, bôi khắp người ông họa sĩ già. Tiếng cười một trẻ, một già vang rộn khắp gian phòng. Ông họa sĩ già vật thằng Cu xuống sàn, đè lên nó. Thằng Cu chịu không nổi sức nặng trên mình, kêu oai oái. Ông họa sĩ già lật người lại, nằm dưới, cho thằng Cu ngồi trên bụng mình. Thằng Cu nhún lên nhún xuống theo sức xốc tay của ông họa sĩ già. Nó khoái chí, cười khanh khách. Ông họa sĩ già thở hổn hển một hồi rồi xuôi dài tay chân. Thằng Cu nghĩ ông họa sĩ già vật lộn thua nó, đã đầu hàng. Nó đứng lên, vừa nhẩy múa vừa reo hò chiến thắng ầm ĩ.

Về được nửa đường, thằng Cu mới sực nhớ nó đã quên bức tượng con sư tử. Không sao, mai lấy. Nghĩ rồi thằng Cu cất chân chạy. Đẩy cửa vào nhà, thằng Cu thấy bố mẹ đã ngồi vào bàn ăn. Cái Hĩm em nó đang bò lê la dưới thảm, chơi với mấy chiếc vòng nhựa. Nhìn quần áo xốc xếch của

thằng Cu, bố nó nhíu mày:

-Con chơi đâu mà bây giờ mới mò về?

Thằng Cu lẳng lặng ngồi vào chiếc ghế vẫn dành cho nó. Mẹ thằng Cu đỡ lời:

-Hễ rảnh lại chạy biến sang nhà ông họa sĩ. Đã dặn canh chừng giờ mà về... Mải chơi quá sức!

Bố thằng Cu rót bia vào hai chiếc ly, cho mình và cho vợ. Mẹ thằng Cu chan canh, gắp thịt vào bát cho con. Bữa cơm bắt đầu thì câu chuyện ở bàn ăn cũng khởi sự:

-Con qua nhà ông họa sĩ hoài như vậy, còn giờ đâu cho ông ấy làm việc.

Thằng Cu ngừng nhai, nhìn bố:

-Ông ấy bảo con qua chứ, con đâu có tự ý. Với lại ông ấy cũng chẳng có việc gì làm cả.

Mẹ thằng Cu chép miệng:

-Nghĩ cũng tội, không vợ không con nên chỉ mong trẻ con đến chơi... Thế Cu hỏi ông ấy cho mẹ chưa?

-Rồi. Ông ấy bảo cứ mang hình chụp qua cho ông ấy vẽ.

Thế là bố mẹ thằng Cu lại phấn khởi bàn nhau về bức tranh tương lai và chỗ treo xứng hợp. Hôm nay thằng Cu có vẻ đói bụng, ăn được những ba chén cơm. Mẹ nó hài lòng ra mặt. Trước khi rời bàn ăn, thằng Cu chùi miệng, khoe:

-Ông họa sĩ cho con tượng sư tử.

-Đâu?

-Con quên đem về. Ông ấy đang vẽ cho con một bức tranh nữa.

-Lần này nói ông ấy vẽ cái mặt tươi tươi một chút.

-Tươi sao được, mẹ. Con làm Tarzan đấu với sư tử, phải làm mặt ngầu chứ.

Rồi thằng Cu kể lại trò chơi Tarzan giữa nó và ông họa sĩ già. Dĩ nhiên nó đã bỏ sót nhiều chi tiết. Cảnh một ông già đùa nghịch với một đứa trẻ sinh động ngộ nghĩnh trong trí tưởng của bố mẹ thằng Cu khiến cả hai vợ chồng cùng cười sặc sụa. Bữa cơm tối kéo dài hơn thường lệ.

Thường cuối tuần bố thằng Cu hay lái xe chở vợ con đến thăm những người bạn đồng hương ở các thị trấn khác. Đường xá xa xôi nên gia đình thằng Cu không thể sáng đi chiều về được. Vả lại khi gặp bạn bè, bố thằng Cu vẫn uống rượu cho tới khi gục say. Thằng Cu không thích lắm những lần đi chơi như vậy vì tới đâu cũng chỉ thấy người lạ, chỗ lạ, nhất là chẳng biết làm gì trong khi người lớn nhậu nhẹt hoặc nói chuyện ồn ào. Hiếm nhà nào có con trai cỡ tuổi nó. Đã thế mẹ thằng Cu đôi khi lại

bắt nó coi chừng em để cùng với mấy bà bạn đi mua sắm hay nấu nướng cả chục thứ thức ăn khác nhau. Bởi vậy thằng Cu muốn ở nhà, nhưng lại không thể không vâng lời bố mẹ.

Phải đến ba hôm sau thằng Cu mới lại có dịp qua nhà ông họa sĩ già. Lần này nó mang theo một trọng trách: Mẹ thằng Cu đã đưa cho nó ba tấm ảnh chụp vợ chồng trong ngày cưới để ông họa sĩ nhìn mà vẽ thành một bức tranh bán thân của hai người. Càng phóng đại được bao nhiêu càng tốt. Chính yếu là bộ mặt hai người phải tươi, sửa sang cho thật xinh xắn. Đó là mệnh lệnh của mẹ mà thằng Cu có bổn phận phải nhắc ông họa sĩ già nhiều lần kẻo ông ấy lớn tuổi hay quên . Thằng Cu để cẩn thận các tấm ảnh đó vào túi áo khoác trước khi ra khỏi nhà.

Đến nơi, thằng Cu bấm chuông ba bốn lượt mà không thấy ông họa sĩ già ra mở cửa như mọi lần. Nó hơi ngạc nhiên. Vốn quen biết ông họa sĩ già đã lâu, thằng Cu đi vòng ra phía sau. May quá, cửa bếp chỉ khép hờ. Thằng Cu lách mình vào. Phòng khách lạnh lẽo, mờ tối. Bỗng có tiếng ho khô khan vọng ra từ phòng ngủ. Thằng Cu tiến lại, tự động đẩy nhẹ cánh cửa. Trong ánh sáng vàng nhạt của ngọn đèn nhỏ treo trên vách, thằng Cu thấy ông họa sĩ già nằm đắp chăn trên giường. Nó rụt rè hỏi:

-Ông... làm sao vậy?

Thay cho câu trả lời là một chuỗi tiếng ho xù xụ.

-Bệnh hả, ông?

Thằng Cu đến sát thành giường. Ông họa sĩ già vẫn nằm bất động, chỉ hết ho lại rên. Thằng Cu lo lắng:

-Ông uống thuốc chưa?

Khuôn mặt ông họa sĩ già nhợt nhạt. Lớp da trên trán và hai bên má xếp thành những nếp xô đẩy nhau. Cặp môi khô, nứt nẻ và xám xịt. Râu tua tủa, xồm xoàm. Mái tóc lưa thưa để lộ da sọ. Quan sát ông họa sĩ già, thằng Cu cứ nghĩ ông ấy chắc đã chết. Nó rùng mình, tuy vậy vẫn hỏi:

-Ông... ăn gì không cháu... lấy cho.

Chợt hai mi mắt của ông họa sĩ già động đậy rồi từ từ mở ra. Tròng mắt không có kính che nhìn đục và dại như mắt cá ươn mà thằng Cu đã thấy trong những lần đi câu với bố. Nó hơi sợ. Tiếng ông già thì thào như sắp đứt hơi:

-Tao... không đói... Mày... lên đây nằm... nói chuyện cho tao... đỡ buồn, mau... hết bệnh...

Thằng Cu cảm thấy tội nghiệp ông họa sĩ già quá sức, không nỡ từ chối. Tay nó chạm phải những tấm hình của bố mẹ khi nó cởi chiếc áo khoác, vắt lên thành ghế. Thằng Cu nhớ lời mẹ căn dặn, nhưng nghĩ không phải lúc thuận tiện để thực hiện. Nó leo lên giường, nằm cạnh ông họa sĩ già. Hơi ấm trong chăn khiến nó dễ chịu, nhẹ hẳn người. Ông

họa sĩ già lấy ở dưới gối một chiếc hộp bằng giấy, vừa mở nắp vừa nói nhỏ như đang thì thầm:

-Tao để dành cho mày... kẹo này.

-Sô cô la hả?

-Ngon hơn nhiều! Loại kẹo... đặc biệt... cho mình mày thôi. Nhớ đừng để tụi nhỏ Na Uy biết.

Thằng Cu bóc lớp giấy bọc bên ngoài, ngắm nghía viên kẹo có những đường xanh xanh đỏ đỏ trước khi bỏ vào miệng. Nó xuýt xoa kêu cay, nhưng vẫn tiếp tục cắn nhè nhẹ cho tới lúc một dòng nước mật the the trào ra. Giọng ông họa sĩ già mất dần vẻ yếu ớt, trở nên linh hoạt bên tai thằng Cu:

-Ngon không?... Trong khi... chờ đợi... để tao kể cho mày nghe... chuyện cổ tích nhá... Mày muốn nghe không? Có hả? ... Được! Ngày xửa ngày xưa trong rừng núi Na Uy có một chằng tinh tên là Troll. Nó chuyên môn ăn thịt trẻ con. Chỉ cần nuốt một đứa nhỏ, chằng tinh Troll no bụng cả tháng trời. Gặp trẻ nào... khôn quá, khó lừa, chằng tinh dụ khị cho ăn một thứ trái cây ngọt như đường phèn nhưng lại có chất làm cho trí óc mê man, thế là nó bắt đem về hang. Trường hợp bắt được nhiều con nít, ăn không kịp, chằng tinh Troll nhét vào mồm từng đứa những trái cây đó cho mê đi, không còn biết gì nữa mà mong tìm đường về nhà hoặc chống đối. Chằng tinh nhốt cả đám vào trong hang để... ăn dần...

Thằng Cu nghe câu được câu chăng. Thoáng sau thằng Cu đã thiếp đi. Trong khi đó tiếng ông họa sĩ già vẫn đều đều kể hết chuyện chằng tinh một rồi lại chuyện chằng tinh hai...

Không biết đã chợp mắt được bao lâu, nhưng lúc bỗng giật mình thức giấc, thằng Cu không còn thấy ông họa sĩ già nằm cạnh. Nó vừa tung chăn định đứng dậy thì hai tay đã phải chụp vội lấy cạp quần, kéo lên. Thằng Cu đoán, có lẽ trong lúc nó ngủ, dây thắt lưng đã bị tuột, làm quần xệ xuống đến nửa đùi. Thằng Cu dụi mắt. Chợt nó cảm thấy có chất gì nhơn nhớt ở đũng quần. Thằng Cu hoảng hốt, nghĩ mình đã són ra trong giấc mơ. Xấu hổ, thằng Cu khoác vội áo ngoài, đi như chạy về nhà.

Thấy con về sớm hơn thường lệ, mẹ thằng Cu ngạc nhiên:

-Ông họa sĩ không có nhà hả con?

Thằng Cu ngập ngừng:

-Dạ... có, nhưng...

-Con đưa ảnh cho ông ấy chưa?

Thằng Cu gật đầu, nói mà không nhìn mẹ:

-Rồi... nhưng ông ấy đang... bệnh, chưa vẽ được.

-Đâu có gấp gáp gì, con... Ủa, ông ấy đau ốm gì vậy?

-Con... không biết.

Mẹ thằng Cu chép miệng:

-Tội nhiệp!... Để tối mẹ nấu ít cháo thịt, sáng mai con chịu khó mang qua cho ông ấy nhé. Tội nghiệp già cả lại một thân một mình!

Thằng Cu không nghe kịp câu nói sau cùng của mẹ, đã chạy vội vào phòng tìm quần mới để thay.

Chiều đến, khi cả gia đình đã ngồi vào bàn ăn, bố thằng Cu thấy vẫn còn một chiếc nồi đặt trên bếp, thắc mắc hỏi. Mẹ thằng Cu kể chuyện ông họa sĩ già bị bệnh và tỏ lòng xót thương:

-Em tính ăn xong bật bếp nấu cho ông ấy nồi cháo. Chắc ông ấy bị cảm đấy mà... Nghĩ cũng tội nghiệp, anh nhỉ.

Bố thằng Cu nhìn vợ; giọng cũng không kém ân cần:

-Nhớ đập thêm vài quả trứng vào, càng bổ càng chóng khỏi.

Vừa xới cơm cho chồng con, mẹ thằng Cu vừa nói tiếp câu chuyện:

-Em thấy nhiều người Na Uy lớn tuổi mà chẳng có gia đình gì cả, lạ ghê.

Bố thằng Cu nhún vai:

-Lúc trẻ sợ vướng bận, chỉ muốn sống thoải mái để hưởng thụ, du lịch cho sướng... tới khi chán chê thì tuổi đã cao, thấy cần lấy vợ lấy chồng, lại đâm ngại... đành ở vậy luôn!

-Sống một mình già cả đau yếu ra đấy, chẳng có con cháu lo cho. Người nào xin được chỗ trong viện dưỡng lão cũng đỡ khổ, bằng không, có lăn đùng ra, chắc gì... ai biết.

-Thì tuần trước chứ đâu, báo đăng tin một ông già chết gần nửa năm trời hàng xóm mới khám phá ra. Cảnh sát đập cửa vào, thấy chỉ còn bộ xương.

-Khiếp!

Nghe bố mẹ nói chuyện, thằng Cu chợt nhớ thương ông họa sĩ già cô độc.

Cơm nước xong xuôi thường cũng vào giờ thông báo tin tức và dự đoán thời tiết trên đài truyền hình Na Uy. Bố mẹ thằng Cu cùng quan niệm rằng tai nghe xướng ngôn viên đọc, mắt nhìn hình ảnh đồng thời liếc xuống hàng chữ phụ đề là cách học ngoại ngữ nhanh và hữu hiệu nhất. Bởi vậy dù đang bận việc gì, vợ chồng cũng ngưng tay để cùng ngồi trước máy truyền hình. Lúc đó thằng Cu có bổn phận chơi với em, không để nó quấy rầy bố mẹ.

Sau tin thế giới, xướng ngôn viên đọc phần tin quốc nội. Tin đầu tiên:

Lợi dụng tình dục trẻ con: Khoảng ba giờ chiều hôm nay, một người đàn ông 64 tuổi, độc thân, đã bị cảnh sát bắt giam về tội tình nghi dụ dỗ trẻ vị thành niên vào những sinh hoạt tình dục. *Lục soát gia cư đương sự,*

nhân viên công lực đã tịch thu được nhiều cuốn băng vi đê ô có nội dung khiêu dâm, nhiều hình chụp trẻ em khỏa thân và một số hộp kẹo mang chất kích thích hoặc gây mê... Theo nguồn tin của văn phòng ủy viên an ninh, các nạn nhân trẻ tuổi này đều cư ngụ cùng khu vực với nghi can...

Khi hình ảnh địa phương liên hệ vừa hiện lên trên màn kính, mẹ thằng Cu bật dậy, hét:

-Cu, thằng khốn nạn ấy có làm gì mày không?

Nhưng thằng Cu đã lẻn vào phòng, đóng cửa lại.

Trên bếp nồi cháo bắt đầu xôi, tỏa mùi thơm.

HOÀI MỸ

(Na Uy, 17.02.2000)

(1)- Chữ Ku Na Uy (con bò) đọc giống chữ Cu tiếngViệt.
(2)- Faen (đồng âm với phan), tiếng chửi thề nặng nề trong ngôn ngữ Na Uy.
(3)-Cảnh sát.



TRẦN SA

Mãng Cầu

Ăn một trái là nhớ
Ăn một trái là thương
Mãn cầu vừa chín tới
Môi đã chờ mấy đêm

Răng đã chờ mấy thuở
Lưỡi đã chờ mấy mùa
Tôi đã chờ từ bữa
Người về qua phố Xuân
Lụa trắng mềm trên ngực
Xuyến vàng mềm trên chân

Vui vỡ oà trong mắt
Thôi thế sầu đã nguôi
Ngọt thấm vào trong máu
Tôi biết mình yêu tôi
(3.1.2000)

Đêm 2000

Đêm hai ngàn chúng ta yêu nhau
Yêu nhau yêu nhau vô vàn đêm hai ngàn
Hai ngàn lẻ một giây hai ngàn lẻ một phút
Hai ngàn lẻ ba tiếng đồng hồ
Hai ngàn ngập tràn hạnh phúc

Đêm hai ngàn trên mười ngón tay hân hoan ve vuốt
Đêm hai ngàn trên môi ngất ngây nồng nàn thu hút
Đêm hai ngàn đêm hai ngàn
Tôi cuống quít hôn lên bờ ngực

Đêm như chiếc võng êm
Quấn đôi người yên ấm

Hai ngàn đêm hai ngàn
Tôi kết hôn bí mật
(4.1.2000)



HỒ PHỔ LẠI

Cái thuở ban đầu



Khi chiến tranh rục rịch lan rộng, gia đình tôi tản cư về quê nội. Vừa chân ướt chân ráo về tới làng, chưa gì cha tôi đã lo sợ chuyện anh em tôi mải ham chơi quên lãng mất ba chữ mới học vỡ lòng. Đó là lý do tôi trở thành môn sinh của thầy Cẩn; người thầy độc nhất kiêm nhiệm một lần hai lớp (bét và kế bét) trong ngôi trường làng. Chưa để chân tới lớp tôi đã nghe danh tiếng vị thầy nầy. Nghe đâu thầy nổi tiếng như...cồn từ mấy chục năm trước lận; không nổi tiếng vì dạy giỏi mà nổi tiếng vì những thứ ngoài lề: nói cà lăm, đi chân chữ bát, dạy học qua loa và đặc biệt đánh học trò roi nào đích đáng roi đó.

Tôi hân hạnh chạm mặt thầy buổi sáng khai trường. Bài học mở đầu "Tiên học lễ..." không có gì hấp dẫn, nhưng lối giảng bài lạ đời của thầy thật quả làm tôi vô cùng khoái trá. Thầy vừa giảng vừa ngủ gà ngủ gật, hai con mắt lim dim, cái đầu tóc bạc lắc lư như chỗ ...không người. Nếu tôi đoán không lầm, hôm ấy ngoài tôi là kẻ "lạ mặt" tất cả học sinh trong lớp không có đứa nào buồn thắc mắc trước hoạt cảnh đó, cũng chẳng có đứa nào tỏ vẻ sợ sệt hay vị nể thầy. Bọn con gái ngồi đầu lớp tỉnh bơ móc túi lôi ra nào dừa khô, nào dái mít, nào dũ dẻ

hè nhau nhai rau ráu ; bọn con trai ngồi cuối lớp tự động rời chỗ ngồi , có đứa đồn bạn lên vai lừa chụp bắt mấy con thằn lằn đeo trên mái lá, có đứa lấy ná cao su bắn rào rào mấy con cắc kè đầu đỏ chót thập thò tận ngoài bờ nước. Tiếng ồn ào nổi dậy, trước còn tương đối chịu đựng được càng về sau càng dữ tợn bắt buộc thầy Cẩn phải mở bét mắt ra. Không cần nhìn, thầy phùng mang trợn mắt chụp vội cây roi mây để sẵn trước mặt, nhịp loạn xạ trên bàn.

- Về...về chỗ ngồi. Tổ ...tổ cha tụi bây, con...con nhà mất dạy.

Tổ cha tụi bây! Bài học "Tiên học lễ"...! Vậy mà, không ngờ đó chính là người thầy để lại trong tôi nhiều hoài niệm học đường kỳ thú lạ lùng và phong phú nhất. Thầy Cẩn dạy đủ môn, chú trọng nhiều nhất đến môn Văn chương. Độ nửa năm sau ngày khai trường, môn Tập đặt câu chuyển qua giai đoạn mới: từ chỗ đặt câu rời (mỗi câu mỗi ý) tiến đến chỗ mỗi câu rời khi ráp nối lại trở thành bài luận mạch lạc có đề tài hẳn hoi. Tôi còn nhớ rõ bài Tập đặt câu mở đầu bước tiến cao cấp bao gồm những chữ sau đây: cái bánh xe, cái yên xe, cái chuông, cái bàn đạp vv.

Tôi quên nói, thuở ấy, lúc tản cư về làng gia đình tôi cùng chung sống với gia đình bác tôi dưới mái nhà từ đường. Là công chức, cha tôi có trách nhiệm phải ở lại nhiệm sở; mẹ tôi cám cảnh "ăn nhờ ở đậu" suốt ngày xăn tay áo phụ bác gái khi trong bếp, lúc sân trước vườn sau. Người đàn ông rường cột trong nhà kiêm nhiệm thêm bổn phận chăn dắt, kềm kẹp bầy con...không cha là ông bác ruột của tôi. Mà (than ôi!), bác tôi lại là kẻ suốt đời hành mỗi một nghề: đánh bạc. Do cớ sự đó, nhờ nông nỗi đó, ngoài giờ học qua quýt ở trường, anh em tôi tha hồ rong chơi. Ngày, để được tham dự trò chơi "đánh giặc" anh em tôi kết bè kết đảng với lũ trẻ chăn trâu; để được chia phần bữa cỗ ve ve nướng lửa rơm, hột mít lùi tro nóng anh em tôi chơi thân với đám bạn chuyên hành nghề mò rạm, mót lúa, lượm nấm. Tối, lang thang khắp làng trên xóm dưới sục sạo tìm chỗ trai gái tụ họp xay lúa, giã gạo, tát nước...nghe hò, nghe hát ,nghe kể chuyện tiếu lâm . Tuổi mới lớn, vòm trời tự do, cảnh trí thôn dã đầy nhựa sống... , bài Tập đặt câu "cái xe đạp" rõ ràng là điệu nhạc khô khan dở dang và đáng ghét dưới mọi góc cạnh. Kẹt thêm một nỗi, dịp đó lại cận Tết là lúc lũ nhỏ được tận dụng trong những việc vặt vãnh: quét mạng nhện, chùi lư đồng, lau liễn đối. Chán bài, ham chơi, vui Tết, sau giờ học ở trường về tôi thẳng tay ném vở viết vào xó nhà. Mãi đến hôm kế cận ngày nộp bài, tôi mới giật mình nhớ lại. Liên tưởng đến ánh mắt gườm gườm của cha tôi

đặt lên từng quyển vở của anh em tôi mỗi lúc có dịp về thăm nhà , liên tưởng đến cây roi mây dài thượt hằng ngày hằng giờ hằng phút múa may thuần thục trong bàn tay xương xẩu của thầy Cẩn , bẩm tính vốn nhát đòn, tôi phát...hoảng. Ba chân bốn cẳng, tôi chạy tìm viết tìm vở tìm mực, chuẩn bị làm bài. Với những chữ như bánh xe, bàn đạp, ghi đông...vv., vắt trán nặn óc hồi lâu tôi rị mọ thanh toán xong, đụng nhằm chữ "cái chuông" tôi khựng lại. Vặn tay xoắn áo mất cả giờ tôi vẫn...bí như thường. Đảo mắt khắp gian nhà từ đường, không có lấy một quyển sách hay một tờ báo cũ nào khả dĩ giúp tôi "tra cứu" thêm hay đối đế lắm...cóp nhặt đại họa may ra...Ngoài cái bàn thờ u ám khói hương và mấy bức màn buông rũ lê thê chỉ có hình ảnh bác tôi là sinh động: nằm tréo mảy trên bộ ván, bác khoái trá rung đùi. Không còn biết xoay xở cách nào khác, tôi nẩy ý định thử nhờ vả bác. Quơ vội vở viết, tôi lân la đến bên bộ ván, thả giọng ỏn ẻn:

- Bác bày con đặt câu chữ "cái chuông"...

Không buồn mở mắt ra, bác lơ đễnh trả lời:

- Xê ra chỗ khác, để bác ngủ.

Dễ gì tôi chịu xê ra! Tuy không lạ gì thói quen những lúc "ngồi sòng" về thế nào bác cũng đánh một giấc no nê trước khi tính qua việc khác, nhưng vì thời gian cấp bách, tôi cứ đổ...lì:

- Tội nghiệp con lắm bác ơi! Trưa mai con phải nộp bài. Nếu..., nếu...

Vì thương hại con cháu đã học dốt lại ham chơi , vì "ngàn năm một thuở" tình cờ bị du vô cái thế phải nhớ lại lời gởi gắm khẩn thiết của cha tôi hay chỉ vì muốn...tống khứ tôi đi cho rảnh nợ, bác mở choàng mắt ra, tỉnh táo nói:

- Đồ..." nớ, khó khăn chi! Trưa mai, bác "gà" cho.

Nói xong, bác nhắm khít mắt lại , quơ tay mò tìm cây quạt mo úp chụp lên mặt, giả vờ cất tiếng ngáy. Đứng xớ rớ thêm một chặp coi mòi không "xơ múi" gì, tôi lủi thủi ôm vở bước đi, lòng dạ ngổn ngang trăm mối. Trưa mai lại, giờ nghỉ học vừa điểm, tôi băng bộ ù té chạy về nhà.

May mắn sao, bác tôi đã có mặt, càng may mắn hơn nữa: bác vừa ăn bạc. Cả hai bác cháu đều thập phần vui vẻ khi giáp mặt nhau. Bác kéo ghế ngồi vào bàn ăn, tôi tình nguyện đứng cạnh bên quạt ruồi; bác ăn xong vừa để cái chén không xuống, tôi xăng xái đi kiếm tăm, đi rót nước. Thái độ o bế lộ liễu, cử chỉ ngoan ngoản hiếm có của con cháu gái vốn cứng đầu giúp bác nhớ sực lại chuyện tôi nhờ vả hôm qua. Vì nghĩ "có qua tất có lại" hay vì muốn tránh nạn bị tôi đeo dính

mè nheo cả giờ, bác mau mắn mở lời:

- Răng, chừ con muốn bác làm chi?

Mừng như mở cờ trong bụng, tôi hớn hở chìa quyển vở lấm lem ra , đưa tay chỉ chỗ trống dành riêng cho hai chữ "cái chuông". Rung đùi, bác đủng đỉnh vấn đi vấn lại điếu thuốc lá to bằng ngón chân cái. Sốt ruột, tôi định lên tiếng giục, vừa lúc bác hắng giọng, đọc:

- Một bầy thằng ngọng tới coi chuông, chúng bảo nhau rằng "ấy ái uông".

Vừa thoạt nghe qua, lòng tôi xẹp lép như cái lốp xì hơi. Rụng rời, tôi vất vội cán bút xuống bàn, la toáng lên:

- Trời đất! Câu chi kỳ cục rứa, bác!

Cặp đùi đang rung lập tức dừng phắt lại , thay thế bằng tiếng cười ha hả.

- Con ngu lắm! Câu bác đặt hay ho, ý nhị, độc đáo như rứa mà con dám tự ý phê ...kỳ cục.

Tuy vốn liếng chữ nghĩa không là bao, nhưng tôi vẫn lờ mờ nhận thấy rằng lối đặt câu "ngang tàng" kiểu đó không ổn thoả chút nào hết. Tưởng đâu bác hiểu lầm, tôi đứng vụt dậy, chu mỏ giải thích:

- Hai chữ "cái chuông" bác để chỗ mô ? Thầy Cẩn dặn phải đặt làm răng khi đọc lên từ câu đầu chí câu cuối người nghe phải thấy hiện rõ lên trước mặt hình ảnh cái xe đạp. Bác để "bầy thằng ngọng" vô là ...trật lất rồi. Bác , thôi cười ,lập nghiêm :

- Con ni ngất ngơ thiệt nghe! Miễn sao hay là được, cần chi xe đạp với không ...xe đạp.

"Hèn chi người làng đồn bác...ba trợn!" tôi càu nhàu trong miệng cho...bỏ ghét. Đâu phải tay vừa, để chấm dứt tức thì màn léo nhéo, bác nhìn lên đồng hồ , nheo một bên mắt:

- Một giờ rồi tề, ngồi xuống viết liền đi.

Bị mắc bẫy, tôi nhìn theo hướng mắt bác rồi ấm ức ngồi xuống viết; vừa viết vừa khóc. Thấy tôi sụt sịt, bác chạnh lòng lên tiếng an ủi:

- Không răng mô! Bác nói hay là hay. Nhưng nếu con chưa tin, để bác cho con biết thêm điều ni: lão Cẩn nớ mỗi lần cùng bác "đụng trận" là mỗi lần thua cháy túi. Đầu óc lão đựng đầy...mủ mít , còn biết trời trăng mây nước chi mô để khen với chê.

Không nói không rằng , tôi vùng vằng đứng dậy. Nhét quyển vở vào sâu trong vạt áo bà ba, tôi co giò chạy bay tới trường. Mưa bắt đầu rơi nặng hột, đường làng trơn trợt, trời đất mịt mù. Đầu trần chân đất, tôi vấp lên vấp xuống, ngã tới ngã lui. Đã vậy, hình ảnh cây roi mây

khốn nạn, hình ảnh "bầy thằng ngọng" dị hình dị hợm cứ một mực xẩn vẩn hoài trong trí óc; đang chạy, tôi tủi thân, oà khóc tức tưởi.

Khi tôi đến trường, buổi học chiều đã bắt đầu. Khuôn mặt khật khừ, đôi mắt nửa mở nửa khép, hình như thầy Cẩn không nhìn thấy hoặc không để ý đến con bé học trò nhỏ thó, tóc tai ướt nhẹp đang nem nép lách vào chỗ ngồi. Sau giờ chính tả, đến giờ Tập đặt câu. Học trò nhốn nháo đem vở lên nộp, tôi cũng lên, mỗi bước mỗi dừng. Đợi học trò nộp bài xong xuôi, thầy Cẩn ơ hờ đưa tay lấy từng quyển vở đã giở sẵn, ê a đọc, ê a phê bình. Chồng vở càng vơi đi, đầu tôi càng gục xuống thấp hơn để thấy rõ từng giọt nước nhỏ tí tách trên hai cánh tay gầy ốm ,run rẩy .

- Vở đứa nào đây? Thình lình thầy Cẩn bỏ giọng ê a, hỏi lớn.

Ngước vội mắt lên: rành rành quyển vở thấm nước mưa của tôi! Máu trong châu thân thôi chảy, vành miệng cứng lại, tôi trơ mình chịu trận.

Không nghe tiếng trả lời, thầy Cẩn lật qua trang bìa, liếc nhìn cái nhãn vở.

- Nì, của trò Thục!

- !!!

- Tụi bây vểnh tai lên nghe cho rõ câu ni !

Thầy Cẩn nói tiếp, giọng bông lơn hí hửng như sắp kể câu chuyện...tếu.

- Một bầy thằng ngọng...

Giọng đọc cà lăm cà cặp, lối đặt câu ngớ ngẩn lạc điệu sai vần không ngờ làm không khí lớp học vui nhộn hẳn lên. Bọn học trò tinh nghịch được dịp rú lên cười, có đứa sẵn trớn thò tay lên mũi ngoáy ngoáy làm điệu bộ lêu lêu tôi. Phần sợ hãi, phần mắc cỡ tôi đùng đùng nổi giận. Giận bác, giận thầy, giận tôi, giận lũ học trò tai quái và giận luôn thời cuộc xui khiến cha tôi vắng nhà.

- Trò Thục lên bàn thầy!

Giờ đền tội đến thật rồi đây ! Tôi tiu nghỉu đứng dậy, chàng ràng đi lên. Đứng co ro bên cạnh bàn thầy, lắng tai nghe tiếng gió rít lảnh lót ngoài trời, mường tượng như đang nghe tiếng roi mây quất trót trót, tôi bỗng ứa nước mắt.

- Nội câu "cái chuông" thôi, trò được 10 điểm và đứng đầu lớp.

Cái gì? Có lý nào? Như bị điện giật, tôi lơ láo đưa mắt nhìn quanh, lòng nơm nớp sợ thầy mải mơ ngủ đâm ra nói...sảng hoặc sợ mình hãi quá hai lỗ tai hoá lùng bùng nghe "chữ nọ xọ chữ kia" chăng. Bằng chứng sờ sờ, làm gì có chữ "cái chuông" trong bài Tập đặt câu

của tôi, chỉ có độc hai chữ "ái uông" thôi . Nhưng kìa, ánh mắt thầy vẫn nhìn tôi âu yếm.

- Trò đặt câu hay lắm, thầy có lời khen ngợi !

Chụp vội quyển vở trong tay thầy, tôi chạy bay về chỗ ngồi. Yên vị đâu đó, tôi phổng mũi lên, xoay qua xoay lại xoay tới xoay lui, ném cái nhìn hống hách lên từng khuôn mặt ngẩn tò te của lũ bạn bè. Xong màn...trả thù đời, bình tâm hồi nhớ lại câu phê bình của bác tôi lúc nãy "đầu óc lão đựng đầy mủ mít", tôi cúi gầm mặt xuống , dấu nụ cười e thẹn. Đầu óc thầy Cẩn đựng đầy mủ mít hay vì canh Bài Tới đêm qua rã sòng quá trễ làm khi tới lớp thầy còn ngái ngủ...? Rồi, giữa cơn buồn ngủ da diết, giữa nỗi chán ngán não nề phát xuất từ chồng vở cao nghệu chứa đựng cả trăm bài làm ngây ngô xoàng xỉnh giống nhau, bầy thằng ngọng trơ trẻn, vô duyên đoảng vị với mấy tiếng kêu lạ đời vô cớ nhảy sổng vào vòng chiến đâu khác gì tên hề xuất hiện đúng lúc giúp khán thính giả nguôi quên bớt nỗi chờ đợi nặng nề lâu lắc giữa hai màn kịch dở. Điểm số 10 thầy cho có lẽ vì muốn thưởng công tôi làm...hề giỏi, hơn vì thấy bài tôi làm hay hoặc đúng. Ôi, bác! Ôi, thầy!

Từ đó, tôi...nổi tiếng. Lũ bạn trong lớp, bầy anh em con chú con bác con cô, có đứa hứng chí bắt đầu gọi tôi là...nữ sĩ. Tôi "ngậm miệng ăn tiền".

Điều đáng nói là: có đôi khi say đà lỡ quên, tôi "cầm nhầm" luôn cái điều người ngoại cuộc đã nhầm để đinh ninh mình là nữ sĩ thật. Bị danh vị hão huyền đôn đốc, lớn lên tôi tập tành cầm bút. Tôi viết, khi thật lúc chơi, khi đều đặn cần cù, lúc không có lấy một dòng chữ ra hồn trong suốt cả chục năm trời ròng rã. Đôi khi tình cờ đọc đâu đó bảng liệt kê tác phẩm ra đời dài như...lá sớ của một nhà văn nào, tôi bần thần cả buổi. Bần thần, không phải vì ganh tị tiếc rẻ hay buồn bã mà chỉ vì lý do tôi mãi gặp vấn nạn khi xét về mình: tôi thiếu tài ba, thiếu ý chí hay phải chăng...ngay từ lúc sơ khai cái duyên văn tự của tôi đã bắt đầu một cách cực kỳ ba lơn cực kỳ dí dỏm cực kỳ khôi hài, cho nên cái hậu vận không làm sao tránh khỏi cảnh trôi nổi bông lông bọt bèo của "cái thuở ban đầu" phù phiếm ấy ?

HỒ PHỔ LẠI
Québec tháng tư 1994



SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY

Người góc núi

Vì em ngọc đã chuyển màu
Vì tình ngải đã bầm màu huyết trong...
(thơ Sư Trưởng HQH)

ngày trao khăn lụa chia ly
chặm trên mắt ướt
nhớ chi hẹn hò

níu tay không muốn xa bờ
sợ đời tách bến,
sợ đò
sông ngang

ngày em
pháo đỏ thuyền sang
dặn đừng nhẹ dạ, má hồng dắt đi

ngày em
điểm phấn gài mi
dặn tôi đứng đợi, rủi khi em về

tôi người góc núi, miền quê
học kinh thư cũ: đã thề. Phải ghi...

ngày em
bối tóc vu quy
dặn tôi ở vậy, đôi khi em về...

có người thảo dã, lòng quê
có đời cuồng khấu hận thề trăm năm

lên non
thiền gốc sơn trầm
tìm cây thiết mộc
âm thầm
khóc riêng

đục rừng hỏi đá đảo điên
dầm sương gánh tặng,
núi nghiêng
bóng chiều

tìm em. Không thấy. Đổ liều
phóng tay
nổi lửa
hỏa thiêu
trùng trùng

lửa tàn
ngồi khóc rưng rưng
em
quên
không
dặn
than
đừng
cháy em.

tuyệt tình thảo trang 2.27.97
trích *ôm bình bát đi giữa chiến trường xưa*
SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY



PHÙNG THÀNH CHỦNG

Hai năm và bốn buổi chiều



Phùng đã vui suốt buổi chiều. Sự khắc khổ luôn thường trực trên "cái mặt không chơi được" của y - giống bản mặt của một kẻ mắc chứng đau bụng kinh niên - chiều nay như có phép màu, đã rạng rỡ tươi tỉnh...

Khi vui người ta cũng bồng bột như con trẻ. Y nói nhiều hơn bình thường, nói như kẻ uống rượu đã ngà ngà say. Hết thơ Bút Tre, hậu Bút Tre đến chuyện tiếu lâm hiện đại. Phải công nhận một điều là y nói chuyện rất có duyên, hai đứa con y cứ há hốc mồm ra mà nghe, mà cười... Nhìn cảnh ấy, Hiền, vợ y, cũng thấy lòng tươi lại. Thỉnh thoảng, đến những đoạn không thể nhịn được, thị cúi đầu, cắn môi cười lặng lẽ...

Thường những lúc như thế này là những khi y vừa viết xong một bài thơ hoặc một truyện ngắn mà y ưng ý. Thơ thì có thể không đòi hỏi thời gian nhưng phải là trong một phút xuất thần. Còn truyện ngắn - vì quá yêu mình, y viết rất chậm - phải hai ba tháng mới xong một cái. Vậy là những lúc như thế này thật hiếm hoi. Vợ con y đã quen lệ! Nhưng hôm nay thì không phải thế. Thời gian gần đây, y chẳng viết được cái gì. Mặc cảm có tội với vợ con về việc bỏ tiền ra in thơ (tập thơ đầu tay - trong điều kiện và hoàn cảnh gia đình y chưa cho phép) vẫn cứ đeo đẳng ám ảnh y cho đến tận bây giờ. Ba triệu đồng đổi lấy năm trăm cuốn sách để tặng, để cho, để biếu, chứ không phải để bán (Biết nhờ ai bán và bán cho ai?). Suy cho cùng cũng chẳng để làm gì, nếu không muốn nói chỉ để thỏa mãn cái thị

dục huyễn ngã của y là thói háo danh! Đến nỗi bây giờ - khi thực tế đã giúp y kịp bình tĩnh lại - thỉnh thoảng y vẫn giật mình thảng thốt...

Vậy sao bỗng dưng chiều nay lại có sự xa xỉ ấy? Nguyên do: Phùng vừa nhận được thư của Trương Quân - Một nhà thơ có tên tuổi, thay mặt cho Nhà xuất bản X... đích danh gửi cho y. Nội dung lá thư cho biết: Trong năm tới nhà xuất bản X... có kế hoạch in một *Tuyển tập thơ nghìn nhà* nhằm giới thiệu với bạn đọc những gương mặt thơ thuộc các vùng, miền của cả nước. Trên tinh thần ấy, Trương Quân - người chịu trách nhiệm bài vở - yêu cầu Phùng gửi cho 10 bài thơ mà y tâm đắc nhất, để từ đó nhà xuất bản có được 5 bài đưa vào tuyển tập...

Vậy là việc vợ y bỏ tiền cho y in thơ không phải là uổng! Không dễ gì một kẻ vô danh tiểu tốt như y mà lại được Nhà xuất bản X và một nhà thơ có tên tuổi như Trương Quân biết đến. Và cũng không phải ai có thơ in cũng dễ dàng có thể đứng trong tuyển tập...

Phùng đã không dấu giếm niềm tự hào với vợ con. Và từ lúc nhận được lá thư đó, y đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần. Phùng như kẻ mất trọng lượng. Khi vui người ta thường hay thái quá. Lúc này Phùng cũng vậy. Y có cảm giác lâng lâng như người say bia...

Dư vị ngọt ngào đó còn đọng lại và kéo dài trong nhiều ngày nữa...

*

Ba tháng, sáu tháng. Rồi một năm sau. Cũng vào một buổi chiều... Phùng đang ngồi viết thì vợ y lật đật chạy từ ngoài về, nói như reo:

- Này mình ơi! Có thư...

Liếc qua phong bì thấy nơi gửi là Nhà xuất bản X... Tim Phùng nhảy cẫng lên một cái rồi bắt đầu loạn nhịp. Phùng run run mở phong bì. Thư được đánh máy - kiểu gửi đồng loạt cho mọi người theo một mẫu chung, chỉ có phần ghi họ tên người nhận là được viết tay. Nguyên văn lá thư như sau:

Hà Nội, ngày... tháng... năm

Kính gửi nhà thơ Văn Phùng

Nhà xuất bản rất vui mừng báo tin để anh chị (sic) biết: "Tuyển tập thơ nghìn nhà" cho đến nay, chúng tôi đã biên tập xong. Đọc 10 bài thơ của anh chị (sic) đã sớm định hình, báo trước một cây bút đầy hứa hẹn và nhiều triển vọng. Trong tương lai chắc anh chị (sic) sẽ còn đi

xa hơn. Rất tiếc khi quy định của tuyển tập là mỗi tác giả chỉ được giới thiệu tối đa là 5 bài...

Vì gặp khó khăn về kinh phí. Nhà xuất bản yêu cầu các tác giả, mỗi người ứng cho 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh chị có thể trực tiếp mang đến nhà xuất bản, hoặc gửi qua đường bưu điện. Thời gian từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... năm... Rất mong nhận được sự ủng hộ của anh chị (sic) để tuyển tập có thể ra mắt bạn đọc trong năm nay. Cuối cùng chúc anh chị (sic) cùng anh chị an khang thịnh vượng.

Chào thân ái.

Thay mặt Nhà xuất bản X...

Nhà thơ Trương Quân

...Vốn nhạy cảm, thấy Phùng có vẻ không vui - khác hẳn với mọi lần, sau khi nhận thư - Hiền vợ y, nhìn y rụt rè:

- Có... chuyện gì thế mình? Phùng ấp úng:

- Họ bảo... phải nộp tiền!

- Tiền gì?

- Tiền mấy bài thơ đưa vào Tuyển tập...

Vợ Phùng ngẩn ra:

- Bao nhiêu?

- Ba... trăm... ngàn?

Gương mặt vợ Phùng thoáng nét bối rối:

- Họ có nói thời hạn...?

- Nửa tháng.

- Mình tính sao?

- Hay là... thôi... không in nữa (?!).

- Mình đừng nghĩ quẩn...

- Nhưng... tiền đâu?

- Không có thì đi vay...

Phùng nảy người lên như bị điện giật:

- Vay rồi lấy gì mà trả?

- Có bụng ăn, khắc có bụng lo. Việc đại sự - ngừng một lát, thị tiếp - khối người muốn còn không được, mà... - thị trách yêu - mình là chúa hay tiếc tiền...

Phùng nhìn vợ như vừa nhận ra một việc gì đó. Miệng y giật giật, y lắp bắp:

- Kìa... mình...

*

Lại 6 tháng nữa trôi qua! Mặc dù tiền đã gửi đi, nhưng cái

Tuyển tập thơ nghìn nhà "bặt vô âm tín"! Đúng vào lúc Phùng đã quên nó đi, đã không còn nghĩ đến nó nữa, thì vào một buổi chiều, y lại nhận được thư của Trương Quân. Lần này cảm giác bị sỉ nhục là y đã bị người ta coi thường khi thấy cái sản phẩm được xuất bản hàng loạt, mà người ta gửi đến trên tay:

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Kính gửi nhà thơ Văn Phùng

Đầu tiên, Nhà xuất bản xin được thành thực cáo lỗi với anh chị về việc "Tuyển tập thơ nghìn nhà" đã không ra mắt được bạn đọc đúng như dự định. Một phần lý do của sự chậm trễ đó là công in quá cao, và một phần do giá giấy tăng! Mặc dù vậy, Nhà xuất bản đã quyết tâm - bằng mọi giá - ấn phẩm phải được ra mắt bạn đọc đúng vào dịp Tết Nguyên Đán sắp tới. Trong tình hình hiện nay phải nói đó là một cố gắng rất *lớn của Nhà xuất bản. Mong rằng "Tuyển tập thơ nghìn nhà" sẽ thực sự là món quà có ý nghĩa với anh chị nhân dịp đầu năm mới. Trên tinh thần đó, Nhà xuất bản yêu cầu anh chị - về phần mình - cùng chia sẻ khó khăn với Nhà xuất bản, mỗi người 200,000 đồng (hai trăm ngàn đồng) coi như anh chị bỏ vốn với Nhà xuất bản, theo phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm." Số tiền đó (năm trăm nghìn đồng của hai đợt) sau này Nhà xuất bản sẽ trả bằng sách. Nếu anh chị nào có nhu cầu (từ năm cuốn trở lên) để tặng người thân hoặc bạn bè, xin đăng ký ngay để Nhà xuất bản kịp thời nắm được và lên kế hoạch, vì số lượng in có hạn.*

Nhân đây cũng xin thông báo: Nhà xuất bản khuyến khích những ai nhận phát hành - nhằm quảng bá cho "Tuyển tập thơ nghìn nhà" đến với đông đảo bạn đọc - sẽ được hưởng 25% tiền phát hành phí theo giá bìa. Rất mong nhận được sự ủng hộ kịp thời và thiết thực của anh chị. Cuối cùng, xin chúc anh chị và gia đình vui, mạnh...

Chào thân ái.

Thay mặt Nhà xuất bản X...

Nhà thơ Trương Quân.

...Phùng đã vò nát bức thư. Y không đủ can đảm cho vợ biết rõ sự thật. Cũng như y không thể ích kỷ đến mức vô liêm sỉ - một lần nữa lạm dụng lòng tốt của thị. Cũng may vợ y không có nhà...

Đã thế - in thì in, không in thì thôi! Phùng quyết tâm sẽ không són một đồng nào nữa. Để xem sau này họ xử sự với y như thế nào! Đúng lúc đó, cánh cửa buồng Phùng kẹt mở. Hường, đứa con gái lớn học lớp 11, từ buồng hớn hở chạy sang:

- Bố ơi, trên đài người ta vừa giới thiệu thơ của bố.

Phùng chưa nói gì thì nó đã tiếp:

- Con bảo với bà: "Người ta đang nói về bố cháu đấy!" - Bà lại bảo: "Thiên hạ thiếu gì người tên Phùng. Liệu có phải đấy là Phùng bố mày không?"

Phùng chua chát:

- Bà nói có lý đấy con ạ!

Hương ngây thơ cãi:

- Thơ của bố sao con không biết! Người ta ngâm cái bài bố làm tặng mẹ, hồi bố in thơ... - Rồi như để chứng minh với Phùng, nó đọc bài thơ *"Anh quên!"*

Anh quên rằng anh đã có em
Từ đâu như thể đương nhiên thế rồi!
In thơ chỉ một lần thôi
Để anh biết có một người là... em!

Phùng buột miệng:

- Đài nào?

Con bé hồn nhiên:

- Đài truyền thanh huyện...

*

Phùng cùn!

Nhưng lần này thì Phùng cùn được! Sự đời "mềm nắn, rắn buông." Dù có dằng dai thế nào thì cuộc hành trình của "Tuyển tập thơ nghìn nhà" cũng phải đến hồi kết thúc.

Sáu tháng sau - Đúng vào dịp giáp Tết Nguyên Đán - lại cũng vào một buổi chiều, Phùng nhận được thư của Trương Quân báo ra Nhà xuất bản lấy sách. Mặc dù Phùng chỉ cần năm chục ngàn làm tiền lộ phí đủ, nhưng sáng hôm sau vợ y vẫn dúi vào tay y cả một trăm ngàn:

- Mình cứ cầm cả đi nhỡ may còn phải chi món gì! Thừa còn hơn thiếu...

Phùng vội quay mặt đi, vốn dễ xúc động nhưng y không muốn vợ y nhận thấy ở y sự yếu lòng... Ở Nhà xuất bản X, người ta tính cho Phùng: "Anh góp với chúng tôi ba trăm ngàn. Mỗi cuốn tính theo giá bìa là một trăm ngàn. Như vậy của anh 3 cuốn, cộng với 1 cuốn biếu cho tác giả (coi như nhuận bút) là 4...

Phùng hờ hững nhận bút ký. Nhận sách, tra mục lục, y mới biết người ta chỉ in cho y có hai bài!

Phùng bỗng nhận ra những bài thơ của y khi viết thì bằng nước lã, nhưng khi in thì lại in bằng máu. Y đã tự hành hạ mình bằng

cách không ăn uống gì...

Về đến nhà, vừa đói vừa mệt, nhưng Phùng giật mình sửng sốt khi thấy nhà cửa được quét dọn sạch sẽ và thu vén gọn gàng như nhà có đám. Phùng ngơ ngác thì vợ y đã từ đâu son són chạy về. Nhìn thấy mấy cuốn sách trên tay Phùng hai mắt thị sáng lên. Thị vồ lấy, rồi bằng cả hai tay, thị ôm chặt mấy cuốn sách vào lòng như để khẳng định, để tin tưởng, để chắc chắn rằng chuyện chồng thị có thơ được in trong Tuyển tập thơ là có thật. Gương mặt thị rạng rỡ vì hạnh phúc. Thị tíu tít:

- Này mình! Con Hường nó khoe, hôm nay trước cả lớp, thày giáo chủ nhiệm của nó bảo: "Lớp chúng ta rất vinh dự có bố em Hường là một nhà thơ. Ngoài một tập thơ in riêng, lần này bố em lại có thơ in trong Tuyển tập." Rồi thầy giáo nó còn bảo: "Những ai muốn tìm hiểu về thơ Việt Nam hiện đại là phải tìm đến Tuyển tập." Là... "Bố bạn Hường đã có tên trong văn học sử." Là... "Thơ của bố bạn có thể được đưa vào chương trình giảng dạy trong sách giáo khoa..."

Phùng nhăn mặt như khỉ ăn phải mắm tôm. Y không biết nên khóc hay cười nữa! Vừa lúc đó con Hường từ ngoài ngõ chạy về, thở không ra hơi: "Bố!" Không để cho hai bố con kịp chuyện trò, vợ Phùng quay ra: "Xong cả rồi chứ?" Con bé vẫn vừa thở vừa trả lời mẹ: "Vâng ạ!" Bây giờ thế này - vợ Phùng tiếp - Con đến mời bác Hưng trưởng họ, bảo bố cháu về rồi, bác sang ngay..."

Phùng chột dạ: "Có việc gì vậy...?" - Vợ Phùng quay lại, thị vui vẻ: "Sáng ngày, mình đi khỏi, tôi đến hỏi ý kiến bác ấy xem nên thế nào? Bác ấy bảo hôm nay thím phải nghỉ buổi làm, đi làm sửa lấy cái lễ để lúc nào sách về, thắp nén hương báo cáo các cụ. Rồi mua lấy nồi nước chè, mời bà con họ mạc tối nay đến uống nước..." - thị tiếp như phân bua với Phùng - "nói với mình sợ mình phản đối, nên tối qua đã định rồi, lại không dám bàn..."

Phùng chợt hiểu ra tất cả! Hai mắt y như lồi ra khỏi tròng. Giống như sợ hãi, như là đang bị đe dọa bởi thế lực vô hình nào đó trước mặt. Cứ như thế giật lùi đi vào. Vợ Phùng hốt hoảng chạy theo: "Mình làm sao thế?" - Phùng lắp bắp: "Tôi... đa...au... đầu!" Vợ Phùng buông rơi mấy cuốn sách: "Mặt mình tái thế kia không khéo bị cảm..." - Rồi một tay đỡ lấy gáy Phùng, một tay thị đặt lên trán...

Ngoài cổng oang oang tiếng ông trưởng họ: "Nhà thơ đâu rồi?"

PHÙNG THÀNH CHỦNG



CAO XUÂN TỨ

Chén rượu đầu năm

ma men biển bắc
ngơ ngác chén rượu đầu năm
ngồi đây mặc cả dòng chữ mỏng run
canh bạc chơi vội
có tiếng réo mủn cun
mặt trời co mình
giữa đống củi nguội
hạt tuyết lừng khừng
lại mùa sales nét son
nhàn nhạt môi em bàng bạc
một loạt tàn nhang rất mới không tên
nằm đây mưa sài gòn nhớ
nắng hà nội mơ gió lào a lưới
nhớ ca ra ô kê sầm sơn

ôi tình yêu cháo lòng
rượu trắng nàng hương
khách sạn không sao đánh tráo thực đơn
những mùa xuân lướt qua
chưa một lần đăng ký
với trí nhớ với lãng quên
mưa trên mái tôn mưa
mát thềm nhà em mưa nát thềm
lục địa đã có lần nhìn trộm
dòng sông khỏa thân
đêm peeping tom đêm satan
lè lưỡi nếm tuốt
cồn cát bãi hoang
thành phố một thời nhan sắc ngụy trang

đêm lên tàu đi suốt
chiều dài đất nước
đi về hành trang
đánh mất bên bờ giới tuyến
còn tìm đâu cái thước
để đo chiều dọc
trái tim em

CAO XUÂN TỨ



BÙI NGỌC TẤN

Truyện không tên



Chị Sợi cho rằng tất cả mọi người trong ngõ Ánh Hồng đều biết rõ công việc của chị. Chị chấp nhận điều ấy. Với chị đó cũng là một nghề. Chị chấp nhận điều ấy. Với chị đó cũng là một nghề, một nghề như những nghề khác dù nó bị mọi người khinh bỉ. Dào ôi. Ai khinh thì cứ việc. Chị có cần người ta trọng đâu. Chị cần tiền. Để nuôi bà mẹ già nằm liệt sáu bảy hôm nay. Để có cái và vào miệng. Để có tí phấn son bôi lên mặt, giấu đi làn da đen đủi nhăn nheo, cặp môi tái nhợt của mình. Để có thể mua được một bộ cánh mới khi bộ cánh chị mặc trên người đã mòn, sờn, bạc, khiến chẳng còn ai muốn nhìn chị.

Chị còn cần tiền để phòng khi mẹ chị *nằm xuống*. Ít nhất cũng phải có bộ áo quan. Chị đã dành dụm mua được mấy tấm gỗ cốp pha, đã nhờ người cưa cắt sẵn nhưng chưa ghép mộng, mấy mét vải diềm bâu để liệm cho cụ. Tất cả cất trên gác lửng. Cả vải. Cả gỗ. Không thể để dưới gầm giường. Ở đó phân gio, nước giải của mẹ chị nằm liệt giường hôi thối lắm.

Chị cũng đã tích được một ít tiền, cứ định sẽ không bao giờ đụng đến, nhưng rồi vẫn cứ phải lấy ra tiêu. Bởi vì cả tuần lễ không bán được hàng, lại chẳng có một người *khách* nào đến *nhà* chị.

Chị Sợi có một mẹt hàng bán các thứ linh tinh ở đầu hẻm: ấm

nước chè, gói thuốc lào, bao thuốc lá, lọ ô mai, gói bánh bích quy. Mùa nóng chị bán cả bia hơi. Khổ nỗi là chị chẳng thể nào cạnh tranh nổi với hàng quán san sát gần đó. Họ có lều quán. Họ có cái bán mái nhô ra. Họ có cả căn nhà mặt tiền của họ. Hàng của họ trông vui mắt, sạch sẽ, sang trọng, nhiều loại, mới tinh, đầy vẻ mời chào. Chứ không như hàng của chị. Vạ ra vỉa hè thì chớ. Lại còn bụi bậm, bạc phếch, cũ kỹ. Không biết bao Vinabata của chị bóc bán được chưa mà vỏ bao đã nhợt ra hết cả.

Để làm bớt đi vẻ nghèo nàn tiều tụy của mẹt hàng, chị Sợi đã ngồi lánh ra một nơi, cách xa cái đám phồn hoa kia. Khách của chị cũng muốn như thế.

Đó là những người ăn xin. Những người ăn mày là khách hàng chủ yếu của chị. Những người này cũng muốn có một chỗ dừng chân sau khi đã rạc cẳng trên các vỉa hè. Những người này cũng muốn trở lại làm người, cất đi trong chốc lát bộ mặt nhăn nhó đau khổ của mình khi đi ăn xin. Họ cũng muốn chuyện trò đôi câu một cách bình đẳng ngang hàng với những người không phải là ăn xin như họ. Họ cũng muốn ăn một cái bánh bích quy, cũng muốn lấy cái điếu cày của chị kéo một hơi cho đã, rồi chiêu một ngụm nước chè trước nụ cười tán thưởng của chị. Sang hơn thì làm một điếu Vinataba. Để rồi lại đi.

Chị Sợi quen rất nhiều ăn mày. Chị biết có những người đi ăn mày để có tiền bó cái bậc hè. Để láng nốt góc sân còn dở dang. Để thêm vào xây cái bể. Chị biết có những người ăn xin vì không muốn làm nghề gì khác. Nhiều người trong số họ là những người tình chốc lát của chị. Cô điếm già, xấu, nhăn nheo, gầy gò còn có thể có khách nào ngoài đám ăn mày.

Người ta đi tới, ngồi xuống, uống chén nước chị rót và khẽ nháy mắt, hất hàm về phía trong hẻm. Chị khẽ gật đầu. Người ấy đi. Đi thẳng hè phố để rồi lát nữa mới quay lại. Chị Sợi thu xếp tất cả hàng họ vào thúng, bưng về nhà, đổ chậu phân nước giải dưới gầm giường bà mẹ, rồi đi tắm rửa bằng xà phòng thơm, lại còn xịt vào người, xịt vào giường bà mẹ, xịt lên gác lửng tí nước hoa rẻ tiền, kéo tấm ri đô che khuất một phía chiếc giường có người mẹ đang nằm khô như một cái xác nặng mùi hôi thối tỏa ra.

Chị đã làm mọi cách để mẹ chị luôn trong trạng thái sạch sẽ nhất. Chị khoét chiếu, khoét giát giường đặt chậu bên dưới. Quần

của cụ, chị cắt khâu lấy mà không một hãng thời trang nào có thể nghĩ ra. Nó chỉ có một mảnh vải ở đằng trước che kín bụng và dính vào hai ống.

Tuy vậy cũng chẳng thể nào tránh được mùi hôi. Cũng may, người khách mới đến có thể nghĩ rằng đó không phải là mùi trong nhà chị. Bởi vì ngay trước nhà chị, phía bên kia con hẻm là một cái nhà xí công cộng. Nó dài đến non chục mét, phân, nước giải, nước mưa ngập ngụa đến sát hẻm. Mùi nó còn nặng hơn nhiều, nhất là những hôm có gió mạnh.

Nhờ cái nhà xí công cộng mà chị Sợi cảm thấy yên tâm khi có khách. Thứ nhất là vấn đề mùi như đã nói. Thứ hai, có nó nên không có những nhà bên kia đường hau háu nhìn sang. Cả một quãng dài, chỉ có một cánh cổng duy nhất là nhà chị. Những nhà liền bên, phía trong và phía ngoài đều xây tường cao, tìm mọi cách quay ngõ ra hướng khác. Quãng hẻm nhà chị thật vắng vẻ. Thảng hoặc ai có việc đi qua đấy, đều nín thở cắm mặt bước cho nhanh.

Từ vỉa hè phố chính, chị bưng thúng hàng về, mở khóa cổng nhà chị trong cái hẻm không một bóng người và người bạn tình tới sau cũng vậy. Anh ta chỉ khẽ đẩy cánh cổng gỗ, bước vào rất nhanh và cũng rất nhanh khép cánh cổng gỗ lại, chị chỉ việc đi ra, cài chốt cửa, thì thầm "vào đi, vào đi." Thế là xong. Yên tâm. chắc chắn chẳng một ai nhìn thấy chị. Chị không xấu hổ. Nhưng chị sợ. Chị sợ người ta sẽ xúc chị xuống trại 26 là trại cải tạo gái điếm và nếu vậy thì mẹ chị ai trông? Vì tuy rằng chị là điếm thật nhưng có như những cô điếm khác đâu. Họ trẻ trung, xinh đẹp, đắt khách, sang trọng, hái ra tiền. Khách đến nhà chị năm thì mười họa, lại là thứ khách mạt hạng, tiền kiếm được cho mỗi lần đi khách của chị có đáng là bao! Cho nên những người không biết thì ái ngại cho chị về cái nhà xí công cộng mênh mông trước cửa, còn chị, chị cám ơn nó. Và chị đâm lo khi nghe mong manh rằng đang có chủ trương phá đi cái nhà xí ấy. Chị còn nghe nói hai hộ làm ăn gì đó một ở phường, một ở quận sẽ chia đôi khu đất ấy, làm nhà tầng ở đó. Thật nguy. Chị sẽ bị dồn vào bước đường cùng. Sống bằng gì? Làm ăn ra sao khi đối diện với nhà chị là hai gia đình lúc nào cũng người ra vào tấp nập? Rồi chị tự nhủ. Thôi, ngày nào biết ngày ấy. Phải hết sức tằn tiện. Tương lai còn khó khăn. Thế này là tốt lắm rồi. Được đến đâu hay đến đó. Biết đâu mà lo trước.

Thực ra chị Sợi có chi tiêu một khoản nào gọi là hoang phí đâu. Cứ gọi là những khoản bất hợp pháp cũng không. Làm hôm nay

nhưng luôn nghĩ tới ngày mai. Ngay trong một năm cũng có hai đợt ế khách. Trừ dịp Tết ra không kể, cứ đến ngày mùa là thành phố vắng bóng ăn mày. Họ trở về quê hương, gặt rồi cấy hái. Chỉ đến lúc nông nhàn, họ mới rời làng ra đi. Quãng thời gian ấy chị sống chỉ bằng cái mẹt hàng, bán cho những chú bé đánh giầy hay những khách bộ hành đi ngang qua. Nên bí lắm chị mới rút từ số tiền dành dụm được ra một ít để chi tiêu.

Thế giới của chị Sợi là thế giới ăn mày nên chị rất hiểu họ. Có ông ăn mày giả là người tỉnh T, chị bảo không phải. Người ở đây thôi. Người tỉnh T, không nói giọng ấy, có muốn nghe tiếng vùng T không, tôi nói cho mà nghe. Lại còn anh nói lỡ độ đường. Chị bảo đừng nói thế. Cứ nói là đi ăn xin. Lỡ độ đường gì mà hôm nào cũng lỡ độ đường. Xấu gì chuyện phải đi ăn xin. *Ăn mày là ai, ăn mày là ta*... Nghe chuyện chị, người ăn mày ngồi chung quanh cái thúng của chị thấy tự tin hơn. Họ cởi mở cùng chị, quý chị rồi dần dần đi cùng chị từ vỉa hè phố chính vào nhà chị trong ngõ thối.

Trong số những người chồng hờ ấy, chị đặc biệt yêu quý một anh ăn mày trẻ, còn ít tuổi hơn chị. Anh ta cũng đến với chị không như người đến với gái làng chơi.

Chị có thể nói thật với anh tất cả. Ví như khi hai người đã đi qua bức ri đô che cái giường có bà cụ già giả cách ngủ, trèo lên gác lửng và khi anh nắm tay chị, chị bảo:

- Anh có tiền đưa em vài đồng, em ra ngoài kia ăn cái gì tí đã. Em chưa ăn. Đói quá.

Anh đưa tiền ngay. Bởi vì chính anh đã khuyên chị tuyệt đối không đụng đến số tiền dành lo ma chay cho cụ. Để anh một mình trên gác lửng, chị cầm tiền anh đưa, mở cổng đi. Một lát sau chị về mang theo cho anh một cái bánh mì và một bát gân bò cùng với bạc nhạc hầm, gọi là món *nhừ*.

- Anh ăn đi. Hôm nay họ nấu hơi mặn, nhưng ngon lắm. Em ăn hai suất. *Húc Như cẩu.*

Sau khi yêu nhau bên những tấm ván quan tài còn để mộc và chưa ghép mộng, bao giờ anh cũng nán lại trò chuyện, hỏi chị về diễn biến bệnh tật của bà cụ, công việc của chị, còn chị thì ngắm nghía cái chân khoèo của anh, cái chân mà chị biết rằng trước đây nó cũng lành lặn, bình thường như cái chân bên kia, chỉ vì giả què lâu quá, nên đã thành què thật. Anh đã kể cho chị nghe chuyện chân anh. Còn chị kể cho anh chuyện mẹ chị. Khi bị ngã gẫy xương hông, nằm liệt,

ba năm đầu cụ hát. Ba năm sau cụ chửi. Và một năm nay cụ yên lặng. Mỗi khi có khách lên gác lửng cùng chị, cụ nhắm mắt giả cách ngủ. Anh thương chị. Chị thương anh. Chính anh đã mượn cưa, bào ở đâu về cưa, bào, đo, cắt mộng mấy tấm gỗ cốp pha, ráp thành cái áo quan cho cụ. Và cũng chính anh, dù què một chân cũng đã bấc ghế trèo lên, xây thêm hai hàng gạch pa panh tường bao cho nó cao thêm, chắn bớt cái hơi nhà xí tạt vào.

Người thứ hai chị Sợi yêu quý là một phụ nữ. Một cụ già. Bà cụ Mít. Đó là một bà già thấp bé, lại còng, mặt chằng chịt vết nhăn, chẳng biết bao nhiêu tuổi nữa. Chính bà Mít cũng không biết mình bao nhiêu tuổi.

Hôm ấy, chị dọn hàng, ngồi từ sáng đến trưa mà chẳng bán được một hào. Vét hết tiền trong người mua được một bát cơm, một bát canh suông định ăn thì bà Mít đến chìa tay xin. Đang cầm đũa, chị hạ xuống, thành thật:

- Bà ơi! Con không còn một hào nào trong người. Có ít tiền lẻ mang đi để trả lại cho khách, mua được bát cơm, bát canh này đây, bà ăn đi.

Bà ăn mày toan bước đi tiếp. Nhưng chị Sợi đã kéo tay bà:

- Bà ngồi xuống đây. Bà ăn đi. Con mời bà thật đấy.

Bà cụ ăn. Thế là từ đấy quen nhau. Thỉnh thoảng trên đường đi ăn xin, bà lại ghé qua chỗ chị. Bà móc trong bị ra khi quả chuối, khi quả cam, lúc nắm xôi và kể lai lịch những món ăn sang trọng ấy của bà. Ai cho. Ai thương người. Ai xởi lởi. Ai xua đuổi. Nhà nào làm giỗ, cho bà cả bát miến thừa mà không mang về đây được. Bà cũng kể cho chị biết vì sao bà phải đi ăn xin. Bà ở vùng Hà Nam, Phong Cốc. Anh con trai duy nhất của bà a dua với bọn xấu trong làng đi ăn trộm lợn. Án xử hai năm. Trong tù bị bọn đầu gấu đánh chết. Người con dâu bỏ đi lấy chồng, để lại cho bà hai đứa cháu gái, đứa chín tuổi, đứa bảy tuổi.

- Bây giờ một đứa lên tám, một đứa lên mười rồi cô ạ. Vài năm nữa, chúng nó lớn khôn là tôi không lo gì nữa. Tôi có chết cũng không ân hận.

Một lần bà Mít đến, nắm lấy bàn tay chị:

- Em ơi. Chị nhờ em một cái này được không.

Bà ngập ngừng. Chị Sợi không hiểu chuyện gì. Nhưng rõ ràng là một việc hệ trọng, rất hệ trọng đối với bà.

- Giúp chị với em nhé. Chị tin ở em.

Thì ra bà muốn gửi chị tiền. Tiền và vàng, là cuộc sống của hai đứa cháu côi cút của bà ở quê. Chúng còn bé lắm. Chúng mồ côi, chúng mong bà. Chúng cần tiền của bà. Bà phải nuôi chúng. Chúng chưa thể tự kiếm sống được, chưa thể tự lo liệu được. Để nhiều tiền trong người, bà sợ. Suốt ngày đi bộ rạc cẳng mà đêm cứ ngủ chập chờn. Nên nghe chừng thấy nằng nặng hầu bao, bà phải mang tiền về quê. Bà nói với chị rằng bà cũng muốn về quê lắm để được nhìn mặt chúng nó. Để nằm ngủ với chúng. Để bà ôm chúng. Để chúng ôm bà. Để nấu một bữa cơm nóng, bà cháu ngồi ăn, đơm đơm xới xới. Để tắm rửa giặt giũ cho chúng nó. Để xem hai chị em có quấn túm thương yêu bảo ban nhau mà sống khi bà vắng nhà không. Về quê sung sướng là thế nhưng lại tốn kém, mất ngày mất buổi, ảnh hưởng tới số tiền kiếm được.

- Thoạt đầu tôi lo nên cứ phải về nhà luôn, chứ bây giờ cũng đỡ rồi. Nghe chừng chị em cũng biết thân biết phận, thương yêu nhau. Bà con xóm làng cũng thương, qua lại trông nom bảo ban. Tôi cũng yên lòng. Với lại còn khỏe ngày nào phải cố ngày ấy cô ạ. Chứ tôi nghe trong người tôi biết, sức cạn lắm rồi. Ngộ nhỡ nằm đấy thì khổ cả bà, cả cháu.

Bà bật cười:

- Cháu cô còn biết cuốc vườn, trồng rau, lại nuôi được một con gà mái đẻ. Chuyến trước tôi về cứ nhất định luộc trứng cho bà ăn.

Chị Sợi nhận những đồng tiền bà gửi. Những đồng tiền giống những đồng tiền chị nhận từ tay những vị khách ăn mày của chị: Nhàu nát quăn queo bẩn thỉu, rồi loại tiền hai trăm, ba trăm, họa hằn lắm mới có tờ giấy một nghìn. Những tờ giấy bạc không biết đã qua tay bao nhiêu người đã bạc thếch, thẫm đen, đẫm mồ hôi, mỡ và ghét bẩn, nhưng nó vẫn là tiền, là mồ hôi nước mắt, là cuộc sống. Chị nắm chặt tay bà:

- Bà yên tâm. Tiền bà gửi con không suy suyển một xu.

Bà Mít rân rấn:

- Cô phúc đức quá. Cầu trời Phật phù hộ độ trì cho cô.

Chính chị Sợi chẩy nước mắt. Vì cảnh ngộ của bà. Vì hai đứa bé gái mồ côi ở một nơi xa mà chị chưa hề biết mặt. Chị chẩy nước mắt vì đây là tất cả niềm tin to lớn của ba con người khốn khổ hơn cả chị đặt vào nơi chị khiến chị tự hào và trách nhiệm của chị thấy nặng nề. Chị không có quyền phụ lòng tin cao cả ấy.

Chị Sợi đã quen với những món tiền bà cụ Mít gửi, với nét mặt

tin cậy pha lẫn biết ơn, sung sướng của cụ già ăn mày khi bà trao tiền cho chị, những món tiền nhỏ nhoi, khi hai chục nghìn, khi ba chục nghìn, nhưng cộm lên tướng vì *mệnh giá* của đồng tiền quá nhỏ. Bà cụ cũng đã mấy lần đếm tiền về quê, lo lắng vì sợ bị mất cắp khi trở về và sung sướng khi từ chỗ hai đứa cháu ra thành phố.

Bởi vậy chị thật sự xúc động khi một lần bà Mít đến và lôi từ trong bị ra không phải là tiền mà là một xếp giấy xi măng đã được giặt sạch sẽ, phơi khô. Và mấy ngày sau lại thêm bốn cái túi đựng bánh kẹo bằng ni lông. Bà cụ gửi chị tất cả. Đó là cái vải liệm của bà, những cái túi bọc bàn chân bàn tay cho bà khi bà chết. Chị nhìn bà, mãi mới nói được một câu:

- Bà ơi. Bà cẩn thận thế hở bà.

- Chẳng biết ông giời còn để sống bao lâu nữa cô ạ. Đi qua chỗ người ta đang xây nhà. Vỏ bao xi măng nhiều quá. Nói khó mãi, người ta thương, cho hai bao. Thế là mới nghĩ đến túi ni lông. Cứ chuẩn bị trước đi là vừa cô ạ. Ngộ nhỡ đùng một cái, ông giời ông bắt mình đi, các cháu cô còn dại lắm, chúng nó biết xoay sở làm sao. Cái chiếu cũng không biết mua đâu. Chẳng lẽ lại lấy chiếu nằm của chúng nó. Với lại giấy xi măng này tốt hơn chiếu đấy cô ạ. Định xin mấy cái bao dứa nhưng người ta không cho. Mua thì không còn tiền. Bao giấy cũng tốt chán.

Chị thẫn thờ nhìn theo bà cụ ăn mày đi trong gió bấc hun hút mà thấy thương cho mình, thương cho bà, thương cho những kiếp người khổ cho đến lúc chết. Rồi lại nghĩ đến mẹ. Dù sao mẹ chị cũng còn sung sướng hơn bà Mít. Mẹ chị còn có mấy tấm gỗ cốp pha, mấy mét diềm bâu. Có lẽ chị cũng phải kiếm mấy cái túi ni lông phòng xa như bà Mít!

Mùa rét bao giờ cũng là thời gian gay go của chị. Hàng họ ế ẩm. Khách đến nhà cũng ít. Bù lại với đám ăn mày, mùa rét là mùa cưới xin, mùa bốc mả. Trong khi *hiếu, hỷ,* người ta rộng rãi với ăn mày. Bà cụ Mít vẫn thỉnh thoảng tới chỗ chị để cho chị hòn xôi, miếng thịt. Bà kêu rét và gửi chị thêm một ít tiền. Chị bảo bà đã gửi bốn lần tiền rồi sao không mang về cho các cháu kẻo chúng nó mong, đã lâu rồi bà chưa về nhưng bà Mít nói: "Tôi cố thêm ít ngày nữa. Rồi về ở với chúng nó một thời gian. Ngoài giêng tôi mới ra. Bà cháu xa nhau lâu quá rồi. Lại còn phải cố mua cho mỗi đứa một bộ quần áo mới mặc Tết."

Chị Sợi *kiểm kê* số tiền bà Mít gửi trong những đợt ấy. Chị khoe với anh què hôm anh đến với chị:

- Xem em nhiều tiền không này!

Anh què bảo:

- Lần cuối bà ấy đến gửi là cách nửa tháng rồi à? Thế thì bà ấy sắp quay lại đấy.

Chị cũng nghĩ vậy. Mỗi lần bà Mít gửi tiền cách nhau khoảng chục ngày. Chỉ ngày một ngày hai, bà sẽ về cầm chỗ tiền này cùng với chỗ tiền bà mới xin được đem về quê nuôi cháu. Cả hai cùng mừng cho bà. Họ hình dung ra hai đứa cháu bà vui sướng như thế nào khi bà về, chìa ra cho mỗi đứa một bộ quần áo mới. Họ cũng mong bà xin được nhiều và sớm về đây để lấy chỗ tiền bà gửi, bởi vì những đợt gió bấc giá lạnh thỉnh thoảng điểm mưa phùn tê cóng khiến chị Sợi cũng thấy buốt cả đầu óc và phải nghỉ bán hàng.

Nhưng cả tháng sau bà Mít vẫn không quay lại. Chị Sợi biết rằng có chuyện chẳng lành nhưng vẫn hy vọng được thấy dáng người nhỏ còng còng của bà trong tấm ni lông vá víu chống gậy, khoác bị bước tới. Chị chưa chờ ai đến như vậy. Lo lắng. Hy vọng. Tuyệt vọng. Chắc chắn bà Mít đã chết ở đâu rồi!

Chị Sợi kiểm lại số tiền bà Mít gửi một lần nữa. Rồi gấp những tờ giấy xi măng, những túi ni lông. Cho tất cả vào một cái túi xách. Bây giờ chị không chờ bà Mít nữa. Chị chờ anh què đến. Chị bảo anh:

- Bà Mít chết thật rồi. Anh phải giúp em. Ở đây trông nom, cơm nước, rửa ráy cho mẹ em vài ngày. Em phải đi đây.

- Em biết quê bà ở đâu mà tìm?

- Cứ về Hà Nam, Phong Cốc hỏi. Thế nào cũng ra. Hỏi dân. Hỏi tòa án.

Phải đem chỗ tiền này về cho hai đứa trẻ mồ côi. Phải thực hiện nguyện ước của bà cụ, kể cả việc mua hai bộ quần áo mới cho chúng nó.

Buổi sáng hôm sau, từ biệt mẹ, từ biệt anh què, bước tới cửa chị sững lại: một dẫy xe máy sáng loáng dựng ở đầu hẻm, một đám người đi ủng đang cầm thước, cầm dây, lội vào khu nhà xí ngập ngụa đo và ghi chép. Tim chị thắt lại vì lo. Đúng là người ta sắp xây nhà tầng ở trước mặt nhà chị! Nhưng chị không có thời gian dừng lại. Phải đi ngay kẻo lỡ mất chuyến tàu... _

BÙI NGỌC TẤN



HÀN VŨ HÙNG

Giấc mơ sinh nở



Tôi đã mơ một giấc mơ kỳ lạ. Sau giấc mơ ấy tôi âm thầm sống trong niềm chờ đợi mơ hồ về một hiện hữu có thể đem lại cho cuộc đời tôi một hạnh phúc tuyệt vời. Tôi mơ thấy giấc mơ ấy lần nữa và xem lại nhật ký, tôi ngạc nhiên: đúng chín tháng mười ngày đã trôi qua, bằng thời gian cần thiết cho một người đàn bà hoài thai. Tôi đã hoài thai giấc mơ ấy. Hôm ấy tôi cảm thấy nôn nao lạ thường, tâm trí bần thần ray rứt, bất an. Như có cái gì quẫy đạp trong tôi, thôi thúc tôi và một nỗi đau mơ hồ dai dẳng kéo giật từng sợi dây thần kinh, từng cơ bắp (sau này tôi biết đó là triệu chứng trở dạ). Đến đêm tôi mơ thấy giấc mơ ấy.

Sáng hôm sau, tôi hết sức bồn chồn nóng ruột. Mây đen giăng đầy trời. Sấm nổ liên hồi, không gian oi bức nặng nề. Cơn giông không hoàn tất nên căng đầy không khí oi nồng. Tôi bật khóc để xả van nỗi buồn không tên ứ đọng. Tôi không hiểu sao tôi lại sinh ra và sống được ở cái thị xã u buồn, cằn cỗi và chật chội này. Có lẽ tôi là kẻ lạc loài bị số phận vô tình ném vứt ở đây. Tại sao bao nhiêu năm đi đi về về trên khắp các nẻo đường chật hẹp của phố thị, tôi không gặp một gương mặt dấu yêu nào?

Mọi người nhìn tôi nghi hoặc và lo ngại. Tệ nhất là người ta thương hại, chế giễu. Tôi thất tình! Tôi có dấu hiệu bị điên! Tôi tránh né mọi người, lặng lẽ cô độc và vô cùng muốn ra đi, ý muốn này dày vò và ám ảnh tôi từng giây phút. Nỗi lo âu thường trực.

Tôi vội vã bí mật ra đi. Không toan tính. Không sợ hãi. Đi để tìm kiếm Nàng. Một cuộc phiêu lưu đầy mộng mị. Tôi sẽ đi đến cái thế giới bí ẩn xa lạ mà quen thuộc từ thuở xa xưa nào đó...

Con đường nhựa thẳng tắp dài hun hút, có những bức tường xây rêu phong trầm mặc, những cánh cửa sắt cũ kỹ, khép hờ, những cây muối già nua tỏa bóng hai bên hè phố. Và ở đấy có một ngôi nhà xây mái bằng, cấu trúc đặc biệt, màu vàng sẫm, dàn hoa giấy phủ kín mái hiên, khoảng sân vuông vắn rải sỏi có bể cá, cây cảnh và một cây mận to lớn chi chít quả, bên gốc có ghế xích đu. Từ trong ngôi nhà kín đáo gợi cảm ấy, Nàng đi ra, duyên dáng kiêu sa nhưng gương mặt u buồn cô đơn. Mặc chiếc áo màu đỏ mịn màng, nàng giống như đóa hồng nhung dịu dàng trong ánh hoàng hôn. Và đôi mắt nàng...tôi chưa gặp một ánh mắt nào dấu yêu đối với tôi như thế. Và nàng nói...giọng nói vô cùng thân thiết, dịu dàng khó tả.

Không thể là nàng tiên hiện về như trong chuyện cổ tích. Hình ảnh Nàng rất xác thực, không gì xác thực hơn. Tôi đã từng gặp Nàng có thể vào một buổi thuở hồng hoang và tôi đã yêu nàng. Nàng là người yêu của tôi!

Tôi điên rồ dở hơi ư! Có thể. Nhưng nghĩa lý gì khi nằm ì như con tàu chết máy trên sân ga, không có hành trình? Suốt cuộc hành trình tôi không nghĩ gì khác ngoài sự chú ý ghi nhận vô số gương mặt thiếu nữ. Không có Nàng trong đám đông xuôi ngược giữa cuộc đời. Tôi lơ đãng để mất cấp sạch hành lý, chỉ còn lại món tiền còm trong túi áo. Buồn bã dao động, tôi muốn quay về. Nhưng tôi cắn răng tiếp tục cuộc phiêu lưu vô định. Tôi cảm thấy Nàng, trở về là tự lưu đày mình, là phản bội Nàng, là hoang vu đến chết.

Tôi nhịn đói đến ga Hòa Hưng, ngồi nán lại hồi lâu trên toa, tôi thoáng rùng mình khi nghĩ rằng, thế là chấm dứt một lộ trình bềnh bồng đầy ảo tưởng, một lộ trình được đảm bảo bằng chiếc vé mua trước, bây giờ một lộ trình mới bắt đầu, nguy nan, vô định và bất trắc. Tôi hoang mang nhìn cái đám đông khổng lồ tuôn tràn trên sân ga, bát nháo, cồng kềnh, vội vã, la hét, cái đám đông ấy như một con nhện kỳ quái có vô số chân, vô số xúc tu, chuyển động ầm ĩ ráo riết, hỗn loạn vô thức. Cảnh ấy khiến tôi nao lòng khôn tả và tự hỏi không biết những con người cùng đi chuyến tàu với tôi đang cuống cuồng vội vã rời ga kia đi tìm kiếm cái gì hay đã tìm kiếm trở về, thất vọng hay thỏa mãn? Mà liệu họ có thực sự tìm kiếm cái gì không? Hay họ chỉ đi lại chạy nhảy trên mặt đất này vô mục đích, chỉ vì họ có đôi chân, như con chim có cánh thì phải bay? Trời ơi, bây giờ tôi mới cảm thấy rằng sống như tôi đã sống quả là kinh khủng! Một thằng công chức ngày hai buổi vác cặp đến cơ quan, làm việc lẹt xẹt, nói năng tào lao, đi lại đĩnh đạc, phát biểu dè dặt rào đón, đủ tám tiếng (thường là không đủ), trông chờ hội nghị tổng kết để ăn nhậu, chẳng quen cô gái nào ngoài mấy ả quá thì thích nói tục ở cơ quan. Sẽ cứ thế suốt đời, có thể đến

bốn mươi tuổi được làm giám đốc, nhưng thế có gì khác nhau? Rốt cuộc, hắn lấy vợ (thì cũng phải như mọi người chứ) mà chẳng có tình yêu - một liên minh thảm hại, có gia đình mà vẫn mồ côi, có địa vị uy tín bạc tiền mà cứ ngoắc ngoải như con cá thiếu nước. Xin đủ! Hẳn chả tiếc gì mà không tung hê cái mớ bòng bong ấy đi! Biết bao triết gia của mọi thời đại đã huấn thị rằng cái đáng tìm kiếm nhất của đời người là NGƯỜI YÊU. Đừng hòng mà cãi lại.

Tôi buồn rầu nhìn vào đám đông khổng lồ trên sân ga chảy vào thành phố như dòng lũ đổ vào biển cả, phút chốc hòa tan và biến mất trong vô số ngả đường nườm nượp người xe và hàng hóa. Tôi bị thất lạc chìm nghỉm trong cái thành phố mênh mông phồn hoa và xa lạ kia. Cơn đói dày vò. Bước chân mộng du. Thế nhưng bản năng và tâm linh tôi hoạt động âm thầm ráo riết, chiếc ăng ten thường trực truy tìm những làn sóng yêu dấu. Tôi như con ong thoạt đầu bay loạn xạ rồi định hướng dần để tìm ra con ong chúa mất tích. Tôi lang thang suốt đêm cho đến khi kiệt sức tìm ghế đá công viên ngủ vùi. Về đêm, tôi nghe rõ trong không trung tiếng nói huyền bí của Nàng. Những ảo ảnh thoắt hiện thoắt biến. Tôi ghi nhận cả hàng ngàn thiếu nữ, lê lết trên vô số con đường. Đau khổ thất vọng tột cùng mà vẫn tin yêu, nhưng càng ngày tôi cảm thấy sự hiện hữu của Nàng thật gần. Tôi sống hết công suất để trấn áp sự nhiễu loạn của cái cuộc sống hiện đại náo động, đa sự và đầy lường gạt kia. Vòng tròn định vị co hẹp dần...

Rốt cuộc tôi đã tìm thấy con đường ấy, rồi bức tường rêu phong trầm mặc, ngôi nhà xây mái bằng cấu trúc đặc biệt màu vàng, cây mận, ghế xích đu...Giấc mơ đã hiện hình! Phải chăng trong thành phố này có nhiều tổ hợp cấu trúc không gian y hệt như vậy? có thể lắm, những cái nhân tạo người ta thường mô phỏng nhau. Nhưng còn Nàng? Lẽ nào các bà mẹ cũng thích mô phỏng nhau trong việc sinh con ư?

Lạy chúa! Tôi kịp thời nhận ra Nàng duyên dáng và u buồn trong chiếc áo màu hồng nhung. Gương mặt dấu yêu quen thuộc. Tôi chẳng hề kinh ngạc chỉ thấy vui mừng khôn xiết được gặp lại người thân yêu bị thất lạc hàng chục năm nay.

Tôi chặn Nàng ngay trước cổng nhà nàng như một tên du đãng định chấn lột cướp giật. Tôi quên mất vẻ nghèo nàn thảm hại của mình. Nàng khiếp sợ bước lùi lại. Tôi vội phân bua bằng những lời lộn xộn và nhìn Nàng bằng ánh mắt cháy bỏng đam mê.

Có lẽ nhờ cái giọng xứ lạ và bộ dạng lúng túng thật thà, thân mật của tôi, hơn nữa quá đượm chất ly kỳ bi kịch, nên nàng trấn tĩnh lại, lấy làm ngạc nhiên, nhìn tôi với cái vẻ vừa tò mò vừa thương cảm.

- Xin lỗi tôi đang bận. Nếu anh muốn, xin mời anh khi khác đến nhà tôi. Thật ra, tôi không hề biết anh là ai.

"Không, mình cần phải nói ngay bây giờ...", Tôi vội vàng kể tất cả những gì đã xảy ra với tôi và tôi cũng bộc bạch với nàng tình yêu cuồng điên của tôi.

Nàng lặng đi thật lâu. Ánh mắt Nàng biến ảo kỳ lạ. Rồi Nàng mỉm cười nhìn tôi, có vẻ âu yếm, xúc động.

Tôi nhìn Nàng và kể rành mạch về bản thân, sở thích, cá tính, tư tưởng, khát vọng, cả thời thơ ấu khổ lụy của Nàng. Tôi hiểu biết về Nàng như hiểu biết chính mình vậy. Nàng đã hoàn toàn tin tôi. Bỗng ánh mắt Nàng trở nên u tối.

- Em đã sống những năm tháng cô đơn phiền muộn. Lạ thật, anh hiểu quá rõ về em! Cách đây một tuần một người quen biết với gia đình đến cầu hôn em. Em đã nhận lời. Trời ơi! Thật ngu ngốc!

Tôi choáng váng. Ngực trái tôi bị bóp giật đau xé. Một thanh niên có vẻ quý phái từ trong nhà đi ra tiến nhanh đến bên chúng tôi, vẻ mặt sừng sộ:

- Có chuyện gì vậy?

Nàng thật thà kể lại những gì tôi kể với nàng. Anh ta văng tục cười gằn:

- Mày định lừa bịp chúng tao hả? Mày tưởng chúng tao là con nít hả?

- Anh đừng nên nói thế , Nàng can ngăn, Anh ấy chân thành.

- Hắn không lừa bịp? vậy thì hắn là thằng điên! Anh ta la hét ầm ĩ. Đúng là thằng điên! Cái xứ quê mùa ngoài kia có vô số thằng điên và ăn mày trôi dạt vào đây

Vài người nữa trong nhà nghe ồn ào chạy ra bu quanh tôi. Gương mặt Nàng tái mét.

- Mày muốn ăn đòn hả, thằng cù lần? - Một gã quý phái khác, mặt đầy mụn trứng cá, quát giọng hách dịch.

- Sao lại có cái giống lố bịch điên khùng này!

- Xin thưa, các anh các chị...tôi không có ý định xấu...Tôi không bị điên...tôi không lừa bịp...Tôi lúng túng, kinh hãi như con cừu non giữa bầy sói háu đói.

Họ phá lên cười ầm ĩ. Thằng mặt mụn dí quả đấm to bự vào mặt tôi, dụi một cái thật mạnh, hét lớn "Biến" như lão phù thủy làm phép. Ôi, giá tôi biến được ngay lập tức!

Người ta thô bạo chế giễu xua đuổi tôi như tôi là một thằng điên càn rỡ thực sự hay như một kẻ ăn mày phiền toái. Đúng hơn, họ thấy tôi là con chó ghẻ.

- Biến mau kẻo chúng ta lột truồng đấy! Ha ha ha.

Cái đám người quý phái, khoái trá có dịp được hành hạ một con

người và được vui cười không mất tiền mua. Giữa bầy súc sinh ấy Nàng lạc loài cô đơn và bất lực làm sao. Rốt cuộc, nước mắt dàn giụa, Nàng vùng chạy vào nhà, kêu lên bi thảm "Thật tồi tệ! Thật độc ác!".

Tôi trở về nằm rũ trên ghế đá công viên, hoàn toàn kiệt sức, vẫn còn nghe văng vẳng khắp không gian những giọng cười nham nhở, những lời chửi rủa thô bạo, ác nghiệt. Nếu tấm bằng đại học và những giấy tờ giá trị khác không bị mất cắp thì lúc này ắt cũng bị tôi xé mất. Tôi muốn xé nát cả đời mình...Tôi nằm mơ thấy Nàng trong bộ áo cưới lộng lẫy, Nàng khóc, Nàng nhìn thấy tôi lảng vảng ngoài đường bên cạnh lũ trẻ. Nàng định vẫy tay dấn bước về phía tôi thì chú rể đã kêu lên: "A, thằng điên! thằng điên!". Cả hội trường rống lên man rợ và bọn trẻ a dua ré lên lặp lại. Tôi bỏ chạy...như một thằng điên! Bọn trẻ ném đá theo tới tấp. Tôi choàng tỉnh, nước mắt đầm đìa.

Tôi chứng kiến đám hỏi của Nàng vào ngày hôm sau. Rồi đám cưới...Nàng vẫn mang bộ mặt nhàu nhàu cô đơn xa vắng đi vào hôn nhân, với trang phục lộng lẫy. Tôi vô ý để Nàng nhìn thấy, do đó người thân Nàng cũng nhìn thấy tôi và sự việc xảy ra đúng hệt trong mơ. Trước khi bỏ chạy tôi kịp nhận thấy Nàng ôm mặt khóc ngay bên chú rể, giữa tiệc cưới.

Có lẽ tôi đã điên thực. Tôi điên suốt ba năm, sống lang thang vất vưởng ở Sài Gòn, rách rưới, đói khổ, chui rúc ở các gầm cầu thang mái hiên, bến xe, những nơi bẩn thỉu, bị ghẻ lạnh, xua đuổi, chế nhạo. Ngày lẩm bẩm hát tình ca, đêm mơ về Nàng. Bây giờ tôi đã "tỉnh", đã trở về quê nhà sống bình thường như mọi chàng trai bình thường khác ở thị xã, chờ vận may.

Nàng đã chết cùng với giấc mơ của tôi. Khi tất cả không còn vọng động, không còn âm vang, thì Chúa ôi!...thật không ngờ, tôi lại gặp Nàng! Gặp Nàng ngay tại thị xã cằn cỗi u buồn của tôi!...Tất nhiên không một ai ngoài tôi biết được ý nghĩa của sự xuất hiện của người thiếu phụ lạ và ba đứa con nhỏ tại Thị xã vô danh này...Tôi mơ thấy Nàng dắt díu ba đứa con nhỏ rời khỏi nhà chồng rồi lên tàu. Nàng bận chiếc áo hồng nhung thời thiếu nữ, vẫn còn duyên dáng quý phái nhưng đượm vẻ mệt mỏi chán chường, hình như bất hạnh đang ẩn nấp sau vẻ quý phái kia...

Những cảm giác kỳ lạ của bảy năm trước lại trở về với tôi. Tôi cảm thấy nôn nao lạ thường, tâm trí bần thần ray rứt, bất an. Như có cái gì quẫy đạp trong tôi, nung nóng tôi và một nỗi đau mơ hồ dai dẳng kéo giật từng sợi dây thần kinh, từng cơ bắp. Đêm tối tôi nằm mơ thấy Nàng. Tôi lại hoài thai giấc mơ ấy!

HÀN VŨ HÙNG



THẬN NHIÊN

Bình yên! Bình yên!

đêm tan sở
băng qua block đường Broadway đến bãi đậu xe
ngước mắt nhìn trời thẳm sâu lồng lộng
này con người ,
hãy chọn ngôi sáng nhất
làm sao bản mệnh đời mình
hãy chọn , hãy chọn !

đi về phía tương lai luõc một giờ khuya
lúc đứa con gái lấm tấm tàn nhang
khoen đeo ở mũi
liếm ngược khoảng không trước mặt
giở ngực chào mời ra giá
cho phần đêm còn lại

hãy chọn ,
đêm trên thành phố này không bóng chó hoang
chỉ thêm một thằng người
thất lạc !

hãy chọn ,
lúc một giờ năm phút
lúc gã đen dắt sợi dây tròng cổ gã trắng
bò xổm trên vĩa hè
chìa nón:
" save a soul , man , give him one buck "
vong hồn tôi sang trọng
ném xuống đồng 25 xu
rợn da tiếng chó người tru hoang lạnh

hãy chọn ,
lúc một giờ sáu phút
chỉ còn những cửa hiệu lấp lóa đèn màu
(ba)XXX ; (bốn) XXXX
khe tò vò nuốt vội những đồng bạc nhớp nháp dục vọng
nhạc rồ dại rướn cong
những gã đàn ông tay bụm đũng quần
đần mặt ngó
loài nhuyễn thể trườn trơn trên mặt da đêm

hãy chọn ,
đêm phá trinh
đêm chấn thương sọ não
đêm thả rong bản năng sơ khai bầy đàn
đêm đèn đường úng thủy
hình nhân lờ đờ phố

hãy chọn ,
đêm rã rượi , rũ liệt
giận dữ , ứ máu và xa lạ
để cặm cụi cất dựng ngày mai

---

nhiều điều lớn lên con sẽ hiểu
như nỗi quạnh hiu của lửa
như hoang tưởng cũng cần thiết như đức tin ...
có lẻ rồi đêm sẽ bình yên
nên bố vẫn cần lời chào vào mỗi buổi chiều
“ chúc bố đi làm bình yên"
để tiếp tục cuộc người
cất dựng ngày mai
tiếp tục mơ hồ hy vọng vào sự phục sinh
của con người
của thiên kỷ mới
và của đêm
Bình yên ! Bình yên !

THẬN NHIÊN



QUÝ THỂ

Tiếng chuông



Một buổi mai trời trong veo xanh xanh màu khói hương vấn vương trong cây lá khu vườn nhà chùa. Có con chim chìa vôi đậu trong bóng lá tối cất tiếng hót. Thằng tiểu tên là Toàn Bích giật mình tỉnh giấc, thấy trời đã sáng, sợ sư ông rầy, hắn tự trách mình chỉ ham ăn ngủ, không lo tu trì, hắn chạy vội tới lầu chuông thỉnh một hồi chuông công phu, mới tinh tươi vui chào mừng một ngày mới vừa lặng lẽ nở ra tỏa ngát hương như một bông hoa.

Thằng Tèo mười sáu tuổi, con của lão Móm, mụ Huê, nhà nghèo, đông con, nuôi không nổi cho lên chùa nương nhờ cửa Phật, trước là để tu tâm, sau làm công quả kiếm cơm. Hắn lên chùa chưa đầy hai năm, thông minh đĩnh ngộ, học được môn chung pháp (thuật đánh chuông). Thầy cho quy y, ban tên Phật là Toàn Bích. Mặc dù tiểu Toàn Bích đã giữ đúng tám mươi mốt cái "oai nghi" của người Sa - Di nhưng chưa được thọ giới Sa - Di. Hắn đang trong thời kỳ lớn, tuổi ăn, tuổi ngủ. Cơm chùa chỉ có tương rau, chẳng có chất bổ dưỡng, ăn mấy bát cũng không no. Mà có no gánh một vài đôi nước, chẻ dăm cây củi đã thấy bụng đói. Từ đó hắn biết đi tu chẳng an nhàn tí nào, tối thức khuya, sáng dậy sớm, làm lụng quần quật suốt ngày lại còn kinh kệ học đạo. Lúc nào hắn cũng đói ăn, đói ngủ.

Đêm qua hồi gần sáng có mưa. Trong mơ hắn nghe tiếng mưa rơi rào rào trên lá. Thằng tiểu thấy thân hình mình trở nên trong suốt như cây nến. Hắn không thể đứng thẳng được nữa, người hắn cứ lom khom, mềm

nhũn như sợi dây cao su, thun lại rồi dài ra. Cuối cùng hắn thấy mình hóa thành con sâu đo trong suốt và xanh như cọng rau luộc. Hắn co người lại rồi búng ra một cái đi được nửa gang tay. Lúc đầu con sâu nằm dưới gốc cây hồng bạch. Hắn đang ngủ trong đám lá khô mọc đầy những cây nấm trông như hạt gạo. Có tiếng chân rào rào trên lá, hắn giật mình ngó ra thấy một con kiến khổng lồ, có cái đầu rất to, màu đỏ, bóng như thoa mỡ. Con kiến lửa há miệng ra, sau đó không biết nó cười hay dọa dẫm. Con sâu đo vội vàng búng người leo lên thân cây hồng. Con sâu đo chạy trốn nhanh lắm, mới một vài đo người nó đã lên tới ngọn, chỗ lá non hóa mầu hồng tím, với mấy cái nụ. Con sâu đo nhoài mình ra tới mép lá gặm lá non, chất nhựa cây ngọt lịm.

Hắn đang say sưa dùng bữa điểm tâm thì cặp chim chìa vôi, loài chim lưng đen bụng trắng chuyên bắt sâu bọ sống trong bụi tre, con kia bay ra ngoài đậu trên cành tre khô. Con trong bóng tối cất lên ba tiếng rít, có âm thanh như tiếng "khè." Con ở ngoài ngửa cổ hót một tràng tiếng gồm nhiều âm, lên cao và mỏng dần. Tiếng chim trong buổi ban mai tròn và trong như những hạt cườm tung lên cao, tới ngọn tre, tới nóc chùa, tới cả lớp mây như vảy cá dát đầy trời.

Tiếng chim làm cho con sâu đo hoảng hốt, chơi vơi rơi xuống. Từ cành hồng tới mặt đất chiều cao khoảng một mét và thời gian rơi chẳng tới một giây thế nhưng hắn cảm thấy rất xa, rất lâu, hắn loay hoay như bơi trong không, lo lắng nhưng lại tự an ủi: Mình là con sâu đo có tu hành, sáng chiều siêng năng công phu tịnh độ, thế nào đức Phật cũng cứu vớt. Ông Phật sẽ đưa bàn tay ra, cái bàn tay khổng lồ mà năm ngón tay là năm ngọn núi Ngũ hành sơn, đã từng nhốt con khỉ Tề thiên đại thánh. Lần này quả nhiên tay Phật đã đỡ. Hắn thấy mình rơi đúng vào cái lưới nhện, êm ái như bông. Hắn giật mình tỉnh dậy.

Hắn ngơ ngác, rồi biết con sâu là của giấc mơ, còn mình là thằng Tèo. Thằng Tèo chẳng việc gì phải lo sợ con chim chìa vôi. Toàn Bích chạy vội lên lầu chuông. Trong chùa có quả đại hồng chung đồ sộ như cái bồ đựng lúa. Hắn nghe chúng tăng trong chùa nói quả chuông nay đúc đã mấy trăm năm, chuông rất linh thiêng, có thể gia ân, báo oán. Quả chuông nặng mấy tấn. Khi đúc chuông phải huy động hàng trăm thợ lành nghề trong cả nước, họ nấu đồng trong mười mấy cái lò, cùng một lúc đổ vào khuôn. Bao nhiêu đồng vàng, đồng trắng, đồng đen cùng vàng bạc của thiện nam, tín nữ cống hiến đúc chuông. Quả chuông treo trên cái giàn làm bằng gỗ mít rất đồ sộ, chắc chắn. Một cột gỗ người ôm không hết chạm trổ rồng phụng rất công phu. Chày dộng chuông làm bằng một súc gỗ vàng tâm to như cột nhà, treo nằm ngang. Người ta nói vào những ngày tốt trời, tiếng chuông vang xa, dân đi khơi, ngoài hòn

Chà Là, cách đất liền hàng chục cây số vẫn nghe tiếng chuông. Quả đại hồng chung đứng lù lù trong ánh sáng buổi ban mai trông như lão già khoác áo choàng màu xám xanh dài tới gối. Toàn Bích tháo sợi dây cột chày dộng chuông ra. Hắn cầm chày, cây chày bóng lên theo năm tháng qua bao nhiêu tay người cầm gióng chuông sáng chiều công phu tịnh độ. Thằng tiểu nện chày dộng chuông vào cái núm đồng bên hông chuông. Quả chuông giống như lão già đang yên ngủ bỗng giật mình thức giấc, ngửa cổ lên trời nhả ra một tiếng chuông đầu tiên. Âm thanh rền rĩ bay lên tới mây, phản hồi xuống núi đồi cỏ cây làng mạc. Tiếng chuông tròn vào trong như quả bóng xà phòng lấp lánh xanh đỏ tỏa ra khắp nơi, ngọt lịm.

Thằng tiểu Toàn Bích nhắm mắt lại lắng nghe. Tiếng chuông giống như làn sóng va đập vào thân xác và tâm hồn hắn. Bây giờ cả người hắn cũng ngân nga. Hắn đếm một, hai... mười lăm... năm mươi. Lúc này tiếng chuông đã nhỏ lại và mỏng như tơ nhện, nhẹ như làn gió, và chập chờn như ngọn lửa sắp tắt. Toàn Bích kéo chày ra dộng vào lần thứ hai. Cụ già chuông vừa hụt hơi lại được tiếp sức, lão nhả lên tiếng chuông thứ hai. Trong buổi sáng mùa thu trong veo mát rợi tiếng chuông vang rền trong những tảng mây, những đám mây lấp lánh như được kết lại bằng những hạt ngọc trai. Những đám mây vần vũ bảy màu cầu vồng như được khảm bằng chất xà cừ giữa lòng con ốc tuyệt đẹp. Những đám mây trắng trong như bạch lạp và cả những áng mây rất mỏng vấn vương nên trời như váng sữa...

Tiếng chuông của thằng tiểu Toàn Bích đánh thức cả một vùng nhân gian rộng lớn, báo hiệu một ngày mới đầy hy vọng và những niềm vui. Hồi chuông công phu kéo dài khoảng mười lăm phút. Thằng tiểu quay về trù phong kiếm miếng cơm chay rồi xách vò ra hồ sen hứng nước. Hắn còn nhớ buổi đầu tiên lên chùa hắn lấy nước giếng pha trà cúng Phật. Sư ông dạy, nước giếng không được trong sạch, ngài dặn phải xách vò ra hồ sen hứng nước sương đọng trên lá sen, thứ nước này tinh khiết, thơm lừng hương sen, hương đồng cỏ nội, về nấu nước pha trà cúng Phật. Sáng nay hắn chạy ra hồ, chân hắn thoăn thoắt trên con đường cát mịn và xám như tro. Cỏ hai bên đường qua một đêm có mưa, mát lạnh và sắc như những lá đồng. Từ xa hắn thấy mặt nước hồ gợn sóng. Những vòng tròn ngấn nước lan tỏa đến bờ cỏ, xua đuổi mấy anh chuồn chuồn ớt bay lên. Lúc sau có tiếng mái chèo khua róc rách trong đám lá xanh. Toàn Bích tự nhủ, sáng tinh mơ như thế này có kẻ nào siêng năng làm lụng còn hơn là mình, mang danh con nhà Phật. Có cô gái chừng mười lăm mười sáu tuổi bơi thuyền con hái hoa sen. Lòng thuyền chất đầy những đóa sen hồng. Cô gái thấy người của nhà chùa, cung

kính chắp tay Nam mô A di đà Phật. Tiểu Toàn Bích cúi đầu, nhìn bóng cô gái chập chờn trên mặt nước, lúng túng chào lại. Hắn không dám nhìn cô gái bởi một trong tám mươi một cái giới (điều cấm) của hàng Sa - Di là ngắm người đẹp. Hắn đặt vò xuống cỏ, xắn quần lội từ từ ra xa. Hắn đưa tay túm chiếc lá sen rất to rất dày, dồn thứ nước sương vào giữa rốn lá. Nước nóng sánh chao đảo qua lại lấp lánh như chất thủy ngân. Hắn nghiêng lá rót thứ nước tinh khiết thơm lừng hương sen vào chiếc vò đất. Làm việc tới lúc mặt trời lên cao nước đã đầy vò. Tiểu cởi chiếc áo nâu nhà chùa quấn lại thành cái rế đội đầu rồi đặt vò nước lên, lần mò dẫm lên lớp bùn nhão dưới lòng hồ, đi vào. Hắn bước đi, người thẳng băng, chiếc vò đặt trên đầu có lắc lư nhưng không tỏ vẻ gì là không vững chãi. Thằng tiểu này đã học được cách đội vò nước trên đầu bước đi mà chẳng cần tay vịn. Sư phụ dặn, nước cúng Phật phải đội trên đầu để tỏ lòng tôn kính. Toàn Bích đang leo dốc bỗng nghe có tiếng con gái trong trẻo gọi mình:

- Sư phụ!...

Hắn vô cùng cảm động. Người mới lên chùa như hắn chỉ để hàng huynh trưởng sai vặt, nấu cơm, bổ củi, rửa chảo, quét chùa, chưa thọ pháp gì cả, hôm nay bỗng được “nữ thí chủ” cung kính gọi là sư phụ, ai không cảm động? Hắn chắp tay nói: A di đà Phật. Cô gái chèo thuyền hoa ghé vào bờ, cầm mấy đóa hoa hàm tiếu chạy lại. Tiểu Toàn Bích liếc nhìn, sen hồng, má hồng, hắn càng thêm bối rối. Cô gái nói:

- Đệ tử dâng hoa cúng Phật.

Nàng trao hoa, hắn đưa tay nhận. Trong một cái chớp mắt, hắn đánh mất cái “tâm thanh tịnh.” Vò nước đổ. Cũng may nó rơi trên cỏ nên không bể, nhưng thứ nước quý giá chảy tràn ra ngoài. Cô gái cúi mình lượm chiếc hũ đất lên, nói:

- Thôi đổ hết rồi, lỗi này là của đệ tử...

Nàng xuống thuyền chèo sang bờ bên kia. Hắn ngẩn ngơ một lúc rồi lội xuống hồ. Bây giờ nắng đã lên cao. Bao nhiêu hạt sương đọng trên lá đã hóa thành hơi. Hắn phân vân hồi lâu chẳng biết làm sao. Cuối cùng hắn cầm chiếc hũ đất nhúng xuống hồ múc nước. Hắn tự nhủ, nước nào cũng là nước. Sư phụ làm sao biết được.

Hắn xách nước về chùa, ngày hôm đó cũng như mọi ngày, hắn bổ củi, hái rau, quét chùa. Trưa chiều thọ trai, tối tối lại cùng với chúng đệ tử lên chính điện nghe kinh. Hắn quỳ như con cóc ở hàng cuối cùng, nghe thầy giảng vài câu, mí mắt đã nặng như chì, ngủ lúc nào cũng chẳng hay. Xong buổi huynh đệ trong chùa lôi hắn ra hiên chùa, ngả lưng xuống, ngáy khò khò. Sống ở chùa ăn chay nằm đất làm lụng khổ sở, hắn thèm đủ thứ. Đêm nay hắn mơ thấy mình hóa thành con mèo mun, toàn thân

đen như than, cặp mắt đỏ như lửa, con mèo ngồi rình chuột, thu mình như ác quỷ. Một lúc sau có con chuột nhắt kêu chút chít từ bồ lúa nhà chùa bò ra. Con mèo mun phóng mình bắt gọn chú chuột, đè xuống dưới làn móng vuốt sắc nhọn. Con chuột đau đớn mở cặp mắt van lơn. Mèo không thịt ngay, đem con chuột ra sân vờn. Nó tung con chuột lên cao, đưa tay bắt lại, làm nhiều lần như thế, chú chuột chưa chết nhưng nhừ tử. Mèo mun nằm dài đặt con chuột trước mặt, gác một chân lên con mồi, tận hưởng phút giây khoái lạc của một ngày săn bắt gặp may. Ăn xong mèo mun ra hiên nằm phơi nắng. Cuối cùng nó ăn thịt chuột, không chừa lại tí nào. Nó dùng hai chân trước đưa lên rửa mặt, há to miệng có cái lưỡi màu hồng với hàm răng lởm chởm ngáp liền mấy cái khoái trá. Mèo mun dụi cái đầu tròn vào giữa hai chân đầy lông êm ái và ngủ. Vừa lúc đó có tiếng chó sủa, mèo mun giật mình. Hắn tỉnh dậy, nhớ lại giấc mơ, ngẫm nghĩ: mình là người tu hành tại sao nằm mơ thấy hóa mèo bắt chuột? Ngày hôm qua ta thấy mình hóa sâu, ăn lá xanh, được đánh thức bởi tiếng chim trong trẻo, sáng dậy người khỏe khoắn biết ngần nào. Hôm nay lại mơ thấy hóa mèo làm điều ác, bị đánh thức bởi tiếng chó. Giấc mơ này quả chẳng trong sạch tốt đẹp gì. Hắn ngồi dậy thấy toàn thân đau đớn ê ẩm, lại thấy buồn rầu vô cớ.

Đã tới giờ thỉnh chuông, hắn đi tới lầu chuông mong nhờ tiếng chuông xua tan nỗi sầu muộn. Hắn cầm chày dộng chuông. Quả chuông rùng mình, dây treo chuông đong đưa, thế nhưng kỳ dị chưa, chẳng có âm thanh nào phát ra cả. Hắn tưởng mình đánh chuông nhẹ, hắn đưa cái chày dộng chuông thực xa, cố sức nện vào. Lần này cũng chẳng phát ra tiếng chuông. Hắn tức mình dộng liên tiếp, quả đại hồng chung bị đánh điên loạn vẫn cứ trơ ra câm lặng, thách thức. Hắn chẳng còn tin ở tai mắt mình nữa.

Hắn chạy xuống trù phòng (nhà bếp) gặp lão Cậy. Lão già này mồ côi cả cha lẫn mẹ, người ta nhặt được đưa vào chùa từ khi lão mới biết bò. Lão ở chùa đến nay đã hơn bảy mươi năm. Lão chuyên làm công việc nặng, gánh nước tưới cây, làm vườn. Vừa thấy mặt tiểu Toàn Bích lão mắng:

- Mi có điên không? Học phép gõ chuông ở đâu mà đánh chuông giống như thợ cày quất trâu, lộn xộn chẳng bài bản chi cả?

Hắn kinh ngạc, hỏi:

- Ủa, chớ lão có nghe tiếng chuông sao?

Lão Cậy nghe hỏi cũng lấy làm lạ, nói:

- Ai lại không nghe. Cả chùa, cả làng, cả một vùng rộng lớn mấy dặm chung quanh đây người ta đều có nghe tiếng chuông điên của ngươi.

Tiểu Toàn Bích lẩm nhẩm, sao lạ thế này? Chuông chẳng câm, chỉ có mình điếc. Hắn chạy lên chính điện gục trên bộ kinh Thủy Sám,



NGUYỄN TRỌNG TẠO

Thơ Tình

anh cô đơn như quan chẳng có dân
anh trống trải như ngai vàng vắng chủ
anh bốn mùa đông một ngày em đến ngự
lá chuối vườn thành áo bánh nếp thơm

anh có thêm em em có thêm con
cây bưởi đơm hoa cây cà kết quả
nụ tầm xuân gió đùa xanh nghiêng ngả
cây bén hơi người người bén hơi xuân

anh làm vua không ngai em vẫn là hoàng hậu
nàng công chúa khóc nhè chàng hoàng tử hờn dai
chợt thương quan không dân chợt thương ngai không chủ
thương những đời người chung thân trong áo mão cân đai

NGUYỄN TRỌNG TẠO
12/1999

là pho kinh dành cho người muốn sám hối tội lỗi của mình. Song tiểu Toàn Bích là con nhà nghèo, lúc nhỏ đâu có được học hành gì, hắn không biết chữ. Hắn khóc ròng, nước mắt rơi lả tả trên kinh, thấm qua ba bốn trang giấy. Khóc xong hắn thấy lòng nhẹ tênh. Hắn lần ra lầu tạ tội với chuông.
Lần này hắn mới đưa bàn tay xương xẩu run run chạm vào lớp da sù sì nổi hình rồng phượng trên mình chuông thì bỗng nhiên quả đại hồng chung vang lên hồi chuông Bát Nhã, khánh tiết, từ bi hỉ xả, xá hết tội lỗi, mừng đệ tử quay về chánh đạo.

QUÝ THỂ
(Văn hóa chủ nhật 23-8-1998)



THIÊN YÊN

tôi : cõi chữa lành

tôi : trong cõi chữa lành, không chuyện vãn
bụi đóng yên
lặng giữa tờ trang
có tiếng chuông đơn độc của chiếc xe bò gỗ
gõ vào đỉnh trưa nắng chói chang

tôi : trong cõi chữa lành, không ngơi nghỉ
chuỗi thở dài
rối loạn ngang bay
và tiếng cười hết cỡ như phá
vỡ bao trật tự nên thơ của con đường

tôi : trong cõi chữa lành, không cầu nguyện
hàng ghế trống
ruồi vu vơ chờ đợi
những cái miệng lẩn thẩn mùi vôi trầu
các bàgìa` xuống
rồi lên trong hành lang nhà thờ
đôi mắt mê
mải phơi màu đỏ ăn năn...cứu chuộc

trong cõi chũa lành
tôi
bước
với
tôi

THIÊN YÊN



HỒ MINH DŨNG

Đường đi qua làng khác



Miền Nam mất, ba ngày, từ Saigon tôi vội vã về Huế.

Quyết định nầy, chỉ một mình tôi lo liệu, không phải suy nghĩ nhiều, cũng không cần ai can dự, thúc đẩy.

Sáng 30 tháng 4, nghe xong tướng M. đọc lời đầu hàng, chị họ tôi nói: "Thua rồi cậu ơi, đã đến lúc cậu tự liệu lấy thân. Nhà tôi không phải là chỗ tốt để cậu ở lâu, lúc nầy. Ngoài đường, tôi thấy lính tráng đi đâu gấp gáp lắm. Nhưng đi đâu thì đi, cậu đừng về làng."

Không phải chỗ tốt cho tôi ở lâu, vì khi tơi tả chạy vào nhà chị, tôi vẫn còn mặc nguyên bộ quần áo nhà binh có mang lon sĩ quan. Khi ấy, mới mất Huế, Miền Nam còn, không ai trong chúng tôi từng chiến đấu, có thể tin Miền Nam mất chóng vánh như thế. Đi đâu thì đi, đừng về làng, là chị không muốn tôi bị làm nhục hay bị giết ở nơi chôn nhau cắt rốn. Chồng chị, đã bị như thế rồi, mười mấy năm trước, khi làm chức thôn trưởng, chị đã đau đớn thấy tận mắt người ta đem chồng chị ra chém sau hè, giữa đêm khuya. Giết ở đó, nhưng người ta bắt mẹ con chị lôi xác chồng, cha ra giữa đường cái để sáng hôm sau cho dân làng nhìn thấy, uy hiếp tinh thần. Con đường in lần ấy, chị và các con, kể cả đứa còn trong tuổi rong chơi, không dám bước lên để đi ra khỏi nhà,

phải trổ hàng rào làm lối đi khác. Không phải tôi không nghe lời chị, nhưng thật sự trong lúc trạng thái tâm hồn bối rối, tôi muốn một chọn lựa đơn giản nhất, muốn trở về như một ngọn lá rơi đường thẳng về cội. Ở đó, mẹ tôi không còn, nhưng cha tôi còn. Anh chị còn, bà con xóm giềng, cháu chắt đông.

Nửa đêm, chị họ tôi ra đường kêu xích lô máy, hai chị em cùng đi qua bến xe Ngã Bảy. Khu Xóm Chiếu chìm trong sương mù tháng Năm, thiên hạ dường như không ai ngủ, họ vén màn sương lên để nhìn cuộc đời vội vã đổi thay. Những con đường tôi đi qua, cũng không có gì đe dọa, một số người nhớn nhác ra khỏi nhà, nhìn tới nhìn lui tìm kiếm một cái gì đó. Những người mới chiếm được thành phố cũng chậm chạp thăm dò và không hiểu được cặn kẽ những gì xẩy ra chung quanh. Trước khi chia tay, chị đưa cho tôi một bó nhang, nói: "Ra đến làng, em nhớ đốt một cây nhang cắm vào ụ đất nào cao để cúng Thành Hoàng. Em nên ngậm miệng, đừng nói gì. Cũng đừng buồn chi chị, chị không phải đuổi em đia". Tôi cầm tay chị, không nói được một tiếng nào, cứ đứng yên một chỗ. Chị đẩy tôi lên xe, rồi tất tả quay về.

Trong thời điểm nầy, những chuyến xe chạy suốt ra Miền Trung đều chở người không phải buôn bán. Cũng như tôi, ai cũng cố dấu sự hoảng hốt, tái tê, nhìn ra ngoài cửa xe. Nắng vàng vọt xóa mờ hết núi non. Xóm thôn im lìm tựa vào những cánh đồng đang còn trong vẻ choáng váng. Ngược chiều, xe cộ tấp nập hơn, người trên xe ồn ào, bon chen. Họ mang tâm trạng trái ngược với tôi, nghĩa là đi về phía không phải từ đó đã ra đi.

Xe đỗ bến Miếu Đại Càn, tôi liền xuống bến sông An Cựu đi đò về làng. Tuyến đường nầy, tôi đi về nhiều lần trong đời học trò. Ngày xưa, tôi về làng, vì đó là nơi tôi náo nức được về. Bây giờ là nơi tôi bất đắc dĩ, phải về. Dưới mạn đò, một dòng sông không sâu mà mùa nào cũng không thấy được đáy. Nước nguồn cao lơ đểnh chảy về trộn lẫn với nước sẵn có, làm thành một thứ nước mờ đục như ao tù. Tôi đi trong chiều nắng vàng, trên trời lổ chổ mây trắng. Không có một đám mây nguyên vẹn nào chiếu xuống mặt sông. Không có một con đò nào khác trên sông.

Trong mui đò có khoảng mươi người ngồi yên, chăm chú nhìn mớ hành lý ít ỏi của mình. Tôi cố tránh không muốn nhìn ai và tin chắc cũng không ai biết tôi. Vì tôi xa quê, đã lâu lắm. Vả lại, khách đi đò dọc, không chỉ người làng tôi, họ ở nhiều làng. Không có hành lý gì nên tôi không như họ, chỉ nhìn ra khe hở giữa mạn và mui đò. Khe hở bằng gang tay vừa đủ cho tôi nhìn thấy một phần mặt sông và phía xa là thôn xóm và một vệt chân trời, sương chiều đã làm mờ đi. Những gì

trong mơ ước hay của thời thơ ấu tôi nhìn thấy, nay không còn nữa, kể cả vài hình ảnh bình thường như một tàn cây nhô lên hay một vài cánh chim bay qua.

Đến khi đò quẹo vào một nhánh sông nhỏ để hành khách làng bên xuống. Một người đàn bà luống tuổi, yếu đuối vừa nhặt túi hành lý ôm vào lòng, vừa quay về phía tôi, nói nhỏ: "Chị nhìn ra em. Không phải là không nhìn ra đâu." Tôi ngơ ngác nhìn người đàn bà một lúc, rồi quay về hướng khác. Tiếng người đàn bà vẫn theo bên tai: "Chị còn giữ tấm ảnh của em chụp năm học lớp ba, đứng dưới gác chuông. Em Cường, chị Camille đây, em không nhận ra à? Trời ơi! Lúc nầy, sao em về chi đây? Cầu nguyện với Đức Mẹ La Vang, mau lên." Nói dứt câu, người đàn bà lấy dấu Thánh Giá rất nhanh, rồi vội vàng lòn ra khỏi mui và bước lên bờ. Người ấy là chị nữ tu của nhà thờ làng bên đã dạy tôi học chữ những năm tiểu học, gần hai mươi năm rồi, trên bước đường xuôi ngược, tôi chưa hề thăm hay gặp lại chị một lần.

Về đến bến làng, trời tối hẳn. Thôn xóm không còn ai trên đường. Tôi cố trấn tĩnh để bước đi, cố cho cả lòng bàn chân chạm sát xuống mặt đất. Sương đêm ướt lạnh. Chính con đường nầy, ngày xưa, tôi lẽo đẽo chạy theo mẹ tôi đi chợ chiều không biết bao nhiêu lần. Tre già níu đọt nhau bên trên làm thành một chuỗi vòm. Từ những gốc tre, nhiều đom đóm bay ra. Có con mệt mỏi bay theo sau lưng tôi một quãng. Có tiếng động quen thuộc rất khẽ chung quanh, cơ hồ như măng làm nứt đất để nhú lên hay bọ rầy động cánh. Đến giếng làng, tôi dừng lại, cúi đầu nhìn xuống nước, mới biết trên trời đầy sao. Cho đến lúc nầy, tôi mới nhớ lời người chị họ, lấy bó nhang ra, bật hộp quẹt đốt một cây, nhưng không tìm ra một mô đất nào cao hơn mặt đường, nên tôi cắm vào bẹ mo nang của một thân tre non.

Dù đã lâu lắm không về làng, nhưng tôi tìm ra ngôi nhà tôi ở dễ dàng. Tôi không vào nhà liền mà ghé nhà anh cả tôi gần đó. Thấy tôi, như trên trời rơi xuống, anh chị ngẩn người một lát, rồi anh tôi híp mắt gượng cười, như cố thể hiện tình anh em ruột thịt có ngày gặp nhau.

"Chú về được đây là mừng. Cả tháng nay, ai cũng lo cho chú."(*)

Chị dâu tôi tiếp:

"Đừng sợ chi cả, chú. Có bà con làng nước đây." Nói xong chị tôi lật đật chạy tin cho cha tôi hay. Nhưng anh tôi cầm tay tôi bảo đi thăm cha, đừng để cho cha phải đi trong đêm hôm tối tăm vấp ngã. Khi đến, thấy cha đang loay hoay thổi cho con cúi rơm cháy thành lửa ngọn. Tôi nói to:

"Cha ơi, con về."

Cha tôi tỏ vẻ mừng, gật gật đầu, nhưng không nói gì. Chị dâu tôi

giục: “Chú đến bàn thờ thắp cho mẹ cây nhang.”

Khi tôi thắp nhang, cha tôi đứng bên. Ngày đó, cha tôi đã ngoài bảy mươi, lưng bị sợi dây vô hình lạnh lẽo của thời gian níu cong xuống, đứng chỉ đến ngang vai tôi. Tôi hỏi:

“Mẹ con đi có mau không?”

Cha tôi nói: “Mau.”

Anh tôi thêm: “Mẹ có trối lại, còn con heo nái, sau nầy em cưới vợ, thuộc về em.”

Chỉ trong chốc lát bà con lối xóm tập trung nhà tôi đông đảo. Mấy đứa cháu đã chia nhau chạy đi gọi hai chị tôi lấy chồng làng bên đến. Hai anh rể tôi cũng dẫn con đến theo. Cả hai chị thấy tôi, không ai bảo ai, đều như nhau: cắn chặt môi, nước mắt dầm dề. Một lát, đem nhau xuống bếp lo cơm cho tôi.

Một anh rể nói:

“Ở Miền Nam, ai đến tuổi cũng phải đi lính, không chỉ một mình cậu. Tui đây Nghĩa Quân.”

Anh rể khác:

“Tôi cũng Xây Dựng Nông Thôn.”

Hai chị tôi dọn cơm lên. Người chị con bác ruột bưng đến thêm một dĩa cá kho khô và một tô canh khoai tía. Tôi ăn qua loa vài lưng chén cơm mặc dù rất đói. Không biết cha tôi cùng các anh bàn bạc với nhau gì, sau đó cha bảo tôi xuống nhà dưới rửa mặt cho sạch sẽ rồi đi. Tôi hỏi đi thăm mộ mẹ? Anh cả tôi nói: “Mộ mẹ để sáng mai, bây giờ đi chuyện cần kíp. Sợ thần phải nể cây đa, chú à.”

Thằng cháu trai tôi tuổi thanh niên mạnh khỏe cầm cây đuốc đi trước soi đường. Cha tôi chống gậy theo. Kế đến là tôi, rồi anh chị nối một đoàn dài, theo sau.

Ra khỏi cổng, cha tôi quay lui, dặn nhỏ: “Để cha nói gì với người ta thì nói, con đừng nói chi hết. Bệnh tùy khẩu nhập, họa từ khẩu xuất.”

Đoàn người đi ngược lại con đường mới đây tôi về.

Đến giếng làng, tôi nhìn lên thân tre non, cây nhang đã cháy hết nhưng đóm lửa chạm xuống mo nang. Mo nang ngún cháy tỏa ra một đám khói mỏng lay động như mạng nhện trước gió. Đi thêm một đoạn, bỗng có tiếng khóc phía sau. Tôi lắng tai nghe, chị dâu tôi thút thít, kể lể: “Chú ơi! Hồi đám cưới tôi cũng đi con đường nầy, chú còn tí tẹo chạy theo, tay cầm cái chong chóng đan lá dứa dại, gió thổi bay vù vùa” Anh tôi đi chậm lại, rầy: “Có gì phải khóc cho thiên hạ chú ý.”

Thì ra, cha anh tôi đem tôi đến nhà ông Đôn, vừa đi tập kết về. Ông nầy người họ khác, nhưng cũng có bà con xa với mẹ tôi. Thấy

đoàn người đêm hôm bất thần kéo đến, mấy con chó nhà ông sủa vang. Vợ chồng ông mở cửa sổ nhìn ra. Cha tôi nói vọng vào: "Tôi đem thằng con út đến thăm anh chị đây." Bà vợ nói nhỏ với chồng mấy tiếng rồi mở cửa. Bà nói vọng ra: "Mời cả hết vào nhà, đừng ai đứng ngoài sân. Còn cháu kia đem cây đuốc tới vại nước, múc dội tắt đi, kẻo lửa táp cháy nhà."

Cha tôi giở mũ nỉ ra, mở đầu:

"Anh đi theo cách mạng. Nay còn sống về là nhờ phước đức ông bà để lại cũng có, mà phước đức anh nuôi trong bụng cũng có. Xin che chở cho con tôi. Nó đi lính không làm điều chi ác."

Nói xong, cha tôi chấp tay vái ông hai vái. Rồi quay qua vái bà một vái.

Ông Đôn vụt đứng dậy, giữ lấy tay cha tôi:

"Chú đừng làm thế, chướng. Chỗ bà con làng nước với nhau cả. Chú và cháu đây cứ yên tâm, tôi còn lời nào nói được cho trên nghe thì tôi nói. Hai mươi mốt năm tôi trầy vi tróc vảy đi dưới cờ, bóng cờ ấy ngày nay có tầm cỡ, đủ khả năng che cho nhiều người, không chỉ riêng tôi. Thế cháu đây làm khâu gì trong ngụy quân?"

Tôi nói dối:

"Thưa bác, lo về quân nhu."

"Quân nhu là nơi để cho con ông cháu cha, cháu lọt vào đó là chuột sa hũ nếp. Thế khi hũ bể, có còn hột nào dính lông không?"

Chị đầu tôi nghe câu nói bẽ bàng, không cầm lòng được, thốt ra:

"Bác ơi, gia đình cháu cùng đường mới đến đây. Hồi bác đi ngoài Bắc, bác gái ở lại làng, mỗi lần đau ốm, mẹ cháu đem lá sả, tía tô, vỏ quýt xuống tự tay nấu cho bác gái xông."

"Có. Chuyện đó có. Vợ tôi có phản ánh lại. Tội nghiệp thím, ăn ở nhân đức."

Lát sau, bà Đôn tiếp:

"Tôi chỉ thương cháu nầy là thương chỗ hồi còn nhỏ, mỗi lần cháu đi học trên Huế về, gặp tôi giữa đường có vòng tay thưa lễ phép. Sau nầy, đi lính vềà thì tôi không nói đến."

Anh cả tôi nói:

"Hồi trước trong làng mình, ai có chuyện gì oan ức cũng lên nhờ nó can thiệp. Vụ nào cũng được. Ai đền đáp gì cũng không nhận."

Ông quay về phía tôi:

"Quan nhất thời, dân vạn đại. Cháu có học hành, thấu triệt chứ?"

"Dạ, cháu hiểu."

Suy nghĩ một lát, ông hỏi tiếp:

"Giả dụ, như ngày còn đối đầu với nhau, đồng đội cháu, xăm

hầm, bắt được bác, bản thân cháu hành xử như thế nào?"

Sợ tôi trả lời bất lợi, chị dâu tôi nói chận:

"Bác hoạt động ngoài Bắc, có vào Nam đâu mà bị bắt."

Ông nghiêm mặt:

"Câu nầy tôi hỏi riêng cháu đây thôi."

Đến phiên tôi, nói ra điều không thật lòng, gần như ngộ biến tòng quyền:

"Thưa bác, tùy khả năng, châm chước được, cháu sẽ châm chước. Nếu bác có bị tù, cháu sẽ vào lao thăm. Thăm nhiều lần, không chỉ một lần."

"Tốt. Thôi chú và các cháu về. Khuya rồi."

Ra khỏi nhà ông Đôn một đoạn, cha tôi bị trúng gió xây sẩm mặt mày. Anh rể tôi phải cõng về. Cha tôi còn thều thào bảo sáng mai đem tôi đến trình với mấy người công an nữa.

Chị dâu tôi nói: "Cha đừng vái lạy ai cả. Cần lắm, có vái lạy ai, thì để chúng con làm thay cho." Tôi ấm ức muốn khóc. Biết cơ sự nầy, chưa chắc tôi đã về.

Đến nhà họ hàng đổ tới đông thêm. Họ muốn thăm và nói vài lời an ủi tôi, nhất là những người ngày trước mang ơn tôi ít nhiều hay có con em đi lính đã chết, mất tích hay còn đâu đó trong loạn lạc chưa về. Có người lại mang bộ mặt u ám như đến tiễn biệt tôi ngày mai ra pháp trường.

Trong số nầy có một thằng bạn nối khố của tôi, hồi nhỏ tên Chít, sau lớn đổi Chí. Cha Chí là cán bộ cấp huyện của Việt Minh, bị Tây bắn chết từ khi hắn mới biết đi. Chí có một người chú tập kết hiện làm chức lớn trong trung ương đảng ngoài Hà Nội.

Gặp tôi, Chí ôm chầm hồi lâu, mặt đỏ như gấc, nói: "Khẩy khừng khợ, khừng khi khâu khết. Khó khao khây." *(Mầy đừng sợ, đừng đi đâu hết, có tao đây).*

Chí có tật nói ngọng bẩm sinh không giống ai, nói rất khó khăn, hầu hết các tiếng đều phát âm vần kh. Nghe Chí nói, cha và anh chị tôi có thêm chút yên tâm. Vì Chí đang có vây cánh và xưa nay, hắn ít nói, khi nói ra điều gì là làm, phần nhiều là đúng, làng nước, chính quyền thời nào cũng không bắt bẻ vào đâu được.

Lúc tôi còn chức, có một lần Chí từ làng quê lên Đồn Mang Cá Lớn thăm tôi. Hắn vác theo hai cây mía dài làm quà biếu. Đầu mút cây mía phía sau, hắn cột một tấm vải đỏ để người đi đường chú ý không đụng đến. Người lính gác cổng đồn nhìn xa tưởng vác cờ cộng sản, chỉa súng vào hô đứng lại. Chí rướn cổ nói to:

"Khôi khuốn khăm khuẩn khúy Khường." *(tôi muốn thăm chuẩn*

úy Cường)

Người lính không hiểu, nạt:

"Người nước Miên hả?"

Chí lắc đầu lia lịa:

"Không, khười Khiệt khính khống". *(không, người Việt chính thống)*

Người lính lấy tay che nắng nhìn rõ không phải cờ Việt cộng, vẫy hắn đến gần:

"Nói gì nói lại cho rõ. Đây không phải chỗ giỡn chơi."

Chí lặp lại:

"Khôi khuốn khăm khuẩn khúy Khường."

Người lính không hiểu nói gì, nổi nóng, quát:

"Đưa thẻ kiểm tra coi."

Chí lục lọi trong túi một hồi rồi nói:

"Không khó." *(không có)*

"Dễà thì đưa mau ra."

"Khuên khở khà." *(quên ở nhà)*

Người lính thở ra, một lát lại hỏi:

"Người Lào hay Chàm, Thượng đây?"

Chí nhe răng cười, lắc đầu lia lịa:

"Khãợ khói khà khười Khiệt khồi." *(đã nói là người Việt rồi)*

Có vị sĩ quan lái xe đi qua, thấy một quân, một dân to tiếng với nhau, dừng lại hỏi nguyên do. Chí đỏ mặt tía tai cố gắng trình bày nhưng không ai hiểu gì, cuối cùng vị sĩ quan đưa giấy bút cho Chí viết ra, mới hiểu và điện thoại vào cho tôi ra thăm. Chí mở nuộc lạt biếu người lính gác cổng một cây mía, cây còn lại vác theo tôi ra quán cà phê bên chân cầu. Những lông tơ trên thân cây mía lấp lánh như sương trời buổi sáng ở quê tôi còn đọng ở đó.

Chí xa xôi lặn lội lên thăm tôi chuyến nầy chỉ có mục đích là khuyên tôi không nên về thăm làng nữa. Du kích hay bọn nằm vùng có thể giết chết. Tôi gửi cho Chí một ít tiền tiêu vặt, nhưng Chí nói trúng mùa mía bán được nhiều tiền rồi, không nhận. Tôi mua trong quán một số sữa lon, biếu Chí một ít, gửi về cho cha mẹ tôi một ít.

Thường ngày mặt mày Chí lúc nào cũng rầu rĩ, trong lòng như đeo nặng nhiều nỗi oan khúc, nhưng khi gặp tôi giữa cảnh tan tác nầy, gương mặt Chí tự dưng khí thế lắm. Đêm ấy, Chí ngủ lại với tôi. Sáng sớm hôm sau, cùng tôi ra thăm mộ mẹ tôi. Cả hai đứa, đứng bên nhau dưới chân mộ nhỏ, trong ánh bình minh rạng rỡ. Cỏ trên mộ mẹ tôi, có bụi úa, có bụi tốt tươi, hòa nhập vào nhau, cùng ánh lên.

Chí nói:

"Hồi thím chết. Tao có gánh một vai ra đây." *(Từ đây tôi viết đúng theo ý Chí diễn đạt)*

Tôi hỏi:

"Người đi đưa có đông không?"

"Đông. Gần một phần tư làng."

"Chị tao có lên báo, mà đơn vị trưởng biết quê mình mất an ninh, không ký giấy phép."

"Về lúc đó thì nay mầy không còn xác để vác về."

Nói xong Chí cười tươi, khi cười nét mặt hắn ngây ngô, nồng nàn và cảm động như một đứa trẻ nghèo nhìn thấy chén cơm.

Mấy năm chiến tranh khốc liệt, quê tôi là vùng xôi đậu. Mẹ tôi lên Huế thăm tôi phải giả làm người đi chợ Mai từ sáng sớm, rồi lén lút xuống tàu thủy, ngược sông Thủy Tú, lên Thuận An đi xe hàng. Lần nào mẹ tôi cũng gánh hai thúng đủ thứ cha tôi trồng trong vườn nhà: bí ngô, bầu eo, bầu dài, mướp đắng, mướp ngọt, cà, ớt, đậu đỏ, đậu đen, khoai, sắn, mônà Có lúc mẹ tôi mang theo cả thân, rể và hạt cây lục lạc ba lá tròn để tôi nấu uống chữa bệnh đái mế (đái dầm, trẻ con hay mắc phải) hay những cành thù lù đực còn mang cả quả hình cầu đen nhánh, cho tôi phơi khô sắc uống chữa bệnh mất ngủ, phong hàn.

Mẹ tôi không biết, tôi đã làm quan, dù còn quan nhỏ, cũng có thuốc men đầy đủ. Một lần thấy mẹ tôi lên trong mưa gió tầm tả, quần áo ướt sũng, tôi nói, mẹ đừng gánh đồ lên như thế mà cực thân, ở trong quân đội, cơm nước có người lo, thức ăn cá thịt đều ngon. Mẹ tôi rưng rưng nước mắt: "Mẹ có gánh gấp ba, gấp bốn như thế nầy lên cho con cũng không thấy nặng. Những thứ nầy, mẹ cho con ăn hồi nhỏ, con đều nhai ngốn ngấu, ngon lànhà"

Tình mẹ thương con, tùy theo hoàn cảnh, mỗi người mỗi cách. Cách mẹ tôi thương con như thế. Nay đứng bên mô đất, dưới đó không xa, là thân thể người mang nặng đẻ đau ra tôi, đang cùng với năm tháng biến thành lớp bụi đất vĩnh cửu. Khi xưa, mẹ còn sống, mỗi lần tôi đi xa về. Mẹ thường chăm chú nhìn tôi từ đầu đến chân. Nay tôi cũng làm chuyện nầy, nấm mồ tròn nhưng đằng đầu đằng chân đã định. Cũng khi xưa, mẹ đem tôi ra ngồi trên bờ ruộng mạ mới gieo giống, vẽ cho tôi cách quơ quơ nhành dương liễu để đuổi chim. Chim không hề sợ thứ cành lá yếu ớt ấy, nhưng chim bay tới rồi bẻ cánh lui, không con nào đậu xuống, có phải là chim hiểu được lòng mẹ tôi không? Những nhánh cây chung quanh mộ mẹ đây, cũng có nhiều chim đậu. Có phải là con cháu của những chim xưa?

Chỉ vạt đất còn trống bên mộ mẹ tôi, Chí nói:

"Chỗ nầy, để dành sau cho chú. Kế bên là của mi, kế bên mi là tao. Kẻ nào đào chôn trước, tao sẽ đánh gãy tay. À, mà đánh người ta chi cho mang tội. Mai mốt tao đem cuốc ra un ba cái mộ giả để dành cho chắc ăn." Nói xong, Chí lại cười. Lần nầy hắn cười nét mặt cũng ngây ngô như trẻ con nghèo, nhưng chưa thấy chén cơm.

Sau khi thắp hương mộ mẹ tôi xong, Chí bàn với tôi đi trình diện công an xã, thay vì cha tôi định sẽ đem tôi đến từng người tại nhà. Ra đến trụ sở, Chí bảo tôi đi trước, cứ thẳng cổ lên, khi chào ai đừng cúi đầu. Chí ghé vào một cái quán quen bên đường mượn cái bao bố, vắt lên vai, đĩnh đạc theo sau. Đám công an nầy không ai xa lạ gì với Chí.

Cuối tháng Ba, Huế mất, đầu tháng Tư, ông chú Chí từ Hà Nội đi xe con về làng, ông ngồi vếch đốc cho tài xế lái chạy vòng vòng trên đường cái, bóp còi inh ỏi, nhà nào có cổng rộng, xe vào được, ông bảo xe chạy thẳng vào sân cho ông ân cần thăm hỏi. Người nào quá nghèo, neo đơn, không dây mơ rễ má với ngụy quân ngụy quyền, ông bảo tài xế lấy gạo tẻ trong mấy bao bố chở theo, đong cho họ năm ba lon sữa bò. Mỗi lần đong cho ai, ông cũng ngẩng cổ lên nói to câu: "Cong ngón tay trỏ lên mà gạt, cho đầy vun nhé."

Ngày ông đi tập kết (1954), có để lại một người vợ trẻ mới cưới, tên Uyển. Chị Uyển tiễn đưa chồng qua tận miệt cận sơn Phú Bài, có thật tâm nói với chồng mấy câu thề nguyền, sẽ đợi chờ chồng cho đến khi nước nhà độc lập, dù có đầu bạc răng long. Thế nhưng khi ông về, chị đứng lặng im trước sân đình làng như trời trồng để chịu tội, quanh chị xúm xít có đến năm đứa con.

Ông ngừng xe lại, phóc xuống, đỡ chị lên, nói toàn những lời phủ dụ, đổ tội cho nhân tố khách quan tác động bên ngoài. Trong năm đứa con sinh ra bởi nhiều đời chồng của chị Uyển, có một đứa lai Mỹ đen. Ông giật mình khi nhìn thấy, lùi nhanh lại mấy bước, chỉ vào mặt nó, quát: "Mắt ta không muốn thấy cái đuôi đế quốc để lại trên tổ quốc anh hùng nầy." Đứa bé khóc thét lên, sợ hãi, ôm chặt chân mẹ.

Ông rút túi ra cho chị mấy chục đồng rồi đi nhanh vào đình làng. Ai cũng tưởng ông thắp nhang, nhưng không, ông nhìn lên rường, kèo, cột, xà đơn, xà gồ một hồi rồi đi ra. Lúc nầy mặt ông tối sầm lại, miệng lẩm bẩm: "Mấy gốc cổ thụ già hơn chim cốc đế kia, không lo chặt đi, cũng có ngày cành khô rớt xuống, sập đình như chơi."

Thấy tôi đi với Chí, nên công an không la lối gì như những người đồng cảnh ngộ khác đến. Chí và tôi được ông trưởng công an mời vô phòng riêng làm việc. Ông mở đầu, với tôi:

"Anh cắm cổ chạy, mà chạy trời không khỏi nắng. Nay về trình diện là khôn. Chúng tôi không phải quản lý anh mà nhân dân. Được

phục hồi quyền công dân lâu hay mau là tùy ở bản thân anh."

Rồi ông quay qua với Chí:

"Tôi biết ngầm ý của chú mầy mang theo cái bao bố nầy rồi. Hồi mới giải phóng làng nào cũng có người chết đói, làng nầy không, là nhờ đồng chí Bách Chiến ngoài trung ương vào cứu. Thế chú mầy có tin tức gì về đồng chí đáng kính ấy không?"

Đã chuẩn bị trước, Chí trả lời liền:

"Có. Chú tôi vẫn mạnh khỏe, mới cho người vào báo tin sắp được trên cử làm bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế."

Ông vồn vã rót hai tách nước trà mời chúng tôi, rồi đến đóng cửa, sợ đám người ngoài nghe tiếng ngọng của bạn tôi, lỡ có ai cười thì vạ lây.

Chí nuốt nước bọt lấy thêm sức, tiếp:

"Bạn tôi đây đi lính, chỉ lo mặt giấy tờ, không cầm súng bắn giết, hà hiếp ai. Nay thua. Cụ Hồ có dạy đánh kẻ chạy đi không ai đánh kẻ chạy lại. Bạn tôi là kẻ chạy lại."

Ông trưởng công an vốn thất học, không biết ngọn nguồn câu để đời ấy là của bác, của họ Phạm, họ Mao, họ Chu, hay châm ngôn, tục ngữ, nên vui vẻ:

"Ờ, ờà tôi hiểu. Chỉ có kẻ chạy lại bằng chân mà trong bụng dùng dằng, mới kềm chế thôi. Chú mầy với anh đây là bạn thân thiết?"

"Phải, thân thiết."

"Chú mầy nối chí cha chú, giúp chính quyền non trẻ một tay. Chỉnh đốn lại đám ngụy quân, ngụy quyền, trong số nầy có bạn bè, đi cho ngay hàng thẳng lối trên đường đảng vạch ra. Mới đầu tuy là vạch bằng vôi, nhưng bước lên vôi mà ra khỏi vòng cương tỏa, cũng phỏng chân nặng đấy."

Chí cười, không nói gì. Sau đó, họ gọi tôi qua phòng bên khai lý lịch và ký vào tờ cam đoan tuyệt đối tuân theo lệnh chính quyền, rồi cùng Chí về. Ra đường, Chí nói: "Tao mang cái bao bố nầy theo, không chỉ nhắc cho bọn đó nhớ là tao có ông chú đang cưỡi trên đầu trên cổ chúng, mà còn dọa chúng, đừng quen cái thói đi ép dân xin chó bỏ bao bố về nhà làm thịt."

Tôi thầm thán phục người bạn phù suy một cách nhân hậu, khôn ngoan, can đảm, tận tình.

Từ hôm đó, ban ngày Chí đi làm đồng áng, đêm đến ngủ với tôi, để đối phó với những tình huống xấu có thể xẩy đến cho tôi.

Tôi ở không, thời gian trống trải, thấy ngứa ngáy chân tay, lại để chứng tỏ cho bọn rình rập theo dõi biết mình cũng quan tâm đến câu

"yêu lao động là yêu chủ nghĩa xã hội", nên theo Chí ra đồng. Khi thì đạp nước, khi thì tát đìa bắt cá, khi thì cào rong bỏ lên ghe chống về làm phân bón hoa màu trong vườn. Từ nhỏ đến lớn, tôi chỉ đi học, đi lính, làm lụng chân tay không quen, làm được một lúc đã mệt đừ, ngồi thở. Những người làm chung quanh tôi ai cũng mỉm cười, thông cảm.

Ba chị tôi cũng chia phiên nhau ra đồng canh chừng tôi. Chị dâu nói: "Chú làm là làm cho vui, đừng gắng quá sức mang bệnh, thời nầy thuốc men không có." Chị cả nói: "Thấy em làm vụng về, như có ai đâm kim vào ruột chị, xót lắm. Thôi đừng làm nữa. Lên nhà đi." Còn chị kế thì nói ngược lại: "Đầu lạ sau quen, dần rồi cũng cày sâu cuốc bẫm như ai. Đời em còn dài, không làm thì ai nuôi mình mãi. Lại còn lấy vợ sinh con đẻ cáià"

Đó là tình chị em ruột thịt, cũng có người từ làng khác đến, họ có con cháu hay chồng cha bị lính Quốc Gia, vì nguyên do nào đó, bắn chết hay bắt bỏ tù hoặc vì bom đạn của máy bay, trọng pháo thiệt mạng, họ dùng lời xa gần mỉa mai, chì chiết tôi như để trả thù nhà hay làm yên lòng người quá vãng. Đại loại như: "Thiên hạ chán chi chợ, không ai dại chi ăn mày giữa chợ làng mình". "Chiến trường ni, ngó bộ lao đao hơn A Shau, A Lưới, phải không ông quan một về hưu?" Thậm chí, có thằng năm Mậu Thân đi theo Việt cộng lên núi về, đứng trên mỏm đất dôi, chu miệng ra hỏi lớn, cái lon thiếu úy của tôi làm bằng kim loại gì, sắt, gang hay đồng, chì mà sợ rét, phải sơn đen đi cho gặp đại hạn, xui?(**) Chí làm bên tôi nghe được, chỉ cán cuốc thẳng lên phía đó, chửi độc: "Tổ cha mi, khôn hồn lo câm cái mõm xỏ xiên đi, không thì ông đào mã cha mi đổ xuống hồ cho ở với cứt trâu."

Trong đám người chột dạ khi thấy tôi làm việc, có một cô gái ở xóm cuối làng. Một hôm, cô chận tôi giữa truông cỏ, hỏi tỉnh bơ:

"Anh Cường nè, tại làm sao xóm em ở đuôi làng, không gọi là xóm Đuôi mà gọi là xóm Đuồi?"

Bất ngờ, tôi lặng người, không biết nói gì. Cô gái cười tươi:

"Hỏi cho có hỏi để được dịp nói chuyện với anh đó thôi. Chứ thời buổi tùm lum rắc rối nầy ai lại hỏi một câu ngớ ngẩn như thế. Thấy anh cuốc đất, chim ác là đậu được trên cán, em cười bể bụng."

Nhìn nét mặt bầu bĩnh, hai má đỏ hây của cô thôn nữ, tôi thấy vui vui trong lòng:

"Sao cô biết?"

"Sáng nào xắt chuối nấu cám cho heo ăn xong, em cũng ra đứng dưới bụi tre nhìn trộm anh làm việc. Việc gì anh làm thấy cũng ngứa mắt. Có khi em phải nheo một con mắt để nhìn. Nhờ nheo mà bóng anh chấp chới vòng vòng như lên đồng, thấy thương liền hà."

Nói xong, cô gái nheo mắt lại, giả bộ nhìn ra đồng. Bây giờ tôi mới thấy đôi mắt ấy là đôi mắt đẹp, đen, long lanh. Tôi nói cho có nói:

"Nhìn trộm là không tốt, lần sau đừng nữa."

Cô gái bỉm môi:

"Tính anh khó khăn. Sửa gấp đi."

Một hồi, cô gái giở nón lá ra:

"Người thành thị nói con gái nhà quê vì chân lấm tay bùn nên tóc quăn, anh thấy tóc em thẳng bong đây nè."

Biết cô gái có ý khoe mái tóc nhiều và đen mượt của mình, tôi nói:

"Người thành phố nói mười điều chỉ nên tin một."

"Còn anh người ở đâu, tự nhận đi?"

"Tôi ở đây."

"Những năm đi xa, có lần nào anh quên không?"

"Không."

"Phải. Không ai quên quê quán của mình. Em mà con trai, có đi lính xa xôi chi mấy, khi không ra chi, cũng về, như anh. Có người nói anh về như vầy là nhục. Em thì cho anh về là không nhục. Mà vinh nhục là cái chi chi, hả anh?"

Tôi không trả lời được. Chỉ nhìn cô gái như cám ơn nàng. Trước khi chia tay, cô gái nói:

"Em tên Lục, họ Nguyễn. Em hỏi mẹ em rồi, anh họ Hồ, không bà con chi với nhau. Hồi cha em còn sống thường qua rủ bác đi đâm rùa về nấu cháo ăn. Lần nào bác cũng để dành cho em cái cổ rùa dài thòng."

Tôi cười:

"Con gái ai đi ăn cổ rùa bao giờ. Nó đàn hồi lắm."

Lục cũng cười bày hai hàm răng trắng đều:

"Cái chi đàn hồi thì bền, khó gãy."

Chỉ gặp lần đầu như thế, hình bóng cô gái đã ám ảnh tôi.

Ba ngày sau, Lục lại chặn tôi ở truông cỏ, hỏi:

"Bảy mươi hai giờ qua, tổng cọng là bốn ngàn ba trăm hai mươi phút, có phút nào anh nhớ em không?"

Tôi nó có.

"Có thì đã đành rồi," Lục nói. "Nhưng cái có đó, có tha thiết không?"

Tôi cầm tay nàng:

"Có. Tha thiết lắm."

"Sao không đem trầu cau qua nhà em cho rồi? "

Thật tâm, tôi nói:

"Tình thế nầy, không nên tính chuyện ràng buộc, sẽ khổ cho nhau."

"Anh ở lính xông pha nhiều mà tinh thần còn yếu, không vững. Khổ thì đã khổ rồi. Sợ chi?"

Tôi an ủi:

"Từ từ rồi hẵng tính cũng chưa muộn."

Nghe câu ấy, Lục vùng vằng bỏ tôi, đâm đầu chạy một mạch về nhà.

Anh đầu tôi nói nên chọn một người có dính líu đến chế độ mới cưới làm vợ để dựa thân. Chị dâu tôi ngăn: "Làm thế cha chết không nhắm mắt. Hồi trước, họ bảo cha lên đồn kêu chú bỏ ngũ về. Cha không làm, họ bắt cha quỳ giữa chợ cả ngày trời nắng chang chang, ai thấy cũng động lòng. Mối nầy, không nên quên sớm."

Chí nghe được chuyện, nói: "Đừng thèm."

Đêm đêm Chí ngủ với tôi, bỗng một hôm, khuya lắm, tôi thức dậy, sờ chung quanh, không thấy hắn đâu. Tôi dậy thắp đèn xem đồ đạc cá nhân của hắn vẫn còn nguyên. Tôi mở cửa bước ra ngoài trời đêm. Cảnh vật lờ mờ như tan dần vào thể lỗng. Xa xa, bên góc làng, một vầng trăng mới ló lên. Sương khuya rơi tí tách trên những tàu lá chuối.

Đến khi gà gáy đầu điểm, Chí về, chân tay, mặt mày lấm lem bụi đất. Tôi hỏi đi đâu, Chí vui vẻ:

"Tao đã làm xong ba ngôi mộ giả. Múc cả nước tưới lên cho mất dấu mới luôn rồi."

"Trời, ai lại làm ban đêm cho cực. Sao không gọi tao dậy cùng đi?"

"Làm ban ngày người ta biết. Còn phận mầy đêm hôm không nên ra khỏi nhà."

Tôi ở quê được một tháng mấy ngày thì có giấy gọi trình diện công an xã đi cải tạo. Chí nói với tôi: "Đừng sợ."

Cha tôi bắt một con gà mái bảo chị tôi mang xuống biếu ông Đôn và hỏi ý kiến, ông Đôn khuyên: "Về nói với cháu, nên đi, cạn đầm thì phải cố mà uống nước khe thôi."

Chúng tôi bàn lui tính tới, cuối cùng nghe theo ý kiến của Chí là, không trình diện với công an địa phương mà lên thẳng công an tỉnh. Vì, dù sao ở cấp cao, chính sách cũng minh bạch hơn. Chí vặn óc nghĩ được một kế hợp lý cho tôi ra khỏi làng, để đừng có ai thấy, vừa cho tôi đỡ tủi, vừa tránh điều không may có thể xẩy ra.

Một sớm tinh sương, chỉ một mình Chí đưa tôi ra chợ Mai, để xuống tàu. Chính con đường không đi qua làng tôi nầy, mẹ tôi lén lên

thăm tôi ngày xưa.

Khi chia ly, một anh rể động viên: "Có vô thì có ngày ra, cậu gắng sống, thiên hạ làm chi mình làm nấy."

Chị đầu tôi thêm: "Cứ tưởng tượng ra phía trước có mẹ đi, em nương theo bóng mẹ mà bước tới."

Cha tôi khóc, móc hầu bao đưa cho tôi một chỉ vàng: "Vàng nầy cha bán lứa con của con heo nái, mẹ con trối để cho con cưới vợ. Lận theo mà phòng thân."

Ra đến bến, tôi cầm tay bạn đứng yên, kiểu đứng y như trước đây trên bến xe Ngã Bảy, Saigòn. Cũng như chị họ tôi, Chí phải đẩy tôi xuống tàu. Nhưng bạn không tất tả quay về, cứ đứng mãi cho đến khi tàu lướt sóng đi, bóng bạn cùng với hàng dương liễu nhạt nhòa bên bờ sông.

Trong mấy năm đầu tôi phải đi qua nhiều trại giam. Cuối cùng họ đưa đến trại Bình Điền. Một buổi xế trưa, tôi có thân nhân đến thăm nuôi lần đầu. Đó là một người thanh niên chở Lục đến bằng xe Honda. Lục giới thiệu liền:

"Đây, anh Vĩnh, chồng em. Em cũng có nói rõ với chồng em rồi, anh là người yêu đầu của đời em. Khi anh đi, em không biết, không tiễn anh đi được một đoạn đường, nên em tức tối và buồn lắm. Về sau, đợi anh lâu quá, không biết bao giờ mới được thả về, mà đời con gái thì ngày xuân có hạn, nên em phải lấy chồng. Coi như duyên số cấm cản không cho chúng mình gặp nhau, thì thôi. Nay lên thăm anh đây. Anh còn sống, còn thấy mặt anh là vợ chồng em vui."

Tôi cám ơn nàng rồi hỏi thăm gia đình. Chỉ vài năm mà tôi có hai cái tang lớn: cha tôi chết già, anh tôi chết bệnh. Số người còn lại đều bình yên. Khi nhận được tin tôi chuyển về trại nầy, vợ chồng Lục có xe riêng nên tình nguyện đi trước, dò đường xá, anh chị tôi sẽ đến thăm sau. Tôi hỏi Chí, Lục nói vẫn thường.

Khi soạn quà cho tôi đem vào, chờ lúc vệ binh lơ là, Lục nói nhỏ trong mấy gói thuốc lá có dấu thư của Chí.

Chí viết cho tôi mấy dòng như sau:

"Ba cái mộ giả ấy. Khi chú hấp hối tao vào, chú trối chôn chú ở cái chính giữa, còn cái sát mộ thím để phần mầy ngày sau, cho mầy được nằm giữa, gần cả cha lẫn mẹ. Đến khi anh cả mầy bệnh nặng khó qua khỏi, tao vào, thì anh nói chôn anh ở chỗ đó, vì anh cũng là con, muốn gần cả cha lẫn mẹ. Thế là còn một chỗ ngoài bìa. Hoặc tao hoặc mầy, ai chết trước thì chôn ở đó. Bình sinh, mình không làm được chuyện gì lớn, khi chết được nằm cái chỗ mình chọn, cũng thỏa lòng, một phần nào.

Tao sẽ lên thăm một ngày rất gần đây. Ruộng mía tao trồng đã đến mùa chặt. Thế nào tao cũng tìm cách vác lên cho mầy vài cây, vì biết mầy đang quá thèm chất ngọt. Mong mầy sớm thoát khỏi cơn hoạn nạn và nhớ lấy một điều: đừng sợ."

Thượng tuần tháng 1 năm 2000.
HỒ MINH DŨNG

(*) Huế mất cuối tháng 3 năm 1975
(**) Lon sĩ quan sơn đen để ngụy trang



ĐỨC PHỔ

Ngăn cách

Vẫn chờ tin đài báo tuyết rơi
để xem em trở về có kịp
ta đã đợi chờ từ vạn kiếp
đến kiếp nầy em còn xa khơi

Dẫu biết gần, xa cũng thế thôi
giữa cuộc đời trăm điều khó hiểu
em. Một điển hình trong đồ biểu
của nhịp tim nhiễu loạn, bất ngờ.

Có phải ta một kẻ dại khờ
ngu ngơ lắm giữa con dốc ngược ?
(máu tim đã lấp đầy vết xước
đâu ngại gì lần nữa, sẩy chân !)

Thả trôi ta như thả trôi sông
như thả trôi phận người lưu lạc
(yêu là nhận trăm phần mất mát
và ngàn phần khao khát, điên mê)

Đêm nay nghe tin bão mang về
những sợi tuyết nhuộm màu tang trắng
hãy cố nuốt bao niềm cay đắng
chừng nghe sầu chảy ngược vào tim.

ĐỨC PHỔ
03-2000



VŨ ĐÌNH KH.

Như ngọn cỏ vàng



Thức vừa bước ra khỏi quầy hành lý, đã thấy hai thằng bạn đứng đón ngay cánh cửa tự động. Cả ba bắt tay rối rít, vội vã ra xe.

Trời cuối năm tuyết rơi nặng hạt, trắng xóa khắp nơi.

- Đỉnh nhờ tụi tao chở mày về nhà nó, đồng ý chứ Thức? - Bình nhìn gương chiếu hậu hỏi.

- Chỗ nào cũng vẫn vậy, tao chỉ về thăm tụi mày vài ngày rồi đi. Điều ấy, bây giờ vô nghĩa và không quan trọng lắm. - Thức thở dài sau thoáng ngập ngừng.

Đã lâu lắm, hơn mười năm Thức mới trở lại thăm thành phố Edmonton. Mười năm trôi qua biết bao đổi đời, nhưng Thức vẫn thấy thành phố này chẳng mấy thay đổi, ngoài những khuôn mặt bạn bè lâu lắm không gặp. Đứa nào cũng có gia đình, con cái và ổn định cuộc sống; những khuôn mặt trẻ trung ngày nào, nay đã hằn nét già dặn theo nhịp chảy với thời gian.

- Vợ chồng Đỉnh dạo này thế nào, hở Thạnh?

- Tụi nó làm ăn khá lắm. Nhà hàng ngày càng phát đạt hơn, lại có mấy căn nhà cho thuê trên phố. Huyền coi vậy mà cũng giỏi giang không ngờ.

- Thế à, vậy cũng mừng cho tụi nó, người Việt mình nổi tiếng cần cù, làm ăn nên ra ở xứ người, thấy cũng vui. - Thức cười buồn nhìn xa vắng qua khung cửa kính xe mờ mờ màu trắng đục vì hơi người bị bịt kín trong lòng xe không lối thoát.

Huyền! Cái tên quen thuộc một thời anh từng nâng niu kêu gọi, ấp ủ yêu thương. Thức quay cửa xe, đón những cơn gió lạnh buốt cắt vào da thịt thấy mơn man, ran rát. Anh quay cửa xe lên, nhồi thuốc vào bíp hút, im lặng. Chiếc xe thỉnh thoảng chao đảo vì đường trơn trợt, lầy lội đầy tuyết.

Thức trở về đây vì công việc của hãng giao phó. Một hãng dầu lớn ở Calgary bị trục trặc về kỹ thuật, Thức được hãng gửi đi. Nhân dịp này, sau khi hoàn tất công việc, Thức lấy vé máy bay đi Edmonton trong mùa Giáng Sinh.

Bình thả Thức xuống ở bên ngoài cánh cổng lớn, rồi lái xe đi. Nhà Đỉnh nằm trên ngọn đồi thấp nhỏ, giữa thung lũng có gió bạt ngàn. Từ trên đồi, phóng tầm nhìn Thức thấy rõ khu West Edmonton Mall, một cửa hàng buôn bán lớn nổi tiếng vào hàng bậc nhất thế giới. Thức chậm rãi bước, nhìn căn nhà của Đỉnh lòng bâng khuâng, vươn mang ý nghĩ miên man cay đắng.

- Đỉnh cũng biết hưởng thụ, rất tiếc hắn đã bị liệt đôi chân.

Ngọn đồi thấp đầy tuyết trắng cao ngang gối, lấp lánh ánh mặt trời sắp tắt màu vàng cam bao trùm cảnh vật với cái lạnh cắt da, tạo không khí thêm trầm mặc. Bốn cây cổ thụ ngạo ngỡ vươn cao giữa trời, rung từng chập mỗi khi gió gọi. Thức rờn rợn nổi gai khi nghĩ đến cảnh huyền hoặc liêu trai về đêm, có gió thổi mạnh từng cơn xối xả và bốn cây cổ thụ đan nhau khiêu vũ trên tuyết trắng lập lè ánh trăng đêm. Thức chỉ đến đây một lần duy nhất khi vợ chồng Đỉnh mời ăn cưới, luôn tiện giới thiệu căn nhà mới. Dù sau đó Đỉnh có mời mấy bận, nhưng Thức cố thối thác trốn tránh. Đến khi chịu đựng quá sức anh đành phải bỏ thành phố này và nghĩ rằng sẽ không bao giờ trở lại nơi đây như một vớt vát sĩ diện. Lý do gì mình lại về đây, khi mà Huyền và Đỉnh đã có cuộc sống tạm ổn và quên dần quá khứ? Phải chăng mình vẫn còn yêu Huyền tha thiết như dạo nào mười năm trước kia? Tại sao bước chân đầu tiên không là nhà Bình, Thạnh như những ý nghĩ ban đầu của mình? Những thao thức cứ làm Thức trăn trở, anh thấy thật khó hiểu về chính mình.

Đỉnh ngồi trên chiếc xe lăn đón Thức trước cánh cửa nhà mở toang ngập gió, dù buổi chiều tuyết đổ mạnh chưa dứt. Bản Thánh ca từ trong nhà vang ra hòa lẫn những tiếng nói cười huyên náo. Bên cạnh Đỉnh là thằng bé khoảng hơn 10 tuổi có ánh mắt thật sáng và

thông minh của một thời xa xưa. Thức chợt bỡ ngỡ khi thấy thằng bé. Nó cũng thoáng nhìn anh thật nhanh, rồi nhìn Đỉnh như muốn nói điều gì. Đứng sau chiếc xe lăn là Trung, vẫn vậy, dù đang lướt qua tuổi 40, vẫn xuề xòa trong cách ăn mặt, tóc luôn gỡ rối lòa xòa trên khuôn mặt nghệ sĩ với cái kính ngày càng dày hơn. Thức nhận diện Trung nhanh hơn Đỉnh bởi nhân dáng xuề xòa và nhất là tầm thước của anh. Đỉnh cũng thay đổi lắm, ốm o còm cỏi, trừ đôi tay rắn chắc; miệng vẩu ra, mắt sụp vào thâm đen và đeo cả kính cận. Thức nhận ra Đỉnh nhanh chóng, chẳng qua ngồi trên chiếc xe lăn. Đỉnh bảo con:

- Chào bác Thức, con.

Thằng bé dè dặt nhìn người lạ, đoạn nó vùng vằng chạy nhanh vào nhà trước sự ngơ ngác của mọi người. Thức bước tới, thay vì bắt tay Đỉnh, anh cúi xuống ôm xiết bạn vào lòng. Đỉnh cũng ôm bạn và chợt bật khóc nức nở. Thức vỗ vỗ lưng bạn an ủi và thấy mắt cay cay. Bao cay đắng vừa hiện ra trong tâm thức nay chợt mất trong Đỉnh như một vùng khói ám vừa tan nhanh chóng loãng vào không gian vô tận. Thức cố kìm hãm tiếng nấc, nhưng những giọt nước mắt vẫn tự nhiên lăn tuôn.

Thức vẫn nhớ, ngày Đỉnh bị tai nạn. Đêm hôm ấy, anh vợ Đỉnh là Thạnh, cũng là bạn Thức điện thoại báo Đỉnh đang nằm nhà thương. Thạnh báo rằng, bác sĩ cho biết Đỉnh sẽ phải ngồi xe lăn suốt đời vì hư cột sống. Thức bàng hoàng buông rơi điện thoại ôm mặt thổn thức. Thức khóc cho anh, cho Đỉnh và Huyền. Huyền sẽ sống ra sao khi còn quá son trẻ, đầy sức sống mãnh liệt bên cạnh người chồng đã trở nên bất lực đầy hệ lụy.

Đêm ấy, Thức trằn trọc nghĩ miên man. Nhiều lần anh định lái xe một đoạn đường dài gần 300 cây số vào bệnh viện, nhưng bỏ ý định ấy và nằm vật vã trăn trở. Mọi tị hiềm, thù hận trước kia chợt tan biến trong Thức nhanh chóng; nhường lại là hình ảnh một thằng bạn thân nằm bất động trên giường của bệnh viện, cạnh đó là một thiếu phụ trẻ đứng im lặng nhìn chồng khóc đau khổ sau đám cưới không lâu. Thức không muốn đến đó, để Huyền nghĩ rằng: anh là kẻ thắng trận - dù sự thắng trận đó chứa đựng niềm đau khổ cho cả ba người! Thức cũng không muốn nhìn một thân thể đã một thời tươi trẻ, bay nhảy như anh, nay đành chịu sự bất lực trời dành cho như một định mệnh khắc nghiệt. Dù rằng, Thức biết chắc sẽ bị bạn bè nguyền rủa, nhưng có mấy ai hiểu Thức bằng Đỉnh?

Thức buông tay tránh giây phút xúc động, xiết chặt tay Trung nói:

- Tụi mày vẫn vậy, không mấy thay đổi, chỉ già thêm chục

tuổi thôi. Mười năm tuy là ngắn ngủi của một đời người, nhưng nó cũng rất dài, nhất là những người sống trên đất người khó dễ dàng hội nhập như chúng ta.

- Mày cũng vậy, cũng khắc khổ cái dáng của thầy tu và đầu thì bạc gần hết. Dĩ nhiên, hội nhập bất cứ đời sống mới nào mà chẳng có sự trả giá. Đó là sự công bằng nhất trong mọi cuộc chơi ở cuộc đời này. - Trung cười, nói. Bản tánh Trung vẫn thế, vẫn cay đắng mang chút ít cay độc khi nói chuyện.

- Huyền đâu? - Thúc kiềm chế bình tĩnh, hỏi Đỉnh.

- Cô ấy còn bận chút việc ở nhà hàng. Chắc cũng sắp về.

- Thôi vào nhà kẻo lạnh, chúng ta còn khối thời gian chuyện trò, nói suốt đêm chưa chắc đã hết những kỷ niệm xa xưa. - Trung nói, nhìn Thức cười vô nghĩa, định đẩy xe vào nhà.

- Hãy để đó cho tao. Từ khi nó thành ỏthằng quèõ, tao chưa được hân hạnh đẩy xe cho nó.

Đỉnh mỉm cười buồn, chẳng mấy khó chịu khi có người gọi mình là ỏthằng quèõ, nhất là đám bạn thân lúc bên đảo mới qua.

Hồi ấy bọn con trai độc thân bốn đứa sống chung một nhà và đứa nào cũng có cái tên do bạn bè đặt, bởi cá tính hay nghề nghiệp. Đỉnh được bạn bè gọi là Đỉnh đeo; vì anh làm cho một hãng chuyên chế tạo đinh ốc. Những khi cãi vả bọn độc thân còn độc miệng hơn gọi Đỉnh là Đỉnh đeo với dấu sắc dài ngầm chửi Đỉnh. Khi Đỉnh ngồi xe lăn một thời gian khá lâu đã quen và ít mặc cảm hơn, bạn bè thân thiết thường gọi anh là ỏĐỉnh quèõ. Ban đầu, Đỉnh nhíu mày khó chịu, sau đành chấp nhận cái tên ấy như một định mệnh trời dành cho mà bạn bè thân mến gọi với cả một tấm chân tình

Không như những tháng đầu, đó là một thời ám ảnh khủng khiếp nhất đối với Đỉnh. Anh như trốn lánh tất cả mọi con người, chỉ ước mong cho trái đất này bị hủy hoại và; mọi con người đang nhơn nhơn tự đắc tràn đầy sức sống kia cũng sẽ như anh. Đỉnh trốn lánh không những bạn bè, mà cả Huyền, những khi Huyền tình cờ từ trong phòng tắm, thân thể quấn vội tấm khăn mỏng bước vào phòng ngủ. Đỉnh biết mình bất lực, nhưng một đam mê ham muốn nào đó trong tiềm thức vẫn còn lẩn quất, âm ỉ sôi bỏng trong thằng người tàn tật, khi nhìn thấy Huyền trần trụi, như một khiêu khích cố tình trong những sinh hoạt va chạm gia đình. Ban đầu, ở nhà một mình Đỉnh còn đập phá, chữi vu vơ; nhưng sau nhiều tháng anh chợt khám phá sự chịu đựng của Huyền, từng chút một chăm lo cái ăn cho anh, dỗ anh vào giấc ngủ vô thức bằng những ống thuốc ngủ và những nhẫn nại thay từng bịch phân, nước tiểu từ thân thể bài tiết ra. Lâu dần Đỉnh nhận rõ ra sự mất mát

thân thể cũng chả trầm trọng hơn những mất mát khác trong thân thể. Nhưng khi biết mất sự điều khiển của cơ quan trong bộ phận sinh dục cho một sự bài tiết ô uế, đó là điều làm Đỉnh thất vọng hoàn toàn. Đôi chân mất mát, Đỉnh có thể che lấp bằng một hình thức nào đó. Mất mát sinh lý đòi hỏi, khi biết mình bất lực lại là điều thừa hơn. Nhưng mùi phân, mùi nước tiểu, Đỉnh không thể che dấu. Khi khám phá ra điều khủng khiếp đau đớn này - mà vì nổi đau mất mát thân thể làm anh quên đi trong giai đoạn đầu - Đỉnh ngồi lặng hàng giờ trước tấm gương. Đỉnh tự nhìn mình trong gương, anh bật khóc, đập vỡ gương; sau đó anh lăn chiếc xe lăn đến ngồi ngắm cảnh tuyết rơi. Đó là mùa đông! Những mùa đông u ám có tuyết rơi dày đặc, hóa ra lại giúp Đỉnh tránh khỏi cái cảnh nhìn những con người đứng trước mặt anh nói năng vui cười, mà tủi thân nao lòng. Nhưng mùa hè thì khác! Đó là những tháng ngày sinh động nhất của bất cứ con người hay con vật bị nhốn kín 6 tháng mùa đông trong nhà. Đó là mùa hè khủng khiếp nhất mà Thức gặp phải sau gần tám tháng sống ru rú trong nhà. Nhìn những sinh vật bay nhảy, leo trèo, ca hát, uốn éo ôm nhau hôn, Đỉnh biết không còn một bám víu vào đâu trong cuộc sống trước mặt. Anh thấy thừa thải giữa dòng xã hội, nhất là cái mùi ngai ngái của chính anh tỏa ra cứ bám lấy như trêu cợt. Đỉnh lui vào cô đơn, sống cho chính anh và nghĩ về đời sống tâm linh nhiều hơn. Anh chợt thảng thốt vui mừng nhớ ra có những lần anh đã sống với đấng tối cao bằng tâm linh huyền hoặc. Ấy là những ngày, anh nằm sắp chết trên một con tàu nhỏ khi đi vượt biên. Đỉnh đã sống trên con tàu với hơn chục người còn sống sót sau hai tháng ròng lênh đênh trên mặt biển mênh mông. Ở đó chỉ có biển và biển, và gió, gió đến mặn chát cả không gian u ám; không có con người của con người đúng nghĩa nữa. Đó chỉ là những xác chết biết cựa quậy, thoi thóp thở. Đỉnh đã thấy mình như sống hằng thế kỷ trôi qua trên một khung trời bao la với một diện tích nhỏ bé. Và quả thật, anh đã sống được hằng thế kỷ mộng mị lãng đãng nữa sống nữa chết! Ai đã cho anh sự sống gần như hằng cửu như thế bằng một tâm linh chưa siêu thoát? Chính là đấng tối cao, ở một cỏi tâm linh mơ hồ nào đó, mà anh nghĩ rằng có, đã cho anh sự sống. Nghĩ được những điều đó, tự dưng mùa hè năm sau Đỉnh bắt đầu lấy lại trạng thái thăng bằng trong cuộc sống nhanh đến thể chính anh không ngờ được. Đời ai mà chả qua một lần chết và sống. Đỉnh đã qua hai lần suýt chết và vẫn sống. Anh thấy như tìm ra một chân lý. Con người sống trong một chu vi chật hẹp, đôi lúc vẫn cảm thấy hài lòng nếu tâm hồn còn hướng về vấn đề tâm linh huyền bí. Đỉnh đã làm điều đó cho chính anh, thỉnh thoảng ra đường bằng phương pháp lái xe cho người tàn tật sau này.

Anh đang sống trong vài thước vuông chật hẹp, đó là căn nhà và chiếc xe chở anh rong chơi. Đỉnh hài lòng dù anh luôn luôn chưa hài lòng. Đỉnh luôn nghĩ anh đang nằm trên một con tàu nhỏ trôi mênh mang trên sóng nước trước cuộc đời thị phi.

Thức đã nghe Bình và Thạnh kể nhiều về Đỉnh trong những điện thoại liên lạc viễn liên. Anh không ngại bạn để trêu và dành lấy chiếc xe lăn trên tay Trung, định đẩy vào nhà. Đỉnh nắm lấy hai vành bánh xe trì lại nhìn bạn:

- Mày còn giận tao, Thức?

- Giận mày tao ăn được cái giải gì! Nếu còn giận mày, tao sẽ chẳng bao giờ đến đây thăm mày như hôm nay và đếch gọi mày là thằng Đỉnh què như tụi nó thường gọi. - Thức cố tránh né, cười và thấy mình không mấy thành thật. Thức tàn nhẫn hơn:

- Ai lại đi giận... thằng què như mày! Lỗi hay phải đã một thời đã qua; thôi đừng nhắc nữa, chúng ta vẫn luôn luôn là bạn.

- Ý tao muốn nói, mày còn giận tao và Huyền không kìa? Chứ riêng gì tao đâu, mày hiểu?

- Đỉnh! - Trung nhìn Thức và Đỉnh như van lơn. Đoạn tiếp:

- Thời gian hơn mười năm không đủ để chúng mày gột bỏ chuyện xưa sao?

Thức nhìn Trung. Anh nghĩ, dường như Trung muốn nhắc lại quá khứ đúng hơn.

Với Thức, trước kia dù Trung cũng là một thằng bạn thân như anh đối với Đỉnh và Thạnh, nhưng Thức chưa bao giờ tin ở nơi hắn bất cứ điều gì, dù hồi còn ở bên đảo họ khăng khít nhau.

- Mày mới là thằng không bao giờ quên chuyện xưa! Sao mãi tới giờ mày vẫn chưa lấy vợ, chỉ thích sống cu ky? Hay là... - Thức bỏ lửng câu nói đẩy chiếc xe lăn.

Trung đứng lặng, thoáng bối rối, lấy vạt áo lau kính trốn tránh.

*

- Tụi mày thấy con bé Huyền thế nào? Xinh nhất bọn đấy chứ. - Trung nhìn đám

con trai độc thân nói bâng quơ.

- Dĩ nhiên, ỏEnõ thì nhất rồi. Chỉ sợ mày không đủ tư cách với thước tấc theo ỏenõ. - Bình vừa quay cần câu vào bờ, vừa nhìn đám con gái đang nhóm lửa, vui đùa ghẹo bạn. Vài tiếng cười khục khặc nổi lên. Trung vẫn lì lợm:

- Tình yêu mà cũng cần thước đo nữa à? Sao ở đời này có

những thằng vừa hủ lậu lại vừa chó má như tụi mày thế nhỉ. Giá trị là ở tinh thần, ở tình cảm tụi mày biết chưa?

- Thưa ngài triết gia, con bé Huyền đã bé tí kia rồi, ngài bao... lớn mà dám mơ ước viễn vông?

- Hãy động não lên một chút, thằng ngu! Con người là một cây sậy biết suy nghĩ! - Trung vẫn tự tin.

- Nói dại, nếu hai đứa mày lấy nhau, tao nghĩ khi sinh đứa nhỏ nó bé tí như con mèo ướt!

Không ngờ, chỉ một câu nói đùa như thế, Trung thù Bình dai dẳng nhiều năm sau

này, dù vẫn còn ở chung một nhà.

- Tao nghĩ, chỉ có thằng Thức mới xứng với con bé Huyền, trong đám bọn mình.

- Tại sao? - Trung nhìn Bình bất bình, trong bữa-cơm-mì-gói độc thân. Trung nuốt vội vắt mì trừng mắt tiếp.

- Tại sao phải là thằng Thức, mà không phải tao, mày hay thằng Đỉnh. Thằng này ngu bỏ mẹ! Hãy nhìn cái dáng như thầy tu của nó thì có con gái nào thương?

- Mày là một triết gia... bất tài, một cây sậy rỗng ruột, biết một mà không biết hai. Mấy thằng lù đù mới là mấy thằng đáng sợ. Mày không nghe người xưa nói: Lù đù ôm cái lu mà chạy, là rơi vào trường hợp thằng Thức.

- Cho tôi xin mấy bố non ơi! Tôi đã vợ con còn kẹt lại bên đảo, đang bảo lãnh giấy tờ. - Bình cười vô tư.

Thật ra Bình chẳng vợ con gì. Chỉ là người yêu khi cả hai ở bên trại tị nạn, nay đang bảo lãnh.

- Thằng nói dóc! Tuổi trai hơ hớ thế kia, mèo mà chê mỡ đồ điêu có nghề. Chỉ có những thằng liệt dương, liệt... mắt thấy con gái đẹp mới không đâm đầu vào! Thằng đàn ông sinh ra chỗ nào, rồi cũng phải chết dí vào cái chỗ ởđịnh mệnhõ ấy! Đừng nói tới đạo đức trong vấn đề phức tạp quan hệ trai gái, nó đã lỗi thời; ít nhất phải biết mày đang ngồi ở cái xứ sở nào. Tình yêu là phải mạnh dạn, phải tấn công đeo đuổi và bất quá phải chiếm đoạt, mày biết không?- Trung hục hặc sau khi húp tô mì cạn sạch.

- Cho tôi xin, thưa các ngài. Con bé dù sao cũng là em gái rượu của tao nhá.

Trung gầm mặt liếc nhìn Thức. Trong đám bạn ai cũng biết, Trung là người đầu tiên tỏ tình Huyền trong những giờ học, bằng hình thức như mua sắm vài vật dụng cần thiết, hoặc ôm chồng sách cao ngất mang trả thư viện dùm Huyền. Nhưng Huyền không mấy để ý đến

những săn sóc chìu chuộng của Trung. Nàng xem đó như là một cung phụng mà bọn con trai bám đuôi phải làm. Trung không vì vậy mà nản, năng nổ hơn mong Huyền chú ý để mắt, với chút tự trọng vừa phải.

Trong một họp mặt cuối tuần, Đỉnh tuyên bố:

- Tao sẽ cưới con bé Huyền, chịu làm em rể thằng Thạnh, khi gom đủ tiền... cheo! Điều này dĩ nhiên rồi. Ở Việt Nam trước khi vượt biên, mẹ tao đã dẫn đi xem bói. Lão thầy bói mù bảo số tao giàu, có vợ đẹp con ngoan sau này.

- Thằng Đỉnh lúc nào cũng giống như người đi trên mây. Mày suốt đời sẽ mạt rệp, dù làm lương cao nếu còn tin vào số vận mà lão thầy bói mù đã lấy số tử vi cho mày. Làm sao mày biết lão thầy bói đó mù? Ở cái đất Sài Gòn sau 75, hình như thầy bói nào cũng mù cả tương lai về chính mình, thì làm sao biết vận mệnh của người khác. Còn khuya, mày mới là em rể tao! Bỏ mua vé số, thì họa may mày còn hy vọng con Huyền nó để mắt tới. - Thạnh đùa.

- Vâng. Tao không là thằng ăn ốc nói mò. Chắc chắn, tao sẽ là em rể thằng Thạnh. Cái mu rùa lúc nào cũng thiêng, dù người cầm nó có mù!

Bạn bè, ai cũng biết Đỉnh là thằng mê số đề nhất, vì cả tin lão thầy bói mù năm xưa khi còn ở quê nhà. Vào những ngày xổ số, Đỉnh thường trốn trong nhà vệ sinh hằng tiếng đồng hồ dò vé số, mặc bạn bè đập cửa la chí chóe phản đối.

- Tao thề sẽ yêu Huyền suốt đời và sẽ lấy Huyền làm vợ. Thạnh, tin tao đi! Thằng Trung này đã dám nói trước mặt bạn bè, thì nó vẫn giữ như một lời nguyền. - Trung vẫn tự tin tuyên bố giữa buổi tiệc.

Thức mỉm cười nhìn Huyền đang sửa soạn bữa tiệc cho bạn bè của anh mình. Nàng cũng nhìn Thức cười. Cả hai cười bọn con trai làm sao ngờ giữa Thức và Huyền đã qua lại và yêu nhau hơn một năm nay. Thức chưa bao giờ tuyên bố điều gì vì bản tánh ít nói cố hữu, ngay cả với Thạnh. Anh thường gặp người yêu hằng đêm qua cánh cửa sổ nhỏ Hằng luôn hé mở, để anh dễ chun vào ngay cả những đêm mùa đông dài lạnh cóng da thịt, sau khi xong việc ở sở.

*

Huyền là một cô gái nhỏ bé và nhí nhảnh, trái với vóc dáng to lớn của người anh là Thạnh. Huyền có đôi mắt thật sáng, những khi cười đôi mắt ấy càng long lanh, làm gương mặt trái xoan nhỏ thêm bừng sáng, thanh thoát vẻ đẹp. Đôi mắt đẹp như nhung màu hạt huyền ươn ướt khi cười. Tiếng cười lảnh lót như chim hót vào sáng sớm tinh

mơ. Không những riêng Thức say đắm ánh mắt ấy...

- Chúng mình làm đám cưới, Thức nhé? - Một đêm Huyền hỏi, sau cuộc ái ân vụng trộm. Thức chỉ ầm ừ, anh chưa muốn làm đám cưới, vì còn bận lo học, lo tương lai. Huyền giận dỗi tiếp:

- Cần gì sự nghiệp! Đời sống ở xã hội này quá thừa đủ. Chúng mình đi làm dư sống nuôi con và gia đình hai bên.

- Nhưng Huyền cũng biết, ở đây nghề nghiệp không vững chắc, đời sống sau này sẽ lênh đênh vô cùng. Vả lại, anh cũng sắp vào đại học Calgary tháng Chín này. Thời gian đâu bao lâu Huyền nhỉ. Chỉ bốn năm, Huyền chờ được không? Nên công khai hóa chuyện chúng ta yêu nhau Huyền ạ.

Huyền im lặng rấm rức một thoáng, đoạn nói:

- Huyền không thể chờ được nữa. Huyền thấy trong người có những biến chuyển lạ lắm!

- Biến chuyển lạ? - Thức thảng thốt, không tin.

- Huyền nghĩ ... - Huyền cúi đầu e thẹn.

- Bao lâu? Huyền không uống thuốc thường xuyên à?

- Dường như hơn tháng, Huyền muốn thế. Huyền thấy đời sống lưu vong cô đơn quá, hụt hẫng quá, dễ sợ quá! Nhất là, những đêm khi không có anh bên cạnh. Huyền cũng không muốn bạn bè anh cứ theo đuổi Huyền mãi. - Thức vẫn im lặng. - Huyền sẽ sanh con và anh vẫn cứ học đến khi thành tài, nếu anh muốn sự nghiệp. Anh chịu làm đám cưới, Thức?

Thức ôm gối ngồi, lòng tràn đầy hối hận những đam mê vừa qua. Tuy nhiên, anh vẫn yêu Huyền, yêu tha thiết hơn bao giờ hết. Mầm sống của anh, giọt máu của chính anh đang tái tạo trong cơ thể nhỏ nhắn, người anh đang yêu. Nhưng nói làm sao cho Huyền hiểu những ước mơ của Thức? Của cha mẹ Thức, mong muốn anh hoàn tất chương trình đại học trong những lá thư họ thường gửi qua từ bên kia nữa vòng trái đất khô cằn nghèo khổ, đặt hết niềm tin vào anh.

- Huyền cho anh một thời gian trả lời được không?

- Cái gì gọi là thời gian? Thời gian bao lâu? Huyền nghĩ, vấn đề không còn là thời

gian nữa, mà là sự lựa chọn nên hay không nên tuyên bố những gì mình đã có, đã thuộc về nhau. Đó là trách nhiệm mà chính chúng ta phải trả lời dứt khoát cho nhau.

Thức ú ớ. Thật ra anh chưa từng nghĩ tới vấn đề này. Anh thường khuyên Huyền nên dùng thuốc một thời gian, khi cuộc sống trước mắt còn có quá nhiều điều mới lạ, bở ngở. Huyền giận dỗi đuổi Thức về đêm ấy. Đã nhiều lần Thức gọi viễn liên từ nội trú, nhưng

Huyền không bao giờ nhận điện thoại. Vài tuần sau đó, Đỉnh tuyên bố trúng số! Đỉnh trúng lô an ủi. Tin này như một trái bom lớn nổ vang trong cộng đồng người Việt vốn ít ỏi trong thành phố này. Đỉnh là đích nhắm của bao bà mẹ và bao cô gái hằng mơ ước. Nửa tháng sau, Huyền chấp nhận lấy Đỉnh. Thức nhận tấm thiệp mời với vài lời của Đỉnh: *Thức thân! Huyền đã kể chuyện chúng mày yêu nhau cho tao nghe. Tao hiểu tại sao mày từ chối lời Huyền. Là bạn bè thân nhau, tao hứa sẽ chăm sóc Huyền đến cuối cuộc đời này. Nhớ về dự đám cưới tụi tao. Thân.*

*

Đêm 25, trời vừa chập choạng tối, bạn bè Đỉnh kéo thêm tới khá đông. Nhà Đỉnh khá rộng, bày biện trang nhã với những bàn ghế mua từ Ý. Sau khi phân ngôi chủ khách, đám người chia nhau vào những trò giải trí lành mạnh đánh bài, domino... ai muốn hát xuống tầng dưới, có dàn karaoke thật lớn phục vụ. Mỗi nhóm mỗi bàn, vài người vài nơi, tha hồ vừa trò chuyện, vừa uống bia rượu nhâm nhi. Ở những xứ lạnh thường vẫn vậy.

- Ông Thức, ông vẫn khỏe chứ? Đã lâu lắm mới gặp lại ông. Chào bác Thức đi con. - Thức thoáng giật mình. Anh, Bình, Thạnh và Đỉnh mãi ngồi tâm sự mà quên Huyền tới bây giờ mới về. Thức quay ghế, xoay người chào Huyền. Anh trả lời vài câu đãi bôi, kéo thằng bé vào lòng, hỏi tên. Thằng bé vuột khỏi tay Thức, trốn sau lưng mẹ và Trung, đang đứng cạnh - như một gã hộ vệ thân tín - tự bao giờ.

- Con hư nhé! Đây là bác Thức, là bạn thân của ba mẹ hồi còn ở trại tị nạn. Bác Thức là người mà mẹ thường kể cho con nghe. - Huyền nói, nhìn Thức và Đỉnh như thách thức.

- Mười năm không gặp, Huyền vẫn như ngày nào. Vẫn đẹp và bây giờ lại trở thành

một bà chủ quý phái, giàu có hơn người. Thời gian trôi qua, 10 năm, giống như sự thử thách của tạo hóa đối với người đàn bà. - Thức thật tình, nhìn Huyền khen. Anh thấy thật khó thốt ra lời, sau 10 năm gặp lại Huyền vẫn như xưa - bản tánh anh vốn ít lời - vả, nhìn Trung đứng cạnh Huyền như một tên hộ vệ trung thành, tháo vát Thức cảm thấy sự khó chịu càng dâng lên làm nghẹn lời. Đỉnh cười buồn, nhìn vu vơ qua khung cửa kính tuyết trắng bắt đầu rơi nặng hạt trở lại. Đỉnh biết, Thức vẫn còn yêu Huyền say đắm, anh biết mình có lỗi và thấy thương hại bạn.

- Ông mỉa mai tôi đấy à, ông Thức! Hay ông đang ca bài *Mười năm tình cũ*? Nghe ông Đỉnh bảo, ông đến bây giờ vẫn chưa lấy vợ à?

Với cái bằng cao học kỹ sư điện tử, tôi nghĩ ông thiếu gì đàn bà đẹp chạy theo, nhất là ở xã hội chuộng khoa bảng này. Chả nhẽ, bao năm miệt mài đèn sách ông chấp nhận số phận... hẩm hiu như vậy sao? - Thức ngồi lặng im. Anh tê tái, không muốn trả lời. Sự trở về nào mà chẳng tê tái? Tại sao mình lại về đây? Thức thấy thậm vô lý, khi tự dưng lù lù trở về. Anh uống vốc bia lạnh, trấn át xúc động, cơn tức chợt lắng xuống nhanh chóng. Chợt nhiên anh thấy giữa anh và Huyền chẳng còn một luyến tiếc ràng buộc nào nữa. Thức trầm tỉnh nhìn Huyền:

- Huyền cho Thức xin lỗi những gì đã xẩy ra giữa chúng ta, được không? Khi ấy

chúng mình còn trẻ, quá lo sợ ở đời sống này, nên hoảng hốt nhất thời chưa nghĩ ra.

- Ông nghĩ tôi là con đàn bà thế nào? Ông chưa nghĩ ra, chớ không phải tôi! Một

tiếng xin lỗi là xong câu chuyện của mười năm? Anh...

- Huyền! Em không nên bất lịch sự đến cùng cực vô lý như vậy! Dù sao, anh Thức cũng là bạn cũ, và từ nơi xa xôi đến thăm chúng ta. - Thạnh xô ghế đứng dậy, mắng em. Huyền ôm mặt, lôi con chạy vào phòng ngủ.

- Thạnh, bỏ qua đi! Cô ấy vẫn còn hận tôi. Lỗi tại tôi đã từ khước yêu cầu cô ấy từ trước. Đỉnh, tao xin lỗi mày.

- Mày chẳng lỗi gì cả, Thức! Từ ngày tao bị tai nạn, cô ấy thường có những lời nói và hành động thất thường. Tao đã quen, như một tội đồ nghe lời phán truyền của đấng tối cao tình ái trừng phạt. Mày cũng chẳng nên để trong lòng làm gì. Tụi mình đã là bạn thân bao năm, chẳng lẽ không thông hiểu vấn đề sao? Mà nhất là có đàn bà dính díu trong đó!

- Thôi bỏ qua chuyện ấy đi. Bây giờ chúng mình nâng ly uống, chúc mừng mười năm gặp lại thằng Thức, và mừng sự gặt hái thành công trên đường đời của nó. - Bình vui vẻ nói, giới thiệu vợ với Thức.

Thức cảm thấy bất an và không vui nhưng anh vẫn cố gượng. Cả bọn lại quây quần nhau bắt đầu tiệc Giáng Sinh. Tiếng nhạc bắt đầu vang vang, vài cặp đưa nhau ra ôm nơi sàn nhảy rộng. Thức liếc nhìn thấy Đỉnh như đang bỏ hết mọi phiền toái cuộc đời, dồn tâm trí vào những cặp đang quay nhau trên sàn nhảy điệu tango, thèm thuồng. Tự nhiên, Thức thấy thương bạn hơn bao giờ hết! Anh tự tay tháo bịch nước tiểu, do sự bài tiết không kiểm soát của Đỉnh đem đi thay.

Nhà Đỉnh rộng thênh thang, có nhiều phòng vệ sinh ở tầng dưới, nhưng mọi nơi cửa đều khóa trái. Thức cầm bịch nước tiểu đi

nhanh lên lầu vào một phòng lớn anh thấy thuận tiện. Vừa mở cửa nhà vệ sinh, Thức chợt đứng khựng, mặt tái mét. Sau thoáng ngỡ ngàng, Thức đóng xầm cánh cửa quay bước xuống lầu.

*

- Có lẽ tao phải đi sớm hơn dự định. Có một vài công việc còn đang lỡ dỡ ở Toronto, cho tới bây giờ tao chợt nhớ. Nhờ mày chở ra phi trường lấy vé, nếu được tao đi luôn. - Thức đứng trước cánh cửa mở toang, đầy gió buổi sáng mùa đông. Tay anh đeo cái xách nhỏ như quyết định, sẵn sàng cho chuyến đi. Tuyết vẫn rơi rớt đều đều, đan kín cả không gian xám đục trước mắt một cách nhuần nhuyễn.

- Thằng Trung đã làm điều gì mày thấy và buồn? - Đỉnh xoay tròn hai bánh xe lăn bằng đôi tay rắn chắc, hỏi bạn.

- Nghĩa là mày đã biết và vẫn dung túng chúng nó?

- Dĩ nhiên tao đã biết từ lâu.Vậy mày nghĩ, tao phải làm gì? Ẩu đả với nó chắc? Tao

thua! Giết nó? Tao lại càng không nghĩ đến vì còn nghĩ đến đứa con của mày...

- Nghĩa là mày đã biết tất cả? - Thức nôn nóng cắt ngang lời bạn.

Đỉnh khoát tay, bảo bạn im:

- Mày hãy để tao nói hết đã... kiện nó ra tòa, thì tao không đủ can đảm phá tan hoang một hạnh phúc gia đình đang ấm cúng, dù bằng sự giả dối. Tự tao đã giả dối trước với bạn bè trong đó có mày để đoạt được Huyền, bằng thủ đoạn tuyên bố trúng số rởm! Vậy hôm nay, tao phải can đảm nhận những gì mình đã gây ra. Mày cũng nên thấu hiểu cái cảm giác bị lừa như Huyền, sẽ phản ứng thế nào, ra sao khi hiểu ra chân tướng của con bài ái tình kệch cỡm. Huyền của chúng ta, mày hiểu không? Thằng Trung, nó cũng yêu Huyền tha thiết như tao với mày đã từng. Nó cũng như mày - dám trả giá cuộc đời này bằng cách chọn cuộc sống cu ky và chờ... Nó cũng có thừa can đảm của đấng mày râu đấy chứ! Sự chiếm đoạt nào mà chả qua gạn lọc, thử thách và thủ đoạn ở con người đời trần mắt thịt này, như thằng Trung đã nói trước kia mười năm. Cuộc đời này chẳng có gì gọi là phi đạo đức cả, khi cả hai bên đều tương nhượng và hy sinh cho nhau, ngay cả về mặt tính dục. Chúng ta không may mắn khi sống trong một xã hội thuần về lý trí này, thế thôi. Làm thằng đàn ông ở bất cứ xã hội nào cũng vậy. Hãy nên biết mình đã thua hay đang thắng ở cuộc đời ô trọc này; để mà hành xử mẫn cảm hơn, thông cảm hơn, đúng lẽ hơn và nhất là hợp lý hơn đối với những người đang ở trong rọ của ái tình...

- Đó chỉ là sự biện bạch của kẻ tàn phế, thất thời... Xin lỗi mày câu nói này. Ước lệ của bất cứ xã hội nào cũng đặt nền tảng đạo đức trên hết. Có đạo đức là có văn minh loài người! Nhiều người đã hiểu sai về khuôn phép đạo đức ở xã hội này, trong đó có mày. Sống cần hội nhập những điều đúng của dân bản xứ để bổ khuyết những sai lầm qui ước nô lệ tính dân tộc. Tao cám ơn tấm lòng cao cả của mày đã dung chứa mẹ con Huyền bấy lâu, mà không truy nguyên, đòi hỏi gì ở cả tao và Huyền. Đó là một tình bạn cao cả cần đề cao, mà trong bản chất của người Á đông chúng ta khó có.

- Mày nghĩ tao là ông Thánh, Thức? Tao cũng là con người bằng xương bằng thịt như bất cứ ai, cũng có thất tình lục dục. Những ngày đầu khám phá ra sự bỉ ổi này, tao điên tiết như mọi con người bình thường biết điên tiết. Có nhiều đêm tao lăm lăm con dao trong tay, chực đâm Huyền nhiều lần, nhưng đành bỏ dao xuống và thao thức nhiều đêm. Số mệnh mình đã vậy thì đừng nên kéo ai vào nữa, nhất là người mình đã một thời yêu. Hãy đau khổ, hãy tàn tật, hãy bị giam hãm tù túng, hãy thoát qua một cái chết của nhân sinh; mình mới nhìn ra cái đẹp, cái xấu của con người. Bản chất con người vốn đẹp và thiện; xấu là từ bên ngoài tác dụng vào. Hãy sống hướng về tâm linh nhiều hơn chút nữa, sẽ có cái tinh thần bát nhã của nhà Phật. Đời và Đạo chỉ cách nhau chưa tới một nữa sát na, nhưng mà cũng là thật xa nếu mình nghĩ không tới. Tao nghĩ, xin lỗi trước, mày chưa đạt tới cái mức vi diệu của Thiền. Có đó, không đó, Thức à!

*

Thức bước lên xe do Đỉnh vừa lái từ nhà chứa xe ra. Anh cố ngoái lại nhìn ngôi nhà lần cuối.

Gió trên thung lũng kéo xuống thổi từng cơn, từng cơn khô khốc, lạnh buốt. Thức chợt nhận ra giữa anh và Đỉnh cũng giống như những ngọn cỏ vàng trên thung lũng mùa đông. Chiếc xe rồ máy, vọt chập choạng trên con đường lầy đầy tuyết trắng xóa khắp thung lũng mù sương.

Trên tầng cao cánh cửa sổ, người thiếu phụ trẻ bưng mặt ôm con khóc rưng rức.

Thằng bé kêu lên:

- Mẹ ơi! Bố Thức đi rồi.

VŨ ĐÌNH KH.

Vancouver. 08/12/1999



NGUYÊN HƯNG

Những nẻo đường mỹ thuật Việt Nam



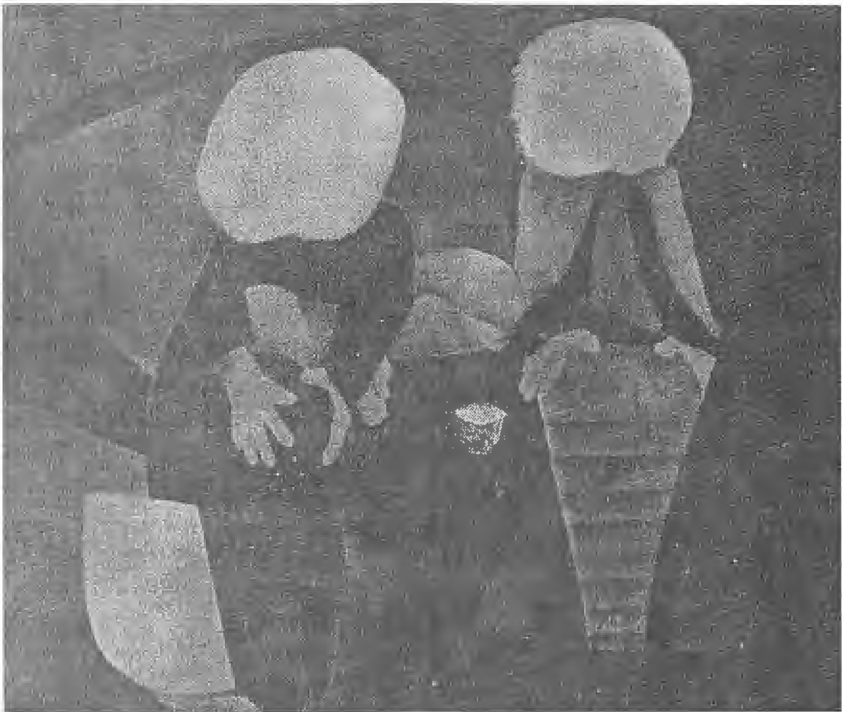
Hoàng Đặng: Khỏa thân hoa hồng

Điều đầu tiên cần ghi nhận là nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại được bắt đầu từ những ông thầy người Pháp – với trường Mỹ thuật Đông Dương mở ra ở Hà Nội năm 1925 - và chịu ảnh hưởng trực tiếp truyền thống mỹ thuật cổ điển phương Tây. Từ đó đến nay có thể nói mỹ thuật phương Tây là vùng ảnh hưởng truyền thống của mỹ thuật Việt Nam. Điều này hoàn toàn dễ thấy qua thực tế là ở phương Tây có bao nhiêu khuynh hướng nghệ thuật thì ở Việt Nam dường như có đủ - từ khuynh hướng hồn nhiên cổ đại, khuynh hướng tôn giáo trung cổ đến các khuynh hướng hiện đại với những hậu ấn tượng, lập thể, biểu hiện, siêu thực, trừu tượng... kể cả hậu hiện đại với những nghệ thuật lắp ghép (installation), nghệ thuật môi trường (Land Art), v.v...

Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là mỹ thuật Việt Nam là bản sao tỉnh lược của nền mỹ thuật phương Tây. Sự ảnh hưởng hay tiếp thu, tuỳ thời, đều có tính chất và ý nghĩa khác nhau.

Trở lại với các hoạ sĩ thời trường Mỹ Thuật Đông Dương, chúng

ta dễ thấy là ngay từ đầu các hoạ sĩ như Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Đỗ Cung... đã làm một cuộc xé rào đối với truyền thống mỹ thuật phương Tây đang được tiếp thu để tìm kiếm các cội nguồn cảm xúc của mình. Sự tìm kiếm bắt đầu từ tư duy hình tượng cho đến chất liệu, kỹ thuật... và các hoạ sĩ đã nhanh chóng đạt đến sự thống nhất trong tư duy nghệ thuật, tự do biểu xúc tình cảm và thẩm mỹ riêng. Ngày nay, xem lại tranh các bậc tiền bối này, mọi người phải thừa nhận, họ đã tiếp thu phương Tây chủ yếu ở kỹ pháp tạo hình và chất liệu ứng dụng hồn nhiên cấu trúc không gian vật lý, sử dụng hồn nhiên chất liệu sơn dầu, đồng thời bác học hoá các chất liệu dân gian như sơn mài, lụa, tranh khắc... còn về tinh thần thì thuần chất Việt Nam – phi lý trí hoá – hoặc biểu hiện các cảm



Lê Đợi: Những người đãi vàng

xúc trữ tình hồn nhiên trước cuộc sống bao quanh từ cảnh, vật đến người... hoặc biểu hiện các cảm thức siêu hình bàng bạc trong dân gian với ảnh hưởng từ đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho... phương Đông. Nói chung, các hoạ sĩ thời "Đông Dương" đã thành tựu với sự thật: mọi tiếp thu, ảnh hưởng từ bên ngoài, trong nghệ thuật, chỉ có ý nghĩa khi

được chắt lọc – thống nhất hoá, xuyên suốt hoá trong tính liên tục của tư duy vốn dĩ có bối cảnh và phương thức thích ứng riêng (cái chung trở thành cái cụ thể và góp phần cho qua trình ngược lại.)

Nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại từ khởi đầu đến cuối những năm 1980, về đại thể không có biến chuyển nào đáng kể về nghệ thuật. Ở miền Bắc, sự tìm tòi ngôn ngữ nghệ thuật mới ở một số hoạ sĩ chỉ là thể nghiệm nghiêng về hình thức. Nền mỹ thuật cách mạng thực chất vẫn là sự tiếp tục dòng mỹ thuật Việt Nam mới được thiết lập từ các hoạ sĩ tiền phong ở trường Mỹ Thuật Đông Dương với một tinh thần mới đặt nền trên các xúc cảm trữ tình mang tính công dân và thế sự. Trong số hoạ sĩ cách mạng, có lẽ Nguyễn Sáng là người duy nhất tiếp xúc được với chủ nghĩa hiện thực lịch sử – xã hội với những tác phẩm giàu tính khái quát và cảm xúc mạnh (như "Giặc đốt làng tôi", "Kết nạp đảng ở Điện Biên", "Thanh niên thành đồng"...). Còn lại tuy hiện diện trong phương thức tả thực nhưng phần lớn các hoạ sĩ đều là những hoạ sĩ lãng mạn – hoặc mang tinh thần cách mạng xã hội hoặc mang tinh thần dân tộc. Ở miền Nam, tình hình có khác, với khuynh hướng chung coi trọng dấu ấn cá nhân, đề cao cái tôi trữ tình của người nghệ sĩ cũng như các ảnh hưởng tràn lan từ phương Tây, mỹ thuật miền Nam quả là có sự đa sắc, đa thanh... Từ những năm 1960, các khuynh hướng mỹ thuật hiện đại từ lập thể, siêu thực, biểu hiện, trừu tượng đều đã được thể nghiệm rộng rãi. Tuy nhiên, công bằng mà nói, chủ nghĩa duy lý của nghệ thuật phương Tây thể hiện qua các khuynh hướng nghệ thuật hiện đại này vào Việt Nam đã có một tính cách khác, một số phận khác, chỉ còn là hình thức lạc lõng so với đời sống tinh thần còn loay hoay trong tâm trạng thường nhật hoặc chơi vơi trong các ý nghĩa tượng trưng của một cảm thức thi ca lãng mạn. Không phải ngẫu nhiên mà rất nhiều hoạ sĩ ở miền Nam sau những chuyến phiêu lưu đâu đó một thời gian rồi cũng quay về với hội hoạ tượng trưng – đa số đều cố thủ trong một số thủ pháp nghệ thuật cố định, ngủ yên với những giấc mộng con con ở các salon nghệ thuật thời thượng...

Có lẽ chưa bao giờ như hiện nay, đời sống mỹ thuật Việt Nam trở nên hết sức sôi động, nhộn nhịp. Chỉ mới một thời gian ngắn chưa đầy 10 năm mà số lượng nghệ sĩ tạo hình tăng lên rất nhiều. Các cuộc triển lãm mở ra gần như liên tục. Mỗi nghệ sĩ đều cố công tìm kiếm cho mình một chỗ đứng trong nghệ thuật, với bản sắc riêng. Do đó mà sự phân hoá thành những khuynh hướng nghệ thuật khác nhau diễn ra nhanh chóng và vô cùng phức tạp.

Để gọi tên các khuynh hướng mỹ thuật ở Việt Nam hiện nay thực tế rất khó. Thứ nhất, ở Việt Nam, cho đến nay, vẫn chưa có một hệ thống lý luận mỹ thuật chung nhất quán làm cơ sở cho sự tham chiếu, biện biệt; thứ hai, ở bản thân các hoạ sĩ cũng không ngừng xê dịch. Có hoạ sĩ mới hôm qua vẽ tranh tượng trưng, ngày hôm sau đã vẽ tranh trừu tượng, và hôm sau nữa lại trở về với tranh tượng trưng. Có hoạ sĩ đang rất thành công với ngôn ngữ biểu tượng mang tính chất tôn giáo sắc tộc có cấu trúc hình tượng theo khuynh hướng siêu thực thì sau đó, oái oăm thay, lại lọt thỏm vào sự trống rỗng của nghệ thuật trang trí... Nói chung, rất ít hoạ sĩ Việt Nam hiện tại có sự thuần nhất tìm kiếm trong nghệ thuật như một hành trình dấn thân. Bởi vậy, rất khó có một tên gọi khái quát khuynh hướng nghệ thuật của họ.

Còn nếu căn cứ trên hệ thống học thuật phương Tây với những khái niệm, phạm trù mỹ học và nghệ thuật phương Tây – đang được sử dụng tương đối phổ biến – thì chắc chắn không thể tránh khỏi sự khiên cưỡng, võ đoán. Tiếp cận theo hướng này chỉ làm cho nhận thức về mỹ thuật Việt Nam vốn đã rối mù càng thêm rối mù. Ví dụ, ở Hà Nội có hoạ sĩ vẽ tranh có cấu trúc như tranh lập thể của Picasso, nhưng nếu gọi anh là hoạ sĩ lập thể thì e rằng chỉ là ngộ nhận. Tranh anh đơn giản chỉ là sự tổ hợp những hình ảnh mang tính chất tượng trưng về đời sống dân dã Việt Nam được cách điệu hoá theo phương thức thuần tuý hình thức của hội hoạ lập thể. Nói cách khác, ở đây chỉ là một hình thức chiết trung trong nghệ thuật theo kiểu "bình mới rượu cũ"!

Ở Việt Nam hiện tại có rất đông hoạ sĩ tả thực. Nhưng phần lớn các hoạ sĩ tả thực đang sáng tác cũng không khác mấy các bậc tiền bối thời Mỹ Thuật Đông Dương, thờ ơ với các vấn đề thế sự, vẫn chỉ mượn phương thức tả thực như một phương tiện biểu hiện các cảm xúc trữ tình hồn nhiên ở mọi người trước thế giới chung quanh theo khuynh hướng ấn tượng, tượng trưng hay biểu hiện... đầy màu sắc lãng mạn. Ở thành phố Hồ Chí Minh có hoạ sĩ tả thực đến chi li, chính xác đến mức độ nhiều người ngờ rằng ông vẽ lại từ ảnh chụp. Tuy nhiên, tinh thần toát lên từ tác phẩm của ông lại gần với hội hoạ biểu hiện hơn là tả thực. Có người cho rằng tranh ông là tranh "Thiền" – biểu hiện sự định tĩnh nội tại trong cõi đời phù du... Rất tiếc, nội dung biểu hiện trong tác phẩm của ông, qua mọi tác phẩm, gần như duy nhất. Ngay ở các hoạ sĩ cách mạng, sáng tác với tinh thần công dân, mang ý thức nợ nần lịch sử như một khái quát cũng không đi được xa hơn đến chủ nghĩa hiện thực lịch sử – xã hội. Phổ biến vẫn là những tác phẩm ký sự

mà từ đề tài đến cơ cấu hình tượng cơ bản cũng chỉ được phân lọc thông qua lăng kính tình cảm thuần tuý.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam hiện tại cũng có rất đông các hoạ sĩ trừu tượng – có trừu tượng có hình và có trừu tượng không hình. Nhiều cuộc triển lãm tranh trừu tượng mở ra, nhưng trước tranh trừu tượng, công chúng mỹ thuật hoặc tỏ ra thờ ơ hoặc giữ thái độ 'kính nhi viễn chi'. Trong giới mỹ thuật với nhau cũng có nhiều ý kiến đánh giá trái ngược nhau về tranh trừu tượng nói chung, và tranh trừu tượng Việt Nam nói riêng. Trong thực tế, có rất nhiều hoạ sĩ quên rằng hội hoạ trừu tượng là kết quả của một tiến trình hội hoạ mà ở đó tự thân màu, sắc, động thái và xung lực của đường nét, tương quan tiết điệu giữa các hình diện và cả kết cấu bề mặt tác phẩm... đã có giá trị biểu đạt. Với hội hoạ trừu tượng, người hoạ sĩ không còn vướng víu vào nội dung chỉ định của các hình thể mà đã có thể lột tả trực tiếp hành trình nội tâm u u minh minh nhiều khi còn chìm khuất trong vô thức. Điều đáng lưu ý là rất ít tranh trừu tượng Việt Nam có sức sống lan toả. Chỉ một số ít tranh thành công trong việc biểu hiện tâm cảm gần gũi với các hoạ sĩ tượng trưng hoặc biểu hiện Việt Nam – không đặt vấn đề gì cho nhận thức – có thể nói đó đơn giản chỉ là tâm cảm hướng đến sự an hoà, sự trầm lắng tự tại cho một giấc ngủ bình yên giữa cuộc đời đa đoan – có thật. Đa số những tác phẩm này đều ít màu, ưa thích sử dụng sự lung linh của ánh sáng và tiết điệu đều đặn trong cấu trúc. Còn lại, đa số các tác phẩm trừu tượng hoặc rối rắm hoặc đơn điệu và vô nghĩa. Nếu xem tác phẩm của từng hoạ sĩ một cách hệ thống, rất dễ nhận thấy phần lớn các hoạ sĩ Việt Nam hiện nay chỉ làm công việc cách điệu, và cố công tìm phong cách riêng bằng một nguyên tắc cách điệu nào đó. Nói chung, hội hoạ trừu tượng Việt Nam hiện tại chưa có sự phơi bày nội tâm, mà ngược lại, là sự che giấu bằng bức màn có tên gọi 'style'.

Sự đổi mới, mở cửa của xã hội Việt Nam mười mấy năm qua đã có một tác động to lớn đến đời sống mỹ thuật Việt Nam. Cùng một lúc, vấn đề hội nhập vào dòng chảy của nền mỹ thuật thế giới và vấn đề giữ gìn bản sắc dân tộc trong mỹ thuật đã được đặt ra như một thách thức trước từng nghệ sĩ. Trong bối cảnh đó, lại chịu sự ảnh hưởng của thị trường tranh bình dân thế giới trước cuộc sống hàng ngày, không ít hoạ sĩ đã đánh mất sự bình tĩnh - đánh mất chính mình với những cảm xúc có cội nguồn và sinh động – nương náu trong các lô cốt hình thức chủ nghĩa thuần tuý nào đó được gọi là "dân tộc hay hiện đại"; và tự an ủi với chút ảo tưởng về sự tồn tại trong môi trường nghệ thuật trước



Đinh ý Nhi: Chị & em gái

mắt.

Nói chung, nền mỹ thuật Việt Nam mới vẫn đang chờ đợi một sự bộc phát khởi đầu. Nếu phải nói thêm thì phải nói: không thể căn cứ trên sự công nhận của số đông hay của "quốc tế" nào đó mà định giá nghệ thuật; cũng không thể căn cứ theo sự vận động của nền mỹ thuật "lớn" nào đó mà định hướng cho nền mỹ thuật. Mỗi nền văn hoá chỉ thành tựu với chính mình. Và giữa các nền văn hoá không có sự cao – thấp, chỉ có sự khác biệt hay tương đồng. Rõ hơn, mỹ thuật Việt Nam sẽ thành công ở đổi mới tự thân chứ không phải ở chỗ quy chiếu với các nền hội hoạ khác. Trên bình diện cá nhân, sự nhạy cảm trong nhận thức, sự thuần khiết trong ngôn ngữ nghệ thuật, và sự dũng cảm trong biểu hiện bao giờ cũng có giá trị tự thân. Người nghệ sĩ có lúc không tránh khỏi sai lầm về ý thức nhưng ngay cả khi sai lầm, khi tư duy nghệ thuật là rung động của một nhân cách trong sáng thì tác phẩm, qua thời gian vẫn còn lại và không ngừng tái sinh trong những tâm tình đồng cảm. Trong nghệ thuật, cái thật và cái mới đồng nhất, khi cái mới là cái thật được phát hiện bởi một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và chân thành....

NGUYÊN HƯNG



NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

Nguyễn Xuân Quang và "Kho tàng cổ sử Hừng Việt"



Chúng ta đã có nhà văn Nguyễn Xuân Quang, thi sĩ Nguyễn Xuân Quang. bây giờ, một tác phẩm mới ra đời của nhà biên khảo Nguyễn Xuân Quang. đó có phải là một sự khác thường không?

Thưa anh không. Tôi có hai con người, một nghiêng về văn chương, một về khoa học. Khi viết văn, làm thơ là con người văn chương chủ động, khi viết biên khảo, con người khoa học chủ động.

Tại sao anh chọn đề tài "Khai quật kho tàng cổ sử Hừng Việt"?

Ngay từ khi còn ở trung học tôi đã không đồng ý với những bài giảng về cổ sử Việt của thầy cô. Hỏi tên các vị vua tổ nghĩa là gì? Nước tổ nghĩa là gì? Những câu trả lời cho tới nay không thuyết phục được tôi và như đã viết trong "Thay Lời Tựa" "Ngay từ khi có trí khôn và biết mình là người Việt, tôi đã thắc mắc tự hỏi VIỆT là gì"? Người Việt ngày nay sống dật dờ chạy theo cơm áo, chạy theo ngoại lai, chia rẽ, phân hóa vì mất Đạo Việt, mất minh triết Việt, mất hồn Việt, mất gốc Việt... Tôi muốn tìm lại lý tưởng Việt....

Đây là một đề tài rộng lớn, đa diện và phức tạp. anh có hứng thú nào khi bước vào lãnh địa còn nhiều hoang vu cần khai phá?

Cái hứng thú là đào tìm một kho tàng quí báu của tộc Việt đã bị chôn vùi hàng chục ngàn năm để phục vị lại Tổ Hùng và tìm lại Đạo Việt cho các thế hệ Việt bây giờ và mai sau.

Khi anh viết, có những khó khăn nào khiến thời gian hoàn thành kéo dài thêm?

Hai khó khăn chính là thời gian rảnh của một người thầy thuốc rất ít và tài liệu bằng Việt ngữ về cổ sử không có nhiều ở hải ngoại. Tôi đã lùng đọc tất cả các sách Việt ngữ về văn hóa Việt, tục ngữ ca dao, truyện dân gian... ở hải ngoại để tìm tài liệu và nhặt nhạnh những từ cổ Việt. Khi mẹ tôi còn sống tôi lắng nghe lời cụ nói, ghi lại các chữ cổ. Tôi thèm có một quyển từ điển Mường Việt mà cho đến bây giờ cũng không tìm ra... Có một khoảng thời gian tôi phải tạm giảm thiểu việc nghiên cứu lại để đương đầu với những nhân tai...

Theo anh, viết biên khảo có gì khác biệt với lúc sáng tác thơ, văn?

Tôi viết biên khảo và sáng tác thơ văn căn bản chính vẫn cố gắng giữ theo đúng phương châm là phải có sáng tạo và khai phá. Còn cách viết dĩ nhiên có khác. Tôi viết biên khảo y như tôi làm một khảo cứu y khoa. Đầu tiên là phải có sáng tạo, sáng kiến (chưa ai đã viết, đã nói tới, hay mình sẽ viết, sẽ nói khác với người ta). Dựa trên sáng kiến mà lập thuyết, dựng lên giả thuyết. Đi săn tìm tài liệu để hỗ trợ cho giả thuyết. Có tài liệu đủ rồi bắt đầu chứng minh, thí nghiệm và kiểm chứng tới kiểm chứng lui. Nếu thấy đúng sẽ phát kiến, viết thành sách tức công bố phát kiến. Thu thập ý kiến để hoàn thiện. Còn sáng tác thơ văn điểm chính yếu nhất là sáng tạo, các phần sau có thể coi nhẹ hay không cần tới nhiều.

Anh đã phải sắp xếp lại sinh hoạt đời sống như thế nào để có thể dành nhiều thì giờ vào công việc biên khảo?

Như đã nói với anh, thời giờ rảnh của người thầy thuốc không có bao nhiêu, nên khi còn làm phòng mạch tư, tôi chỉ thu thập tài liệu để đó. Sau đó tôi quyết định dẹp phòng mạch đi làm công chức để có nhiều thì giờ rảnh hơn để viết. Đi làm công chức chịu thiệt thòi về mặt tài chánh nhưng ngày làm tám tiếng thế là xong không phải trực gác, đeo beeper, cuối tuần có hai ngày nghỉ. Tôi làm công chức từ năm 1991, bắt đầu ngồi xuống viết đều từ đó và hoàn tất đầu năm 1999. Tôi đi ngủ sớm, viết vào sáng sớm nên tránh bớt được những chia trí vì giao tế.

Anh xử dụng tài liệu, sách vở như thế nào khi biên khảo? có cần

đến sự thông hiểu nhiều ngôn ngữ khác để đi vào môi trường đa văn hóa?

Tôi tìm tài liệu ở khắp các nơi, ở các thư Việt lớn ở Hoa Kỳ như ở đại học Berkeley, Thư Viện Quốc Hội, Thư Viện Đại học UCI, Đại học Riverside, Thư Viện Quốc Gia ở Sacramento... Trong các thư Viện này có một số tài liệu Việt ngữ của cả hai miền Nam Bắc Việt Nam lúc trước nhưng không nhiều. Tôi cũng nhờ bằng hữu tìm một số tài liệu ở Pháp... gần đây một số thân hữu về Việt Nam có tặng tôi một ít sách khảo cứu của các tác giả Việt Nam hiện nay. Trong những lần đi du lịch tôi tìm kiếm tài liệu tại chỗ đến...

Dĩ nhiên thông hiểu được nhiều ngôn ngữ thì dễ đi vào môi trường đa văn hóa. Riêng về việc nghiên cứu chữ nòng nọc tôi đã cố tìm đọc các loại chữ cổ Phạn, cổ Ai cập, Aztec, Maya, Trung Hoa, Mường Việt...

Động lực nào đã giúp anh viết xong tác phẩm?

Tôi nghĩ tới tổ Việt và các thế hệ Việt bây giờ và mai sau. Đấy là động lực đã thúc đẩy tôi hoàn tất tác phẩm để khôi phục lại Đạo Việt, Lý tưởng Việt. Tôi ao ước một ngày rất gần trong tương lai Mặt trời Việt hừng rạng lại ngời sáng trên quê hương Việt.

Có phải ảnh hưởng của tự ái dân tộc không?

Không. Có lẽ phải nói là vì lòng yêu dân tộc, yêu quê hương thì đúng hơn.

Như khi cả thế giới thừa nhận Dịch học phát xuất từ Trung Hoa thì anh lại cho rằng Dịch nguyên thủy là Việt dịch nòng nọc hay "Hùng dịch".

Vâng, đúng vậy. Ở đây cũng xin nói lại cho chính xác. Mặc dù trong thâm tâm tôi nghiêng rất nhiều về phía cho rằng Việt Dịch Nòng Nọc là Dịch nguyên thủy nhưng trong sách tôi vẫn dè đặt chưa khẳng định chỉ viết "Như đã thấy chúng ta có nhiều bằng chứng là Việt Dịch Nòng Nọc có thể là Dịch nguyên thủy" (tr.392). Tôi gọi Dịch của đại tộc Việt là Dịch Nòng Nọc bởi vì Việt Dịch dựa trên căn bản Nòng (nòng là nàng, nường, ná, nạ, nái... là cái, mẹ, âm...) và Nọc (nọc là cọc, là "cược", là đọc, là đực, là đục, là chàng, là cha, là dương...). Nòng biến âm với Vòng (n=v, níu = víu) nên hào âm của Việt Dịch viết bằng vòng tròn O. Nọc là cọc, que nên hào dương của Việt Dịch viết bằng cái nọc /. Việt Dịch dựa trên Nòng Nọc (âm dương) nên gọi là Dịch Nòng Nọc. Việt Dịch Nòng Nọc còn gọi là

Hùng Dịch vì Hùng vương có bản thể Nòng Nọc. Lạc Long quân có ba khuôn mặt, trong đó có một khuôn mặt là Mặt trời đêm tức Mặt trăng có một vật biểu là con Cóc Cụ (ứng với truyền thuyết cho rằng trên mặt trăng có con cóc thiềm thừ). Bà Âu cơ với Âu có một nghĩa là Oa, con ếch (Âu biến âm với U, Maya Trung Mỹ "Ou" là con ếch). Do đó bà Âu cơ đẻ ra một bọc trứng ếch ở ngoài đồng (ruộng nước) nở ra trăm Lang Hùng vương. Vậy Hùng vương có bản thể nòng nọc lưỡng thê, nên mới có truyền thuyết năm mươi người ở trên bờ và năm mươi người xuống nước. Hùng vương con của Cóc Lạc Long Quân và Ếch Âu Cơ nên là gốc là Nòng Nọc, do đó Việt Dịch Nòng Nọc có thể gọi là Hùng Dịch... Đôi khi tôi còn gọi là Dịch Bộc Việt. Bộc và Việt là hai ngành ngoại Nòng và nội Nọc của họ Mặt Trời Hồng Bàng. Bộc phiên âm từ Việt ngữ Bọc là nang, nòng. Việt phiên âm từ Việt ngữ Vọt là Que, Nọc. Bộc là ngành mặt trời Bộc, Mặt trời Bọc, Mặt trời đĩa tròn (sun disk). Việt là ngành Mặt trời Vọt, Mặt trời Nọc, Mặt trời có tia sáng vọt ra (rayed sun, sun having hot rays), Mặt trời rạng ngời...

Thế giới thừa nhận Dịch phát xuất từ Trung Hoa là vì họ biết người Trung Hoa trước, họ không biết rằng nước Trung Hoa là một tập hợp chủng tộc gồm mấy trăm tộc đã bị Hán tộc đồng hóa nhiều hay ít, trong đó dĩ nhiên có các tộc thuộc đại tộc Việt cũ. Điều mà tôi có thể nói mạnh bạo là Chu Dịch của người Trung Hoa chắc chắn không phải là thứ Dịch nguyên thủy. Tôi đã viết một chương nguồn gốc của Dịch trong KHAI QUẬT KHO TÀNG CỔ SỬ HỪNG VIỆT, ở đây chỉ xin nói tóm lược.

Có phải rất khó khăn khi phá đổ những định kiến như thế?

Vâng, rất khó khăn để phá đổ một định kiến. Tuy nhiên sự thật bao giờ cũng chiến thắng. Một người nêu ra cho thấy có sự sai lầm của định kiến nếu được hàng chục, hàng trăm người kiểm chứng lại và công bố là đúng thì định kiến sẽ bị phá đổ ngay.

Chu dịch và Việt dịch có gì liên quan với nhau?

Chu Dịch và Việt Dịch Nòng Nọc đều dựa vào vũ trụ giáo, trên căn bản Nòng Nọc Âm Dương nhưng Chu Dịch đã nam hóa viết và diễn đạt theo quan điểm của thời phụ quyền cực đoan còn Việt Dịch Nòng Nọc còn giữ nguyên dạng hay còn gần dạng nguyên thủy, nòng nọc âm dương còn đề huề hay âm còn được coi trọng.

Chữ nòng nọc là một thứ chữ thái cổ, những tìm tòi về nó hình như chưa rõ ràng như vậy làm sao để xác định?

Anh nói đúng, tôi ra công tìm tòi nhưng chưa có sách nào nói rõ về chữ nòng nọc thái cổ. Phần lớn các nhà nghiên cứu hiện nay cho là thứ chữ có hình con nòng nọc hay con lăng quăng ví dụ Nguyễn Khắc Ngữ cho rằng chữ Phạn là chữ khoa đẩu, nói như vậy không chính xác. Phạn ngữ và tất cả các chữ cổ cũng như chữ hiện kim đều là chữ con cháu của chữ nòng nọc. Chữ nòng nọc theo tôi khám phá ra là một thứ chữ tối cổ của loài người gồm hai chữ cái căn bản là chữ Nòng viết bằng vòng tròn O và chữ Nọc viết bằng cái nọc / rồi ghép lại thành các mẫu tự khác. Đây là thứ chữ âm dương liên hệ ruột thịt với vũ trụ giáo, với Dịch. Theo tôi nghĩ chữ nòng nọc có dính dáng rất nhiều đến đại tộc Việt vì chúng ta có Việt Dịch nòng nọc. Tôi đã dịch một số từ Việt ngữ ra chữ nòng nọc. Ví dụ từ Việt phiên âm từ Việt ngữ Vọt, viết ra chữ nòng nọc là một cái nọc (có nghĩa là mặt trời nọc, mặt trời rạng ngời) hay hai cái nọc chập lại thành mũi nhọn như đầu mũi tên (có nghĩa là mặt trời ánh sáng, nọc, đực, núi nọc...) và Bộc viết bằng chữ vòng chữ nòng. Nòng nọc Bộc Việt là hai chữ căn bản của chữ nòng nọc... Vật tổ chim nông (pelican) của ngành Nòng viết bằng chữ nòng nọc là nòng = O (nông biến âm với nòng), tương tự vật biểu chim cắt, chim rìu, chim nọc của ngành Nọc viết bằng cái nọc: /. Nòng nọc Nông-Cắt O - / giao hòa với nhau đẻ ra bồ nông, bổ nông, bồ cắt, bổ cắt. Bồ là cái bao, cái bọc, vật dựng hình bao, bọc, dạ con như bồ lúa viết bằng chữ nòng O và bổ là búa, là mổ, mỏ là vật nhọn viết bấng chữ nọc /. Như vậy ta có:

Nông O giao hòa với Cắt /

để ra Bồ nông OO, Bổ nông /O , Bồ cắt O/ và Bổ cắt //

ta có Bồ nông = OO, Nước, Bổ nông = /O, Khí, Bồ cắt = O/, Đá và Bổ cắt = //, Lửa. Rõ ràng chim Nông chim Cắt nòng nọc, âm dương sinh ra tứ hành Nước, Khí, Đá, Lửa... Tôi dịch các tên cổ Việt ra chữ nòng nọc để tìm nghĩa cho đúng... Nghĩa của các từ cổ Việt nhất là có liên hệ tới tín ngưỡng phải hiểu theo ít nhất là hai nghĩa nòng nọc âm dương ví dụ sáo theo duy âm liên hệ với nước (sáo vịt, sáo bắt cá) và theo duy dương liên hệ với gió như huýt sáo, ông sáo, màn sáo...

Tôi đang sưu tầm tài liệu các chữ cổ của loài người, nhất là các tộc thờ mặt trời, theo vũ trụ giáo như Ai cập, Aztec Maya... Tôi sẽ công bố kết quả về việc tìm ra chữ nòng nọc của tôi trong tương lai dù chỉ một phần. Nếu các nhà thông thái về chữ viết kiểm chứng lại cho là đúng thì sẽ thuyết phục được mọi người chấp nhận.

Chữ nòng o và chữ nọc / có giống chữ điện toán 0 và 1 không? hình như tất cả đều có chung một gốc?

Chữ nòng nọc thái cổ và chữ điện toán ngày nay giống nhau ở chỗ là cả hai chỉ có hai chữ căn bản. Chữ nòng nọc ngày xưa mang ý nghĩa Nòng cái Nọc đực âm dương, ngày nay chữ điện toán O và 1 là do tắt mở mạch điện nhanh như chớp nếu hiểu tắt là tối là âm và bật lóe lửa lên cũng là dương. Vả lại O là số không là Khôn là âm và số 1 là nọc là mặt trời là dương. Về khía cạnh âm dương thì chữ điện toán cũng là chữ âm dương. Thoạt khởi thủy chữ nòng nọc có thể chỉ là một thứ chữ rất giới hạn dùng trong tín ngưỡng vũ trụ giáo để biểu tượng, để viết giáo thuyết và giảng dậy các tu sĩ sau đó vì nhu cầu từ chữ nòng nọc đẻ ra các thứ chữ cổ và kim hiện nay. Điều này ta cũng thấy chữ điện toán ngày nay với chỉ hai chữ căn bản 0 và 1 cũng có thể diễn tả, thay thế được tất cả các chữ viết hiện nay.

Quẻ bát quái của Chu dịch và của Việt dịch nòng nọc có gì liên quan với nhau?

Tám quẻ của hai bát quái tổng quát như nhau nhưng các giải thích có khác nhau. Chu Dịch giải thích theo duy dương, coi trọng dương hơn âm của người sống ở thời phụ quyền cực đoan đã coi âm, phái nữ là đồ bỏ, có khi còn cho âm là ma quỉ cái. Chu Dịch giải thích theo nghĩa đã muộn sau này, đã rời xa gốc, rời xa Dịch nguyên thủy. Ví dụ Càn Khôn cho là Thiên Địa Trời-Đất. Trong thuyết cấu tạo vũ trụ, hay ngay cả trong vũ trụ học ngày nay, đất xuất hiện rất muộn. Khôn không phải là đất mà Khôn là Không, hư không. Trong khi Việt Dịch nòng nọc, cách giải thích còn âm dương đề huề hay âm, phái nữ còn được nể trọng . Nguyên cách viết hào âm bằng cái vòng O cho thấy âm phái nữ còn hiện diện trong Việt Dịch Nòng Nọc. Về thứ tự của các quẻ trong bát quái tôi để theo thứ tự các tổ phụ và tổ mẫu của chúng ta theo chiều trái đất quay quanh mặt trời nên khác thứ tự của các quẻ trong Chu Dịch. Nếu dựa vào ba khuôn mặt của lạc Long Quân ta Có thể vẽ ra ba bát quái...

Tiện đây cũng xin đính chính để sửa lại cho đúng vì các hình vẽ khi lay-out dán lên cuối cùng thành thử không đọc kỹ, hình bát quái phía trên ở trang 401 trong KHAI QUẬT KHO TÀNG CỔ SỬ HỪNG VIỆT thứ tự quẻ Khảm Thần Long và Quẻ Cấn Nàng Non (Vợ Hùng vương) đã xếp đổi chỗ cho nhau. Xin chuyển lại vị trí để Quẻ Khảm đối diện theo đường chéo với Quẻ Li Kinh Dương vương và Quẻ Cấn đối diện chéo với quẻ Tốn Hùng vương. Hình bát quái ở dưới Lạc Long quân Chấn phải viết là OO/ thay vì /OO và quẻ Cấn phải viết là /OO thay vì OO/.

Tại sao bát quái: càn, khảm, cấn, tốn, li, khôn, đoài lại liên quan tới tám vị thần tổ của tộc Việt?

Tại vì bát quái do Dịch dựa trên âm dương vẽ ra và tổ tiên chúng ta theo vũ trụ giáo cũng có căn bản là âm dương. Ở đây, xin thật vắn tắt. Tổ tối cao tối thượng (Supreme Being) của chúng ta là Thần Nông. Phải hiểu Thần Nông là một từ phiên âm dịch nghĩa từ Việt ngữ. Việt ngữ Nông là bọc, túi ví dụ chim mỏ nông (pelican) là chim mỏ có cái túi để xúc cá; kiểm chứng lại theo quy luật biến âm o=a như hạt = hột ta có Nông = Nang. Thần Nông, Thần Nang tức Thần Bọc, Thần Trứng vũ trụ (Cosmic sac, Cosmic womb, Cosmic egg God). Thần Nông Thần Bọc vũ trụ thoạt khởi thủy vô cực, sau phân cực thành âm dương, lúc này Thần Nông vũ trụ có lưỡng phái, bán nam bán nữ (androgynous God). Thần nông Thần Bọc O mọc ra cái nọc lửa Viêm Đế / (theo truyền thuyết là Thần mặt trời). Tiếp đến tách ra làm hai: Thần cái Thần Nòng Thần Nông và Thần Đực, Thần Nọc Viêm Đế ứng với lưỡng nghi. Thần Cái Thần Nông giao hòa với Thần Đực Viêm Đế sinh ra tứ tượng, tứ hành (Four Elements, Four Great Primary Forces): Nước, Khí, Lửa, Đá. Thần Nông Viêm Đế đẻ ra Thần (Nước), Nông (Khí), Viêm (Lửa) và Đế (Đá). Nói theo truyền thuyết chín mặt trời của Mường Việt cổ thì Vũ trụ Thần Nông và Mặt trời Viêm Đế đẻ ra Mặt Trời Nước Thần, mặt Trời Khí Nông, Mặt trời Lửa Viêm và mặt trời Đá Đế ở cõi vũ trụ.

Ở cõi thế gian, các vị vua tổ của chúng ta dù là truyền thuyết hay lịch sử đội lốt truyền thuyết ứng với tứ hành. Đế Minh là Mặt trời Lửa đội lốt Mặt trời Lửa Viêm, Kinh Dương vương là Mặt trời Đá (Núi nổng) đội lốt Mặt trời Đá Đế; Lạc Long Quân là Mặt trời Nước đội lốt Mặt Trời Nước Thần và Hùng vương Mặt trời Gió đội lốt Mặt trời Gió Nông.

Bây giờ ta viết tên các tổ phụ và tổ mẫu của chúng ta bằng chữ nòng nọc. Đế Minh = Mặt trời Lửa: Mặt trời Việt, Vọt viết bằng chữ nọc / và Lửa = // (hai nọc dùi lửa), Đế Minh = / +// = /// (quẻ Càn); Kinh Dương vương = Mặt trời Đá = /+ O/ = /O/ (Li); Lạc Long Quân = Mặt trời Nước = / + OO = /OO (Cấn) và Hùng vương = Mặt trời Gió = /+/O = //O (Tốn). Nếu muốn nói nôm na thì từ thời Hùng vương trở về trước ta chưa có đế, có vương, các tổ phụ của chúng ta gọi là Lang là Chàng và các tổ mẫu gọi là Nàng như thấy rõ qua truyền thuyết con trai Hùng vương gọi là Quang Lang (Lang Sáng rạng ngời dòng mặt trời Việt) và con gái gọi là Mệ Nàng, Mỵ Nương (Nàng Đẹp, Đẹp vì là con cháu của dòng Tiên nữ). Trong các phả ký và trong các buổi tế lễ ở vùng đất tổ ngày nay vẫn dùng từ Chàng và Nàng để gọi

các tổ phụ và tổ mẫu của chúng ta. Viết theo chữ nòng nọc Chàng = / và Nàng = Nòng = O. Đế Minh là Chàng Lửa = /+// (Càn), Kinh Dương Vương là Chàng Đá = /+O/ = /O/ (Li), Lạc Long Quân là Chàng Nước = /+OO = /OO (Cấn) và Hùng vương là Chàng Gió = /+/O (Tốn). Bốn tổ mẫu của chúng ta là bốn Nàng hay bốn Mặt trời Nòng viết bằng chữ nòng O. Vụ Tiên với Vụ là con Le Le. Cổ ngữ Việt le là nước biến âm với lã, ta có từ ghép láy đồng nghĩa lỏng le. Vụ Tiên là Nàng Nước hay Mặt trời Bộc Nước. Nàng là Nòng = O, Le Le Nước = OO, Vụ Tiên = OOO (Khôn), Long Nữ là Nàng Gió hay Mặt trời Bộc Gió (Long là loài rắn có bờm hay có cánh bay được liên hệ với gió), Nàng Gió = O/O (Khảm); Âu Cơ với Âu là Au là Đỏ là Lửa. Âu cơ là Nàng Lửa hay Mặt trời Bộc Lửa = O// (Chằm, Đoài) và vợ Hùng vương không thấy nhắc tới nhưng ta có thể suy ra chồng mạng Gió /O thì vợ phải mạng Đá O/ cho hợp tứ hành. Vậy vợ vua Hùng là Nàng Non = OO/ (Chấn). Như thế 4 tổ phụ và bốn tổ mẫu của chúng ta gộp lại vẽ ra được một bái quái. Tôi gọi là Việt Dịch Nòng Nọc.

Ta có thể kiểm chứng lại bằng vũ trụ tạo sinh: Thoạt khởi thủy vũ trụ là cái bọc cái trứng vô cực, trong quá trình sinh tạo, Trứng vũ trụ vô cực biến thành trứng nước không gian, biển không gian (cosmic ocean) Vụ Tiên. Sau đó cực dương xuất hiện dưới dạng ngòi lửa vũ trụ, tia sáng Đế Minh, có thể coi như là châm ngòi sinh ra "big bang". Khối lửa từ Đế Minh gặp biển không gian Vụ Tiên nguội đi đẻ ra Đá vũ trụ, Núi lửa trần gian Kinh Dương vương. Biển không gian Vụ Tiên có tia sáng Đế Minh chiếu vào bốc lên thành mây tạo ra nước Thần Long. Núi Lửa Kinh Dương Vương gặp nước mưa Thần Long đẻ ra Núi Nước tức Non Lạc Long Quân. Nước lạnh (nước mưa) Thần Long gặp lửa Kinh Dương vương trở thành nước ấm tức ao đầm hồ Âu cơ. Đến Hùng vương lại quay trở lại vòng sinh tạo. Hùng vương Gió đội lốt Khí không gian nghiêng nhiều về dòng máu Nòng mẹ nên Nước ấm ao hồ Âu cơ gặp lửa Lạc Long Quân bốc lên thành khí, gió tức đẻ ra Khí Gió Hùng vương. Lửa nước trên non cao Sùng Lãm Lạc Long Quân gặp lửa thái dương Âu cơ nổ ra sấm sét Chấn vợ Hùng vương. Tất cả đều ăn khớp khít khao.

Tóm lại các tổ phụ và tổ mẫu của chúng ta dù là truyền thuyết hay lịch sử đội lốt truyền thuyết cũng đều có bản thể dựa vào tứ hành: Lửa, Đá, Nước và Khí, gộp lại ứng với bát quái của Việt Dịch nòng nọc.

Chứng minh và kiểm chứng các truyền thuyết qua nhiều địa hạt có khi phù hợp nhau, có phi phản bác nhau, có phải đó là một

vấn nạn mà anh đã gặp?

Vâng, điều này đúng. Trong "Thay Lời Tựa" tôi đã viết "Cổ sử Việt và văn hóa Việt liên hệ ruột thịt với vũ trụ giáo, đạo thờ mặt trời, Việt Dịch nòng nọc nên rất phức tạp, có nhiều lý giải khác nhau nhiều khi trái ngược và sai lệch vì tôn giáo gốc nào về sau cũng chia ra nhiều hệ phái, vì tam sao thất bản, vì Dịch được diễn dịch bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo môn phái tùy theo sự hiểu biết của từng người. Cũng vì thế mà nhiều truyền thuyết, phong tục... hiện nay đã được hiểu và tin theo khác hẳn với tổ tiên ta thời thái cổ... Vấn đề chính yếu là phải làm sao đào bới, khai quật tìm cho ra cái cốt lõi nguyên khởi". Tôi đã bị nhức đầu nhiều vì truyền thuyết Việt Nam, nhiều khi phải viết lại cả mấy chương sách. Hãy lấy một ví dụ truyền thuyết Việt Nam hiện nay phần nhiều bị các Việt nho viết theo đầu óc Đạo Nho nghĩa là trọng nam khinh nữ, gạt bỏ phái nữ ra hay cho họ là "tinh" là "ma" nên viết ngược lại, viết thêm bớt, sửa đổi đi cho hợp đạo giáo. Nhiều lúc tôi phải đi vòng xuống vùng Nam Hải, hay vòng qua miền cực tây địa khối Vân Nam mò tìm tới các tộc người Âu ở đây (vì không về được vùng đất tổ, vùng thượng du Bắc Việt, Vân Nam...) để mò tìm tài liệu. Trong 300 tộc ở Nam Đảo gồm các thổ dân ở Mã Lai, Nam Dương, chắc chắn có những tộc là con cháu của các thuyền nhân đại tộc Việt từ thời xa xưa vì lý do này hay lý do nọ đã rời đất tổ ở lục địa đến các hoang đảo ở đây lập quốc. Tại các vùng này ta có thể tìm thấy những dữ kiện về đại tộc Việt không bị ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa vì họ không bị Trung Hoa đô hộ, vì họ không có các nhà nho. Thoạt đầu tôi bị lạc vào mê hồn trận của truyền thuyết, của vật tổ của chúng ta diễn giải theo hiện nay, mãi cho tới khi khám phá ra Việt Dịch nòng nọc tôi dùng Việt Dịch nòng nọc làm kim chỉ nam để giải thích truyền thuyết, vật tổ.

Hoàn tất tác phẩm, anh có nghĩ rằng sẽ phải đào sâu vấn đề hơn bằng những tác phẩm kế tiếp?

Tác phẩm này có thể coi như một chất "cái", một chất cốt rất đặc và khó đọc cho một số người có kiến thức thông thường, từ tác phẩm này có thể viết ra nhiều tác phẩm con. Trong tương lai có thì giờ tôi sẽ "diễn nghĩa", khai triển ra. Hy vọng có những người khác tiếp tay vì ưu tiên lúc này là tôi dự định cho ra đời hai tác phẩm nối tiếp là Giải Đọc Trống Đồng và Đế Quốc Mặt Trời hay Đạo Mặt Trời. Hai tác phẩm này soi sáng thêm, dễ đọc và dễ thuyết phục hơn. Cổ sử Việt Nam còn ghi lại trên sử đồng Đông Sơn. Cổ sử Việt Nam do tôi khám phá ra có thể dùng làm kim chỉ nam để đọc cổ sử các tộc

cùng theo đạo mặt trời với chúng ta như Ai cập, Aztec, Maya... tôi gọi là Đế Quốc mặt Trời. Ví dụ cổ sử Ai Cập cũng có những hình bóng tương ứng với Đế Minh, Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng vương... Hiện nay các nhà Ai cập học, Aztec học, Maya học không có kim chỉ nam của cổ sử Việt nên còn bị lạc trong mê hồn trận...

Anh có nghĩ, vấn đề trên sẽ cần có nhiều đối thoại từ những người thức giả có kiến thức chuyên biệt? và anh sẵn sàng bảo vệ những luận thuyết của mình?

Vâng, rất là cần có sự đối thoại với tất cả các thức giả cho những khám của tôi được sáng tỏ, không bị hiểu sai, hiểu nhầm, bóp méo, xuyên tạc, để được công nhận hay bác bỏ. Khám phá nào cũng cần thử thách, tu sửa và bồi đắp thêm cho toàn thiện toàn mỹ. Còn anh nói "sẵn sàng bảo vệ những luận thuyết của mình?". Dĩ nhiên những gì tôi vững tin là mình đúng tôi sẽ bảo vệ tới cùng như trong quá khứ tôi đã làm. Hãy lấy một ví dụ tôi khám phá ra Âu-cơ là Thái dương thần nữ của chúng ta. Tôi đã kiểm chứng tới kiểm chứng lui trong nhiều địa hạt giống như chẩn bệnh kiểm chứng bằng thử máu, quang tuyến, siêu âm, thử thịt (biopsy) và ngay cả sau khi bệnh nhân chết bằng cả giảo nghiệm thi (autopsy)... Khi khám phá ra Âu cơ là Thái dương thần nữ, tôi đã kiểm chứng lại như sau: Kiểm chứng số 1: dựa vào ngôn ngữ Việt: Âu phiên âm từ Việt ngữ Au là Đỏ, Cơ biến âm với Cô, có nghĩa là O, U, Mẹ, Nàng. Âu cơ là O Đỏ, U Đỏ, Mẹ Đỏ. Đỏ là tỏ là Mặt trời. Âu cơ là O, U, Mẹ Mặt trời son đỏ; kiểm chứng số 2: qua hình ngữ cổ mặt trời: O viết theo hình ngữ (hieroglyph) là Vòng tròn và đỏ là bôi đỏ, vòng tròn bôi đỏ là hình ngữ mặt trời đĩa tròn dòng nòng (nàng, nữ), bọc, Bộc, màu đỏ là màu mặt trời rực rỡ nói theo tiếng Hán Việt là thái dương; O Đỏ = vòng tròn son đỏ = mặt trời thái dương dòng Nòng; kiểm chứng số 3: qua chữ nòng nọc, Âu cơ O Lửa, U Lửa, Nàng Lửa, Nòng Lửa, O, nàng viết chữ nòng nọc là mẫu tự nòng = O, Lửa = // (hai cái que dùi lửa); Âu cơ = O + // = O//. Nếu nói theo thuật ngữ Dịch hai hào dương // là thái dương. Vậy O// là O thái dương, mẹ thái dương, nói theo Hán Việt là Thái dương thần nữ; kiểm chứng số 4: qua Dịch, Âu cơ có Âu là Ao (đầm, hồ) ứng với quẻ Chằm Đoài của Dịch O//, đọc theo chữ nòng nọc là O thái dương; kiểm chứng số 5: qua truyền thuyết, Vụ Tiên là mặt trời Nòng Nước, Thần Long là Mặt trời Nòng Gió, vợ vua Hùng là mặt trời Nòng Non vậy còn lại Âu Cơ là Mặt trời Nòng Lửa. Lửa viết bằng chữ nòng nọc là hai nọc dùi làm lửa //, nói theo thuật ngữ Dịch là thái dương, như thế Âu cơ Mặt trời nòng Lửa, Nàng Lửa

là mặt trời nòng thái dương, Nàng thái dương; kiểm chứng số 6: Lạc Long Quân là Mặt trời lặn thì Âu cơ là mặt trời mọc, Mặt trời thái dương; kiểm chứng số 7: qua truyền thuyết ví dụ ở làng Diềm, xã Hòa Long, Yên Phong có một ngôi nghè (đền) thờ bà Nhữ Nhương quay ra vực Lở, tên chữ là vực Nhật Tảo (mặt trời buổi sớm)... Một hôm bà cắt cỏ trên đồi Quả Cảm ngẫu hứng hát câu:

Tay cầm bán nguyệt xênh xang,
Muôn vàn cây cỏ lại hàng tay ta.

Lúc đó có thuyền của vua Thủy Tề đi qua. Vua nghe câu hát có khẩu khí đế vương, vua trông lên thấy có đám mây vàng rực rỡ che đầu bà. Vua biết là người nhà trời nên xin cưới về làm vợ. Bà ưng thuận theo vua xuống vực Lở (Đặng Huy Lung, Văn Hóa Luy Lâu và KDV, NXB HNV, 1998 tr.186). Theo tôi Nhữ Nhương là Nữ Nương là O, U, Âu Nương là Âu Cơ. Âu Cơ là thái dương thần nữ nên đền thờ bà quay ra Vực Lở Nhật Tảo, mặt trời buổi sớm (vì Âu cơ là dòng Nòng, Bộc nên dù cho có là Thái dương đi nữa cũng vẫn là mặt trời đĩa tròn không có tia sáng nên là mặt trời buổi sớm chưa có tia sáng còn mang âm tính của đêm), trên đầu bà có mây hào quang màu vàng (màu vàng là màu đỏ âm), bà lấy vua Thủy Tề là hình bóng của Lạc Long quân... ta cũng thấy rõ Âu cơ là mặt trời buổi sớm đẻ ra Hùng vương Mặt trời mọc có tia sáng rạng ngời...; kiểm chứng số 8: qua trang phục cổ truyền, phụ nữ miền Bắc ngày nay còn đội cái nón mà chúng ta gọi là thúng rộng vành, đây chính là nón mặt trời biểu tượng của Âu cơ, cái quai thao thật ra phải có hai giải đỏ buông xuống hai đầu tượng trưng cho lửa mang ý nghĩa thái dương; kiểm chứng số 9: với Nhật Bản, một tộc có chung gốc Âu Lạc, Giao Việt với chúng ta, Thái dương thần nữ của Nhật Bản là hình bóng của Thái dương thần nữ Âu cơ, theo Cổ thư Nhật Bản Thái dương thần nữ Ameraterasu của họ là đời thứ sáu, Âu cơ của chúng ta cũng là đời thứ sáu dòng Nòng (theo duy âm: Nữ Thần Nang tối thượng, Nữ Thần Nông tầng lưỡng nghi, Nữ Thần Nước tầng tứ hành, Vụ Tiên, Thần Long và Âu cơ là thứ sáu); Kiểm chứng số 10: với thổ dân Nhật Hà Di Ainu (Hà Di là Di Nước liên hệ với Âu Lạc Mặt trời-nước chúng ta), người Ainu thờ Mẹ Lửa, Mẹ trời gọi là Buchi (Việt ngữ Bu là Mẹ, Chi, Gì, Di là Chời) lấy ngọn núi lửa lớn ở Nhật làm biểu tượng, người Nhật phiên âm thành Fuchi, Fuji, Phú Sĩ (sơn)... Buchi là hình bóng của Thái Dương thần nữ Âu cơ; kiểm chứng thứ 11: với Ai cập, tộc thờ mặt trời đĩa tròn tương ứng với dòng Mặt trời nước của chúng ta. Ai cập có thần Osiris có một khuôn mặt tương ứng với Lạc Long Quân, do đó vợ là Isis cũng phải có những điểm tương ứng với Âu Cơ... Isis thường đội vương miện hình mặt trời đĩa

tròn kẹp giữa hai cái sừng bò. Hai cái sừng là biểu tượng cho hai nọc nhọn tức lửa, thái dương. Vương miện của Isis chính là chữ nòng nọc O// có một nghĩa là mặt trời nòng O thái dương... và còn nhiều nữa. Kiểm chứng 11 lần đều thấy đúng, tôi vững tin mười một lần nhiều hơn. Tôi vững tin là khám phá ra Âu cơ là Thái dương thần nữ của tôi là đúng và tôi sẵn sàng bảo vệ luận thuyết của mình. Những người muốn đánh đổ khám phá này phải đánh đổ cả mười một kiểm chứng cho là sai, còn chỉ đánh đổ được một hai, hay chỉ vài chi tiết lặt vặt, không đủ...

Cũng xin nói rõ là trong quyển sách những phần tôi chưa tin chắc trăm phần trăm nhưng nhằm mục đích gợi ý cho người đi sau tìm tòi, khai phá thêm, tôi thường viết với hai chữ "phải chăng"? và "Còn cần phải kiểm chứng trên nhiều địa hạt khác để khẳng định". Đây là lòng tốt của tôi chỉ đường cho những người đi sau. Xin đừng dựa vào những chỗ này mà dùng làm luận cứ để đả phá. Cũng xin đọc thật kỹ những từ "có lẽ", "có thể"... đừng bỏ những chữ này mà nói rằng tôi khẳng định như thế này, thế kia, là một thầy thuốc mang đầu óc giảng huấn, học viện (academic), tôi luôn luôn viết với dè dặt và có kiểm chứng... Chỉ nên coi đây là một tác phẩm khai phá, mở đường. Tôi đã phải dùng mã tấu phạt cây cỏ đi vòng vo trong rừng rậm tìm đến kho tàng đã mất, có thể bằng cửa hậu, cửa hông, những người đi sau có thể dựa vào khám phá của tôi đi thẳng vào cửa chính bằng một đường ngắn và thuận tiện nhất, họ có thể dùng trực thăng đáp ngay xuống... Như đã viết trong Thay Lời Tựa "Quyển sách này vì những lý do đã nói có thể có một ít chi tiết đi lệch ra ngoài hay lầm lẫn tuy nhiên nhìn toàn diện đây là một Xuyên Phá của cổ sử Việt Nam". Tôi biết trong quyển sách nếu bới lông tìm vết sẽ tìm ra được một ít "cỏ dại". Nhưng đám cỏ dại này không làm lu mờ đi giá trị và công lao của sự khai quật. Tôi sẵn sàng chấp nhận những sai sót loại cỏ dại đó và sửa đổi nếu thấy đúng.

Anh có điều gì muốn nói với độc giả từ tác phẩm này?

Tôi chỉ xin vắn tắt là tôi đã dành một phần đời đầu tư vào tác phẩm này mục đích muốn khai quật lại kho tàng cổ sử Việt, tìm lại minh triết Mặt trời Việt, nền văn minh rạng ngời mặt trời Việt... để tìm lại lý tưởng Việt, Đạo Việt, Nguồn gốc Việt... cho các thế hệ Việt bây giờ và mai sau. Đạo Việt là chất keo thần (magic glue) dính người Việt lại một khối coi Mặt trời Việt rạng ngời lên trên hết. Hy vọng trong một tương lai gần Mặt trời Việt hừng rạng lại tỏa sáng trên quê hương Việt Nam. Mặt trời còn, người Việt-Mặt-trời còn.

Xin có vài lời chỉ dẫn. Đây có thể là một quyển sách khó đọc cho một số người. Nếu thấy khó đọc xin đọc theo cách sau đây: mỗi chương chỉ đọc phần dẫn nhập và bỏ phần giữa nhẩy xuống đọc phần tóm tắt kết luận. Phần dẫn nhập tôi thường tóm tắt lại chương trước, phần kết tóm tắt chương hiện tại và phần giữa chỉ có mục đích là giảng giải, thuyết minh. Đọc hết tác phẩm chỉ qua phần dẫn và tóm tắt mỗi chương sẽ nắm được ý tổng quát sau đó rảnh rỗi có thì giờ đọc lại cả quyển sách. Tôi đã tóm tắt quyển sách đăng trên Y Học Thường Thức số 34 tháng 7-8, 1999 nên đọc phần tóm tắt này trước. Tôi cũng đã tóm tắt quyển sử này thành một bộ slides với nhiều hình ảnh dễ hiểu, dễ nhớ. Bất cứ đoàn thể, hội đoàn, hiệp hôi, các nhóm văn học... nào muốn xem trình chiếu slides, dù bất cứ ở đâu nếu cung cấp phương tiện, tôi sẽ hoan hỉ nhận lời. Tôi đang soạn bộ slides bằng Anh ngữ để trình chiếu cho các độc giả không rành tiếng Việt...

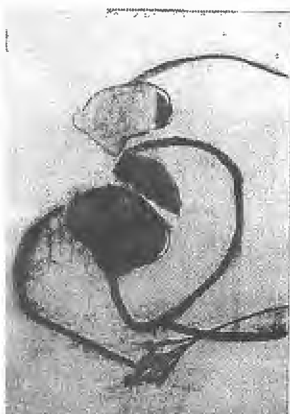
NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*





PHẠM VIỆT CƯỜNG phụ trách

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Robert Conquest nhận giải thưởng Ingersoll Prize

Một nhà nghiên cứu kỳ cựu thuộc Viện Hoover là ông Robert Conquest vừa được trao giải thưởng cao quý Ingersoll Prize về Văn Học và nhân văn.

Là chuyên gia nổi tiếng về lịch sử của Liên Bang Xô Viết trước đây, ông Conquest đã được trao giải Richard M. Weaver Award for Scholarly Letters tại một buổi lễ tổ chức tại Charlotte, N.C.. Giải thưởng ghi nhận những công trình của tác giả về vấn đề danh dự và đức lý trong xã hội. Những người được giải trước đây bao gồm Shelby Foote, Eugene Genovese, Russel Kirk và Robert Nisbet. Trong tác phẩm xuất bản gần đây nhan đề *Suy Nghĩ Về Thế Kỷ Hư Hoại (Reflections on a Ravaged Century)* do nhà W.W. Norton xuất bản, Conquest đã khảo sát bản chất, sức mạnh cũng như khuyết điểm của mô hình Xã Hội Mở và các ý thức hệ kiên trì chống lại xã hội này như chủ nghĩa Mác-xít và Xã Hội. Qua tác phẩm, ông cũng nghiên cứu trở lại vấn đề Xô Viết, sự ngộ nhận của phương Tây và sự chạm trán lâu dài của hai bên trong cuộc chiến tranh lạnh. Sau cùng ông đã kết luận bằng một tổng quan khá đầy đủ về tình hình thế giới ngày nay.

Một trong những tác phẩm đầu tiên của Conquest, *The Great Teror : A Reassessment*, được giới học thuật xem như tài liệu quan trọng nhất về những cuộc thanh trừng của Staline trước đây. Một tác phẩm nổi tiếng khác được khen ngợi là The Harvest of Sorrow.

Giải Ingersoll Prize được tổ chức Ingersoll Foundation, một bộ phận của công ty Ingersoll Milling Machine Company ở Rockford thuộc tiểu bang Illinois thành lập năm 1983.

Gunter Grass lên tiếng chống bọn tân Quốc-xã

Vào đầu năm nay, nhà văn Đức đoạt giải Nobel Văn Chương 1999 là Gunter Grass đã lên tiếng kêu gọi mọi người nên có biện pháp cứng rắn để chống lại khuynh hướng Tân-Quốc Xã. Ông nói thêm là các quốc gia dân chủ cũng phải chắc chắn làm thế nào để cho cuộc chiến đấu chống lại bọn cực đoan này sẽ không hủy diệt sự tự do của chính mình.

Bốn nhật báo Thụy Điển đã tham dự vào liên minh chống bạo lực này, cho ấn hành danh tính và hình ảnh của 62 tên bị cho là Tân Quốc Xã và thành viên của băng đảng kỳ thị; trong đó một số đã có hồ sơ tội phạm.

Nhà văn 72 tuổi lưu ý rằng có sự khác biệt giữa bọn tân Quốc-Xã ngày nay và bọn Quốc Xã ngày trước. Ông nói đùa là các phóng viên có vẻ quan tâm đến quan điểm chính trị của ông hơn là quan niệm về chuyện viết văn của ông. Trong dịp này, ông lại lên tiếng chỉ trích sự thống nhất hai nước Đức cách đây 10 năm một lần nữa. Theo ông sự thống nhất đã giúp Tây Đức chiếm đoạt tài sản của Đông Đức. Ong nói: «Cho dù bức tường Bá Linh đã sụp đổ, sự chia cách giữa Đông và Tây ngày nay, trên nhiều phương diện, còn sâu đậm hơn cả thời chiến tranh lạnh.»

Các Nhà Văn Trẻ Đừng Bỏ Cuộc!

Trên bước đầu văn nghiệp của mình, một số lớn các nhà văn nhà thơ thành danh ngày nay đã gặp không ít những sự từ chối hay đánh giá đau lòng. Đó là chuyện đương nhiên và thường tình. Người ta không ước tính được mỗi năm trên thế giới có bao nhiêu nhà văn trẻ vừa bước chân ra đời đã nản lòng bỏ cuộc trước thực tế phũ phàng của giá trị chữ nghĩa.

Bà Elaine Borish, một nhà văn ngày nay có thể được xem như đã thành công với 3 cuốn sách và nhiều bài viết đăng báo, là người từng trải qua kinh nghiệm cay đắng đó. Ban đầu bà cũng nhận được rất nhiều bức thư của các vị chủ bút và các nhà xuất bản với lời lẽ lịch sự nhẹ nhàng nhưng cứng rắn chối từ bản thảo. Rồi bà vẫn cố gắng tiếp tục viết, quen dần đi với những thất bại của mình. Nhưng chỉ mãi sau này, khi bắt đầu dạy một lớp về tiểu thuyết đầu tay của các nhà văn, bà mới thật sự nhận thức là để tác phẩm mình được in, các nhà văn nổi tiếng ngày nay đã gặp biết bao phiền toái và bao nhiêu nhà văn tài ba khác đã suýt chút nữa thì bị chìm mất trong bóng tối lãng quên.

Để động viên tinh thần của các nhà văn... sắp ra lò, và để chào mừng những nhà văn khác "không bao giờ chịu bỏ cuộc," bà vừa tung ra quyển sách nhan đề "Không Thể In Được! Các Nhà Văn Bị Chối Từ, Từ Jane Austen cho đến Zan Grey"

Quyển sách ghi nhận lại những đánh giá sai lầm về 33 nhà văn nổi tiếng ngày nay. Như chuyện nhà XB Charles Scribner đã phê quyển *This Side of Paradise* của Scott Fitzgerald là *thiếu giá trị văn chương.*" Hay như nhà XB Faber and Faber đã cảnh cáo George Orwell là điều mà tác phẩm *Animal Farm* cần "không phải nhiều chủ nghĩa cộng sản hơn, mà là nhiều chú heo có tinh thần tập thể hơn."

Bà Boris là một nhà văn Mỹ, hiện sống ở Luân Đôn, dạy đại học Northeastern ở Boston và Morley College ở Luân Đôn. Các giảng khóa của bà chuyên tập trung vào dòng văn học thế kỷ 19 và đầu 20. Một thí dụ gần đây nhất là quyển *A River Runs Through It* của Norman Maclean. Trước khi được Robert Redford dựng thành phim, đã có ba nhà XB từ chối in quyển sách. Sau cùng nhà XB Chicago Press đã nhận ấn hành và quyển sách đã bán được 683.000 quyển.

Viết văn hay có thể là cách trả thù tốt nhất của các nhà văn bước đầu lận đận vậy.

Văn Học Không Có Biên Cương

Lần đầu tiên lằn ranh thù nghịch giữa Do Thái và Palestine được xóa mờ. Theo một kế hoạch do Bộ Trưởng giáo dục Do Thái thuộc cánh tả đưa ra mới đây, lần đầu tiên các tác phẩm văn học Palestine, bao gồm các tác phẩm của các nhà văn quốc gia, sẽ được đưa vào chương trình các lớp trung học tại Do Thái.

Một viên chức thanh tra bộ giáo dục Do Thái cho biết : «Dự định của kế hoạch này là để tìm hiểu thêm về người láng giềng của

chúng ta.» Ong nói thêm: «Muốn đạt đến hòa bình, chúng tôi phải hiểu biết lẫn nhau.»

Vào ngày 1-3-2000, Bộ trưởng Giáo Dục Do thái Yossi Sarid, lãnh đạo đảng cánh tả Meretz, đã đề nghị một chương trình giáo dục mới, trong đó phần văn học đa-văn-hóa, ngoài các tác phẩm Palestine, cũng sẽ bao gồm nhiều tác phẩm của các nhà văn Ả Rập và Do Thái có gốc gác thuộc các nước nói tiếng Ả-rập hơn.

Bộ Giáo Dục đã chọn ba bài thơ của nhà thơ Palestine nổi tiếng Mahmoud Darwish để đưa vào chương trình học. Trước đây nhà thơ Darwish đã bị chính quyền Do Thái bỏ tù nhiều lần vì các hoạt động chính trị trước khi phải sống lưu vong suốt 26 năm, cho đến khi ông trở lại West Bank năm 1996.

Ong Darwish, 58 tuổi, mô tả quyết định của Bộ trưởng Giáo Dục Do Thái như «một bước tích cực tiến đến việc hiểu biết lẫn nhau. »

Một bài thơ của Darwish mà có lẽ học sinh Do thái sẽ học là bài « Thơ Gửi Mẹ,» mà thi sĩ đã viết trong nhà tù Do Thái vào năm 1964.

Không biết đến bao giờ thì tác phẩm của các nhà văn hải ngoại như «Mùa Hè, Một Nơi Khác,» « Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu,» «Cây Gậy Làm Mưa ».... hay thơ của Khế Iêm, Chân Phương, Thường Quán .... được đưa vào chương trình quốc văn của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam !

Những Kafka khác....

Tên tuổi của Kafka không còn xa lạ với văn học thế giới. Nhưng có điều là nhiều khi chính các hậu duệ ruột thịt của ông lại không hẳn nhận biết nhau, nếu như không có văn học.

Nhà văn Kimberley Kafka chỉ biết mình có bà con với đại văn hào khi cô đã lên bậc đại học. Tuy nhiên, một nhà văn đương thời khác là Paul Kafka, thì đã được nghe nói đến chuyện này từ thơ ấu.

Paul Kafka, 40 tuổi, nhà văn và phê bình sách free-lance, hiện sống ở Somerville, tiểu bang Massachussettes, cho biết cha ruột ông là một nhà phân tâm học người Áo và ông đã rất ngạc nhiên khi biết đến mối liên hệ này. Ong nội của Paul chỉ là một anh em họ xa.... đại bác bắn không tới, chứ không có liên hệ gần với nhà văn quá cố như Kimberley. Ông nội cô này là anh em họ gần nhất của Franz Kafka và có lẽ ông đã là nhân vật mẫu cho tiểu thuyết nổi tiếng «Amerika.»

Nhà văn trẻ Paul nói thêm là điều tốt đẹp nhất về cái tên là độc giả của Kafka có mặt ở bất cứ nơi nào. Những tác phẩm mang tính sáng

tạo cao độ của nhà văn đã được đọc rộng rãi đến mức không ngờ. Ong kể chuyện có lần ông vào một vũ trường, nhân viên gát cửa đã nhìn thẻ căn cước ông rồi hỏi: «Kafka hả ? Có liên hệ gì không?» Ong nói, nghe hỏi như vậy ở ngoài đường còn thú hơn nghe từ miệng một ông gíao sư đại học.

Paul Kafka đã in một tiểu thuyết nhan đề «Love : Enter.» Mặc dù thán phục các tác phẩm của «ông» Kafka nhưng Paul lại thích các nhà văn khác hơn, trong đó có Virginia Woolf, Cynthia Ozick và Elmore Leonard.

Sau cùng, còn một quyển sách khác mà ông cũng đang nôn nóng muốn đọc. Đó là tiểu thuyết sắp in «True North» của cô-nhà-văn-bà-con Kimberley Kafka. Chỉ mãi đến khi nhìn thấy tin trên tờ Publishers Weekly ông mới biết đến quyển sách. Và trước đây chưa bao giờ ông nghe đến tên Kimberley Kafka cả.

«The Beach» của Alex Garland Thành Phim

Nhà văn trẻ tuổi đang lên Alex Garland vừa có thêm cơ hội để trở nên lừng lẩy hơn. Quyển tiểu thuyết đầu tay «The Beach» của chàng vừa được quay thành phim và trình chiếu khắp nơi. Nhân vật chính là cậu Richard tánh tình phiền toái lãng đãng, do tài tử trẻ đẹp trai của cơn bão « Titanic » trước kia, thần tượng của các thiếu nữ trên thế giới, là Leonardo DiCaprio đóng. Theo đạo lý trong quyển tiểu thuyết phiêu lưu lẫn lộn triết lý của Garland thì Richard là một gã có khả năng làm ô uế tất cả những thiên đường mà hắn bước vào.

Quyển tiểu thuyết đầy bạo động, thực hư lẫn lộn này thật ra chỉ đáng để nằm đọc ở bãi biển. Dù kịch bản phim đã được John Hodge viết lại cho vui tươi và sáng sủa hơn chút ít nhưng sự nặng nề vẫn còn nhiều trên tâm trí người xem phim. Ngoài ra các đoạn nhại theo quyển Lord of the Flies cả trong truyện và phim khá rõ nét. Nhất là có những đoạn phim quá gần với các phim *The Deer Hunter* và *Apocalypse Now*. Những cảnh biển trời tuyệt đẹp trong phim « The Beach » chắc chắn sẽ làm tăng thêm số khách du lịch trên thế giới đến thăm viếng Thái Lan.

Đừng Gọi Tôi Là «Nhà Văn Da Màu»

Phải xác định lại cách gọi những nhà văn gốc thiểu số, đó là

điều mà nhà văn Mỹ gốc Á nổi tiếng Amy Tan mới đây đòi hỏi. Tác giả quyển «The Joy Luck Club» viết: «Người Trung quốc cứ luôn bị đề cập như người da vàng, cái màu sắc gắn liền với sự hèn nhát, bệnh vàng da, chuối, chú vịt Ping.... »

Nhà văn nữ đề nghị không nên gọi các nhà văn gốc thiểu số là «nhà văn da màu» (writer of color). Bà nhắc đến một từ khác, đó là «nhà văn đầy màu sắc,» tên gọi có vẻ đề cập nhiều đến chính tác phẩm hơn. Hoặc gọi là «nhà văn của các khẩu vị khác,» bởi vì, bà giải thích «nấu ăn có lẻ là cách chỉ thị sự khác biệt trong các «gu» về văn học gần sát hơn màu da nhiều. »

Theo Amy Tan, cách gọi «nhà văn da màu» là một cách gọi có tính cách loại trừ. Bà nói, «Quý bạn không phải là một thành viên nếu màu da của bạn quá xanh xao, cũng như nếu bạn là nhà văn Mỹ gốc Armenia hoặc là người đồng tính luyến ái hoặc là một phụ nữ. »

Những điều nói trên được Amy Tan đề cập trong bài viết của bà đăng trong tuyển tập chung nhiều người nhan đề «Out Of The Mold». Tuyển tập này do Jill Perlstein chủ biên, quy tụ 34 người viết có đầu óc độc lập, từ David Guterson (tác giả tiểu thuyết *Snow Falling on Cedar*, hiện đang là một phim ăn khách đang trình chiếu ở các rạp) cho đến Anne Lamott (*Bird By Bird*). Quyển sách do Hiệp Hội Các Nhà Sách Hoa Kỳ (American Booksellers Association) ấn hành để chào mừng và tìm cách đẩy mạnh các nhà sách độc lập – những nhà sách đang bị những người khổng lồ tầm cỡ Barnes&Nobles đe dọa.

Cũng trong bài viết của bà, Amy Tan chỉ trích sự «phân hóa văn học» và thái độ phổ biến trong các trường đại học, thường cho rằng các nhà văn thiểu số phải phục vụ các mục tiêu cao cả hơn. Bà giận dữ đặt câu hỏi như sau: «Nếu bạn là người Mỹ gốc Á thì bạn phải viết về các nhân vật hiện đại, tiến bộ, không được quay lại với những ngày xưa cũ xấu xa của mình. Còn nếu bạn là nhà văn Mỹ gốc Phi Châu, bạn phải viết về áp bức và kỳ thị chủng tộc. Nhưng bạn là ai để đặt câu hỏi về các sự ủy thác này nếu bạn không phải là thành viên của nhóm thiểu số đặc biệt đó? »

PHẠM VIỆT CƯỜNG *phụ trách*



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA, Huỳnh Hữu Ủy, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 13MK.

Huỳnh Hữu Ủy được biết đến như một nhà phê bình hội họa từ những năm ông còn rất trẻ, mười tám, đôi mươi. Qua nhiều thập niên, ông vẫn trung thành với đường hướng đã chọn buổi đầu cầm bút. Gần đây, độc giả có dịp biết thêm một khả năng mới ở Huỳnh Hữu Ủy: những nhận xét của ông về các nhân vật văn học cũng rất sắc bén.

Tác phẩm chia làm ba phần:

1) Ba khuôn mặt kỳ lạ của nền văn học đương đại: Bùi Giáng, Đỗ Long Vân, Nguyễn Đức Sơn.

2) Mấy chân dung hội họa và vài câu chuyện tản mạn về nghệ thuật tạo hình: Đinh Cường, Nghiêu Đề; Vài bóng dáng ngựa trong nghệ thuật tạo hình thế giới; Vài di vật về ngựa trong nghệ thuật cổ đại Trung Hoa; Đôi nét tinh túy của nghệ thuật Nhật Bản; Xem tranh Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp; Màu sắc dân tộc qua hội họa Bé Ký; Salvador Dali: thế giới hoang tưởng qua một cách nhìn nghệ thuật; Khỏa thân phụ nữ và nghệ thuật tạo hình; Marc Chagall: thế giới bay

bổng của những giấc mơ.

3) Thảo luận bên giá vẽ: Mấy câu hỏi với họa sĩ Phan Nguyên; Một số vấn đề chung quan giá vẽ với họa sĩ Trịnh Cung; Khánh Trường: từ figurative đến abstract, tại sao?; Nói chuyện với họa sĩ Rừng: hành trình bốn mươi năm đến với nghệ thuật.

Đây là một tác phẩm nghiêm túc, xứng đáng tìm đọc, xứng đáng lưu giữ trong mọi tủ sách gia đình.

CHUYỆN KINH THÁNH, Pearl Buck, Nguyễn Ước chuyển ngữ, Nguồn Sống xuất bản. Giá 30 Gia kim, 20MK. Liên lạc: Hoàng Lê Hiền, 1986 Eglinton Ave. West, Toronto, Canada.

Peart Buck trải qua thời thơ ấu ở Trung Hoa, sau đó, quay lại giảng dạy ở Đại học Nam Kinh. Khởi đầu văn nghiệp và thành danh qua các tác phẩm lấy bối cảnh và nhân vật Trung Quốc nửa đầu thế kỷ 20. Bà thường xuyên tiếp cận với lối sống đạo và kinh sách của nhiều tôn giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa. Kitô giáo cũng được bà nhìn như một tôn giáp phương Đông. P. Buck từng được giải Pulitzer và Nobel văn chương.

Giới thiệu tác phẩm này của mình, P. Buck viết: "Có thể đọc Kinh Thánh, cả Cựu Ước & Tân Ước theo nhiều cách. Đó là lời giảng dạy thiêng liêng, hoặc một tác phẩm văn chương thuần khiết nhất, hoặc một bản tóm tắt sự hiểu biết về bản chất con người trong khổ đau, phấn đấu và hân hoan."

P. Buck kể *chuyện Kinh Thánh* chứ không viết lại Kinh Thánh... Dưới ngòi bút sinh động của bà, các chuyện kể vừa chuyên chở được bản thông điệp tâm linh, vừa giữ được tích cách chính thống trong phạm vi qui điển, đồng thời tạo được nhịp cầu giao cảm giữa độc giả ngày nay với tâm tình nhân vật và các sự kiện lịch sử hàng ngàn năm trước.

CÁC VUA CUỐI NHÀ NGUYỄN, tập II & III, Vũ Ngự Chiêu, Văn Hóa xuất bản. Giá mỗi tập 18MK. Liên lạc: Hoàng Đỗ, Văn Hóa Publishing & Distributing, 1005 St Emanuel, # 205, Houston, TX 77003.

Đây làphần 2 của bộ sử mang cùng tên, với các chương:

Chương VII: Một nước hai vua: Hàm Nghi (1884-1888) & Đồng Khánh (1885-1889)

Chương VIII: Thành Thái (1889-1907): vua "cách mạng" & "người tổng hợp tật tội Đông Tây".

Chương IX: Duy Tân (1907-1916: Vua "làm loạn".

Chương X: Khải Định (1916-1925): Quân chủ lập hiến kiểu Pháp.

Chương XI: Vua cuối nhà Nguyễn: Bảo Đại (1926-1945).
Chương XII: "Nước Pháp thiếu may mắn".
Kết luận: Thiên mệnh đại Pháp: Một chương sử buồn.

Bộ sử vạch trần nhiều sự thực lịch sử xuyên qua một số tư liệu tác giả đã khổ công sưu tầm được, khiến người đọc không khỏi bàng hoàng, kinh ngạc, bởi nhiều sự kiện ngược hẳn với những điều chúng ta từng được học từ ấu thơ, về một số những ông vua của triều Nguyễn.

THUỞ BAN ĐẦU, Giáo sư tiến sĩ Dương Thiệu Tống, nhà xuất bản Trẻ. Việt Nam. Giá 21.600& VN.

Cuốn hồi ký ghi lại những buồn vui thăng trầm của một người trọn đời sống chết, thủy chung với nghề giáo, từ trung học đến đại học, qua bao nhiêu bão táp, phong ba của thời thế. Tác giả tâm sự: "viết Tự Truyện là một hoạt động giáo dục đối với bản thân, một sự kiểm điểm trung thực với chính mình, tuy có lẽ chưa phải là một sự kiểm điểm tổng kết, một sự vận động trí óc cho tâm hồn mình trẻ lại, đồng thời cũng là một thỏa mãn nhu cầu được trao đổi, vì giáo dục cũng chính là một hoạt động hai chiều: "trao đổi" những kinh nghiệm, những kiến thức, tình cảm giữa thầy và trò."

CÁC VẤN ĐỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI CHĂM, tiểu luận, phê bình, nghiên cứu, Inrabara, nhà xuất bản Văn Hóa Dân Tộc.

Đức tính của phụ nữ Chăm, nét đẹp của hoa văn thổ cẩm Chăm, sự giàu sang của văn chương Chăm với những sắc thái đặc thù Chăm được làm nổi bật. Vấn đề chế độ mẫu hệ, hôn nhân Việt-Chăm, ngôn ngữ, chữ viết, kinh tế, đời sống Chăm, vấn đề sưu tầm, nghiên cứu và sáng tác... được đưa ra ánh sáng để phân tích, mổ xẻ, bình luận đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi riêng và chung.

THƠ LÝ LAN- LÊ THỊ LƯƠNG - THANH NGUYÊN, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh. Giá 15.000$VN.

Tình yêu, tình bạn, những sinh hoạt bình thường hàng ngày đã được ba tác giả này đưa vào thơ bằng chất giọng hồn hậu, giản dị, đôi khi phảng phất chút hơi hướng tiền chiến.

NHỮNG BÀI THƠ CHO THỜI GIAN, Trầm Vương, nhà xuất bản Trẻ. Giá 8.000$VN.

Thi tập được xuất bản có lẽ do bạn bè hoặc người thân của tác giả. Sinh năm 1953, tự tìm đến cái chết vào năm tròn hai mươi tuổi, Người con gái mang tên Trầm Vương đã để lại nhiều ấn tượng khó

quên cho những thanh niên của Đà Lạt một thời.

Thơ Trầm Vương không mới, ngôn ngữ thơ đôi khi sáo, cũ, cliché, nhưng đã tạo cảm xúc mạnh ở người đọc, vì bàng bạc trong từng con chữ, ở mỗi dòng thơ, là nỗi sầu thảm khôn nguôi khởi nguồn từ một tình yêu chia lìa, gãy, vỡ. *"Chiêm bao cũng gọi là đời / ta đây đàn lạc tự thời xa nhau."*

HÀNH HƯƠNG EM, thơ Inrasara, nhà xuất bản Trẻ, giá 12.000$VN.

Giới thiệu về mình: Tôi, đứa con của ngọn gió lang thang cánh đồng miền Trung nhỏ hẹp / Đứa con của nắng lửa bốn mùa cát trắng hanh hao / Đứa con của biển khơi trùng trùng bão thét / Và của đôi mắt tháp Chàm mất ngủ xanh xao. Giới thiệu về thơ của mình: Cám dỗ bởi cái nhìn rất cổ điển, tôi bước theo ngươ i thiếu phụ có dáng đi của loài chim sa mạc hai mươi năm rồi tôi chưa dùng nổi bước mộng du.

Hành Hương Em mang nỗi hoài cố một vàng son xưa, đã chìm khuất, suy tàn qua thời gian. Thơ hay, mới, và buồn. *"Người xưa xa không trở lại nữa rồi / Tháp miệt mài đứng đợi / sáng trưa chiều tối, sáng trưa chiều / Tháp lạnh."*

NÚI CAO MÂY PHỦ, Trần Thị Nim, tiểu thuyết danh nhân Việt Nam. Bìa Phạm Văn Hạng. Nhà xuất bản Cà Mau. Giá 30.000$VN

Viết phỏng theo cuộc đời nhà văn hóa Trương Vĩnh Ký. Đó là một cuộc đời nhiều thăng trầm, trải qua nhiều biến cố lịch sử, vinh và nhục ông đều nếm trải, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào ông cũng cố đem hết sức mình để kiến tạo nền văn hóa nước nhà. Sự nghiệp lớn nhất của ông là truyền bá chữ Quốc ngữ, viết sách dạy vần đầu tiên... Ngoài ra ông còn viết hơn 120 đầu sách về các chuyên đề. ông là người VN duy nhất từ xưa đến nay được thế giới phong "thập bát văn hào". Tài năng như thế, sự nghiệp lớn lao nhường ấy nhưng cuộc đời ông không được danh tiếng trọn vẹn. Tại sao, vì đâu, bởi do ai...? Cuốn sách sẽ trả lời những câu hỏi ấy.

ĐI HỌC, truyện dài Phan Triều Hải, bìa, minh họa Lê Ký Thương. Nhà xuất bản trẻ tái bản lần thứ nhất. Giá 14.000$VN.

Phan Triêu Hải là một trong vài nhà văn trẻ được chú ý nhiều nhất trong thập niên qua.

Đây là tác phẩm thứ năm của anh, sau *Vào Đời, Những Linh Hồn Lạc, Quán Bò Rừng & Có Một Người Nằm Trên Mái Nhà.*

Cuốn sách thuật lại quảng thời gian du học tại thành phố Iowa,

Hoa Kỳ, với những buồn vui, những quan hệ của tác giả với bạn bè VN, bạn bè Mỹ, cùng cảnh thổ, con người, văn hoá, tập quán Mỹ qua mắt nhìn và suy nghĩ của mình.

ĐẠO GIÁO VÀ CÁC TÔN GIÁO TRUNG QUỐC, Henri Maspero, bản dịch Lê Diên, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Giá 67.000$VN.

H. Maspero là nhà Đông Phương học nổi tiếng của Pháp. Cuốn sách của ông đem lại cho người đọc một cái nhìn bao quát và đầy đủ về các tôn giáo Trung Quốc.

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN CHÂU MỸ LA TINH, bìa Văn Sáng, nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Giá 100.000$VN.

Tuyển tập dày gần 1,000 trang, sáng tác của các nhà văn Châu Mỹ La Tinh, gồm các nước: Achentina; Braxin, Chi Lê, Colombia, Cu Ba, Ecuadô, Goatêmala, Haiti, Mêhicô, Ncaragoa, Sanvado, UrugoayVênêzuêla.

Chúng ta đều đã biết Châu Mỹ La Tinh có một nền văn chương vô cùng phong phú và tràn đầy sinh lực, là vùng đất sản sinh ra rất nhiều nhà văn tên tuổi lừng lẫy.

Tuyển tập là một công trình dịch thuật nghiêm túc, giúp người đọc có được một kiến thức cơ bản về một nền văn chương tiêu biểu của nhân loại.

LA SƠN YÊN HỒ HOÀNG XUÂN HÃN , nhà xuất bản Giáo Dục.

Khổ lớn, bìa dày, có bìa phụ bọc ngoài, gồm ba tập, mỗi tập ngót 1,500 trang.

Tập một: Con người & trước tác (phần I), tập hai: Trước tác: phần II: Lịch sử. Tập ba: phần III: trước tác: văn học.

Một công trình công phu, giá trị, giới thiệu cuộc đời và gần như toàn bộ trước tác của học giả Hoàng Xuân Hãn.

Đây là bộ sách rất cần có trong mọi tủ sách gia đình.

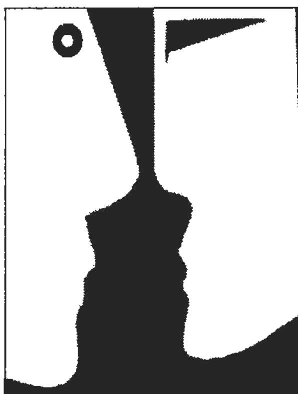
NĂM BÀI GIẢNG VỀ THỂ LOẠI: Kí, Bi kịch; Trường ca; Anh hùng ca; Tiểu thuyết, Hoàng Ngọc Hiến, nhà xuất bản Giáo Dục.

Cuốn sách đã được Hội đồng Khoa học chuyên ngành của Bộ Văn hóa - Thông tin xét duyệt làm tài liệu học tập trong các trường Văn hóa- Nghệ thuật.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu và độc giả



THƯ VĂN HỮU

Về trí thức:

Tùy định nghĩa.

1. Trí thức là người làm việc đầu óc.

2. Trí thức là kẻ có công trình tư duy sâu sắc

3. Trí thức là giai cấp lo những chức năng thượng tầng (superstructure), tức là triết lý, tư tưởng, etc

1. Trí thức là người làm việc đầu óc. Không có vấn đề gì cả, đời nào cũng có anh lao động chân tay, và chị lao tác chất xám, ấy là chuyện ngành nghề tư nhiên. Xã hội nói chung càng lúc sẽ phải sinh hoạt với nhiều chất xám hơn thời trước.

2. Kẻ trí thức loại này thì cũng không mấy ai. Pháp là Sartre, De Beauvoire, Raymond Aaron, Camus, Barthes, ở Anh là Issacc Berlin, Bertrand Russell, Mỹ là Durrell, Susan Sontag etc. Việt có Trần Đức Thảo... Không mấy ai dám chống mấy anh này. Cãi với họ thì được, nhưng mà cũng khó, phải có công trình đáp lại.

3. Định nghĩa có phân định giai cấp này là của giới khuynh Mác. Chỉ có những anh độc tài Phát xít và Maoít, với xít-ta-lin-nít mới có

lập trường rõ ràng bài giai cấp này đến nơi đến chốn. Nhưng cũng chỉ là giai đoạn.

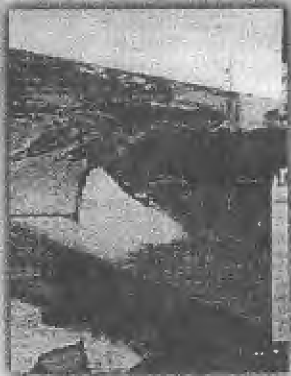
Việt Nam ta suốt quá trình đánh chống ngoại xâm không thấy chống kẻ sĩ, chống trí thức. Ngay cả hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến là trí thức: Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp. Tới lúc xong việc vì ham Xít ta Lin và Mao thì mới đánh trí thức dân tộc (Nhân Văn.)

Kết luận dân tộc ta có truyền thống phản chống trí thức thiếu luận cứ lẫn bằng chứng.

Mà tại sao NHQ phải nói cho dông dài, dùng những đề từ rất lớn rất nổ rất bạo, chỉ để mà đập một cá nhân là anh Hoàng Ngọc Hiến. Điều đó quả là lạ.

THƯỜNG QUÁN

HOÀNG MAI ĐẠT



GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG

Tạp ghi



VĂN NGHỆ

Cái mới của tác phẩm Hoàng Mai Đạt là tâm trạng của một lớp người trẻ trước những đổi thay lớn lao đang diễn ra ở mọi nơi, là cảm giác cô đơn trong một thế giới mênh mông không thuộc về mình. Một tập tạp ghi nhân một chuyến về quê, nhưng cũng là một câu hỏi lớn.

Nhà văn
Nguyễn Mộng Giác

Với lối hành văn thong thả — đôi lúc rề rà — và trầm tĩnh — đôi lúc nguội lạnh — Hoàng Mai Đạt đã làm tôi khi thì ứa nước mắt, khi thì bật cười một mình. Đến với một đề tài nhiều cảm xúc như về Việt Nam, Hoàng Mai Đạt tránh được cái sướt mướt mà vẫn giữ được cái cảm động. Bởi chăng vì anh có khả năng tự trào, tự chế nhạo, tự cười lấy mình.

Họa sĩ, nhà văn **Võ Đình**

Quả thật, rất hiếm khi tôi đọc một tác phẩm văn học bằng tất cả sự rung động của trái tim, như đã, với Giữa Hai Miền Mưa Nắng của Hoàng Mai Đạt.

Họa sĩ, nhà văn **Khánh Trường**

Không cần những suy tư và triết lý sâu xa, tạp ghi của Hoàng Mai Đạt đem chúng ta trở lại đời sống với những ánh mắt và nụ cười, những chia sẻ và chịu đựng, những khổ đau và hy sinh, những thiết tha và hy vọng... vốn là những chất liệu muôn đời của một cuộc sống có ý nghĩa.

Nhà phê bình Bùi **Vĩnh Phúc**



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

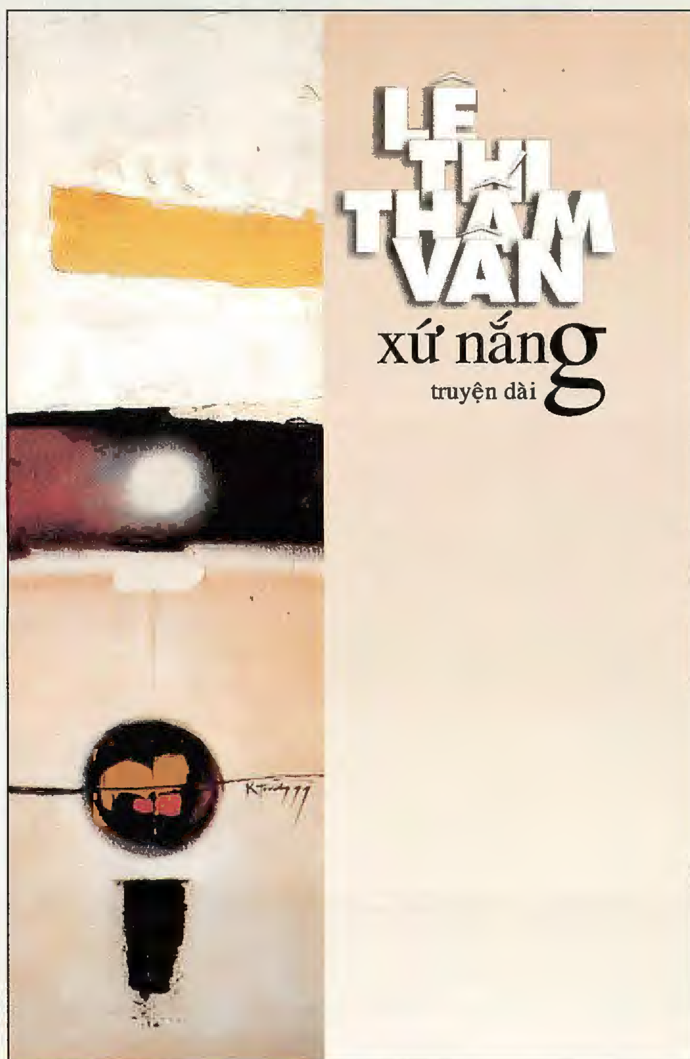
Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



Liên lạc với tác giả
P.O.Box 360923
Milpitas, CA 95035. USA

52 Giá 8MK